



VĂN HOÁ VIỆT NAM

số bảy mươi tám o mùa thu 2017

- 1 0 MỤC LỤC
- 2 0 THƯ TOÀ SOẠN * VHVN
- 4 0 SỐ TAY VĂN HỌC: 0 XE LỬA... 0 ĐỒNG SỮA.... .. * GS Đoàn Xuân Thu
0 LẠI NAO NỨC NHỮNG KỶ NIỆM, ... * Trần Bang Thạch
- 16 0 BÀI HÀNH TÁM MƯƠI (thơ) * Huy Lực Bùi Tiên Khôi
- 19 0 TUẤN (tâm bút) * GS Nguyễn Văn Trường
- 30 0 GÌN VÀNG GIỮ NGỌC CHO TIẾNG VIỆT TRUYỀN THỐNG
TẠI HẢI NGOẠI (bài thuyết trình chủ đề) * GS Đàm Trung Pháp
- 34 0 CÁO LỖI CỦA BBT * VHVN
- 35 0 MỘT TRANG THỦ BÚT CỦA THI SI
VŨ HOÀNG CHƯÔNG (chuyện văn chương) * GS Từ Mai Trần Huy Bích
- 49 0 CUỘC KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRUNG
(nam quốc sơn hà nam đế cư) * GS Tạ Quốc Tuấn
- 76 0 LỜI HỊCH TRÔNG ĐỒNG 0 TIẾNG SÓNG BIỂN ĐÔNG
(nam quốc sơn hà nam đế cư) * Lưu Nguyễn Từ Thức
- 79 0 THỈ RA... (truyện) * Đào Anh Dũng
- 81 0 NHẬT NHOÀ CHIỀU TRONG MÂY SƯƠNG THU 0 ĐỒNG SÔNG
TRÔI 0 ANH KHÔNG HIỂU VÌ SAO ANH NHỚ EM (thơ) * Trần Văn Lệ
- 84 0 RẤT GẦN MÀ CŨNG RẤT XA (truyện) * Hoài Ziang Duy
- 91 0 BẾN CŨ (tâm bút) * Trần Bá Xứ
- 95 0 QUY Y PHẬT, QUY Y PHÁP, ... (chuyện ngôn ngữ) * Thầy đồ Đỗ Chiểu Đức
- 98 0 TÔ CANH CẢI TRỜI (quê hương trong trí nhớ) * L. T. Nguyễn Phước Trang
- 101 0 NGẬM NGÙI 0 HƯƠNG XƯA LẶNG MẶN (thơ) * Diễm Phương
- 102 0 NHỮNG MƠ ƯỚC CỦA VỢ TÔI (quanh cuộc sống chúng ta) * Lê Cận Thơ
- 112 0 NGƯỜI ĐÀN BÀ KHỐN KHỔ (truyện phóng tác) * Trần Hồng Văn
- 125 0 THƯ GỎI TÁC GIẢ TẬP BÚT KÝ QHXMNN (đọc sách) * Gs Dương Hồng Đức
- 127 0 MƯA VẼN CÒN ROI (truyện) * Kiều Mộng Hà
- 138 0 ĐÊM VƯỜN SAU (thơ) * Trần Hoài Thu
- 139 0 TỬ SƠN - 1945 - KHỞI ĐẦU CUỘC ĐỜI TẢN CŨ
(quê hương trong trí nhớ) * GS Nguyễn Như Hùng
- 146 0 NÚM RUỘT NGHĨA TÌNH (truyện) * Ngọc Ánh
- 151 0 NHÂN QUẢ BÁO ỨNG (văn học chữ nôm) * GS Nguyễn Văn Sâm
- 166 0 DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN ỨNG HỘ TẬP CHÍ * VHVN
- 167 0 LƯU BÌNH PHÚ (văn học chữ nôm) * GS Lê Văn Đặng
- 180 0 PHẦN ƯU CỤ ÔNG HUỖNH TRẠNG TỪ TRẦN... * VHVN
- 181 0 CÁO PHÓ & PHẦN ƯU CHÁU TRẦN NGỌC BẢO NGÂN TỪ TRẦN * VHVN
- 182 - 184 0 GIỚI THIỆU CƠ SỞ ỨNG HỘ TẬP CHÍ VHVN... * VHVN



THƯ TOÀ SOẠN

Tạp chí Văn Hoá Việt Nam số 78 đã vào mùa Thu 2017 nhưng ngoài trời như còn không khí Hè, Houston vẫn còn hầm hập nóng.... Năm nay âm lịch nhuận 2 tháng 6, do vậy mùa Đại lễ Vu Lan (rằm tháng 7 âm lịch) rơi vào ngày 5 tháng 9 nên học sinh, sinh viên đã hăng hái trở lại trường tiếp tục cho niên học mới 2017-2018. Và, Tết Trung Thu theo phong tục người Á Đông vào đêm rằm tháng 8 cũng rơi vào ngày 4 tháng 10 dương lịch.

Bắt đầu tháng 6 nhuận và trọn tháng 7 âm lịch, cuối mỗi tuần, đặc biệt tại Houston có trên 40 ngôi chùa, tịnh xá, am, thánh thất, điện thờ... dành cho người theo đạo Phật, Cao Đài, Hoà Hảo, v.v.. hầu như nơi nào cũng tổ chức Đại lễ Vu Lan, dù ngày giờ tổ chức khác nhau nhằm tạo thuận lợi cho đồng hương Phật tử và gia đình có thể sắp xếp tham dự vào thứ bảy hay chủ nhật mỗi cuối tuần. Ngoài chương trình lễ chánh, phần đông đều có Pháp thoại hay Thuyết giảng về ngày Vu Lan, tụng kinh Báo Ân Phụ Mẫu, lễ Quy Y Tam Bảo, lễ Truyền Giới Sa Di, lễ gắn Bông Hồng Cài Áo, lễ Phóng Sanh, lễ Cúng Đường Trai Tăng, lễ cúng Cửu Huyền Thất Tổ, lễ Dâng Sớ Cầu An, Cầu Siêu, lễ cúng tiến thực các hương linh thờ tại chùa, v.v... Đây là dịp để các con cháu hiếu hạnh bày tỏ lòng thành kính biết ơn công lao sâu dày của các bậc sinh thành, hồi hướng phước báo cho cửu huyền thất tổ, ông bà cha mẹ, kẻ mất được siêu thăng, người còn được mạnh khoẻ. Những việc làm đó chính là mỗi chúng ta góp phần giữ gìn cội nguồn đạo lý, truyền thống văn hoá dân tộc để trao truyền cho các thế hệ cháu con "cây có cội, nước có nguồn", bởi vì gốc có vững thì cây mới lớn mạnh được. Nhớ trước đây thư toà soạn chúng tôi có đề nghị vào mùa Vu Lan mỗi năm, chúng ta nên lắng lòng hướng về những anh hùng tử sĩ "vị quốc vong thân", những quân dân cán chính VNCH đã hy sinh tính mạng để cho chúng ta được sống ngày hôm nay. Chúng ta cũng lắng lòng tưởng nhớ đến những đồng đội chết trong các trại tù khổ sai của CS, đồng bào đã chết trên đường vượt biên vượt biển đi tìm tự do... Chắc chắn những anh linh đó có lẽ vẫn còn lẫn khuất đâu đây, không đòi hỏi chúng ta một điều gì, nhưng chúng ta phải có bổn phận của người may mắn còn sống đối với người đã khuất. Một lời nguyện cầu. Một nén nhang thơm. Một đoá hoa bình dị. Một cử chỉ thành tâm biết ơn... nghĩ rằng trong chúng ta ai cũng làm được. Có quá đáng lắm không về một đề nghị, một yêu cầu đơn giản như thế trong cuộc sống?

Trên các phương tiện truyền thông báo chí, phát thanh, truyền hình, các hãng thông tấn đưa tin liên quan đến tình hình an ninh thế giới, trong đó "hiểm họa nguyên tử Bắc Hàn" đã gây nhiều xôn xao và bàn tán nhiều nhất. Hoà tiễn liên lục địa (intercontinental ballistic missile - viết tắt ICBM) bắn thử lần thứ nhì vào ngày 28 tháng 7. Trước đó vào ngày lễ Độc Lập 4 tháng 7 của Hoa Kỳ, Bắc Hàn đã cho bắn thử lần thứ nhất hoà tiễn liên lục địa loại Hwsong-14, tầm bắn có thể đến tiểu bang Alaska mà nhà độc tài Kim Jong Un đã "xác xược" gọi là "quà tặng ngày lễ cho dân Yankees"! Liên Hiệp Quốc thông qua nghị quyết áp đặt các biện pháp trừng phạt đối với Triều Tiên. Ngoại trưởng Hoa Kỳ Rex Tillerson vào ngày 7 tháng 8 lên tiếng cho rằng những lệnh trừng phạt mới đối với Bình Nhưỡng cho thấy quốc tế đã không còn kiên nhẫn được nữa đối với tham vọng thủ đắc vũ khí nguyên tử của Bắc Hàn.. Hoa Kỳ chỉ xem xét đàm phán với Bắc Hàn nếu như Bình Nhưỡng ngưng chương trình hoà tiễn đạn đạo.

*Hiện tình đất nước Việt Nam ngày càng bi đát hơn: Đảng cầm quyền cộng sản đã **"hèn với giặc, ác với dân"**, trong khi người dân trong nước hôm nay quá thờ ơ vô cảm khi bước chân người Trung Hoa Cộng Sản đang thực hiện trên đất nước ta từ Bắc vô Nam; và những tên "chóp bu" lãnh đạo nhà nước thì thanh trừng lẫn nhau để thực hiện theo tinh thần Hội Nghị Thành Đô năm 2000 mà chuyên mục Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư, chúng tôi có lưu lại một đoạn bài viết của nhà văn Trần Nhu: "nhìn lại lịch sử Đảng CSVN, chúng ta thấy rất rõ từ Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu, Nông Đức Mạnh đến Nguyễn Phú Trọng không có một ai có tư cách và bản lĩnh chính trị, trong họ thiếu vắng đức tính "tự tin", họ luôn luôn phải nương tựa vào một thế lực bên ngoài, khi dựa vào Liên Xô, khi thì dựa vào Tàu để tồn tại". Chính Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) lên nắm chức Tổng bí thư, tức khắc nổi lại bang giao với Trung Quốc bằng một câu nói để đời trong lịch sử: **"Tôi cũng biết rằng, dựa vào Trung Quốc là mất nước nhưng còn hơn mất đảng"**. Việc ngành giáo dục bắt học sinh Việt Nam học tiếng Hoa trong nhà trường từ bậc Tiểu học là biểu hiện sự mất nước thấy rõ.*

Tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM số 79 phát hành mùa Đông 2017 nhất định sẽ có mặt vào cuối tháng Mười Hai 2017. Bài viết cho số Bảy Mười Chín sẽ kết thúc nhận vào đầu tháng Mười Một 2017. Mời quý vị cộng tác bài vở, đón đọc và giới thiệu nhiều người cùng đọc và ủng hộ tạp chí của chúng ta. *Tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM*

SỞ TAY VĂN HỌC



ĐOÀN XUÂN THU

I

XE LỬA MỸ THO



chợ Mỹ Tho ngày cũ

Thừa Nam phần là vùng đất mới!... Nói là vùng đất mới, so với vùng đất khác là trẻ, nhưng Nam phần đã trọng tuổi, cũng khoảng 5,000 năm rồi đó.

Nam phần là Út cung của dòng Cửu Long hùng vĩ. Gọi là Út cung vì bao nhiêu phù sa mà dòng sông này ky còm mang theo từ thượng nguồn, tuốt bên Tây Tạng, năm dài chày tháng đều cho Út cung hưởng hết ráo: bằng cách bồi đắp vùng hạ lưu này.

Được vỗ béo, miền Nam trở nên màu mỡ, phồn phơ lớn như con gái tới tuổi dậy thì, cứ từ từ mỗi năm dài thêm một chút, lần dần ra phía Biển Đông.

Mùa nước nổi, nước dâng, tràn mênh mông. Mùa nước kiệt, nước rút đi, cạn quèo. Chỉ còn phù sa, con tôm, con cá ở lại trong những ao, bàu, xèo, lung để dâng hiến cho người.

Xấn quân em lội qua lung

Quần em tuột xuống anh hun chỗ nào?

Mỹ Tho, cửa ngõ của miền Nam, phù sa con sông Tiền bồi đắp vào chỗ trũng nên bà con từ từ biến ao, bàu, xèo, lung thành ruộng rẫy.

Ruộng rẫy thì cần nước vào mùa khô nên ông bà mình đào kinh dẫn nước. Vào mùa mưa, nước tràn bờ gây sạt lở để kinh biến thành sông. Để ông bà mình chèo xuống ba lá qua nhà anh chị sui ăn đám giỗ.

Để dọc theo hai bờ sông, rạch... dừa nước ken dày cho bà con mình chằm lá lợp nhà. Thiệt là nhứt cử tam tứ tiện!

Để tui nhớ hồi 7, 8 tuổi có lần theo anh về trong Ngoại rọc lá dừa khô về cho Má nhóm bếp. Mùa mưa đường đất sinh lầy nhão nhệt. Về tới nhà chun căng sinh bùn lấm lem!

Má kêu ra cầu ao sau nhà rửa căng; rồi vô má lột cam cho ăn. Tui lọ mọ xuống chiếc cầu ao. Phần gỗ chìm xuống nước lưu niên, nên rong nó mọc đầy, làm trơn trượt và tui đi luôn.

Không biết bao lâu sau, tui tỉnh dậy khi thấy mình được dựng Tư Hí, bà con lối xóm, nắm hai cái cẳng, dốc ngược đầu tui, nhẩy tung tung xốc nước. Nước tràn ra lỗ mũi, tui tỉnh. “*Thôi cho con xuống đi!*”.

“Con té ao mùa nước nổi!

Má la làng cô bác cứu con tôi.

Môi tím ngắt bà con đem xốc nước.

Trễ chút thôi là con đã đi rồi!”

Con nhớ má! Má ơi!

Sau lần chết hụt đó, về Ngoại, tui ôm bập dừa tập lội, quây nước đùng đùng, sinh nổi lên đục ngầu, mặt đừa nào cũng mọc râu hết ráo; để ông Ngoại nổi sùng, vác cây roi đánh ngựa, rượt mây thẳng cháu trai khỉ khộn, chạy té khói luôn, trong tiếng la rầy ồm tòi vọng theo sau: “*Tao đố tui bậy đó nhe!*”

Chữ rằng: Một công rầy bảy công ruộng! Làm rầy cực gấp bảy lần làm ruộng! Làm ruộng mới mặt nám da nhăn chớ làm vườn con gái má trắng nõn hồng hồng như trái mận hồng đào; anh chàng nào thấy cũng đòi cho tui chén nước mắm đường có dầm thêm trái ớt hiểm, ăn cho nó đã... cái thêm!

Còn con trai miệt vườn, phè cánh nhọn như công tử con quan vậy, vì chỉ cực mùa nắng do phải tiếp ông già Tía mình xúc sinh bồi liếp cây ăn trái!

Xong chờ cho cây ra hoa đậu quả, xách lông hái, đóng vào mấy cái tưng đệm, chở ra chợ Hàng Bông ngoài Mỹ Tho hay chợ An Đông trong Chợ Lớn bán; rồi đêm tiên, giấy bộ lư, vậy thôi!

Do đó mới có câu ca dao là:

Mẹ mong gả thiếp về vườn.

Ấn bông bí luộc dưa hường nấu canh!"

Vậy mà cách đây gần nửa thế kỷ, đi Sài Gòn học, mới xáp xáp vô 've' mấy tiểu thơ khuê các của cái đất Sài Thành; mặc quần 'xì cốt' (skirt), mặt rất 'xì trum', bên chúng chỉ SPCN (Lý Hóa Vạn Vật) của Đại học Khoa học Sài Gòn mà hồng em nào chịu tui, còn xì xâm sau lưng, gọi tui là dân 'vườn' tức dân miệt vườn.

"Ê miệt vườn có gì tệ đâu em? Nó còn có cái văn minh miệt vườn đó nhe! Hồng nghe nhà văn Sơn Nam ổng ca tụng quê tui lên tới chín tầng mây sao? "

Đầu vậy hồng có em nào chịu nghe tui thuyết phục hết ráo... để tui đưa nằng về vườn ăn bông bí luộc, dưa hường nấu canh mới chết!

Thưa! Rồi đêm nay xa quê đã chùng áy năm, bệnh lẫn của tuổi già đã bò tới bên song cửa, kỷ niệm xưa tui quên gần hết tron hết trọn rồi!

Vậy mà thầy Nguyễn Văn Nghĩa không thông cảm giùm, lại kêu tui viết một bài cho mấy em Lê Ngọc Hân, nhân sinh nhứt trường được 60 năm, tức ăn đáo tuế.

Thầy biểu tui nào dám cãi, làm tui đêm nằm không ngủ được, cứ trần trọc miết!

Quê người lưu lạc đã lâu không về khi còn VC, vậy mà ai nhắc một cái tới Mỹ Tho làm tui nhảy mũi vì tui nhớ cái quê xưa, quê cũ của mình quá đỗi.

Tui nhớ cái đất Mỹ Tho! Có những điều mà hồi xưa tui thấy tự nhiên như cơm mình ăn, nước mình uống... giờ gẫm lại... mới thấy lạ!

Chẳng hạn như: Cái đất Mỹ Tho của tui sao có quá nhiều làng, xã có tên bắt đầu bằng chữ Tân, nghĩa là mới! Như: Tân An, Tân Hương, Tân Lý Đông, Tân Lý Tây, Tân Hòa Đông, Tân Hòa Tây, Tân Hội Đông, Tân Hội Tây, Tân Đức Đông, Tân Đức Tây, Tân Phú Đông, Tân Phú Tây... và biết bao là Tân nữa.

Tại sao ông bà mình xưa khoái cái Tân quá vậy Trời?

Nghĩ ra rồi! Ông bà mình khoái đặt tên vùng đất mới là Tân vì trong tận cùng thâm tâm của những người lưu lạc, vì thời cuộc hay vì chén cơm manh áo, phải bỏ quê cha đất tổ mà đi nhưng trong lòng bao giờ cũng dầu dầu nhớ thương về quê cũ.

“Mỹ Tho đại phố”, trở thành một trong hai trung tâm thương mại sầm uất Miền Nam lúc bấy giờ (trung tâm còn lại là Cù lao Phố, Biên Hòa).

Khi “Mỹ Tho đại phố” ì xèo thì Bến Nghé chỉ mới là một khu chợ nhỏ, còn Cần Thơ hầu như chưa có gì. (Hãnh diện nhe!)

Mà vùng đất nào giàu, trù phú là thường hay bị ăn cướp. Mỹ Tho đại phố đã hai lần chịu cảnh tang thương như thế!

Lần đầu vào năm 1785, quân Xiêm theo Nguyễn Ánh tràn sang. Phố xá bị tàn phá, của cải bị cướp bóc nên Mỹ Tho đại phố trở nên tiêu điều, chỉ còn lại một đồng tro tàn. Thương nhân ở đây bỏ đi gần hết, chuyển lên làm ăn ở Sài Gòn – Bến Nghé...

Lần thứ hai vào năm 1968, Mỹ Tho đại phố lại bị tàn phá là Tết Mậu Thân.

Đã gần 50 năm rồi mà tưởng chừng như mới hôm qua. Năm ấy, trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu cuối năm trước khi học trở về nghỉ ăn Tết, mấy Thầy có cho chút đỉnh tiền “còm” để mấy “trò” viết Giai phẩm Xuân cho trường mua theò lèo cút chuột và xá xị con cộp BGI để liên hoan.

Tui có góp một bài...Viết về cái gì lâu quá nên quên mất tiêu rồi?

Chiều liên hoan, có mấy “em” bên trường Nữ Trung học Lê Ngọc Hân qua tham dự. Ôi! Con gái 17 bẻ gãy sừng trâu; huống hồ gì một chàng trai mới vừa bẻ tiếng, râu măng lún phún vài cọng trên cằm như tui là em bẻ niêm rạo rục của tui gãy nghe cái rốp!

Ngồi kể một em mặc áo dài trắng, tay raglan, vải tetron mỏng dính như cánh con chuồn chuồn mà tim mình đập thình thình như cái trống đình hôm lễ cúng kỳ yên... (*Ôi người em muôn năm cũ! Giờ em phiêu bạt đến phương nào?*)

Chỉ mười ngày sau buổi liên hoan đó là tui phải chui xuống hầm trốn; vì VC dùng cối 82 của Trung Cộng pháo kích vào trung tâm Mỹ Tho đại phở để bắt đầu trận đánh Tết Mậu Thân, dù đã hứa hẹn sẽ 3 ngày hưu chiến.

Từ Cầu Vĩ hoặc Hốc Đùn, chỉ cách trung tâm Mỹ Tho, chừng hai cây số đường chim bay, đạn súng cối 82 ly, sau tiếng “đề pa” cái bụp, là bay vo vo vào!

Trước khi tiếp đất, kêu xè xè, rồi nổ ùng oàng, phang miêng bay rào rào trên mái ngói của nhà tui số 31 đường Gia Long tức Ty Bưu Điện Mỹ Tho!

Cả nhà co rúm lại trong hầm năm, ba lớp cát, chìm sâu dưới mặt đất mà cầu Trời khẩn Phật cho đạn pháo không rớt ngay hầm...

Sáng hôm sau, con nhỏ học Lê Ngọc Hân mà tui thầm yêu trộm nhớ, đến tìm tui, méo máo khóc hu hu, nói: “*Vậy mà em tưởng Thu chết rồi chứ!*”

Con gái Mỹ Tho, dễ yêu như vậy đó! Nhưng có đũa dấm nói vì em là dân Lê Ngọc Hân nên có huông! Ai yêu em đều chết bất đắc kỳ tử như Hoàng đế Quang Trung Nguyễn Huệ vậy!

Đời tui có quá nhiều lỗi lầm. Tui ngu nhiều thứ lắm nhưng cái ngu nhứt là tui không có cưới được em nào thuộc cái đất Mỹ Tho, của cái trường Lê Ngọc Hân nức tiếng!

Mỹ Tho, tiếng Khmer, nghĩa là nàng tiên, nghĩa là người con gái đẹp. Nhứt là con gái vừa đẹp vừa học giỏi như con gái trường Nữ Trung học Lê Ngọc Hân. Con gái đẹp thì anh nào không khoái chứ?

Nhưng nào phải lỗi tại tui! Chẳng qua không có em nào Lê Ngọc Hân chịu đèn tui mới chết.

Sầu đời! Có lần tui tính bắt chước Trương Chi học thổi sáo, để tới tới đến bên khung cửa sổ nhà em mà thổi véo von coi có làm rung động trái tim son của em không? Dù anh lỡ sanh ra Trời bắt xấu; nhưng chỉ cần em mến tài thổi sáo của tui, nhỏ xuống vài giọt nước “cá sấu” buồn thương làm chén ngọc vỡ tan thì lòng tui cũng hả dạ lắm rồi.

Có lúc tui lại tính bắt chước Chử Đồng Tử, ra bờ sông Mỹ Tho, nằm tông ngồng lấy cát phủ lên để hôm nào em ‘quờn’, ra sông tắm! Nước sẽ trôi đi. Tui thấy em tô hô; em cũng thấy tui tông ngồng (không còn trong trắng nữa) và đôi ta phải vầy duyên can lệ...

Sau cùng, tuyệt vọng quá, tui đi lấy vợ. Bởi biết rằng em đã có chồng; anh về lấy vợ thế là xong. Vợ anh không đẹp bằng em lắm. Anh lấy cho anh đỡ lạnh lòng.

Thiệt là trong cơn giận dữ vì hông được em Lê Ngọc Hân nào để mắt tới, tui quyết định rất sai lầm là: “*Cưới em xứ Chắc Cà Dao. Cưới rồi mới biết như dao cắt lòng!*” Hu hu!

Ồi nữ sinh trường Lê Ngọc Hân đã làm dang dở đời tui! Đã làm tình tui như xe lửa Mỹ bung vành như Tàu Tây kia liệt máy!

Nhưng tui không giận hờn gì em cả. Chẳng qua mình số con rệp!

Nên năm nay mấy em xúm lại mừng sinh nhật trường 60 tuổi. Ăn lễ “60th Diamond” (Lễ Kim Cương) thì cứ vui đi đừng bận lòng đến một người còn lăn lóc gió sương như tui nhé!

Thưa xa quê đã quá xá là lâu! Đêm nay đốt lò hương cũ, ly rượu buồn của kẻ tha hương nhìn về phía bên kia biên, tui vẫn còn hy vọng đất nước mình ngày nào đó sẽ có tự do, hy vọng hão huyền nào đó có người con gái Mỹ Tho, con gái Lê Ngọc Hân, ngồi bên song cửa chờ chàng về dẫu má hóp da nhăn, răng đà rụng ráo!

“Mỹ Tho! Em đón anh về

Trăm thương, ngàn nhớ tư bề Mỹ Tho!”

II

DÒNG SỮA CA DAO!

Nhớ xưa khi mình thi tuyển đậu vào lớp Đệ Thất là đứa học trò nào cũng phải học môn Quốc Văn, tuần 6 giờ, nhiều như thế hạng so với mấy môn khác! (Chỉ có môn Anh Văn là dám đồng hạng mà thôi).

Quốc văn có hai phần Kim Văn và Cổ Văn.

Tui nhớ thầy Võ Văn Dung đã dạy cho đám nhỏ tui tui ca dao ngay từ đầu niên khóa.

Thầy dạy rằng: *"Ca là bài hát có chương khúc, giai điệu! Dao là bài hát ngắn, không có giai điệu, chương khúc, thường theo thể thơ lục bát cho dễ nhớ, dễ thuộc, được truyền miệng như những câu hát, lời ru con!"*

Rồi lại nhớ tới sau 75, tui đang làm thầy giáo thì bị tui nó cho về vườn, thầy giáo tháo giày, ngồi đưa võng ru con cho vợ nó đi làm, kiếm chục ký bo bo mỗi tháng.

Nhớ những câu ca dao ngày cũ, tui ru thiệt là muồi nhe! Thằng nhỏ thềm sữa mẹ, khóc lòi rùn, tiếng khóc đã khàn, rè rè như đé kêu...

Dù vậy nghe một hồi ca dao thay sữa mẹ, điệu lên trầm xuống bổng cũng buồn... rồi ngủ ngon ơ.

Tiếng ru trưa hè, mang một nỗi niềm u uất của một người sa cơ lỡ vận thất chí, vang xa... qua nhà hàng xóm để con nhỏ Chín bờ dò lảng giềng, chỉ cách một giậu mồng toi xanh rờn, nó 'cảm' ngang hông nhà thơ trong cõi nhân gian dù tui đã có vợ con đùm đê rồi.

Một hôm, em Chín bờ dò, nhân lúc vợ tui vắng nhà, thò đầu qua rú rí rú rí, rú tui cùng đi vượt biên với nó.

Mà tui lại không nở bỏ con vợ (tui) cho đành. Nên nhắn với em Chín bờ dò rằng: *"Ba đồng một mớ trâu cay! Sao em không hỏi những ngày anh còn xanh. Bây giờ anh đã banh chành. 'Mét' em thì cũng 'mét'... nhưng bỏ con anh không đành."* Vậy là em Chín bờ dò 'dọt' mình ên!

Giờ nghe nói bên Mỹ, em giàu lắm, tài sản có tới cả chục triệu đô la Mỹ... nhờ làm chủ hơn một chục cái nhà hàng chuyên bán bún mắm.

Thôi tình ta đã lỡ! Số tui chẳng được sang giàu thì đành để cho đứa khác hưởng vậy thôi. Giày dép còn có số! Tiếc con cá

sống mà chi kéo con cá còn trong rặng, tức em yêu, tức con vợ tui nó biết được tui một mặt hai lòng tham đó bỏ đặng, thấy trắng quên đèn nó xuống tay tàn độc, hạ thủ là đời tui coi như vãn hát sớm.

Thưa bây giờ thằng con tui ngày cũ đã lớn khôn, đã cưới vợ, và có con y hệt như tui ngày xưa ngày xưa vậy.

Chiều cuối năm, mang thằng cu, con nó, về gởi để hai vợ chồng đi "holiday", sau một năm cây nả thờ, ít có thời giờ cho tình ta cảm sát nên tình đã nguội ngắt, phải đi... hăm cho nó nóng.

Thằng cu vắng hơi mẹ, cứ khóc i i hoài mà em yêu tui đỡ không thêm nín.

Tui tài khôn: "*Để nó cho anh!*" Rồi bỗng thằng nhỏ ra 'ga ra' đặng sau hè, nơi tui có giăng chiếc võng.

Đặt thằng nhỏ lên, lắc qua lắc lại theo nhịp võng đưa, tui àu ơ: "*Chùng nào xe lửa Mỹ bung vành. Tàu Tây kia liệt máy anh mới đành xa em!*"

Muồi tận mạng nên thằng cu thôi khóc hu hu... mà lại ngây khò khò. Tui nghe còn buồn ngủ thì nói chi tới thằng nhỏ chớ!

Ngồi gục gặc, lim dim, tui thả hồn về quê cũ.

Quê người, tiếng Anh, tiếng Em... tui bù trất nhưng nhất định không chịu học, bởi khó quá nên đành cam phận làm cu li làm hăng với mấy cái máy chạy rầm rầm hoài.

Phân cũng vì: "Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời, người ơi. Mẹ hiền ru những câu xa vời. À à ơi! Tiếng ru muôn đời. Tiếng nước tôi. Bốn ngàn năm rờng rã buồn vui. Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi, nước ơi. Tiếng nước tôi."

"Tàu súp lê một còn trông còn đợi/ Tàu súp lê hai còn đợi còn chờ/Tàu súp lê ba tàu ra biên Bắc/Tay anh vịn song sắt, nước mắt chảy rờng rờng/Anh lấy khăn mu soa ra chặm/Cái điệu vợ chồng ngàn dặm không quên."

Khăn mu soa (mouchoir) là khăn tay dùng chặm nước mắt. Nên sau này mấy em yêu mình tin dị đoan, cứ không dám còn thêu con... 'chim' trên khăn mu soa mà tặng anh ngày tiễn biệt vì ảnh đồng luôn.

Còn súp-lê (souffler), hú còi tàu, nhắc bộ hành lẹ bước xuống làm hành khách vì tàu sắp nhỏ neo.

Câu ca dao nói lên nỗi buồn ly biệt mà cũng còn có thể là vĩnh biệt giữa đôi vợ chồng trẻ lâm vào cảnh trái ngang vì phận nghèo, không có tiền lo lót để trốn lại, phải bị bắt đi lính cho Tây trong Đệ nhất Thế chiến (1914-1918) phải xa vợ, xa con, xuống tàu đứng sau song sắt như bị ở tù, hồng khóc làm sao được?

Xúc cảm như vậy mới làm được bài thơ nào lòng, bi thiết. Rồi bài thơ đó trải qua biết bao thử thách của thời gian mới được trở thành ca dao, thành tiếng hát ru cho thân phận những người cùng khổ cũng như tui ngày cũ vậy.

Rồi hồi xưa Bến Thành là một bến sông, nơi ghe thuyền đậu tấp nập, từ Sài Gòn ra biển rồi lên cửa sông Tiền Giang, tàu ghé lại đỗ rước hành khách: Mỹ Tho, Vĩnh Long, Sa Đéc, Cái Tàu, Cao Lãnh, Hồng Ngự, Tân Châu, rồi tiếp tục lên Nam Vang.

Sau khi đã vững chân trên đất Nam Kỳ, năm 1860, Tây đã cho xây cất lại chợ Bến Thành bằng cột gạch, sườn gỗ, và lợp lá.

Đến năm 1911, Tây cất lại một chợ mới, lớn hơn do việc buôn bán ngày càng sầm uất.

Và câu ca dao: "*Mười giờ tàu lại Bến Thành/ Súp lê vội thổi bộ hành xôn xao*" có nghĩa gì?

"*Mười giờ tàu lại Bến Thành*" là tàu thủy nó cập vô bến sông tên Bến Thành. Mới cập vô mà đã vội thổi súp lê để chạy trở ra liền mà không kịp cho khách xuống mà quày quà, tách bến, quay đầu chạy trở ra sông, làm bộ hành, người đang đi trên bộ trên bến chuẩn bị xuống nhưng không được nên rất xôn xao vì sự việc rất bất ngờ.

Chẳng qua là do Sài Gòn đang có cuộc binh biến.

Lịch sử cho biết rằng: Phan Xích Long tên thật là Phan Phát Sanh (1893 -1916), căm thù giặc Pháp nên ông học cách làm lựu đạn, tự chế bom để làm vũ khí khởi nghĩa.

Nhân dân ở khắp nơi như Chợ Lớn, Thủ Dầu Một, Long An, Bến Lức, Cần Giuộc theo rất nhiều.

Khuya ngày 23 rạng ngày 24 tháng Ba, năm 1913, Phan Xích Long cho gài bom tự chế tại Dinh thự quan Thống Đốc Pháp,

Khám lớn Sài Gòn, rải truyền đơn, dán bố cáo hiệu triệu nhân dân nổi lên chống Pháp.

Không may, bom nổ trước giờ quy định vài trái, nên quân Pháp có thời giờ phòng bị, cho gỡ những quả bom còn lại, đồng thời xua quân truy tâm nghĩa quân.

Cuộc nổi dậy bất thành, Phan Xích Long chạy ra Phan Thiết thì bị bắt giải về Sài Gòn, bị xử chung thân khổ sai, giam tại Khám lớn.

Ba giờ sáng, rạng ngày 15, tháng Hai năm 1916, hằng mấy chục ghe thuyền cặp bến Cầu Ông Lãnh, nghĩa quân cầm gươm, giáo, mác xông lên đánh vào dinh quan Thống đốc Pháp để dương đông kích tây, nhưng mục tiêu chánh là: vào Khám lớn để giải thoát cho Phan Xích Long cùng chiến hữu,

Nhưng do có phòng bị trước nên Pháp phản công kịch liệt bằng súng đạn tối tân khiến nghĩa quân thua to, hầu hết đều bị Pháp bắt.

Ngày 22 tháng Hai năm 1916, Pháp xử tử Phan Xích Long. Năm đó ông mới 23 tuổi.

Do đó hai câu ca dao này ghi lại việc Tây trong cơn hoảng loạn, sợ dân mình dưới tàu khách nhảy lên tham gia cuộc binh biến nên tàu mới cặp bến, khách chưa kịp lên, là Tây nó đuổi phải chạy trở ra liền.

Chỉ hai câu lục bát ca dao mà lại là một thiên anh hùng ca, ghi lại lời vĩnh quyết của dân mình với những người tay không, chỉ có giáo mác, gậy tầm vông nhưng đầy lòng yêu nước, dám đứng lên chống lại sự đô hộ sưu cao thuế nặng của thực dân Pháp.

Ru con, ru cháu bằng ca dao, như truyền cái dòng sữa ngọt ngào của quê mẹ để sau này dầu ở quê người có học hành giỏi giang, rõ ràng danh phận, thì cũng đừng bao giờ quên quê mình vẫn còn chìm trong vòng cùng khổ.

Thưa bà con! Chiều cuối năm, nhớ nhà, nhớ nước, nhớ Sài Gòn quá đỗi!

"Ôi cố hương! xa nửa địa cầu / Nghìn trùng kỷ niệm vẫn theo nhau..."

Thì em yêu trong nhà gọi vọng ra: *"Ông nội ơi! Bông thàng nhỏ vô kéo muỗi cắn!"*

Em có xào cho ông nội một đĩa thịt bò nè, để thưởng công ru cháu"

Nghe vậy tui khoái quá Trời nhe!

Tui sẽ: "*Đêm nay ta đốt sầu lưu lạc/ Trong khói men nồng hạnh phúc xưa.*"

đoàn xuân thu.

Melbourne

TRẦN BANG THẠCH

LẠI NAO NỨC NHỮNG KỶ NIỆM, Em ở nhà rầu rĩ năm canh...

"... thì lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường...". Nhiều năm rồi, đoạn văn ấy của Thanh Tịnh hình như chẳng buông tha đầu óc tôi mỗi khi một năm học mới bắt đầu. Dĩ nhiên là cái khoảng thời gian mười mấy năm ngồi trên ghế nhà trường chắc tôi cũng có được những kỷ niệm vui buồn, tình tứ lãng mạn, đôn đầu chua xót, thất điên bát đảo... Không như vậy thì sao gọi là kỷ niệm! Nhưng những kỷ niệm ấy hãy còn quá nóng hổi trong một tuổi trẻ Việt Nam thời chiến, thời của "rót tú tài anh đi trung sĩ, em ở nhà rầu rĩ suốt năm canh...", nên chưa thấy bồi hồi, xúc cảm hay luyến tiếc nhiều bằng thời gian rời trường.

Ở thời điểm nào đó trong một mảng đời tàn úa của mình, bỗng nhận ra "*... thì lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường...*". Thời gian rời trường càng lâu thì "nỗi nhớ" những ngày xa xưa ấy hình như mỗi ngày một mới. Kỷ niệm càng lâu thì càng sâu, chắc vậy.

Hai năm liên tục, tôi đã mất cái dịp nắm tay cháu ngoại tới trường ngày đầu năm học. Năm ngoái bận đi xa. Năm nay không nghỉ việc được. Nhớ hồi mới đến Houston, chẳng biết mô tê gì hết ở cái xứ lạ hoắc lạ hươ này, vậy mà cũng làm được cái việc gọi là đưa con đi nhập học; tuy đoạn đường chỉ mấy chục thước tây, từ cửa nhà tới ngã tư chỗ dừng của chiếc xe buýt vàng. Chưa kịp nhìn "*lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây*

bàng bạc" của Thanh Tịnh thì đã tới cái ngã tư đường. Nhìn chiếc schoolbus nuốt chửng hai đứa nhỏ lòng cảm thấy chút hụt hẫng, thằng bé Thanh Tịnh trong tôi bỗng nhiên đi lạc ở đâu mất tiêu. Nhưng thôi kệ, trôi giạt đến một nơi chẳng thấy một con đường làng bằng đất thì dầu sao mình và hai con cũng có dịp nắm tay nhìn cảnh, nhìn người đang náo nức đến trường. Cảnh này cứ như vậy mà diễn ra hàng năm, vào những ngày cuối tháng 8, cho đến khi cả 3 đứa con rời trường trung học.

Đưa con nhập học mà như đưa mình về với những kỷ niệm một thời. Mỗi năm được một lần thì không nhiều nhưng đầy. Đầy niềm vui và những háo hức năm xưa của mình lung dẫn theo năm tháng cũng được "refilled".

Hôm nay là 25 tháng 8, trước giờ làm việc, tôi ngồi trong breakroom. Cái TV trước mặt vẫn chiếu những hình ảnh tự trường hôm qua. Hôm qua, ngày tu-u trường, tôi đã miễn cưỡng ngồi đây nhìn màn ảnh TV chiếu cả đoàn trẻ con ùa ra từ những chiếc buýt vàng trong sân trường. Hình ảnh này sao không thấy hay ho, có lẽ nó quá khác với hình ảnh ngày nhập học của trường làng Mỹ Lý đã khắc sâu trong trí óc tôi, một thằng bé Thanh Tịnh mấy mươi năm trước. Đồi đồi. Màn hình hiện ra trên một đoạn đường nào đó có một bé gái đi một mình, mặt buồn xo, vai mang backpack trông khá nặng. Cảnh này cũng không giống đoạn phim trong ký ức của mình rồi. Không thấy hình ảnh một phụ huynh nào nắm tay con nhìn lá rụng và nhìn mây bàng bạc trên không. Và cũng không có *"em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đến trường..."*. Vậy thì làm sao mà những học trò này về sau có được *"nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường?"*. Hay là các phụ huynh hôm nay cũng như mình, tất cả chỉ là ký ức trước cuộc sống chạy đua với thời gian và công việc? Tắt TV, vớ tờ nhật báo. Đây rồi! Mình đang có những người cùng tâm cảm về ngày nhập học. Đó là những thầy cô giáo dùng kỹ thuật hiện đại - twitter - để nói lên nỗi háo hức của mình trong ngày khai giảng đầu năm học. Thử đọc vài cái "tweets":

Từ một giáo viên thuộc trường Pin Oak Middle School, thầy J.B: *"Bây giờ là 4:44 a.m ngày 24809 - ngày đầu năm học 2009 - 10, mình không thể chờ lâu hơn nữa để bắt đầu ngày hôm nay"*.

Lúc 7:21 a.m. ban giám đốc trường tiểu học Janowski: *"Mặt trời đẹp rực rỡ khi cánh cửa trường mở rộng chào đón một năm học mới! Buổi điểm tâm đầu năm đang bắt đầu".*

Từ một thầy giáo ở trường trung học Furr, lúc 7:46 a.m. :*"Minh đến đây rất sớm để chờ đón học sinh mới. Không hiểu sao mình có chút hồi hộp trong ngày đầu năm học này... Minh thấy lâng lâng như bay bỗng dù đã có 19 năm trong nghề! Là thật!"*.

Từ một cô giáo mới ra trường, cô P. K. của trường tiểu học Klein: *"Con bé sao mà dễ thương quá! Bé cứ đứng ngoài cửa lớp, cái miệng méo xẹo. Mắt ướt mà không khóc. Sao giống mình quá vậy! Lần đó mình ước có mẹ bên cạnh. Betty, cô sẽ là mẹ của con đây".*

Hôm qua, tôi không được đưa cháu tới trường, nhưng tôi được mấy phút làm người học trò trường làng Mỹ Lý, sống hàm thụ cái nao nức những kỷ niệm của buổi tựu trường. Thực tế bây giờ có chút chua cay, nhưng những kỷ niệm thì lúc nào cũng ngọt như đường phèn.

Houston, Aug. 25th, 09

TRẦN BANG THẠCH

Sở tay VĂN HỌC kỳ này xin được dùng nơi đây. VĂN HOÁ VIỆT NAM kính xin quý anh chị Nhà Văn - Nhà Thơ - Nhà hoạt động Văn Hoá - Giáo Dục... mọi người một tay về xây dựng ngôi nhà VĂN HOÁ VIỆT NAM để mỗi ngày thêm khởi sắc. Mong lắm thay.

Huy Lực BÙI TIÊN KHÔI

BÀI HÀNH TÁM MƯỜI

*Vào tám mươi chuông ngân đồng vọng
Cõi nhân gian hui hắt đời người
Cổ tích xưa hết rồi quý trọng*

Nắng xế chiều bóng ngã thương tôi...

*Mới thoáng đó một thời bay nhảy
Ánh sao đêm thỏn thức bồi hồi
Bốn mươi năm hành trình hy vọng
Trăng ngập ngừng nhạc tiễn sương rơi...*

*Ngồi bút sắt, cây kiếm cùn gỗ nhíp
Đường gươm bay mong góp sức tung hoành
Mới nửa đời bị cuồng phong quật ngã
Trời xír người vẫn còn chút mây xanh...*

*Đêm khuya rót rượu chờ âm khí
Hồn dậy ma thiêng cạn chén này
Xác ở rừng sâu, thấy bãi biển
Trời quay sấm chớp tiếng người say...*

*Ly này đổ nghiêng về phương bắc
Rửa sạch đi độc khí lọc lừa
Ly này mong phương nam uống cạn
Nhớ học bài lịch sử năm xưa...*

*Rượu ta ôi nước mắt nhiều vô kể
Hàng trăm triệu ly, nào có sá gì
Bốn mươi năm, này bà con huynh đệ
Quá đủ rồi hãy đứng dậy mà đi...*

*Dâng nén hương trầm ôi Cà Mau Bến Hải
Quần giải khăn tang tháng Tư chết đói đời
Đất bắc xác xơ trách nam phần thua bại
Con cháu Tiên Rồng, nhìn thật kỹ: tả toi...*

*Ngày tháng trôi, trống lên đường giục giã
Đất nước lâm than thù hận ngút ngàn
Dân tộc ơi! Mắt lệ mờ sương khói
Sông núi kêu gào lên tiếng oán than...*

*Ly rượu này mời sinh viên tuổi trẻ
Chí lớn lên đường theo kịp trào lưu,
Vòng tay lớn năm châu cùng quê mẹ*

Dân chủ tự do rửa sạch oan cừ...

*Tượng đá tiếc thương, ngàn năm thương tiếc
Anh em ta nằm yên nghỉ chờ người
Bằng hữu ơi! Hồn oan khiên giục giã
Hãy hướng về tổ quốc, quốc tổ ơi!..*

*Sử Việt Nam bốn ngàn năm văn hiến
Ông cha ta từng tác đất vun bồi
Hồn dân tộc hịch truyền vang thánh thiện
Triệu triệu người lòng yêu nước sục sôi...*

*Con cháu hồi mơ ngày mai tươi sáng
Ngàn năm sau muôn thưở Việt Nam hùng
Bản Giốc, Trường Sa quyết tâm giành lại
Đánh giặc thù theo vó ngựa Quang Trung...*

*Đuốc thiêng này trao tay người bạn trẻ
Thắp sáng lên soi rõ nước non mình
Giang sơn này phải tự do hùng mạnh
Con cháu Tiên Rồng hạnh phúc quang vinh...*

*Thế hệ cha anh bao nhiêu lắm rồi
Kinh nghiệm xưa, đưa con cháu nên người
Hãy sống mạnh như chưa từng dang dở
Hãy kết đoàn trong chân thật vui tươi...*

*Bài hành tám mươi tin yêu thấp sáng
Bão nổi lên rục rờ lửa tinh cầu
Mọi mơ ước đấu tranh thành hiện thực
Con cháu Tiên Rồng vùng dậy cùng nhau...*

*Hãy về đại lộ Tự Do Sài Gòn ngày cũ
Bài hành tám mươi, em cao tiếng hát giữa trời
Đất nước đổi thay, hẹn nhau cùng về đông đủ
Tiếng trống Diên Hồng rền sông núi Việt Nam ơi!..*

HuyLực BÙI TIÊN KHÔI



GS NGUYỄN VĂN TRƯỜNG
(Houston - Texas)



TUẤN

Một

Tên anh là Tuấn. Tuấn, như trong ‘anh tuấn’, ‘tuấn kiệt’, bao hàm cái ý: ‘xinh đẹp, tài giỏi, thông minh xuất chúng’[1]. Anh thông minh, nhưng xuất chúng thì có thể không có gì là đậm nét. Nếu không thông minh, không tài giỏi ở một mức độ nào đó, thì làm sao Anh được mời vào hàng ngũ giảng huấn của một trường Đại Học. Nhưng thông minh và tài giỏi của con người thì giới hạn; nhất là với những người mà cái mộng là trở thành một thầy giáo biết nghề; và như thế, thì trong bối cảnh thời bấy giờ, không thể gọi là xuất chúng. Đó là những gì tôi nghĩ đã bắt gặp ở Anh. Anh thuộc nam giới, tác trung bình, chắc người, nước da rất đàn ông, nên tôi không có cái nhìn ‘tuấn tú’, hay nói Anh xinh đẹp. Xinh đẹp nên dành cho phái đẹp, phái cần làm đẹp.

Anh là người Huế. Dầu ở trong Nam khá lâu, Anh vẫn giữ cái giọng Huế rất, Huế chày của Anh. Nặng chịch. Dân gian có câu: *Bắc: khôn, Nam: khờ, Huế: thâm*. Nhưng Anh không là con

người thâm sâu khó hiểu, ‘có tính hay giấu kỹ những ý nghĩ muu toan, nói năng kín đáo có khi mĩa mai, không để lộ ác ý[2]. Làm thầy giáo thì phải có một thái độ cởi mở. Dạy học, trong một giới hạn nào đó, là tôi luyện tài khéo, mở mang trí tuệ, diu dặt nhau khám phá cái mới. *Anh không khép kín*. Anh vui tính, ào ào, như người Nam, ruột thẳng ro. Anh thẳng tính, trực tính, cái tính đặc thù của tuổi trẻ. Anh rất trẻ trong đám nhân viên giảng huấn của trường; trẻ ở tuổi tác, trẻ ở tính tình. Vốn bình dị, Anh để cho bạn bè tiếp cận.

Giữa Anh và tôi có một khoảng cách. Cách nhau hơn một con giáp. Có lẽ vì vậy mà Anh gọi tôi bằng thầy và xưng là em. Lúc đầu tôi có chút ngại ngùng. Có lần tôi phải nói với Anh: *"Đừng xưng hô như vậy, tội cho tôi! Người ngoài sẽ nghĩ rằng tôi là một ông sư để tóc và nhảy rào"*.

Còn một khoảng cách khác là: Anh dạy Vạn Vật, tôi dạy Toán. Toán là trừu tượng, suy luận, duy lý, là cuộc đời đơn giản hóa đến trơn tru, trơn tru, cho lý luận một chiều. Vạn Vật hàm ý thiên nhiên, cây cỏ, thú vật, chánh yếu là khoa học thực nghiệm - duy vật và duy lý - cụ thể hài hòa chung sống với môi trường. Thế rồi, duyên đưa, thỉnh thoảng chúng tôi gặp nhau ở Phòng Giáo Sư, nơi dùng chân, uống tách trà, giữa hai giờ dạy, hoặc trong sân trường, hay đôi khi ở một quán cà phê nhỏ gần trường.

Sau 30 tháng tư 1975, chúng tôi, nhân viên cũ của trường, gần nhau hơn vì:

a/ cùng số phận, ban đầu, hằng ngày trình diện ở trường, rồi ngồi chờ ngoài sân, rồi sang quán cóc bên trường Bác Ái, nói chuyện thời tiết, chuyện Đông Tây. Cùng nhau học tập: ‘yêu nước là yêu xã nghĩa’, ‘chủ nghĩa anh hùng cách mạng’, ‘tiến nhanh tiến mạnh, tiến vững chắc lên xã hội chủ nghĩa’, XHCN - xếp hàng cả ngày...

b/ cùng sự đổi thay, e ngại những bất ngờ - quân quản, cách mạng. Quân quản là luật nhà binh, một chiều, trên phán, dưới nghe và thi hành, không có đối thoại, cũng ngầm hiểu là tòa án mặt trận. Cách mạng là thay đổi tận gốc rễ - radical - *quét sạch để xây dựng cái mới "ngàn lần đẹp hơn"*.

Cái mới, cái chưa biết, có lắm ngẫu nhiên. *Mỗi người có nỗi lo âu riêng, sợ cái họa ngẫu nhiên đang dồn dập đến, và tiếp tục chồng chất lên chúng tôi.*

Gia đình cách mạng có những lo âu 'cách mạng'. '*Bắt làm hơn tha làm*' là phương châm cách mạng. '*Giết làm hơn tha làm*' là thực tiễn cách mạng. *Làm trong sạch Đảng là những cuộc thanh trừng đẫm máu. Gương bèn trước mặt không đáng sợ bằng cây kim nhỏ đánh sau lưng.*

Riêng chúng tôi: Chỉ cần một người học trò tố mình là ác ôn, và chi chi đó, là có thể mang họa... Tôi nhớ có lần đọc về Cách Mạng Văn Hóa, Bước Đại Nhảy Vọt ở Trung Quốc. Tôi cũng nhớ những hình ảnh, và bài tường thuật, tuần lễ đầu tiên sau ngày giải phóng Paris: những cô gái điếm - tội nghiệp - bị cởi trần, đôi đái tòi tẹt, dẫn đi trên Đại lộ Canebière ở Marseille, vì làm điếm cho quân đội Đức Quốc. Hoặc vợ ngoại tình, tố chồng làm điếm viên cho Đức Quốc.

Anh thuộc gia đình cách mạng. Tôi được nghe:

Ông Cụ từ Bắc trở về, và ngày ngày đọc báo Sài Gòn Giải Phóng, nhựt báo chính thức của Đảng: đọc kỹ, đọc thích thú, highlight những điểm chánh yếu, giải thích những nghị quyết linh tinh cho các con cháu. Hình như Anh còn có hai người cậu, Bí Thư Tỉnh Ủy hay Chủ Tịch ở Biên Hòa, và Huế. Ông Hoàng Xuân Tụy, Thứ Trưởng Bộ Giáo Dục và Đào Tạo là cậu của Anh. *Anh không giấu những điều này. Anh cũng không quá hãnh diện về những thành tích gia đình mình, nhưng cũng không có lời lẽ phê phán quá đáng, hay xúc phạm.*

Nhà nước cách mạng sớm lập trong mỗi Ban, bây giờ gọi là Khoa -Toán, Lý, Hóa, Vạn -Vật, Triết Văn, Sử,..., một Tổ - Nòng - Cốt, *gồm những người trẻ, còn trong sáng, 'chưa bị nhiễm nhiều bởi nếp sống 'sa đọa của ngụy dân tư bản'.* Anh được chọn làm thành phần nòng cốt "*cách mạng*" của Khoa Vạn-Vật; được đi học đường lối, chánh sách của Đảng và Nhà Nước, hay Triết Học Mác-LêNin - cái mà về sau này được cái 'bí danh' là "*thầy không muốn dạy, trò không muốn học*" - để rồi phổ biến lại cho chúng tôi, hay điều khiển những buổi học tập, "*cải tạo tư tưởng*".

Chúng tôi có e dè với Anh, lúc ban đầu. Nhưng vì Anh trực tính và cởi mở; thấy cái gì chướng tai, gai mắt thì Anh nói 'toạc

móng heo' trong khi, ai ai cũng ngằm hiểu: im lặng là vàng, có những sự thật không nên nói, hay nếu có nói phải quay cái lưỡi vàì chực vòng, nghĩ cho cặn kẽ.... rồi im lặng.

Anh thì ào ào, không e sợ cái mà mọi người đều sợ. Anh quên lời dạy của "thánh hiền": *lời nói, lúc bấy giờ, không là bạc mà là chì, còn im lặng là vàng.* Lúc đầu, ai cũng nghĩ là Anh có gốc, mới dám... tự do như vậy. Anh thật có gốc. Nhưng dần dần, nghĩ đến chuyên xưa, chuyện nay, mới ngộ ra là tại cái tánh của Anh nó như vậy.

Hai

Tôi có một tật xấu: cả đời, hút thuốc lá của thiên hạ; nói đúng ra là của bạn bè hay đồng nghiệp. Có lắm điều lợi: không phải mua, không phải giữ trong túi, tìm kiếm thuốc và hộp quet, không hỏi nhà cửa. Không bị ghiền. Bà chủ tôi khuyên đừng hút thuốc; thánh hiền lại dạy: *'phụ nơn chi ngôn, bất khả bất thính'*[3]. *Lời thánh hiền thì ắt phải phụng hành mà thôi!*

Ngoài ra, tôi là con út trong nhà, mà lại là dân 'cậu': bên ngoại là điền chủ - *không gieo mạ, mà góp lúa*; bên nội là hương cả trong làng và cũng có chút đất điền, theo đó bên nào tôi cũng được người dân quê gọi là 'cậu'. Cậu, 'ngồi mát ăn bát vàng', nên: yếu lắm! Đã vậy mà còn là cậu út, nên: quá yếu! Trên tôi, ngoài sự "kèm kẹp của ba má tôi" - "gọi dạ, bảo vâng" một chiều, năm này sang năm khác - còn thêm một tá anh chị. Cho nên, trong bản chất, tôi nhút nhát. Với bạn bè thân, thì thoải mái, cãi lý, chí chóc đến nơi đến chốn. Ở chỗ lạ, thì thận trọng, ít nói, ít lời. Thế nên, khi thấy cần thiết phải đặt vấn đề, và phải trực diện đối thoại, tôi cần hút một điếu thuốc lá, đề 'lấy hứng', đề quên cái thói quen e dè, sợ va chạm, sợ mất lòng anh em, và *trong bối cảnh "cách mạng", dầu sôi, lửa bỏng, thì khẩu-nghiệp, khẩu-họa khó lường.*

Sau 1975, tôi hút thuốc lá thường hơn, và cũng không đợi bạn mời mọc, mà phải xin một điếu.

Lần đó, Tuấn gặp tôi. Như hiểu ý, Anh đưa tôi một gói Vàm Cỏ, đã mở. Tôi bóc một điếu, vừa định để lên môi, thì Anh vội vã nói: 'Khoan đã thầy, thầy lấy nhầm rồi, đó là Vàm Cỏ, dành cho cán bộ, thầy để lại; phía bên trong, có thuốc ba số (555, thuốc lá

Anh Quốc) để mời thầy.' Thì ra: Thời cách mạng, thuốc lá cũng có giai cấp, giai cấp 'ba số 5' và giai cấp Vàm Cỏ.

Tôi thấy vui vui, dễ chịu. Anh không xinh đẹp, nhưng có một cách cư xử đẹp, làm đẹp cuộc sống.

Ba

"Không có gì quý hơn độc lập, tự do" là những biểu ngữ, trên khắp đường phố, từ ngày đầu mà chúng tôi được "giải phóng". Nhưng cái nội dung "độc lập", "tự do" không được ai giải thích cho người dân, người dân vừa được "giải phóng".

Thực tế là gần như mọi gia đình ở Miền Nam đều có thân nhân, 'được giải phóng', 'có tự do', nhưng phải đi 'cải tạo tư tưởng', *tại chỗ, hoặc trong một trại tập trung* mà thực chất là một trại tù, một trại giam tạm, nói là tạm nhưng có lắm người tạm ở trên một thập niên, và lắm người bỏ mình trong đó.

Tự do, nhưng không được nghĩ khác. Phải nghĩ: "yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa". Phải tin: "Chủ Nghĩa Mác Lê bách chiến bách thắng". Phải xác quyết trong tâm: "Xã Nghĩa là hướng đi tất yếu của nhân loại, sông có cạn, núi có mòn nhưng chân lý ấy không bao giờ thay đổi". Tự do, mà ngay trong tư tưởng, phải đi "tẩy não". Không có cái tự do chung chung, hay tự do lựa chọn, chỉ có một tự do là tự do xã nghĩa, chọn con đường đúng, con đường mà trí tuệ tập thể đã chọn và áp đặt cho mình.

Độc lập? Chúng tôi được dạy: Phải khuyến khích "tư duy độc lập" trong các học sinh, sinh viên mình. Nhưng cũng luôn được nhắc nhở là mỗi giáo chức phải là một cán bộ tuyên huấn của Đảng. "Hồng trước rồi mới chuyên". Lại còn phải nhớ: "Yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa". Không có cái yêu chung chung, yêu nước chung chung, yêu xã hội chủ nghĩa mới thật là yêu nước, mà yêu xã hội chủ nghĩa cũng không là yêu xã hội chủ nghĩa chung chung, hay yêu xã hội chủ nghĩa của ông Max hay Engels... mà là yêu xã hội chủ nghĩa hiểu theo cái cách hôm nay của Đảng - tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên xã nghĩa mà không qua tư bản chủ nghĩa." Thế nên, đừng xúi dục tuổi trẻ... "tư duy độc lập". Người ngoại đạo - Đạo Cộng Sản - mà có tư duy độc lập thì có khả năng đi tù cải tạo. Người trong Đạo - đảng viên - mà có tư duy độc

lập có thể là người dị giáo, thuộc thành phần xét lại, "đánh lộn con đen", không bị thiêu sống nhưng bị "mò tôm"[4], chôn sống, hay âm thầm thủ tiêu.

Thế nên, chúng tôi không dám xúi dục: Hầu hết bạn bè tôi thuộc diện cải tạo, không khéo lại thêm con cháu, học trò tôi, đi "tẩy não".

1979, gần Tết, tôi phải bói xách đi thăm nuôi anh tôi, 'học tập cải tạo' tại Trại Hà Nam Ninh.

Nghe tôi đi Bắc, Bà Nhan Minh Trang, có gởi nhờ tôi một số thức ăn và thuốc men cho chồng, 'học tập cải tạo' ở Trại Hà Tây.

Tôi có người bạn thân, anh Nguyễn Duy Xuân. Trong những năm tháng Anh về làm việc ở Cần Thơ, thỉnh thoảng, thứ Bảy và Chúa Nhật, chúng tôi gặp nhau cùng một số bạn bè, vui trong những câu chuyện Đông Tây. Trong đám, có Lê Công Trực, anh em cột chèo của Xuân, và một vài người khác. Xuân, Trực và tôi rất thân nhau.

Tin đưa: anh Xuân, Viện Trưởng Viện Đại Học Cần Thơ, đang 'học tập cải tạo' ở Hà Tây, và có tin rằng Anh không có ai 'thăm nuôi'.

Nghe mà xót.

Xuân là một chuyên viên được đào tạo từ nhiều nguồn - Pháp, Anh, Mỹ, và có kinh nghiệm về quản lý, tài chính, kinh tế, giáo dục Miền Nam. Anh là một trong ít người mà có một cái nhìn tổng thể và cụ thể trong nhiều lãnh vực khác nhau. Đi vào cụ thể, Anh có số liệu, có kinh nghiệm sống để chia sẻ, và đặt những vấn đề rõ ràng, mạch lạc, để hỏi ý, để anh chị em cùng suy nghĩ. Anh có những cái nhìn địa phương trong chi tiết, một cái nhìn bao quát về Miền Nam trong tương quan thuận nghịch của chiến tranh lạnh. Các đảng phái, hiệp hội, phong trào Miền Nam ve vãn, muốn lôi kéo anh vào, nhưng Anh muốn giữ cái tự do riêng của mình, không chịu khép mình trong một đường lối, trong những triết thuyết của các thánh hiền xưa và nay.

Trong những ngày cuối tháng Tư 1975, Anh có gọi tôi, cho hay là đã đưa gia đình lên máy bay, Anh sẵn sàng... ở lại. Thế rồi, như bao anh em khác, Anh đi tù cái tạo.

Muốn có một chuyên viên, như anh Xuân, tôi thiếu phải 12 năm Trung Tiểu học, 4 năm Đại Học, thêm vài năm cho Luận Án Tiến sĩ. Đó là chưa kể thời gian vọc phá đầu đời, vì chưa kinh nghiệm. Xuân không chỉ đã qua cái tối thiểu ấy. Anh lăn lộn trong những vấn đề cổ điển - academics, và thực tiễn quan sát môi trường trong các Đại Học Pháp, Anh, Mỹ, và ở Việt Nam, Anh đi từ cấp bậc khiêm nhường lên đến trách nhiệm Tổng Giám Đốc, Viện Trưởng, Tổng Trưởng. Ít người có cái tri thức và kinh nghiệm của Anh. Và riêng tôi nhận xét: ít ai có cái bình dị, thẳng thắn, trung thực, liêm chính và hiểu biết của Anh.

Anh "năm ấp"[5], tri thức Anh bị lỗi thời, mai một.

Thật xót xa.

Tôi muốn thăm Xuân. Chút quà, chút tình, trong cảnh này, có thể đem lại Anh chút vui nhẹ, chút an ủi. Nhưng nghĩ mãi, không phương cách. Tôi không biết một ai trong gia đình anh Xuân, để xin được ủy quyền đi thăm Anh.

Tôi nghĩ đến Tuấn, người có gốc, và gốc là một đại cổ thụ. Hơn nữa, sâu trong tôi, có cái trực giác là có thể nhờ Tuấn được điều này. "Hiếu nghĩa bất vi vô đồng giá" là con người của Tuấn. Tôi cũng nhớ điều thuộc "ba số", tôi may mắn được Tuấn mời. Tôi phải hỏi, phải nhờ, và chấp nhận khả năng... bị từ chối, và có thể những hệ quả bất ngờ khác. Tôi cũng phải biết thêm về người bạn trẻ của tôi.

Uống cà phê với Tuấn bên hè phố, gần Trường Đại Học Sư Phạm, cơ sở Đại Học Vạn Hạnh cũ, ở dốc cầu Trương Minh Giảng.

Tôi hỏi Tuấn:

- Tuấn có biết anh Nguyễn Duy Xuân không?

- Biết chứ thầy, thầy Xuân ở Cần Thơ, nhưng không thân.

Tôi giải thích là tôi muốn đi thăm anh Xuân, và cần một giấy ủy quyền của gia đình. Tôi hỏi Tuấn có thể nào nhận ông Xuân là cậu của mình, rồi về phờng làm giấy ủy quyền, nhờ tôi đi thăm. Như vậy có được hay không?

- Được chứ thầy, em làm ngay bây giờ. Thầy chờ đây, em vào trường, xin ngay giấy ủy quyền cho thầy.

Không đợi tôi trả lời hay phản ứng, Anh đi ngay vào trường.
Một lát sau, Anh trở ra:

Có cho thầy rồi đây. *Em bảo họ là cho tôi xin nghỉ một tuần và xin giấy phép đi thăm nuôi người cậu là ông Nguyễn Duy Xuân, ở trại Hà Tây. Họ bảo là không tiện vì chưa nghỉ Tết. Em nói: Như vậy, sao ông Trường lại được phép đi thăm ông anh của ông? Họ lúng túng. Em cười giáng hòa: Thôi thì chứng nhận cho tôi ủy quyền nhờ ông Trường đi bóc sách cho Cậu tôi, thay cho tôi.*

Anh đưa cho tôi tờ giấy nhà trường cấp.

Vậy mà Anh vẫn chưa yên tâm:

- Em về Phường làm thêm một giấy ủy quyền có Phường thị thực cho chắc ăn.

Lòng tôi nhẹ hẳn.

Trong "cao trào cách mạng", ai ai cũng giữ gìn, e dè, và sợ. Sợ mà không biết là sợ cái chi. Được 'giải phóng', vậy mà sợ. Tôi tuổi ngộ, mà học trò tôi thì nhất quyết rằng tôi tuổi con cọp: Tôi sợ. Khuya, nghe chiếc xe jeep, ngừng trước nhà: tôi sợ. Sợ chính quyền cách mạng chiếu cố. Sợ lỡ lời, sợ hiểu lầm, sợ những anh em mình vì quá sợ, mà trở thành cách mạng giờ chót, sợ bất cứ cái chi, một thái độ không phải lúc, không phải chỗ, mà có thể gây ra lăm phiền phức cho bản thân và thân tộc. Cách mạng, không là cái cách, không là sửa đổi, mà là đập phá, dẹp mọi cái cũ, mà Miền Nam thuộc cái cũ. Cả nã bộ Miền Nam đang ở trong các trại tù cải tạo tập trung, chỉ vì nó thuộc cái cũ.

Tuần đã cho lại trong tôi niềm tin ở lòng người. Người xưa nói đúng: "tuấn" có nghĩa là xinh đẹp. Trong tôi có một hình ảnh đẹp về Anh, đẹp người, đẹp tính, đẹp tình người.

Cám ơn Anh.

Lần đầu tiên, tôi đi Bắc, với bốn giấy phép thăm nuôi: anh tôi ở Hà Nam Ninh, Xuân, Trang ở Hà Tây và một người cháu họ gọi tôi bằng cậu, ở Trại Phú Lý. Đoàn ông đi thăm nuôi, hầu như không có ai. Hầu hết đàn ông, có chút học thức, tuổi từ 18-19 đến 60, đều nằm trong các trại cải tạo. Tôi như con quái điều lạc đàn.

Bốn

Lại thêm một lần, không hẹn mà gặp nhau, ở quán cà phê, bên kia đường Thành Thái ngang cổng trường Quốc Gia Sư Phạm hồi trước, mà bây giờ là Cổng chính Trường Đại Học Sư Phạm. Khá trưa, sau giờ dạy. Tiết trời nóng. Năm ba anh em. Hình như có cả ông Khoa Trưởng thất sủng của chúng tôi nữa. Vẫn là những câu chuyện cuộc sống đó đây, thời xã nghĩa. Chuyện kinh tế mới, chợ trời, thăm nuôi, tin tức đi chui, chuyện lý lịch, tiêu chuẩn trong các kỳ thi.... Chúng tôi chia tay, Tuấn đi về phía Chợ Lớn, theo đường Thành Thái, tôi theo đường Cộng Hòa, hướng về đường Hồng Thập Tự, Nguyễn Hoàng, đi về nhà. Đến ngang Trường Petrus Ký, bây giờ gọi là Lê Hồng Phong, tôi nghe như có ai theo tôi, thở mạnh, hoặc gọi tôi. Quay lại: là Tuấn, thở gấp. Vì đạp nhanh để kịp gặp tôi.

Chúng tôi dừng lại bên đường. Tôi nhìn Tuấn như hỏi: Có chuyện chi?

Tuấn hỏn hển:

- Em chào thầy, mai em đi.

-??

- Đi chui, đi vượt biên.

Mất Anh đỏ, như Anh đã khóc hay bị bụi mà phải dụi mắt.

Chúng tôi chia tay nhau.

Đạp xe dọc con đường Hồng Thập Tự, sang Cường Để, rồi về đến nhà, tôi băn khoăn, ngẩn ngơ, nghĩ đến Anh. Nghĩ đến ngày mai. Nếu Anh may mắn lọt lưới công an, thì biển rộng, trời cao, thế giới như rộng mở đón Anh và gia đình nhỏ của Anh; đồng thời những ngẫu nhiên, chết người cũng đang chờ Anh. Gió bão, chiếc thuyền mong manh, trang bị thô sơ, mà lắm khi lại chở người quá tải, tải công thường là chưa bao giờ lái ra biển cả, định hướng thì chỉ một chiếc la bàn, mua ở chợ trời.... Trong vòng bạn bè tôi, lúc bấy giờ, tính ra thì có 50% đến được bờ bên kia. Anh chị Lê Trọng Vinh, cùng ở trong chung cư với chúng tôi, và năm con cùng cô dâu, anh Đàng, Ban Việt Hán, trường tôi, và gia đình nhỏ của Anh đều làm mồi cho biển cả... Và còn nhiều người bạn khác mà giờ đây, tôi không nhớ rõ.

Sao Anh lại tin tôi? Đâu có cái gì bảo đảm ‘chui mà lọt’?

Tôi cầu nguyện cho gia đình Anh an ổn đến bờ bên kia.

Anh đi là từ bỏ quê hương thân yêu của Anh, mẹ cha, anh chị, gia đình lớn êm ấm của Anh. Anh từ chối bóng mát cây đại thụ, cái gốc 'cách mạng to lớn' của Anh, để nhận những hiểm nguy có thể mất mạng, và nếu may mắn thoát khỏi, thì là một cuộc đời lưu xứ, xứ lạ quê người, tha hương cầu thực. Một ngôn ngữ khác lạ, những tập tục khác lạ, một nền văn hóa khác lạ, mà Anh phải hội nhập cho kỳ được.

"Cây cột đèn mà có chân, thì nó cũng đi... lưu xứ", là một câu nói dân gian. *Khoa Toán chúng tôi có anh Trọng Tuấn - Tổ Trưởng tổ Nông-Cốt - là một trong những người đầu tiên của Trường tôi, được chọn đi viếng thăm Lăng Bác... cũng đi chui. Những nông-cốt cách mạng, có thiện tâm, thiện ý, cũng phải tìm cách đi... chui. Quý anh, không phải theo gương 'Bác' mà... chui. Bác chui để đem về cho quê Bác, tang tóc, nhà nhà là tử sĩ, thương binh, để nhân danh giải phóng con người, mà thực chất, là thay thực dân bằng một chế độ toàn trị, gấp 10 lần tàn nhẫn, ác ôn, thâm độc hơn. Giờ đây, không còn thực-dân chủ-nghĩa-colonialism-mà là "chủ-nghĩa ăn-dân" demophagy[6].*

- Chiến tranh chấm dứt, mà lòng người bất an.
- Hòa bình trở lại, mà gia đình tan nát. Người trong tù lo, đau xót không biết gia đình sinh sống ra sao. Người ở ngoài, trông con, trông vợ, trông chồng, trông cha, trông mẹ.
- Cách Mạng thành công mà cả nước đi chui, Miền Nam chui, Miền Bắc cũng chui. Thành phần còn lại hoặc trong tù, hoặc trong quân ngũ, hoặc trong đội ngũ cán bộ, hoặc là bô lão hay thương binh tàn tật.
- Đói, đói dài dài, đói triền miên: Đói cơm áo, đói thuốc men, đói tin tức, đói thông tin, đói tri thức, đói tình thương,.....
- Thức ăn mà nhà nước cấp cho là gạo hẩm, bo bo, khoai sắn. Xuyên tâm liên là thần dược. Điện châm, châm cứu... trị bá bệnh!

Sự ra đi của anh phải chăng là dấu hiệu báo trước cho sự tan rã của Liên Bang Sô Viết - Thánh Địa Xã Nghĩa, và sự hình thành những quái thai như 'kinh tế thị trường theo định hướng

xã nghĩa"? Hay là một bản án tử hình - án treo - cho chủ nghĩa vô nhân đạo này?

Đôi dòng ghi lại một đoạn đường chông gai, mịt mù tăm tối, không thấy hướng đi, vì bị cột nhốt, giam hãm, tù đầy trong một chủ nghĩa độc tài toàn trị, mà chủ trương là chiến tranh giai cấp, "trí, phú, địa hào, đào tận gốc, tróc tận rễ", giết người hàng loạt. Trong giai đoạn nghiệt ngã đó, có những lúc chúng ta gần nhau, chia sẻ, nương tựa; và Anh đã để lại ở tôi nhiều ký ức sâu đậm, dễ thương, làm ấm lòng người. Ghi lại để cảm ơn Anh, để cảm ơn những người bạn đã giúp tôi, trong tuyệt vọng, không phải ngục ngã.

NGUYỄN VĂN TRƯỜNG

Houston, Texas 04/12/2017

[1] Hán Việt Từ điển trích dẫn tổng hợp. Internet.

[2] Wikitionary. Tham.

[3] Lời của Lưu Linh (210-270), một trong Thất Hiền Đồi Tấn: "Phụ nhân chi ngôn, thậm bất khả thính" . Lời nói của người đàn bà, cần thận, không nên nghe. Thánh hiền đời sau đổi lại cho thực tế hơn: Lời nói của người đàn bà không thể không nghe.

[4] 1946-48. Cột tay chân nạn nhân, rồi thả ngoài sông lớn.

[5] Tiếng dân gian Miền Nam có nghĩa là bị giam cầm.

[6] Từ của Hồ Xích Tú, quý tử của Cụ Hồ Hữu Tường. Cụ Tường là một nạn nhân của những Trại Tù Cải Tạo.

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn trễ từ trang nhà ptgtdtdusa.com

Nhà biên khảo GS LÊ QUÝ ĐÀNG

* Nguyên Giáo sư Việt Văn trung học PTG Cần Thơ từ đầu thập niên 1960

* Cộng tác thường xuyên trên tạp chí Văn Hoá Việt Nam từ ban đầu đến nay
Sinh ngày 12 tháng 2 năm 1930, đã mất lúc 8 giờ tối ngày 10 tháng 8 năm 2017 (nhằm ngày 19 tháng 6 âm lịch năm Đinh Dậu)

tại thành phố Portland - Oregon

hưởng thượng thọ 87 tuổi

Trước sự mất mát lớn lao này, chúng tôi thay mặt BBT và cộng tác viên tạp chí VHVN thành kính chia buồn cùng Tang Quyển. Nguyên cầu hương linh Nhà biên khảo GS LÊ QUÝ ĐÀNG sớm bình an nơi cõi vĩnh hằng.

BBT tạp chí VHVN - THÀNH KÍNH PHÂN ƯU



Tiến sĩ ĐÀM TRUNG PHÁP

*Professor of Linguistics Emeritus
Texas Woman's University*



GÌN VÀNG GIỮ NGỌC CHO TIẾNG VIỆT TRUYỀN THỐNG TẠI HẢI NGOẠI

[THUYẾT TRÌNH CHỦ ĐỀ CỦA GS ĐÀM TRUNG PHÁP
TRONG LỄ KHAI GIẢNG KHÓA LUYỆN VÀ TU NGHIỆP SƯ
PHẠM CÁC TRUNG TÂM VIỆT NGỮ NAM CALIFORNIA
NGÀY 28-7-2017 TẠI LITTLE SAIGON]

Phải khôn khổ giã biệt miền Nam khi bị cộng quân miền Bắc xâm chiếm cuối tháng 4 năm 1975, chúng ta mang theo được gì? Của cải, danh vọng, bà con thân thuộc, bạn bè thì không, nhưng chúng ta mang theo được văn hóa và ngôn ngữ Việt Nam truyền thống ra hải ngoại với chúng ta. Sau hơn 40 năm tỵ nạn tại hải ngoại, chúng ta vẫn duy trì được văn hóa và ngôn ngữ đáng trân quý ấy. Các truyền thống văn hóa Việt thể hiện qua các lễ lạc như Tết Nguyên Đán, Giỗ Quốc Tổ Hùng Vương, Giỗ Hai Bà

Trung, Tết Trung Thu; các tập tục như quan, hôn, tang, tế, tinh thần tôn sư trọng đạo vẫn được thiết tha duy trì trong các cộng đồng Việt hải ngoại. Và tiếng Việt truyền thống – nơi lưu giữ cái linh hồn, cái tinh hoa, cái bản sắc, cái tinh tự dân tộc thấm thiết của chúng ta – vẫn còn nguyên vẹn!

Tiếng Việt chúng ta mang theo là thứ tiếng Việt đẹp đẽ, thanh lịch, trong sáng. Đó là thứ tiếng Việt của Truyện Kiều mà học giả Phạm Quỳnh hãnh diện gọi là “tiếng ta”. Đó cũng là thứ tiếng Việt của Tự Lực Văn Đoàn, của Vũ Hoàng Chương, của Đinh Hùng, của các hệ thống giáo dục, văn học, báo chí, chính trị, kinh tế thời Việt Nam Cộng Hòa trước 1975.

Điều rất đáng lo ngại là ngày nay, trong khi tiếng Việt truyền thống được chúng ta gìn vàng giữ ngọc với niềm tự hào ở hải ngoại, thì ở quê nhà nó đang bị thoái hóa trầm trọng để phù hợp với lối sống vô liêm sỉ, thiếu đạo đức, mất hết tự ái dân tộc, gây ra bởi một chế độ phi nhân tàn bạo lấy súng đạn mà áp bức người dân bất hạnh.

Những đồng nghiệp tại trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn của tôi bị kẹt lại sau 30 - 4 - 1975 kể lại chuyện đau lòng đầu tiên của họ khi “bên thắng cuộc” cho một cán bộ giáo dục và đoàn tùy tùng đến tiếp quản ngôi trường khả kính đã đào tạo nhiều ngàn giáo sư trung học đầy đủ khả năng và tư cách để phục vụ nền giáo dục nhân bản và khai phóng của Việt Nam Cộng Hòa. Lối xung hô thô lỗ và cách đối xử kiêu căng hãnh học của họ làm các cựu nhân viên giảng huấn (từ giảng viên cho đến giáo sư thực thụ) choáng váng. Tất cả bị gọi bằng anh hay chị và tất cả bị gọi là giáo viên. Giáo sư khoa trưởng bị đẩy ra khỏi văn phòng làm việc; câu châm ngôn “luong sư hung quốc” sơn bằng chữ lớn trên bức tường gần công trường bị một lớp sơn mới quét lên trên xóa hết tung tích!

Sau hơn 40 năm thoái hóa, tiếng Việt bên quê nhà đã có thêm rất nhiều từ vựng mà chúng ta thấy thật “chương tai” khi nghe nói và “gai mắt” khi thấy trong sách vở báo chí – với ý nghĩa chẳng trong sáng chút nào như được tuyên truyền. Từ vựng truyền thống đứng đắn chân phương bị thay thế bằng một thứ từ vựng ngô nghê, thô tục, cộc cằn, như nhà hộ sinh trở thành xưởng đẻ; nữ quân nhân trở thành lính gái; lạp xưởng trở thành con sâu mỡ!

Một số người thiện chí trong cộng đồng ty nạn chúng ta (như hai ông Đào Văn Bình và Trần Văn Giang) đã thu thập được khá nhiều từ vựng quái dị này và cảnh báo đồng hương hải ngoại. Tác giả Đào Văn Bình đã cho lên Internet cuốn “Tự Điển Tiếng Việt Đồi Đồi” rất hữu ích cho giáo giới chúng ta muốn bảo vệ tiếng Việt truyền thống tinh tuyền tại hải ngoại. Đó là những từ vựng, từ ngữ đã nhiễm độc mà chúng ta phải tránh, không thể truyền bá trong cộng đồng hải ngoại, nhất là trong các lớp dạy tiếng Việt truyền thống từ mẫu giáo cho đến trung học và đại học. Đây là vài từ vựng và câu nói “đồi đồi” tiêu biểu tôi tìm thấy trong TĐTVĐĐ : động vật hoang dã (dã thú), lao động nữ (nữ công nhân), tư duy (suy nghĩ), vô tư (thần nhiên), anh muốn khản trương quản lý đời em (anh muốn cưới em ngay), lỗi chụp hình tư sướng (cách chụp hình selfie).

Mức nhiễm độc của tiếng Việt đồi đồi ngày càng đáng sợ – nó đã tràn sang cả đại tác phẩm Truyện Kiều của dân tộc Việt. Một báo động đỏ thực sự! Truyện Kiều mà học giả Phạm Quỳnh – trong ngày giỗ cụ Nguyễn Du linh đình năm 1924 tại Hà Nội – đã tôn vinh với câu nói trước anh linh tiên nhân rằng “Truyện Kiều còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn, nước ta còn” đang bị phỉ báng và bức hại tại quê nhà. Khai pháo bởi ông kỹ sư cơ khí Đỗ Minh Xuân khi ông ta phổ biến cuốn sách có một tựa đề ngạo nghễ “Truyện Kiều Nguyễn Du với tiếng Việt hiện đại, phổ thông, đại chúng và trong sáng” trong một cuộc hội thảo về Truyện Kiều tổ chức cuối năm 2012 tại khu di tích Nguyễn Du ở huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Trong “công trình” ấy, ông đã sửa khoảng 1.000 chỗ trong tổng số 3.524 câu thơ Truyện Kiều!

Tại sao ông kỹ sư cơ khí lại làm chuyện động trời như vậy? Đây là lý do tại sao ông quyết định sửa đại tác phẩm của thi hào Nguyễn Du: “Truyện Kiều không còn thịnh như trước, do rào cản điển tích, chữ Hán, từ cổ, từ địa phương – chữ nghĩa Truyện Kiều rườm rà, trùng lặp, không hay, thiếu logic, trái vắn cảnh.” Một công việc quái đản xưa nay chưa thấy như vậy mà lại được anh hùng lao động Vũ Khiêu – một học giả từng làm viện trưởng Viện xã hội học – khuyến khích và tán dương, với lời nói quả quyết rằng sách này “là một đóng góp đáng kể vào việc nghiên cứu Truyện Kiều.”

Còn nhớ xưa kia, vua Tự Đức rất giỏi văn thơ mà chỉ dám “nhuận sắc” vài chỗ không đáng kể trong Truyện Kiều rồi cho in nó thành “bản kinh” phổ biến trong dân gian. Chúng ta cùng xem vài thí dụ về nỗ lực sửa Truyện Kiều kỳ dị, lệch lạc, ngớ ngẩn, đoán mò, làm tối ý nghĩa của ông Đỗ Minh Xuân [dựa vào bài viết sắc bén có tựa đề “Cười té ghê hay đau thắt lòng với chữ sửa Truyện Kiều” (khuyết danh tác giả) đăng tải trên Đồi Sóng Pháp Luật Online ngày 28-4-2014]:

- Lạ gì bỉ sắc tư phong = Mỗi người thứ có thứ không [lời văn cục súc, quê mùa].

- Thời trân thức thức sẵn bày = Quả ngon thức thức xách tay [một hành động thanh nhã, cao sang, dịu dàng trở thành một hành vi thô lỗ – như thể cô Kiều hái trái cây nhà mình, bỏ vào giỏ, rồi xách tay sang đưa cho Kim Trọng ăn].

- Chưa xong điều nghĩ đã dào mạch tương = Chưa xong điều nghĩ đã chào vừng dương [chứng tỏ sự dốt nát, đoán mò, không hiểu “mạch tương” là “nước mắt” và “đã dào mạch tương” là “nước mắt đã dào dạt ra”].

Theo cái kiểu “sửa chữa” Truyện Kiều như hiện nay ở quê nhà thì chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ không còn Truyện Kiều, dẫn đến chuyện không còn tiếng ta nữa, rồi bước kế tiếp là không còn nước ta nữa! Thi hào Nguyễn Du và học giả Phạm Quỳnh nơi cứu tuyền làm sao tránh khỏi nỗi đoạn trường khi biết đến điều đau đớn này? Bằng mọi giá, chúng ta phải biết rõ ranh giới giữa tiếng Việt truyền thống và tiếng Việt “đôi đời” tới mức thoái hóa bên quê nhà. Thứ tiếng Việt thoái hóa tồi tệ ấy không thể có chỗ đứng trong các lớp dạy tiếng Việt truyền thống tại hải ngoại ở mọi trình độ.

ĐTP JUL 2017

**MỜI BẠN TÌM ĐỌC VÀ GIỚI THIỆU NHIỀU NGƯỜI CÙNG ĐỌC
& ỦNG HỘ VĂN HOÁ VIỆT NAM - TẠP CHÍ BẢO TỒN,
PHÁT HUY VĂN HỌC NGHỆ THUẬT... CỦA CHÚNG TA**

VĂN HOÁ VIỆT NAM 78 * 33 * MÙA THU 2017

CÁO LỖI

Trong bài “Chinh Phụ Ngâm Diễn Nôm: Một Dịch Phẩm Thần Kỳ” của tác giả Tiến sĩ Đàm Trung Pháp (VHVN số 77), vì lý do kỹ thuật và sơ xuất của nhà in, các chỗ ghi nguồn tham khảo trong bài viết đã không biểu hiện.

VHVN xin tạ lỗi cùng tác giả và quý độc giả, và xin ghi thêm các nguồn tham khảo như sau bằng mực màu và chữ in nghiêng đậm:

- Trang 22 dòng 4: của đại chúng” (*Tiếng Nói Đoàn Thị Điểm trong Chinh Phụ Ngâm Khúc – Lê Hữu Mục và Phạm Thị Nhung, 2001*)
- Trang 22 dòng 6: Tâm hồn chinh phụ” (*Việt Nam Thi Văn Học Tuyển Toàn Tập – Hà Như Chi, 1957*)
- Trang 22 dòng 12: Anh ngữ (*An Anthology of Vietnamese Poems – Huỳnh Sanh Thông, 1996*)
- Trang 23 dòng 6: thơ chữ Hán (*Giới Thiệu Chinh Phụ Ngâm Tập Chú của Nguyễn Bá Triệu – Đàm Trung Pháp, 2000*)
- Trang 26 dòng 1: lú lo (*Tự Điển Hán-Việt Thiệu Chửu*)

TIỆM VÀNG VÀ HỘT XOÀN
THÀNH LỢI
JEWELRY
(trong khu HONG KONG 4)
11209 Bellaire Blvd # C9B
Houston, TX 77072
Tel: (281) 530-9696

Chuyên môn về vàng 24k, 18k, 14k
Cẩm Thạch và Hột Trai Quý
Nhập cảng Hột Xoàn từ Âu Châu có certificate
bảo đảm của hãng GISA, EGL,HRD, IGI

Đã chuyển về địa điểm mới (từ tháng 11/2007) trong khu HONG KONG 4, bãi đậu xe rộng rãi, cửa hàng mặt tiền dễ tìm, rất thuận tiện cho quý vị khi muốn mua nữ trang trong dịp cưới, hỏi, hoặc tặng quà trong dịp Tân Gia, Khai Trương.

* Mở cửa 7 ngày (Open 7 days a week)
Rất mong được sự ủng hộ của quý khách

THÀNH LỢI
kính mời

CHUYỆN VĂN CHƯƠNG



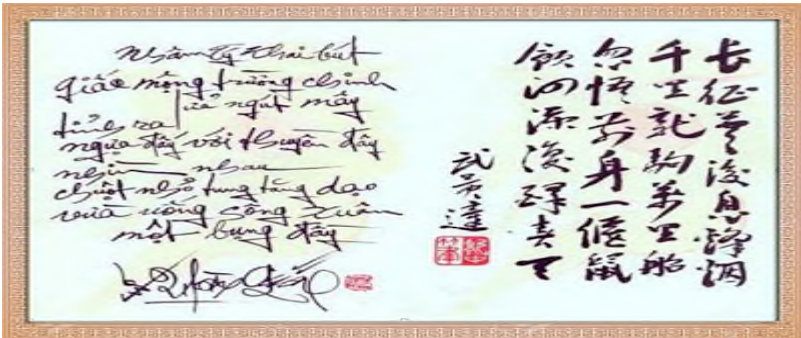
Từ Mai **TRẦN HUY BÍCH**

MỘT TRANG THỦ BÚT CỦA THI SĨ VŨ HOÀNG CHƯƠNG...

[Một trang thủ bút của thi sĩ VŨ HOÀNG CHƯƠNG với nhiều điểm đặc biệt vừa được tìm thấy (Bản bổ sung. Thêm chi tiết cho bài đã đăng ngày 14/9/2016)]

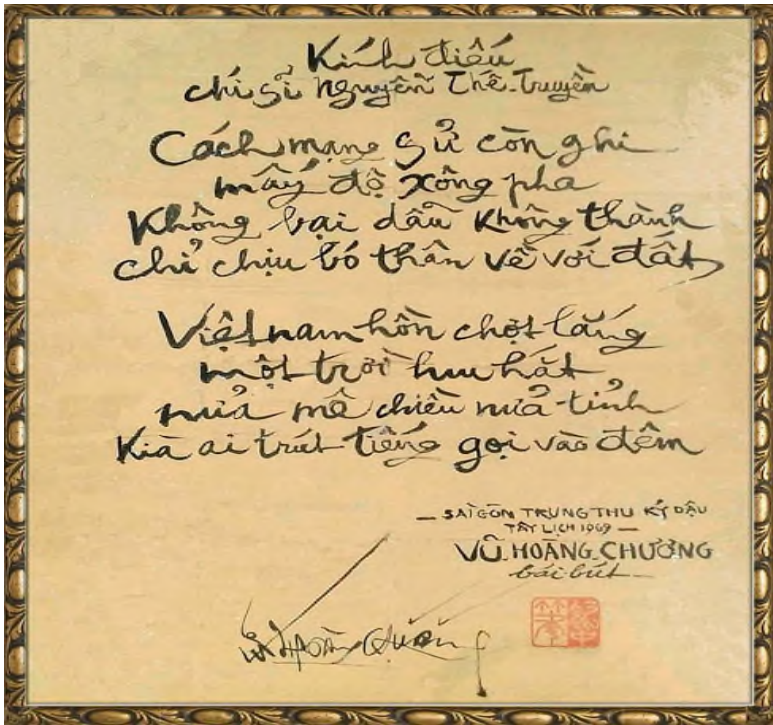
Trong rất nhiều năm trước 1975, một phần do lòng mến mộ của độc giả, mỗi dịp Xuân đến, nhiều báo Xuân ở Sài Gòn vẫn thường đăng một bài thơ của thi sĩ Vũ Hoàng Chương với thủ bút của chính tác giả. Nét chữ tung hoành như được phóng bút một cách cầu thả nhưng vẫn duyên dáng với chữ ký đặc biệt “nghệ sĩ” của thi hào họ Vũ được nhiều người mến chuộng. Đã có lúc Vũ Hoàng Chương nhắc tới chuyện ấy một cách vui đùa:

*Báo chương máy độ vẽ bùa
Chất chiu cũng đủ tiền mua trăng rằm.*



“Báo chương máy độ vẽ bùa”
Bài thơ thủ bút của thi sĩ Vũ Hoàng Chương
nhân dịp Tết năm Nhâm Tý 1972

Do một cơ duyên hiếm có, trước ngày giỗ thứ 40 của thi sĩ Vũ Hoàng Chương năm nay (1976-2016), người viết những dòng này được may mắn trông thấy một trang thủ bút thuộc loại đặc biệt của cố thi sĩ từ trước chưa nghe ai nói tới. Trái với thông lệ, thi nhân họ Vũ viết trang thủ bút này một cách cẩn trọng, nghiêm túc, có chỗ nắn nót nữa, và dùng những từ trang trọng như “Vũ Hoàng Chương bái bút.” Đó là cặp câu đối nhà thơ viết để kính diếu khi chí sĩ ái quốc Nguyễn Thế Truyền tạ thế trong dịp Trung Thu năm 1969.



TÓM LƯỢC CUỘC ĐỜI CỤ NGUYỄN THẾ TRUYỀN

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương có nhiều lý do để bày tỏ niềm tôn kính đặc biệt đối với chí sĩ ái quốc Nguyễn Thế Truyền (1898-1969). Cụ Nguyễn sinh từ cuối thế kỷ 19 trong một gia đình khoa bảng danh tiếng ở làng Hành Thiện, tỉnh Nam Định. Ông nội là Tuần phủ Thái Bình Nguyễn Duy Hàn (bị sát hại năm 1913 trong một vụ ném tạc đạn do Việt Nam Quang Phục Hội tổ chức). Thân phụ là một vị Tri phủ, Nguyễn Duy Nhạc. Năm 1910, khi 12 tuổi, cậu Truyền được Phó Công sứ Thái Bình là Charles Marie-Gaston Dupuy đưa sang Pháp du học. Là học sinh xuất sắc, luôn luôn đứng đầu lớp, Nguyễn Thế Truyền được chính phủ Đông Dương cấp học bổng. Năm 1915, ông đậu Brevet supérieur, về quê hương thăm nhà. Ông dùng một năm ở quê để học Hán văn, rồi trở lại Pháp năm 1916 học trường Kỹ sư và trường Đại học Khoa học ở Toulouse. Ông cũng tự học để thi bằng Tú Tài, mong sau này có thể ghi danh học Đại học Văn khoa. Sau khi tốt nghiệp với văn bằng Kỹ sư Hoá học và Cử nhân Lý Hóa năm 1920, ông về nước một năm nữa, học thêm Hán văn. Trở lại Pháp tháng 8/1921 ông ghi tên theo học ban Tiến sĩ Khoa học tại Đại học Sorbonne (Paris), chuẩn bị một luận án về khoa học vật lý nhưng chưa bảo vệ luận án. Ông cũng ghi danh học Cử nhân Văn khoa, ban Triết, tại trường này, và đậu Cử nhân Triết năm 1922. Khi đưa sang Pháp từ ít tuổi, chính quyền Pháp hẳn có ý muốn đào tạo ông thành một “công dân tốt,” trung thành với mẫu quốc. Ngược lại trong những năm ở Pháp, cậu “nghĩa tử” đã làm cho nhà cầm quyền thuộc địa lầm lức phải điên đầu.

Theo nhà biên khảo Thụy Khuê, tóm lược cuốn biên khảo công phu *Thân thế và sự nghiệp nhà cách mạng Nguyễn Thế Truyền* của Đặng Hữu Thụ (Vitry-sur-Seine, France: Trùng Dương, 1993), thì từ 1912 trở đi, một mặt trận chống chính sách đàn áp và bóc lột, đòi thực hiện dân chủ và nhân quyền cho Việt Nam được hình thành ở Pháp và tiếp tục ở Nam kỳ, do các nhà cách mạng theo tân học lãnh đạo. Đây là những trí thức trẻ, học vấn xuất sắc, am hiểu văn hóa Tây phương, viết và nói tiếng Pháp một cách thành thạo, không có mặc cảm trước người da trắng, tạo cho cuộc tranh đấu một sinh lực mới vượt phạm vi quốc nội mà các nho sĩ lớp trước chưa thực hiện được.

Người đầu tiên phát động phong trào này là luật sư Phan Văn Trường (1878-1933), người làng Đông Ngạc, ngoại thành Hà Nội. Phong trào mạnh thêm khi có sự tham gia của nhà ái quốc Phan Châu Trinh (1872-1926), kỹ sư Nguyễn Thế Truyền (1898-1969), và nhà văn, nhà báo Nguyễn An Ninh (1900-1943). Cụ Phan Châu Trinh giới thiệu con một người bạn đầu cùng khoa Tân Sửu 1901 với cụ vào hoạt động trong nhóm. Người bạn ấy là Phó bảng Nguyễn Sinh Huy (cũng có tên Nguyễn Sinh Sắc) và người con là Nguyễn Tất Thành. Năm người này được đồng hương người Việt ở Paris lúc đó gọi chung là nhóm “Ngũ Long.” Hội “Người An Nam yêu nước” được thành lập khoảng 1916. Một bút hiệu mới, “Nguyễn Ái Quốc/Quốc,” xuất hiện. Đây là bút hiệu chung của cả nhóm Ngũ Long, nhưng những cây viết chính (vì Pháp vẫn vững hơn cả) là Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn An Ninh. Bút hiệu này thường xuất hiện trên các báo ở Paris, đặc biệt trên tờ *Le Paria*, từ giữa năm 1919 đến năm 1925. *Le Paria* có thêm tên chữ Hán là “**Lao động báo**”, nhưng thường được dịch sang tiếng Việt là **Người cùng khổ, Kẻ khốn cùng ...** (Năm 1945, sau khi nắm được chính quyền ở Việt Nam, Nguyễn Tất Thành khoe với những người ủng hộ rằng bút hiệu Nguyễn Ái Quốc, tác giả những bài trên *Le Paria* và một số tài liệu khác nhằm mục đích tranh đấu cho đất nước xuất hiện trong cùng khoảng thời gian ấy là của riêng ông ta. Theo tác giả Lê Minh Quốc và nhà biên khảo Thụy Khuê thì trong giai đoạn ở Paris từ 1919 đến 1923, Nguyễn Tất Thành mới đến Pháp chưa bao lâu, vẫn học thêm tiếng Pháp với Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh và Nguyễn Thế Truyền ¹).



Mùa thu năm 1922, Nguyễn An Ninh rời Paris về nước. Cuối năm 1923, ông xuất bản tờ **La Clôche Fêlée (Chuông rè)** để tranh đấu ở Sài Gòn.

Tháng 6 năm 1923, Nguyễn Tất Thành đi Nga không trở lại.

Năm 1925, Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh về nước. Nguyễn Thế Truyền ở lại Paris tiếp tục công việc chung, làm Chủ bút tờ **Le Paria**, bành trướng phong trào yêu nước giữa những người Việt Nam ở Pháp, và vận động sự ủng hộ trong giới trí thức dân chủ, tiến bộ bên Pháp.

Năm 1926, Nguyễn Thế Truyền cho xuất bản ở Paris tờ **Việt Nam Hôn**. Báo ra mỗi tháng một kỳ, chủ yếu bằng tiếng Việt, thỉnh thoảng có bài bằng tiếng Pháp hay chữ Hán. Báo lấy danh nghĩa: “Tự do diễn đàn của học sinh và lao động Việt Nam” (Tribune libre des étudiants et des travailleurs annamites).

Việt Nam Hôn in mỗi số khoảng 2000 bản, lưu hành trong giới người Việt sống ở Pháp. Một số người kín đáo gửi về nước. Báo ra công khai được 8 số (1/1926 - 8/1926) thì bị cấm. Từ tháng 9/1926 báo xuất hiện dưới tên **Phục Quốc** nhưng được hai số lại bị cấm. Qua đầu năm 1927, báo được tiếp tục xuất bản bằng tiếng Pháp với tên là **L'Âme annamite (Hồn nước Nam)**. Tới tháng 6/1927, báo đổi tên là **La Nation annamite (Nước Nam)**. Tờ **Le Paria** và những ấn bản kế tiếp của **Việt Nam Hôn** mà Nguyễn Thế Truyền thành lập và điều động đã ảnh hưởng một cách đáng kể tới phong trào cách mạng Việt Nam. Theo nhận xét của Thụy Khuê, Nguyễn Thế Truyền là khuôn mặt thứ hai, một con rồng lớn của nhóm “Ngũ Long,” chỉ sau người khởi xướng là Phan Văn Trường



Nửa trang đầu của **Việt Nam Hôn**, số tháng 1 năm 1926

Nguyễn Thế Truyền vào đảng Xã hội, rồi đảng Cộng sản Pháp khoảng năm 1922 khi viết cho *Le Paria*. Năm 1925, ông làm Phó Tổng thư ký hội Liên hiệp Thuộc địa (Union intercoloniale) và Chủ bút của *Le Paria*. Năm 1926, ông rời *Le Paria* để chuyên tâm vào *Việt Nam Hồn*. Tháng 5 năm 1927, ông tách khỏi bộ phận thuộc địa của đảng Cộng sản Pháp và lập đảng An Nam Độc Lập (Parti Annamite de l'Indépendance, hay PAI). Các tờ *L'Âme annamite* và *La Nation annamite* trở thành cơ quan liên lạc của đảng này.

Hoạt động của đảng An Nam Độc Lập tập trung ở một số thành phố lớn của Pháp, nơi có nhiều người Việt cư ngụ như Marseilles, Lyon, Toulouse... Trong thời gian Nguyễn Thế Truyền lãnh đạo, tuy có một số đảng viên tin theo lý thuyết cộng sản, nhưng đảng An Nam Độc Lập không đồng tình với đảng Cộng sản và dứt khoát không chấp nhận địa vị phụ thuộc đảng Cộng sản Pháp tuy lúc đầu được đảng Cộng sản Pháp giúp đỡ.

Theo Nguyễn Thế Truyền, không nên bàn về chủ nghĩa cộng sản (đấu tranh giai cấp) khi dân tộc còn bị nô lệ. Ưu tiên cần được đặt vào việc vận động đoàn kết mọi tầng lớp xã hội.



Nguyễn Thế Truyền hồi hoạt động, tranh đấu ở Pháp

Cuối năm 1927, Nguyễn Thế Truyền và gia đình về nước, trao ngọn đuốc tranh đấu bên Pháp lại cho nhóm Tạ Thu Thâu (1906-1945), Phan Văn Hùm (1902-1946), Hồ Hữu Tường (1910-1980), những trí thức tân học trẻ hơn ông ít tuổi và có liên hệ mật thiết với Nguyễn An Ninh, chí hữu của ông trong nhóm Ngũ Long. Tạ Thu Thâu thay Nguyễn Thế Truyền lãnh đạo đảng An Nam Độc Lập. Năm 1934 Nguyễn Thế Truyền sang Pháp trở lại, hoạt động đến hết năm 1938. Khi tình hình thế giới căng thẳng, thế chiến thứ 2 sắp bùng nổ, ông lại về nước. Năm 1941, ông bị Pháp bắt cùng với em trai là Nguyễn Thế Song, bị đày đi Madagascar, mãi đến tháng 6/1946 mới được phóng thích. Khi ông về tới Việt Nam năm 1947 thì một người “chí hữu” khác (ít nhất trên danh nghĩa) trong nhóm Ngũ Long trước là Nguyễn Tất Thành đã cướp được chính quyền, trở nên Hồ Chí Minh, và đã thủ tiêu xong những người từng hoạt động bên Pháp với Nguyễn Thế Truyền như các ông Bùi Quang Chiêu (1872-1945), Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm... Nguyễn Thế Truyền tuyên bố “không hoạt động chính trị” nữa. Ông viết báo, trình bày những khó khăn trước thời cuộc, và đề nghị với những người nắm chính quyền những cải cách cần thiết để độc lập của quốc gia và tự do dân chủ được vững bền.

Khi đất nước chia đôi năm 1954 ông đang ở Hà Nội. Theo bài viết của một tác giả cùng quê làng Hành Thiện là Nguyễn Duy Tiểu, đăng trên báo *Thanh Niên* số ra ngày 19/3/2004, được đăng lại trên *Việt Báo* (quốc nội) *Online* cùng ngày, thì ông Hồ Chí Minh cử một người đưa thư tới ông, nhắc đến “tình bạn trên 30 năm trước” để khuyên ông đừng di cư vào Nam, và mời ông ở lại để “góp sức xây dựng lại đất nước”³. Nhưng ông vẫn ra đi. Khi vào Nam ông tiếp tục viết báo, rồi ra tranh cử trong cuộc bầu Tổng thống năm 1961, liên danh với một nhân sĩ miền Nam là Hồ Nhựt Tân nhưng bị thua trước vị Tổng thống đương nhiệm Ngô Đình Diệm.

Ông mất ngày 19 tháng 9 năm 1969 (tức ngày 8 tháng 8 năm Kỷ Dậu) ở Sài Gòn trong hoàn cảnh vô cùng thanh bạch, hưởng thọ 71 tuổi.

Vũ Hoàng Chương ít khi làm câu đối, nhất là viết câu đối thủ bút, để “kính điều” ai. Sáu năm trước, tháng 7/1963, mới thấy



Bích chương tranh cử trong cuộc bầu Tổng thống
tại Nam Việt Nam năm 1961

Liên danh 1: Ngô Đình Diệm & Nguyễn Ngọc Thơ

Liên danh 2: Nguyễn Đình Quát & Nguyễn Thành Phương

Liên danh 3: Hồ Nhựt Tân & Nguyễn Thế Truyền

ông làm một đôi câu đối để ai điếu Nhất Linh Nguyễn Tường Tam sau khi nhà văn sáng lập Tự Lực Văn Đoàn uống thuốc độc tự tử đúng vào ngày Song Thất:

*Số thập niên bút mặc thành danh, **nhất** khả đoạ, **nhị** khả tuyệt, **nhị tam** bất hủ*

*Song thất dạ vân tiêu lạc phượng, **tiên** Phong Hóa, **hậu** Văn Hóa, **u trung** lập ngôn.*

Đúng về phương diện văn học cũng như phương diện lịch sử, cặp câu đối thi sĩ Vũ Hoàng Chương “kính điếu chí sĩ Nguyễn Thế Truyền” tháng 9 năm 1969 nên được coi là một tài liệu hiếm quý.

THỬ TÌM HIỂU Ý NGHĨA CẶP CÂU ĐỐI CỦA VŨ HOÀNG CHƯƠNG

“Cách mạng sử còn ghi”:

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương xác định: cặp câu đối của ông không phải để viếng một người bình thường nhưng một nhân vật của lịch sử, có những hành động được lịch sử cách mạng ghi chép.

“Mấy độ xông pha”:

Vũ Hoàng Chương nhắc lại quãng đời đầy hoạt động của Nguyễn Thế Truyền: là một nhân vật quan trọng trong nhóm Ngũ Long (cùng với những người như Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh, Nguyễn Tất Thành), một người dùng tiếng Pháp để tranh đấu, vạch ra những sai trái và vô nhân đạo của chủ nghĩa thực dân Pháp ngay trên đất Pháp, từng đứng làm Chủ bút của tờ *Le Paria*, từng sáng lập và làm Chủ bút tờ *Việt Nam Hồn*. Trên tờ *Le Paria*, ông từng viết bài bênh vực cụ Phan Bội Châu, đã kích Toàn quyền Albert Sarraut đầu độc dân tộc Việt Nam bằng rượu và thuốc phiện... Các học giả ngoại quốc như William J. Duiker và Sophie Quinn-Judge, khi nghiên cứu cuộc đời của Hồ Chí Minh, cũng nhắc tới những hoạt động của Nguyễn Thế Truyền, nhất là những giúp đỡ ông đã dành cho Hồ lúc còn là Nguyễn Tất Thành⁴. Theo học giả Hoàng Văn Chí trong cuốn *Từ Thực Dân đến Cộng Sản*, Nguyễn Thế Truyền còn là người đưa Nguyễn Tất Thành, mới tới Pháp sau 5 năm làm phụ bếp (1914-1919) tại khách sạn Carlton ở London, tới gặp những chính khách Pháp ở Paris lúc ấy như các ông Léon Blum, Marcel Cachin, Marius Moutet⁵... Trở lại Pháp trong những năm 1934-1938, ông vận động các tổ chức nhân quyền, các ủy ban đòi ân xá chính trị phạm, bênh vực Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu... đang bị giam ở Sài Gòn.

Vũ Hoàng Chương có thể cũng muốn nhắc tới những hi sinh đáng kính phục của Nguyễn Thế Truyền: sau khi đậu Kỹ sư, thêm hai bằng Cử nhân Lý Hóa và Cử nhân Triết, rất giỏi Pháp văn, về nước được chính quyền thuộc địa dành cho nhiều ưu đãi nhưng ông từ chối mọi đề nghị cộng tác. Theo nhiều tài liệu, người Pháp đề nghị dành cho Nguyễn Thế Truyền một chức quan, hoặc chức Giám đốc một nhà máy, hoặc một ngạch trật cao nếu muốn đi dạy học, hoặc 1,000 hectares đồn điền nếu muốn khai khẩn, nhưng ông đều khước từ. Ông về làng, sau lên thành phố Nam Định sống một cách giản dị với chút lợi tức nhỏ từ phần ruộng của gia đình. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương có thể cũng muốn nhắc tới quãng đời làm báo của Nguyễn Thế Truyền sau khi được phóng thích từ Madagascar về: trình bày những khó khăn của đất nước trong thế

giới mới, đưa ra những đề nghị về những cải cách cần được thực hiện để độc lập của quốc gia và tự do, dân chủ được vững bền.

“Không bại dấu không thành”:

Thi nhân họ Vũ nhìn nhận rằng chí sĩ họ Nguyễn đã không thành công. Tuy lập chí từ rất sớm và rất thông minh, học một lúc hai trường, đậu một lúc hai, ba bằng cấp Đại học, lúc trẻ tuổi được nhiều người kỳ vọng, lại yêu nước một cách thành thật và bền bỉ, phấn đấu nhiều, chí sĩ họ Nguyễn đã không thành công, nếu ta hiểu “thành công” là đem lại được độc lập cho đất nước hay nắm được chính quyền. Phải bỏ quê hương chạy vào Nam năm 1954 để tránh người “chí hữu” cũ trong nhóm Ngũ Long, người từng được mình giúp đỡ và dạy kèm tiếng Pháp trong thời gian ở Paris. Ở miền Nam không làm được chuyện gì đáng kể, ra ứng cử Tổng thống cũng thất bại. Cuộc đời Nguyễn Thế Truyền đúng là một chuỗi những việc “không thành.” Nhưng Vũ Hoàng Chương an ủi rằng Nguyễn Thế Truyền đã không thất bại. Những cố gắng ấy (chẳng hạn việc kêu gọi lòng yêu nước của người Việt sống ở Pháp) cũng đã gây được một số tiếng vang, sự từ khước những đặc quyền đặc lợi người Pháp dành cho đã khiến chí sĩ họ Nguyễn được nhiều người kính trọng, trong đó có thi nhân họ Vũ.

“Chỉ chịu bó thân về với đất”

Theo người thư ký riêng thân tín của cụ Nguyễn là ông Nguyễn Hữu Đĩnh thì khi cụ đau nặng, gia cảnh thanh bạch đến độ sau khi được biết giá một cỗ áo quan, cụ đã nói, “Thôi, để bó chiếu!” Câu **“chỉ chịu bó thân về với đất”** của Vũ Hoàng Chương còn ngụ ý: chẳng thà chịu bó chiếu chôn xuống đất chứ cụ Nguyễn không chịu “bó thân” về với một thứ khác. “Thứ khác” ở đây có thể hiểu là “triều đình” như trong câu “Bó thân về với triều đình” Nguyễn Du dùng để mô tả thái độ của Từ Hải không muốn về hàng Hồ Tôn Hiến. Trước 1945, từng được học ở Pháp, hấp thụ lý tưởng Tự Do – Bình Đẳng – Bác Ái do cuộc Cách mạng Pháp năm 1789 nêu ra, Nguyễn Thế Truyền không chịu “bó thân” phục vụ chính quyền thuộc địa đang đàn áp những người yêu nước ở Việt Nam. Trong giai đoạn đất nước chia đôi, tuy có tình nghĩa cũ, cụ không chịu “về với triều đình” ở miền Bắc (chưa chắc toàn tính mạng), nhưng cũng không muốn “về với triều đình” ở miền Nam (bằng cách ra tranh cử với vị Tổng thống đang nắm quyền).

Chúng ta không có đủ tài liệu để có thể biết rõ nếu liên danh của Nguyễn Thế Truyền đắc cử Tổng thống và Phó Tổng thống năm 1961, cụ có sẽ hành động khác với vị Tổng thống đương nhiệm ở miền Nam lúc ấy hay không. Nhưng qua sự kiện cụ ra ứng cử chung với một nhân sĩ miền Nam là Hồ Nhựt Tân (quê ở Sa Đéc), qua tình thân của cụ với hai trí thức miền Nam là Nguyễn An Ninh và Tạ Thu Thâu như trên đã nói, qua sự kiện tang lễ của cụ được một nhân sĩ uy tín của miền Nam là cụ Phan Khắc Sửu đứng ra tổ chức, qua sự kiện cụ được an táng tại nghĩa trang của Hội Gò Công Tương Tế, ta có thể phỏng đoán: tuy sinh ra ở miền Bắc, một chính quyền Nam Việt Nam do Nguyễn Thế Truyền thiết lập nhiều phần sẽ gần gũi với chính giới, nhân sĩ của miền Nam, và do đó có thể sẽ ít bị cô lập hơn.

“Việt Nam Hồn chột lảng, một trời hiu hắt”:

Vũ Hoàng Chương muốn nói: đây là một tang lễ khiến linh hồn của đất nước phải lảng xuống vì nỗi u buồn. Một người xuất sắc, đa tài, và yêu nước như Nguyễn Thế Truyền đã phải chịu một cuộc sống quá gian nan. Sau khi đưa gia đình về nước năm 1927, do từ khước cộng tác với chế độ cai trị, Nguyễn Thế Truyền gặp rất nhiều khó khăn, thân quyền bị trừ giập. Hai người con gái, Nguyễn Trung Trắc và Nguyễn Trung Nhị, tuy học rất giỏi, bị bác hồ sơ xin học bổng vì bị coi là “những con rắn nhỏ,” lớn lên sẽ đánh Pháp như hai bà Trưng từng đánh Tàu trước kia. Bà Nguyễn Thế Truyền là một người Pháp (tên thật Madeleine Marie-Clarisse Latour), theo chồng về Việt Nam, nhưng bà và các con bị nhóm thực dân Pháp ở Nam Định kỳ thị, đối xử tệ bạc. Tháng 3 năm 1937, bà nhận làm y tá (nghề cũ từ khi ở bên Pháp) cho trường Yersin ở Đà Lạt và đem các con vào đó. Khi bà mất giữa năm 1940, Nguyễn Thế Truyền không được biết: các con viết báo tin nhưng nhà cầm quyền chặn thư. Sau khi biết tin, Nguyễn Thế Truyền xin vào Đà Lạt thăm mộ vợ và thăm các con còn nhỏ nhưng người Pháp lấy cớ “đang ở tình trạng bị quản thúc”, không cho. Các con ông sau được các linh mục tại trường Yersin giúp, đưa ra ngoại quốc, người ở Pháp, người ở Đức, người ở Anh. Từ khi ở Pháp về nước năm 1938, Nguyễn Thế Truyền không được gặp vợ con. Sau khi bị quản thúc từ Madagascar về nước lần cuối năm 1947, Nguyễn Thế Truyền không còn gia đình. Trong những

năm cuối của cuộc đời, nhà chí sĩ ái quốc sống cô đơn và chết trong cảnh rất nghèo.

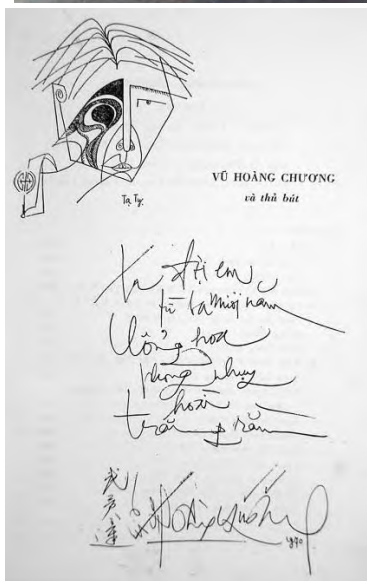
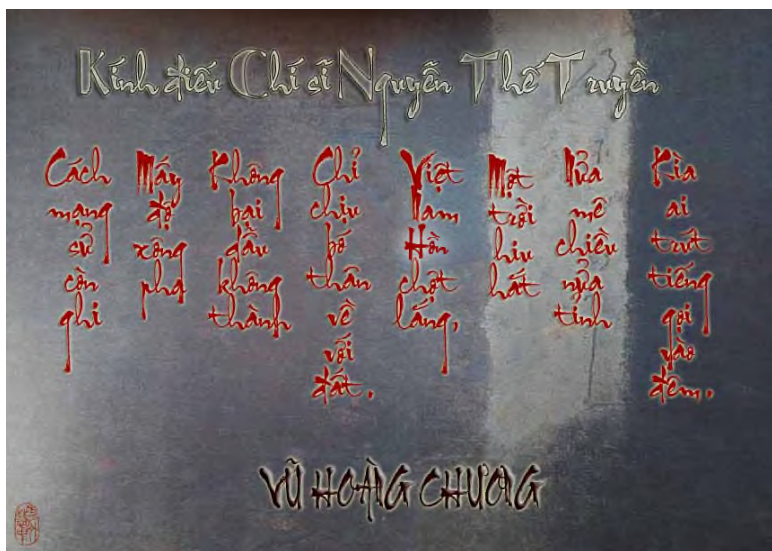
“Nửa mê chiều nửa tỉnh, kia ai trút tiếng gọi vào đêm”:

Lời ngâm ngùi, than thở của Vũ Hoàng Chương. Trong niềm xúc động mãnh liệt, nửa như mê, nửa như tỉnh, dù có trút hết tiếng để gọi cũng chỉ là gọi vào bóng đêm, không có hồi thanh. Với Nguyễn Thế Truyền, Vũ Hoàng Chương vừa có lòng kính ngưỡng, vừa có niềm thương cảm xót xa. Lòng thương cảm thi nhân họ Vũ dành cho nhà ái quốc họ Nguyễn vô cùng sâu đậm.



Chí sĩ Nguyễn Thế Truyền năm 1967, hai năm trước khi tạ thế

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương có nhiều bài thơ bày tỏ niềm kính ngưỡng đối với các nhân vật lịch sử như Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Phạm Hồng Thái..., có nhiều bài thơ về Nguyễn Du, một bài thơ ca ngợi hòa thượng Thích Quảng Đức, một cặp câu đối và một bài văn tế dành cho văn hào Nhật Linh Nguyễn Tường Tam. Nhưng hình như ông không làm bài nào cho các nhân vật lịch sử trong khoảng 100 năm trở lại đây, kể cả những nhân vật được nhiều người tung hô. Lòng kính trọng và thương tiếc ông dành cho chí sĩ Nguyễn Thế Truyền là một tình cảm sâu đậm hiếm thấy.



Chân dung thi sĩ VŨ HOÀNG CHƯƠng qua nét vẽ của TẠ TY, và thủ bút của VHC

Người viết những dòng này xin thành thật cảm ơn ông bạn Nguyễn Hữu Đĩnh đã chia sẻ một tài liệu hiếm quý, một trang thủ bút có giá trị văn học và lịch sử được trân trọng gìn giữ suốt gần 50 năm qua, kể cả trong chuyến vượt biên gian nan khỏi Việt Nam năm 1993. Cũng xin cảm ơn người bạn trẻ Nguyễn Vũ đã bỏ nhiều công phu chụp lại một trang giấy khổ lớn, bị nhàu nát vì quá nhiều nếp gấp, thành một trang thủ bút đẹp, phẳng, và ngay ngắn, được đưa ra phía trên. Xin được phổ biến trang thủ bút với nhiều điểm đặc biệt, ít ai biết tới này nhân dịp Trung Thu năm 2016, để kỷ niệm kỷ giỗ năm thứ 47 của thi sĩ ái quốc Nguyễn Thế Truyền,

và năm thứ 40 của thi sĩ Vũ Hoàng Chương.

GHI CHÚ:

1. “Nguyễn An Ninh” theo Wikipedia, dẫn tài liệu từ Lê Minh Quốc, *Nguyễn An Ninh: dấu ấn để lại* (Hà Nội: Văn Học, 1997). Hồng Hà, *Thời thanh niên của Bác Hồ* (Hà Nội: Thanh Niên, 1976), trang 38; được trích dẫn trong: Thụy Khuê, *Nhân Văn Giai Phẩm và vấn đề Nguyễn Ái Quốc* (Falls Church, VA : Tiếng Quê Hương, 2012), trang 472.

2. Thụy Khuê, *sách đã dẫn*, trang 443.

3. Nguyễn Duy Tiếu, “Cuộc đời bất đắc chí của Nguyễn Thế Truyền và mối quan hệ của ông với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc,” *Thanh Niên* (nhật báo, ngày 19/3/2004), đăng lại trên *Việt Báo Online* (quốc nội), cùng ngày:

<http://vietbao.vn/Xa-hoi/Cuoc-doi-bat-dac-chi-cua-Nguyen-The-Truyen-va-moi-quan-he-cua-ong-voi-lanh-tu-Nguyen-Ai-Quoc-tiep-theo/45110225/157/>

4. William J. Duiker, *Ho Chi Minh* (New York: Hyperion, 2000), trang 78, 85, 157.

Sophie Quinn-Judge, *Ho Chi Minh : The Missing Years* (Berkeley: Univ. of California Press, 2002), trang 39, 40, 41, 42, 118, 151, 190, 322, 329.

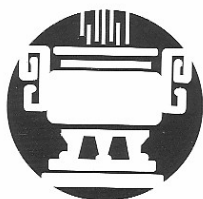
5. Hoàng Văn Chí, *Từ Thực Dân đến Cộng Sản* (S.l. : Chân Trời Mới, 1985), trang 63-64.

Trần Từ Mai



Thư từ, bài vở, chi phiếu ủng hộ gửi về tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM
P.O. Box 683276 - Houston - Texas 77268 USA.
Email: Tanpham99@hotmail.com. Tel/Fax: (281) 826-0415

NAM QUỐC SƠN HÀ NAM ĐẾ CƯ



*Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư,
Tiệt Nhiên Định Phận Tại Thiên Thu.
Như Hà Nghịch Lũ Lai Xâm Phạm,
Nhữ Đẳng Hành khan Thủ Bại Hư!*

Lý Thường Kiệt

Lời Giới Thiệu:

Đất nước Việt Nam một dải giang sơn gấm vóc từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau, có đợc như ngày nay là do biết bao công lao xương máu của ông cha đã tạo thành.

Là một nước lúc nào cũng bị nước láng giềng phương bắc đe dọa, do đó đã xảy ra nhiều cuộc chống xâm lăng của dân tộc ta để bảo vệ lãnh thổ, lãnh hải và chủ quyền dân tộc. Ngày 19 tháng giêng năm 1974, nhân lúc nước ta đang có nội chiến giữa hai miền Nam Bắc, Trung Cộng mang quân xâm đoạt Hoàng Sa, thuộc chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa. Sau hai ngày chống trả mãnh liệt, vì sức yếu quân thưa nên Hoàng Sa đã thất thủ vào ngày 20 tháng giêng năm 1974. Đây là ngày uất hận của dân ta, ngày chúng ta cảm thấy muôn vàn hổ thẹn vì chúng ta đã không gìn giữ đợc một phần lãnh thổ của ông cha để lại. Quân dân miền Nam chưa kịp củng cố lại lực lượng để tái chiếm Hoàng Sa thì với sự trợ giúp của Nga Sô và Trung Cộng. Cộng Sản Bắc Việt đã xua quân cưỡng chiếm miền Nam vào ngày cuối tháng 4 năm 1975.

Hàng triệu người Việt Quốc Gia đã phải bỏ nước ra đi, sống cuộc sống lưu vong nơi đất khách quê người. Dù xa cách quê hương tổ quốc, nhưng lúc nào chúng ta cũng hằng quan tâm đến tiền đồ dân tộc, đến một dải giang sơn cẩm tú của ông cha để lại, lúc nào cũng tha thiết đến phần lãnh thổ của chúng ta đã bị Trung Cộng xâm chiếm bằng võ lực. Do đó chúng tôi cùng một số học giả, giáo sư, nhà văn, nhà thơ... xuất bản cuốn Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư...2001 (tập 1) và Nam Quốc sơn Hà Nam Đế Cư ...2002-2003 (tập 2) để chứng minh Hoàng Sa thuộc chủ quyền của dân tộc chúng ta và nhắc nhở mọi người Việt và giới trẻ tại hải ngoại

rằng Trung Cộng đang cưỡng đoạt một phần lãnh thổ của đất nước Việt Nam.

Nhận thấy hai cuốn Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư... 1 và 2 cũng khá đầy đủ những dữ kiện để chứng minh chủ quyền của dân tộc Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa. Chúng tôi đính bản bộ Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư... Và để theo sát những biến động về lãnh thổ, lãnh hải những năm gần đây, kể từ số này chúng tôi sẽ mở chuyên mục NAM QUỐC SƠN HÀ NAM ĐẾ CƯ trên tạp chí Văn Hoá Việt Nam với mục đích tiếp tục đăng tải những bài viết mới nhất của các học giả, giáo sư, nhà văn.... đang quan tâm, theo dõi về vấn đề này. Đây là một vấn đề rất hệ trọng của dân tộc Việt Nam. Rất mong sự hợp tác của quý vị.

Chuyên mục NAM QUỐC SƠN HÀ NAM ĐẾ CƯ chúng tôi đã giới thiệu 2 BẢN LÊN TIẾNG VỀ VỤ TAM SA của Ủy Ban Bảo Vệ Sự Toàn Vẹn Của Lãnh Thổ liên quan đến hai quần đảo HOÀNG SA và TRƯỜNG SA của Việt Nam bị Cộng Sản Trung Quốc lập thành huyện Tam Sa trước sự phẫn nộ của toàn dân trong khi đảng cầm quyền CSVN im hơi lặng tiếng lộ rõ ý đồ dâng đất cho kẻ thù. Chính thái độ nhu nhược của nhà nước cầm quyền CS nên chúng tôi cũng dành thêm nhiều trang để phổ biến những bài viết ôn lại những trang sử hào hùng của dân tộc Việt Nam chống quân Trung Quốc xâm lược trong công cuộc dựng nước và giữ nước suốt dọc chiều dài lịch sử trên VHVN số 40... Chúng tôi rất xúc động trước làn sóng nổi dậy chống Trung Cộng của nhiều thế hệ trong nước nhất là lực lượng sinh viên các trường Đại Học Hà Nội và Sài Gòn; cũng như các hoạt động tích cực của đồng bào hải ngoại trong việc tố cáo nhà cầm quyền CSVN đã chuyển giao một phần lãnh thổ, lãnh hải cho Trung Quốc. Chúng tôi cực lực lên án đảng CSVN dâng đất và bòn bá quyền Trung Quốc cướp đất đã thuộc chủ quyền lâu đời của Việt Nam.

Đối với Trung Quốc từ ngàn xưa, ý đồ thôn tính đất nước Việt Nam lúc nào cũng nung nấu trong lòng bọn chúng. Nhưng nỗi nhục mà những người lãnh đạo đảng CSVN đã và đang làm dẫn đến mất nước, qua tài liệu mà VHVN số 64 đã đăng bài viết của nhà văn Trần Nhu **"Đường đến thành đô Bắc triều vừa nhục vừa mất nước"**, trong đó tác giả đã viết: *"nhìn lại lịch sử Đảng CSVN, chúng ta thấy rất rõ những người lãnh đạo đảng CSVN từ Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu, Nông Đức Mạnh đến Nguyễn Phú Trọng không một ai có tư cách và bản lĩnh chính trị, trong họ thiếu vắng hẳn đức tính "tự tin", họ luôn luôn phải nương tựa vào một thế lực bên ngoài, khi thì dựa vào Liên Xô, khi thì dựa vào Tàu để tồn tại"*. Chính Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) lên nắm chức Tổng bí thư, tức khắc nói lại bang giao với Trung Quốc

bằng một câu nói đề đòi trong lịch sử: "**Tôi cũng biết rằng, dựa vào Trung Quốc là mất nước nhưng còn hơn mất đảng**".

Chuyên mục NAM QUỐC SƠN HÀ NAM ĐỀ CƯƠNG kỳ này, chúng tôi lần lượt giới thiệu bài CUỘC KHỞI NGHĨA CỦA HAI BÀ TRUNG, biên khảo của GS Tạ Quốc Tuấn, để nhắc lại lịch sử hào hùng của dân tộc Việt, mà **người dân trong nước hôm nay quá thờ ơ, vô cảm khi bước chân người Trung Hoa Cộng Sản đang thực hiện trên đất nước ta từ Bắc vô Nam**. Mời quý vị cùng chia sẻ nội dung bài KHẢO LUẬN của GS Tạ Quốc Tuấn và hai bài thơ của nhà thơ Lưu Nguyễn Từ Thức.

Trân trọng,

PHẠM QUANG TÂN

TẠ QUỐC TUẤN

CUỘC KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRUNG

(tiếp theo VHVN số 77)

Phần II: Phát Động Khởi Nghĩa

Cuộc khởi nghĩa của nhân dân Việt, bắt đầu từ quận Giao Chỉ và do hai bà Trưng Trắc và Trưng Nhị lãnh đạo, khởi sự vào mùa Xuân, tháng 2 âm lịch năm Canh tí, tức năm 40 dương lịch.

Đáng tiếc là các tài liệu viết về cuộc khởi nghĩa này rất sơ lược, nên thiếu nhiều chi tiết.

Sách **Đại Việt Sử Ký Toàn Thư** của Ngô Sĩ Liên chép rằng Hai Bà "*cử binh đánh hãm trị sở của châu*" (NK, q. 3, tờ 2a).

Cũng vậy, sách **Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục** của Quốc sử quán triều Nguyễn trong phần *Cương* kể rằng: "*Người con gái Giao Chỉ là Trưng Trắc khởi binh đánh Thái thú Tô Định, đuổi đi*" (TB, q. 2, tờ 9b-10a) và trong phần *Mục* thuật thêm là bà Trưng Trắc "*cùng với em gái là Trưng Nhị cử binh đánh hãm trị sở của châu*" (TB, q. 2, tờ 10a).

Lại nữa, sách **Việt Sử Tiêu Án** của Ngô Thời Sĩ cũng chỉ nói rằng "*bà bèn cùng em gái là bà Nhị khởi binh đánh, vây hãm Châu lý...*" (tr.39).

Ngay cả sách **Việt Điện U Linh Tập** của Lý Tế Xuyên cũng viết rằng bà Trưng Trắc cùng với em "*cử binh trực xuất Tô Định, đánh hãm Giao Châu*", hay sách **Lĩnh Nam Chích Quái**

của Trần Thế Pháp thuật rằng Hai Bà "*cử binh đánh hãm Giao Châu.*"

Tài liệu của người Trung Quốc cũng không có gì khác hơn.

Quyển *Mã Viện Liệt Truyện* 馬援列傳 trong sách **Hậu Hán Thư** 後漢書 của Phạm Diệp 范曄 (398-445) chỉ chép rằng:

"... người con gái Giao Chỉ Trưng Trắc và em gái là Trưng Nhị làm phản, đánh chiếm quận đó [tức quận Giao Chỉ]" (q. 24, tr. 838)

(... Giao Chỉ nữ tử Trưng Trắc cập nữ đệ Trưng Nhị phản, công một kỳ quận. ... 交趾女子徵側及女弟徵貳反, 攻沒其郡)

Ngay cả quyển *Nam Man Tây Nam Di Liệt Truyện* 南蠻西南夷列傳, vẫn trong **Hậu Hán Thư**, cũng nói rằng:

"... người con gái Giao Chỉ Trưng Trắc và em gái Trưng Nhị làm phản, đánh quận..." (q. 86, tr. 236)

(... Giao-chỉ nữ tử Trưng Trắc cập kỳ muội Trưng Nhị phản, công quận.... 交趾女子徵側及徵貳反, 攻郡...).

Nói cách khác, theo các tài liệu Việt và Hoa kể trên, Hai Bà Trưng chỉ đánh (đánh hãm, đánh chiếm, vây hãm) quận trị của quận Giao Chỉ (**Toàn Thư, Cương Mục, Tiêu Án**) hay nói một cách mơ hồ là đánh hãm Giao Châu (**Việt Điện, Chích Quái**) hoặc quận (*Truyện Mã Viện, Truyện Nam Man*).

Chỉ có sách **An Nam Chí** 安南志 của Cao Hùng Trưng 高熊徵 (Cử nhân năm 1660) mới kể rằng Hai Bà Trưng "*đánh hãm các thành ấp*" (công hãm thành ấp 攻陷城邑. q. 2, tr. 109) và **Việt Sử Lược** của soạn giả khuyết danh cho thêm một chi tiết là Hai Bà đã "*đem binh Phong Châu đánh hãm các quận huyện.*" (q. 1, tờ 3b)

Vì vậy chúng ta phải dựa thêm vào các thần tích, ngọc phả của nhiều địa phương, nơi có thờ các nhân vật đã tham gia cuộc khởi nghĩa Xuân Canh tí này, để tìm hiểu thêm.

I.- Mê-linh: Căn Cứ Khởi Nghĩa

Trong việc chuẩn bị khởi nghĩa chống chính quyền đô hộ Hán, Hai Bà Trưng đã xây dựng một căn cứ địa để tập hợp các lực lượng: đó là thành Phong Châu.

Đáng tiếc là chính sử phần lớn không nói tới điểm này, vì vậy chúng ta phải căn cứ vào thần tích của Hai Bà Trưng và một số nhân vật đã tham gia cuộc khởi nghĩa này. Điều đáng nói là mặc dù phần lớn các thần tích sau này mới được biên soạn và một số chi tiết đã được thay đổi với mục đích thần thánh hóa các nhân vật đó, nhưng điểm nói về căn cứ khởi nghĩa đã được giữ nguyên.

A. Căn Cứ Địa Theo Chính Sử và Thần Tích

Sách **An Nam Chí Lược** của Lê Tắc tuy có nói đến việc Hai Bà Trưng khởi nghĩa chống lại nhà Hán, mà Lê Tắc gọi là "*làm phản*" (bản Tứ Khố, q. 15, tờ 12a-12b; bản Trần Kinh Hòa, Hán: 148, Việt: 240), nhưng không hề nói đến căn cứ địa của Hai Bà.

Toàn Thư cũng chỉ chép rằng:

"vương [tức Trưng vương] khổ vì thái thú Tô Định dùng pháp luật trời buộc, lại thù Định giết chồng mình, mới cùng với em gái là Nhị nổi binh đánh hãm trị sở của châu." (NK, q. 3, tờ 2a).

Cương Mục không khác gì:

"Lúc bấy giờ thái thú Tô Định cai trị tham lam và tàn bạo, giết mất chồng bà. Bà bèn cùng với em gái là Trưng Nhị dấy quân, đánh hãm châu lý." (TB, q. 2, tờ 10).

Chỉ có **Việt Sử Lược** mới nói rõ căn cứ địa của quân khởi nghĩa. Sách chép rằng năm 40, đời Hán Quang Vũ Đế Lưu Tú 漢光武帝劉秀 (tại vị năm 25-57):

"... người huyện Mê Linh là Trưng Trắc, con gái lạc tướng, lấy chồng người huyện Chu Diên là Thi Sách, tính rất hùng dũng, hành động không theo pháp luật. Thái thú Tô Định lấy pháp luật trời buộc. Trắc giận cùng em gái là Nhị đem binh Phong Châu đánh hãm các quận huyện." (q. 1, tờ 3b)

Điều ghi chép của **Việt Sử Lược** phù hợp với một số thần tích.

Thực vậy, thần tích của làng Thịnh Kỹ (nay thuộc xã Tiên Châu, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội), nơi có đền thờ Đông

Hồi đại vương tức Chàng Hối, một thủ lĩnh nghĩa quân chống Hán trước khi gia nhập cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng; của làng Đông Cao (cùng huyện), nơi có đền thờ Ả Lự, một tướng của Hai Bà Trưng; và làng Cự Triều (sau gọi là làng Cư An, nay thuộc xã Tam Đồng, cùng huyện), nơi có đền thờ bà Trưng Nhị, đều chép rằng "*Trưng Vương khởi binh ở thành Phong Châu.*"

Thần tích làng Hạ Lô (cũng thuộc huyện Mê Linh), nơi có đền thờ Hai Bà Trưng và ông Thi Sách, và làng Hát Môn (thuộc huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội ngày nay), nơi có đền thờ Hai Bà Trưng, chép là "*Trưng Vương khởi binh được một năm, tướng sĩ nam nữ có tới ba vạn người, hội tại thành Phong Châu.*"

Sau hết, thần tích làng Tuấn Xuyên (nay là xã Vạn Thắng thuộc huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội), nơi có đền thờ bà Phùng Thị Chính, một nữ tướng khác của Hai Bà Trưng, chép rằng "*Trưng Vương từ Phong Châu kéo về Hát Môn.*"

Như vậy rõ ràng Phong Châu là căn cứ địa của quân khởi nghĩa dưới quyền chỉ huy của Hai Bà Trưng.

B. Phong Châu và Mê Linh⁽¹⁾

Tới đây chúng ta phải hỏi châu Phong ở đâu.

Theo sách **Thái Bình Hoàn Vũ Ký** 太平寰宇記 của Nhạc Sử 樂史 (930-1007) thì "*quận Thừa Hóa Phong Châu xưa là nước Văn Lang.*" (Phong Châu Thừa Hóa quận, cổ Văn Lang quốc. 峯州承化郡, 古文郎國). Căn cứ vào tài liệu này, các sử thần biên soạn sách **Cương Mục** bản là vào thời Hồng Bàng (2879-258 TCN) Châu Phong là địa hạt của hai phủ Vĩnh Tường và Lâm Thao thuộc tỉnh Sơn Tây (TB, q. 1, tờ 2a).

Xin mở một dấu ngoặc ở đây. Ngày nay hai phủ này đổi thành hai huyện Vĩnh Tường thuộc tỉnh Phú Thọ và Lâm Thao thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

Tuy nhiên, tên Châu Phong mới có 558 năm sau cuộc khởi nghĩa của nhân dân Việt dưới sự lãnh đạo của hai chị em Bà Trưng.

Thực vậy, vùng đất sau này gọi là Châu Phong nguyên là đất huyện Mê Linh thời Hán thuộc và tên Mê Linh được đặt ra trong thời kỳ này. Có điều là vào thời này cương vực của châu đã bị thu hẹp rất nhiều.

Vào thời Hùng Vương dựng nước, Mê Linh là đất bản bộ sinh tụ của bộ lạc căn bản của vua Hùng, tức bộ lạc Văn Lang. Theo Đào Duy Anh, viết trong sách **Đất Nước Việt Nam Qua Các Đời: Nghiên Cứu Địa Lý Học Lịch Sử Việt Nam** (gọi tắt: **Đất Nước**), đất Mê Linh khi đó có lẽ bao trùm đến cả một phần tỉnh Yên Bái, miền Nam tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Phú Thọ, tỉnh Sơn Tây, tỉnh Hà Đông⁽²⁾, tỉnh Hòa Bình, và tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay (tr. 22 và 35). Trung tâm của Mê Linh có lẽ là miền Phú Thọ, nơi hiện có đền Hùng ở núi Nghĩa Lĩnh, xã Hi Cương, thành phố Việt Trì thuộc tỉnh Phú Thọ.

Vẫn theo sách **Đất Nước**, trong thời nhà Thục (257-207 TCN), Mê Linh là một trong mười bảy bộ lạc (Tây Vu, Mê Linh, Liên Lô, Chu Diên, Bắc Đái, Kê Từ, An Định, Câu Lậu, Tư Phố, Vô Công, Long Biên, Khúc Dương, Dư Phát, Cư Phong, Vô Biên, Đô Lung và Hàm Hoan). Tuy nhiên, đất của bộ lạc Mê Linh đã bị thu hẹp nhiều, vì sau khi chiếm được nước Văn Lang, cải làm nước Âu Lạc, vua An Dương Thục Phán đã lấy phần đất ở phía đông và phía nam của Mê Linh sáp nhập vào phần đất Tây Vu của mình⁽³⁾.

Vì lý do này, thời Hán thuộc, địa bàn Mê Linh còn lại là phần tây bắc tỉnh Vĩnh Phú (nay là tỉnh Vĩnh Phúc), phần tây bắc tỉnh Sơn Tây (nay là phần tây bắc thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội), tỉnh Phú Thọ và tỉnh Yên Bái.

Cũng có thuyết cho rằng đất Mê Linh có thể là từ tả ngạn sang hữu ngạn sông Hồng (còn gọi là sông Nhị, sông Cái), ở khoảng các huyện Vĩnh Tường (thuộc tỉnh Phú Thọ), Tiên Phong (nay là xã Tiên Phong thuộc huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội), Bất Bạt (nay là địa khu gồm huyện Thanh Thủy tỉnh Phú Thọ, huyện Ba Vì thành phố Hà Nội và huyện Kỳ Sơn tỉnh Hòa Bình), Tùng Thiện (nay nhập vào huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội) và tỉnh Sơn Tây (nay là thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội).

Tuy nhiên, theo sách **Sử Học Bị Khảo** của Đặng Xuân Bảng, đất Mê Linh tương đương với miền các phủ Lâm Thao và Đoan Hùng của trấn Sơn Tây (nay thuộc tỉnh Phú Thọ) cũng như hai phủ Yên Bình và Tương Yên tỉnh Tuyên Quang⁽⁴⁾. Trung tâm điểm của đất Mê Linh là thành Mê Linh (quê hương của Hai Bà

Trung), nay còn dấu vết ở làng Hạ Lôi (nay thuộc huyện Mê Linh thành phố Hà Nội).

Mặt khác, theo quyển *Địa Lý Chí* 地理志 trong bộ **Hán Thư** 漢書 (tục gọi là **Tiền Hán Thư** 前漢書) của Ban Cố 班固 (32-92 SCN), trong thời nội thuộc nhà Tây Hán 西漢 (còn gọi là Tiền Hán 前漢, 206 TCN – 9 SCN), Mê Linh là 1 trong 10 huyện thuộc quận Giao Chỉ (9 huyện kia là Liên Lô, An Định, Câu Lô, Bắc Đái, Khúc Dương, Kê Từ, Tây Vu, Long Biên và Chu Diên).

Sách **Thủy Kinh Chú** 水經注 của Lê Đạo Nguyên 酈道元 (kh. 468-527), dẫn sách **Giao Châu Ngoại Vực Ký** 交州外域記 của tác giả khuyết danh (sách biên soạn khoảng thế kỷ thứ 3 SCN), chép rằng năm thứ 6 niên hiệu Nguyên Đình 元鼎 (116-110 TCN) đời Hán Vũ Đế Lưu Triệt 漢武帝劉徹 (tại vị năm 140-87 TCN), tức năm 111 TCN, đô úy trị được đặt ở huyện Mê Linh, tuy rằng trong một đoạn khác, sách này lại nói trong thời Hán thuộc quận trị của quận Giao Chỉ là Liên Lô (còn đọc là Luy Lô).

Thực ra từ năm 46 TCN đời Hán Nguyên Đế Lưu Thích 漢元帝劉奭 (tại vị năm 48-33 TCN) Mê Linh là trị sở của bộ Giao Chỉ, cho tới thời thái thú Sĩ Tiếp 士燮 (187-226) thì trị sở của châu Giao (năm 203 bộ Giao Chỉ đổi thành châu Giao) mới đổi sang Long Biên..

Theo Đào Duy Anh, Mê Linh chính là quận trị đầu tiên của quận Giao Chỉ và trị sở của bộ Giao Chỉ cũng đặt luôn ở đó. Ông lý luận rằng vì Mê Linh là một địa điểm ở đầu mối nhiều thủy đạo của quận Giao Chỉ nên là một địa thế tốt và trọng yếu để làm quận trị. Nếu đặt quận trị ở đây, chính quyền đô hộ Hán có thể vừa khống chế đất Mê Linh của con cháu các vua Hùng vừa khống chế đất Tây Vu của con cháu Thục An Dương Vương. Chỉ đến cuối thời Tây Hán, vì thấy Mê Linh ở thiên về góc tây bắc của quận, sự khống chế đối với các huyện miền đông nam bất tiện, chính quyền đô hộ Hán mới dời quận trị đến huyện Liên Lô là huyện nằm ở

chính giữa quận và thành Liên Lô, trên dòng chính sông Hồng, trung tâm của hệ thống các thủy đạo gồm sông Hồng và các chi lưu. Tuy quận trị dời đến huyện Liên Lô, nhưng đô úy trị vẫn đặt tại Mê Linh để trấn áp miền tây bắc là miền chính quyền đô hộ Hán có nhiều mối lo chính trị hơn (sđd., tr. 50).

Sau đó, trong thời Tam Quốc 三國 (220-265), do vị trí địa dư, phần lãnh thổ của dân Việt nằm dưới sự đô hộ của nhà Ngô 吳 (còn gọi là Đông Ngô 東吳 hay Tam Quốc Ngô 三國吳, 222-265). Trong thời Ngô thuộc, thứ sử Giao Châu là Đào Hoàng 陶璜 (271- kh. 301) đã tâu xin với Ngô triều cắt đất quận Giao Chỉ có trong thời Hán thuộc mà đặt thành quận Tân Hưng. Trong thời nội thuộc nhà Tấn 晉 (265-420), quận Tân Hưng đổi thành quận Tân Xương. Quận này gồm đất tỉnh Vĩnh Phúc (trừ hai huyện Phong Khê và Chu Diên), miền bắc tỉnh Sơn Tây (từ năm 2008 tỉnh Sơn Tây đổi thành thị xã và nhập vào thành phố Hà Nội), và 2 tỉnh Phú Thọ, Yên Bái. Trong hai thời Ngô thuộc và Tấn thuộc, quận Tân Hưng/Tân Xương gồm 6 huyện là Mê Linh, Gia Hưng, Ngô Đình, Phong Sơn, Lâm Tây và Tây Đạo.

Trong thời nội thuộc nhà Trần 陳 (557-589), quận Tân Xương đổi làm quận Hưng Châu. Sang đến thời nội thuộc nhà Tùy 隋 (589-618), trong niên hiệu Khai Hoàng 開皇 (589-601) đời Tùy Văn Đế Dương Kiên 隋文帝楊堅 (tại vị năm 589-604) quận Hưng Châu bị phế bỏ, thay bằng một châu mới gọi là Châu Phong. Đến năm 607 đời Tùy Dạng Đế Dương Quảng 隋煬帝楊廣 (còn đọc là Tùy Dương Đế; tại vị năm 605-617) châu Phong bị phế, cải thành huyện Tân Xương, và nhập vào châu Giao. Huyện Tân Xương trong thời kỳ này tương đương với miền huyện Lập Thạch tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay.

Châu Phong được tái lập trong thời nội thuộc nhà Đường 唐 (618-907) và gồm 6 huyện An Nhân, Gia Ninh, Tân Xương, Trúc Lạc, Thạch Đê, Phong Khê.

Năm 627 đời vua Đường Thái Tông Lý Thế Dân 唐太宗李世民 (tại vị năm 626-649), hai huyện Thạch Đê và Phong Khê bị phế bỏ và cho nhập vào huyện Gia Ninh, còn huyện Trúc Lạc bị bỏ và nhập vào huyện Tân Xương. Năm 742 đời vua Đường Huyền Tông Lý Long Cơ 唐玄宗李隆基 (tại vị năm 713-756), châu Phong đổi thành quận Thừa Hóa, để rồi đến năm 758 đời vua Đường Túc Tông Lý Hưởng 唐肅宗李亨 (tại vị năm 756-762) quận Thừa Hóa lại đổi làm châu Phong. Theo Đào Duy Anh, trong thời Đường thuộc, châu Phong có lẽ gồm miền đất ở xung quanh ngã ba Bạch Hạc, phần dưới của các thung lũng sông Cháy, sông Thao và sông Đà (sdd., tr. 76).

Dựa vào các nhận xét trên, chúng ta thấy châu Phong là phần đất tách ra khỏi huyện Mê Linh của thời Hán thuộc mà thành. Do đó, người xưa thường đồng hóa châu Phong với Mê Linh. Chẳng hạn sách **Diễn Ca** đã giới thiệu bà Trưng Trắc như sau: "*Bà Trưng quê ở châu Phong*" (câu 331), trong khi chính sử có khi chép quê bà là Mê Linh, có khi là Mê Linh Phong Châu (hay Mê Linh thuộc Phong Châu). Thí dụ: **Việt Sử Lược** chép rằng "*người huyện Mê Linh là Trưng Trắc*"(q. 1, tờ 3b), hay **Toàn Thư** thuật lại là "*Tên húy là Trắc, họ Trưng. Nguyên là họ Lạc, con gái của Lạc tướng huyện Mê Linh, Phong Châu ...*"(NK, q. 3, tờ 2a).

Nói tóm lại, trong công cuộc khởi nghĩa, Hai Bà Trưng đã lập căn cứ ngay tại quê nhà, tức là ở huyện Mê Linh mà sau này gọi là Châu Phong. Để đơn giản hóa, chúng tôi chỉ dùng tên Mê Linh thôi, vì đó là tên gọi chính thức của địa khu này vào lúc có cuộc khởi nghĩa. Chỉ có điều khác biệt là vào thời này, đất Mê Linh tuy đã bị thu nhỏ từ thời nhà Thục nhưng vẫn còn lớn hơn đất đai Châu Phong thời Tùy thuộc, Đường thuộc. Vì vậy, khi nghiên cứu về căn cứ khởi nghĩa của Hai Bà Trưng chúng ta cần nhớ rõ điểm này.

C. Tại Sao Mê-linh Được Chọn Làm Căn Cứ Của Cuộc Khởi Nghĩa?

Tới đây chúng ta có một thắc mắc: tại sao Hai Bà Trưng lại chọn Mê Linh làm căn cứ địa cho cuộc khởi nghĩa, trong khi Mê Linh lại là nơi chính quyền đô hộ Hán đã đặt gông máy chính

trị (Mê Linh là trị sở bộ Giao Chỉ cho tới cuối thời nhà Tây Hán), hành chính (Mê Linh là trị sở quận Giao Chỉ), và quân sự (Mê Linh là trị sở của phủ đô úy)? Hai lý do có thể dùng để trả lời câu thắc mắc.

1. *Lý Do 1*: Vì Mê Linh là đất bản bộ của các vua Hùng, thuộc vương triều đầu tiên Hồng Bàng.

Theo truyền thuyết, được Trần Thế Pháp ghi lại trong *Truyện Hồng Bàng* sách **Chích Quái**, sau khi Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ và sinh ra 100 con trai, vì có sự tương khắc về bản chất giữa hai vị, một bên là rồng sinh trưởng ở dưới biển và một bên là tiên ở trên đất, nên hai vị đã phân chia con cái, 50 con theo cha xuống biển và 50 con cùng mẹ ở tại Châu Phong (hiểu là huyện Mê Linh) để lập nên một nước mới là Văn Lang. Các sử sách từ đó đã ghi chép tương tự.

Toàn Thư chép rằng vua Hùng là "*con Lạc Long Quân (không rõ tên húy), đóng đô ở Châu Phong (nay là huyện Bạch Hạc tỉnh Vĩnh Yên)*" (NK, q. 1, tờ 3a).

Cương Mục cũng mở đầu bằng câu "*Hùng Vương dựng nước gọi là Văn Lang, đóng đô ở Châu Phong*" (TB, q. 1, tờ 1a) và trong một đoạn khác cũng nhắc lại là "*tôn con trưởng làm Hùng Vương, nối quân vị, dựng nước gọi là nước Văn Lang, đóng đô ở Châu Phong.*" (TB, q. 1, tờ 1b)

Mặt khác, mặc dù **Việt Sử Lược** chép kinh đô nước Văn Lang là Văn Lang, nhưng qua câu "*Đến đời Trang Vương nhà Châu ở bộ Gia Ninh có người lạ dùng ảo thuật áp phục được các bộ lạc, tự xưng là Hùng Vương, đóng đô ở Văn Lang, hiệu là nước Văn Lang...*" (q. 1, tờ 1a), chúng ta có thể hiểu được kinh đô đó đặt ở Châu Phong, bởi vì Gia Ninh là tên một huyện sau này tách từ huyện Mê Linh mà ra và đến thời Đường thuộc Gia Ninh là trị sở của Châu Phong (ở miền tỉnh Phú Thọ ngày nay).

Hơn nữa, theo sách **Thông Điển 通典** của Đỗ Hữu 杜佑 (734-812), ở Châu Phong có khe Văn Lang 文郎瀾, còn sách **Hoàn Vũ Ký** của Nhạc Sử nói rằng ở huyện Tân Xương (tức là Châu Phong, như đã nói ở một đoạn bên trên) có thành Văn Lang 文郎城. Thành này chính là căn cứ của các vua Hùng. Sách **Đại Nam Nhất Thống Chí** (gọi tắt: **Nhất Thống Chí**) do Quốc sử

quán triều Nguyễn biên soạn đã đặt thành Văn Lang ở nơi có đền Hùng ngày nay.

2. Lý Do 2: Vì Mê Linh còn là quê nội của Hai Bà Trưng.

Toàn Thư nói rằng Hai Bà Trưng là con gái của Lạc tướng huyện Mê Linh. Trước **Toàn Thư**, *Truyện Trinh Linh Nhị Trưng Phu Nhân* trong **Chích Quái** nói rằng "*Hai Bà Trưng họ Lạc, bà chị tên là Trắc, bà em tên là Nhị, người Mê Linh, Châu Phong, con gái Lạc tướng Giao Châu*" và truyện *Nhị Trưng Phu Nhân* trong **Việt Điện** cũng nói tương tự: "*Bà chị tên là Trắc, bà em tên là Nhị, vốn họ Lạc, con gái Lạc tướng ở Châu Giao ta, người huyện Mê Linh, Châu Phong.*"

Đó là chưa kể theo truyền thuyết, bà Man Thiện, mẫu thân của Hai Bà Trưng, là hậu duệ bên ngoại của các vua Hùng. Đáng tiếc là chúng ta không biết bà Man Thiện là hậu duệ của vị vua Hùng nào.

Tuy quê quán của bà Man Thiện là làng Nam Nguyễn (sau đổi là Nam An, nay thuộc xã Cam Thượng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, nhưng vì lấy chồng là lạc tướng ở Mê Linh nên bà cũng phải đã sống và có nhiều ảnh hưởng ở Mê Linh. Thực vậy, theo truyền thuyết, khi Hai Bà Trưng lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống chính quyền đô hộ Hán, bà Man Thiện đã đi nhiều nơi hô hào các quan viên người bản xứ ở các địa phương hưởng ứng, hợp tác. Chính bà Man Thiện cũng đã tổ chức và chỉ huy nghĩa quân giúp hai con và sau này, khi Mã Viện mang quân sang xâm lược để tái lập nền đô hộ, bà Man Thiện đã tổ chức cuộc kháng chiến cho đến khi thất bại phải gieo mình xuống sông tự vẫn.

Nói cách khác, vì cả hai bên nội ngoại đều là dòng dõi vua Hùng mà đất bản bộ của các vua Hùng là Mê Linh; hơn nữa, phụ thân Hai Bà Trưng còn là Lạc tướng Mê Linh, nên Hai Bà Trưng đã có lý khi lập căn cứ khởi nghĩa ở Mê Linh, nơi ảnh hưởng của dòng họ Hai Bà rất lớn và có nhiều người trợ giúp, phụ tá đáng tin cậy, và, nếu cần, còn có nhiều người che chở, bảo vệ.

Mặc dù Mê Linh là trị sở chính trị, hành chính, và quân sự của chính quyền đô hộ Hán, sự kiện này cũng không thể xóa bỏ hay làm giảm vai trò của đất Mê Linh trong công cuộc khởi nghĩa và kháng chiến của Hai Bà. Trái lại, ngoài sự đoàn kết nhất trí của các địa phương trong huyện Mê Linh cũng như của các địa

phương lân cận ra, Mê Linh còn là địa điểm chiến lược quan trọng để gây áp lực nặng nề cho chính quyền đô hộ Hán. Nó có thể bao vây chặt chẽ các quan viên và quân lính Hán, y như nhốt họ trong lồng vậy. Chúng ta cũng nên nhớ rằng, chính vì vị trí chiến lược quan trọng của Mê Linh nên sau khi đánh đuổi được chính quyền đô hộ và được tôn làm vua, bà Trưng Trắc đã chọn ngay Mê Linh làm kinh đô của mình (VSL, q. 1, tờ 3b; TTNK, q. 3, tờ 2a; CMTB, q. 2, tờ 10a).

II. Cuộc Hội Quân ở Hát Môn

Sách **Thiên Nam Ngũ Lục** của tác giả khuyết danh chép rằng vì thấy chính sách của nhà cầm quyền đô hộ Hán hà khắc, tàn nhẫn, nhất là "*Giận thẳng Tô Định gian manh*", nên hai vợ chồng bà Trưng Trắc cùng với bà Trưng Nhị mưu đồ việc lớn, quyết tâm khởi nghĩa, đánh đuổi bọn Hán. Tuy nhiên, vì thấy thế lực của bọn đô hộ Hán mạnh nên ông Thi Sách khuyên hai bà rời huyện Chu Diên, đất bản bộ của ông và là nơi ông đang làm Lạc tướng, về Hát Môn để lập đồn trại bởi vì

*Hát Môn có thể dụng binh,
Sông sâu làm cứ, rừng xanh làm nhà.*

Chẳng may, theo truyền thuyết, Tô Định lại cất quân đánh thành Chu Diên (tới nay chưa định được là ở đâu, chỉ biết là nằm ở trong huyện Chu Diên) trước. Ông Thi Sách một mình chống cự không lại và do sự "*quan phòng sơ xuất*" nên để cho Tô Định phá được thành.

Tuy Hai Bà Trưng có những nghĩa quân riêng của mình ở Châu Phong, nhưng vẫn thấy chưa đủ để chống chọi lại quân đô hộ Hán, nên đã hiệu triệu anh hùng hào kiệt khắp nơi cùng đứng lên làm cuộc tổng khởi nghĩa đánh đuổi bọn cầm quyền đô hộ Hán. Lời hô hào được hưởng ứng nhiệt liệt. Nghĩa quân các nơi kéo về tụ họp dưới trướng của hai bà.

*Chị em truyền hịch xa gần,
Làm trai ai chí vì dân giúp đời.
Nước ta há phạp nhân tài,
Cho thẳng Tô Định ở ngôi tư hồng.
Cho nó lán lát bách tòng,
Rễ bàng, rễ lãm chưa hòng ăn ai.*

Sau đó mọi người kéo nhau về hội họp ở Hát Môn.

*Ứng truyền thiên hạ con trai,
Một tuần binh kể dư ngoài mười muôn.
Cùng nhau họp tại Hát Môn,
Cắt tay lấy máu lên đàn thờ nhau.*

Đáng tiếc là chính sử hoặc là hoàn toàn không nói gì về việc Hai Bà Trưng hội quân ở Hát Môn (như **Việt Sử Lược**), hoặc là chỉ nói tới Hát Môn là nơi dân chúng lập đền thờ phụng hai bà sau khi hai bà đã tử nạn, chẳng hạn **Toàn Thư** viết: "*Người địa phương thương mến Trưng Nữ Vương, làm đền thờ phụng (đền ở xã Hát Giang, huyện Phúc Lộc...)*" (NK, q. 3, tờ 3b), **Cương Mục**: "*Đền Trưng Vương ở tại xã Hát Môn huyện Phúc Thọ bây giờ*" (TB, q. 2, Chú, tờ 14b), **Tiêu Án**: "*Người đời sau thương mến Trưng Vương lập đền thờ hai Bà, ở bờ sông Hát Giang, huyện Phúc Lộc.*" (tr. 40)

Ngay cả hai tác phẩm ghi chép lại các truyền thuyết, như **Việt Điện** hay **Chích Quái**, cũng vậy, chỉ chép rằng "*Người địa phương thương cảm, lập đền thờ phụng, thường có linh ứng, bây giờ đền thờ ở huyện An Hát.*" (**Việt Điện**, *Nhị Trưng Phu Nhân*) hay: "*Người trong Châu [Giao] thương tiếc, lập đền thờ ở cửa sông Hát mà phụng sự*" (**Chích Quái**, *Truyện Trinh Linh Nhị Trưng Phu Nhân*).

Vì thế, ngoài **Ngũ Lục** ra, chúng ta chỉ còn cách dựa vào một số ngọc phả, thần tích để tìm hiểu vai trò của Hát Môn trong cuộc khởi nghĩa của nhân dân Việt dưới sự lãnh đạo của Hai Bà Trưng.

Theo nhiều thần tích, ngọc phả, truyền thuyết dân gian, trong cuộc tụ hội ở bãi Trường Sa tại cửa sông Hát (Hát Môn, ở ngay cạnh sông Hồng, chỗ sông Hát tách từ sông Hồng ra) với 3, 4 vạn quân sĩ nam nữ, Hai Bà đã lập đàn tế cáo trời đất trước khi đưa đại quân đi đánh trị sở quận Giao Chỉ.

Theo thần tích của hai làng Hạ Lô (nơi có đền thờ Hai Bà Trưng và ông Thi Sách), và Hát Môn (nơi có đền thờ Hai Bà):

"Trưng Vương khởi binh được một năm, tướng sĩ nam nữ có tới ba vạn người, hội tại thành Phong Châu... Cử binh đến cửa sông Hát, đại hội ở bãi Trường Sa."

Thần tích của làng Tuấn Xuyên (nay thuộc xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; nơi có đền thờ bà Phùng Thị Chính, một nữ tướng của Hai Bà) cũng chép là: "*Trung Vương từ Phong Châu kéo về Hát Môn.*"

Ngay cả thần tích của những làng thờ các tướng sĩ của Hai Bà Trưng phần lớn cũng nói tới cuộc hội quân ở Hát Môn.

A. *Hát Môn Ở Đâu?*

Hát Môn là cửa (môn) sông Hát (Hát Giang), chỗ sông Hát tách từ sông Hồng (Hồng Hà, còn gọi là Nhĩ Hà, Nhị Hà, sông Nhị, sông Cái) chảy ra.

Theo sách **Thủy Kinh Chú** của Lê Đạo Nguyên (q. 37), sông Diệp Du 葉榆河⁽⁵⁾ từ miền đông nam huyện Tà Long 邪龍 chảy qua huyện Tần Tang 秦臧, phía nam cùng sông Bộc 濮水 nhập vào đầm Điền Trì 滇池澤 ở vùng 2 huyện Liên Nhiên 連然 và Song Bách 雙柏, rồi từ đầm chảy hướng đông bắc qua phía nam huyện Điền Trì, đoạn chảy hướng đông tới phía nam huyện Đồng Tịnh 同并, rồi vẫn theo hướng đông tới huyện Lậu Giang 漏江, bên dưới núi Phục Lưu 伏流, rồi ra khỏi Phúc Khẩu 蝮口. Ở đây sông gọi là Lậu Giang. Sau đó sông Diệp Du lại chảy qua phía bắc huyện Bí Cổ 賁古, hợp với sông Bàn (Bàn Giang 盤江, còn gọi là Bàn Thủy 盤水) ở phía đông. Tiếp theo, sông Diệp Du chảy vào phía bắc huyện Tây Tù 西隨 thuộc quận Tường Ca 牂柯 (ở đây sông gọi là sông Tây Tù 西隨水), rồi lại chảy hướng đông ra ải Tiển Tang 進桑關. Đoạn **Thủy Kinh Chú** dẫn lời Mã Viện, viên tướng Hán đem quân sang xâm lăng nước Việt năm 43 SCN, nói rằng từ Mê Linh thủy đạo ra khỏi ải Tiển Tang thì đến huyện Bí Cổ thuộc Châu Ích 益州. Sau đó sông Diệp Du ở đông nam dứt khỏi sông Ôn 溫水 mà vào quận Giao Chỉ. Khi sông chảy qua phía bắc huyện Mê Linh 麓泠 thì chia thành 5 nhánh sông, chảy quanh bên trong quận Giao Chỉ, tới ranh giới phía nam thì hợp lại thành 3 sông, rồi chảy hướng đông mà vào biển.⁽⁶⁾

Một trong những nhánh sông đó, vẫn theo sách **Thủy Kinh Chú**, chảy trước mặt huyện Chu Diên. Sông ấy lại chảy hướng đông, qua phía bắc huyện Phổ Dương, rồi chảy hướng đông qua phía bắc huyện Vô Thiết và qua huyện Câu Lậu.

Sách **Đất Nước** đưa ra 3 nhận xét về đoạn trên: (a) huyện Phó Dương không thể ở đây; (b) huyện Vô Thiết đúng ra là huyện Vô Công; và (c) nhánh sông này tương đương với sông Đáy (tr. 37), mà sông Đáy tức là sông Hát.

Chúng ta cũng nên chú ý đến điểm là sách **Hoàn Vũ Ký** gọi sông Đáy là sông Chu Diên.

Như vậy, theo sách **Đất Nước**, huyện Chu Diên tương đương với một phần tỉnh Sơn Tây, một phần tỉnh Hà Đông (hai tỉnh Sơn Tây và Hà Đông nay là thị xã Sơn Tây và quận Hà Đông thuộc thành phố Hà Nội) và miền Hà Nam giữa sông Đáy và sông Hồng, và có thể cả miền hai huyện Lương Sơn và Lạc Sơn (cả hai thuộc tỉnh Hoà Bình ngày nay) ở giữa sông Đáy và sông Đà (tr. 37).

Sông Hát ngày nay chỉ còn là một lạch nước nhỏ thôi, tới Cầu Phùng (nay thuộc thị xã Sơn Tây) mới trông ra vẻ một con sông. Tuy nhiên, từ đây nó có một tên khác là sông Đáy (cũng vì vậy có tài liệu nói sông Hát, có tài liệu nói sông Đáy).

Xã Hát Môn ngày nay lại cách xa cửa sông Hát bằng một xã khác là xã Vân Nam (cả 2 cùng thuộc huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội). Theo sách **Cuộc Khởi Nghĩa Hai Bà Trưng ở Hà Nội** của Nguyễn Vinh Phúc, xã Hát Môn chỉ mới có từ thời nhà Hậu Lê (1428-1788), nghĩa là ít nhất cũng từ 14 đến 17 thế kỷ sau khi có cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng. Hai xã Hát Môn và Vân Nam xưa kia là địa khu của 6 làng cùng mang tên Vĩnh: Vĩnh Phúc, Vĩnh Thọ, Vĩnh Khang, Vĩnh Ninh, Vĩnh Thuận và Vĩnh Lộc. Ngoài ra, 6 làng này lại nguyên là trang Vân Thủy ở bên tả ngạn sông Hồng thuộc huyện Yên Lạc (huyện thuộc tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay). Trong thời nhà Hậu Lê, vì đất bị lở nên mọi người trong trang mới dời sang hữu ngạn sông Hồng, nơi vùng bãi đất phù sa sông Hồng mới bồi, để sinh sống. Họ lập thành 6 làng này. Như vậy, xã Vân Nam nói trên vào thời Hai Bà Trưng phải hãy còn là lòng sông (nxb. Hà-nội, 1983, tr. 93-94).

Căn cứ vào các chi tiết kể trên, chúng ta có thể hình dung được là vào thời Hai Bà Trưng, Hát Môn là một cửa sông và cửa sông này phải rất rộng.

B. Cuộc Hội Quân ở Hát Môn

Từ Chu Diên, Hai Bà Trưng đã về Hát Môn đắp thành, xây lũy, chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa. Tuy sử sách không nói rõ, chúng ta phải hiểu là Hai Bà đã rời thành Chu Diên, chứ không phải là huyện Chu Diên, bởi vì Hát Môn cũng nằm trong huyện Chu Diên.

Tại Hát Môn, Hai Bà Trưng đã mở một cuộc hội quân và được anh hùng hào kiệt khắp mọi nơi hưởng ứng kéo đến tụ hội.

Căn cứ vào truyền thuyết và thần tích của những nơi có đền thờ hai bà cùng các tướng tá nam nữ đã gia nhập cuộc khởi nghĩa chúng ta biết sơ qua lực lượng của nghĩa quân như sau:

- Hai Bà Trưng có 30.000 quân;
- Đồng Nghi dẫn vài nghìn người;
- Ba anh em Đào Đô Thống, Đào Chiêu Hiên và Đào Tam Lang dẫn 3.000 người;
- Triệu Tam Trinh dẫn 3.000 người;
- Tạ Vĩnh Gia (nữ) ở bãi Quân Thần (nay là các xã Thượng Cát và Đại Mỗ thuộc huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội) dẫn 2.000 nghĩa sĩ nam nữ;
- Nguyễn Hối, tức Đông Hối đại vương, từ trang Ký Hợp (nay là làng Thịnh Kỳ, xã Tiền Châu, thuộc thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc) dẫn 2.000 quân tới;
- Lý Minh ở Mục Uyên (nay thuộc xã Tân Xã, huyện Thạch Thất, ngoại thành Hà Nội) dẫn 2.000 người;
- Hai vợ chồng Hùng Thiên Bảo và Trần Nương (vì kiêng kỵ nên dân chúng gọi bà là Trần Nang) từ Kẻ Sỏi (tức làng Thái Lai, nay thuộc xã Tiến Thắng, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội) và trang Toàn Liệt, tức Kẻ Sắt, sau đổi là làng Phú Mỹ, nay thuộc xã Tự Lập, cùng huyện) đem khoảng 1.250 binh (800 nam và 250 nữ);
- Đào Khang dẫn trên 1.000 người;
- Hai chị em Á Nương và Á Nang ở Yên Mạc (nay là xã Liêm Mạc, cùng huyện) đem 1.000 quân;
- Tống Vĩnh Huy (nữ) dẫn 1.000 người;
- Nguyễn Hải Diệu đem 1.000 người;
- Nguyễn Thành Công mang 500 người;
- Hai chị em Á Lã Nàng Đê và Nguyễn Quốc đem 500 người;

- Hai chị em Ả Tú, Ả Huyền họ Phùng và Ả Cát họ Hoàng ở trang Vân Thủy (nay là các xã Vân Nam và Vân Phúc, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội) đến với 52 bạn gái;

- Xa Lai ở Cao Quang (nay là xã Cao Minh, huyện Mê Linh) đem 35 thủ túc;

- Ba anh em Trương Đức Cả, Trương Đức Hai và Trương Đức Ba ở làng Trung Hậu (nay thuộc xã Tiên Phong, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội) đến với 30 bạn trẻ.

Ngoài ra, còn có một số người nữa cũng dẫn quân tới nhưng chúng ta không rõ bao nhiêu:

- Bà Nguyệt Điện từ Tây Cốc và Trần Tuấn cùng Vương Đạo từ Phương Trung (cả hai miền này nay là xã thuộc huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ);

- Ả Nàng từ Kim Thượng (nay thuộc huyện Thanh Sơn, cùng tỉnh);

- Lê Chân (nữ) từ An Biên (nay là thành phố Hải Phòng);

- Thánh Thiên (nữ) từ Ngọc Lâm (nay thuộc huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang);

- Thánh Hậu (nữ) từ Hạ Phan (nay thuộc huyện Quỳnh Phụ, thị trấn Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình);

- Chu Tước (nữ) từ Miếu Môn (nay thuộc xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội);

- Trinh Thục (nữ) từ Ngọ Xá (nay thuộc huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội);

- Ba chị em Nguyễn Chiêu Nương, Nguyễn Hồng và Nguyễn Tuyên từ Xà Cầu (nay thuộc xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội), v.v.

Quân của những người tham gia cuộc khởi nghĩa không phải là quân đội chính qui đã được huấn luyện thuần thục từ lâu như đại quân của Hai Bà Trưng.

Ngày hội quân là ngày nào không rõ. Tuy nhiên, cho đến những năm gần đây, hàng năm làng Hát Môn vẫn tổ chức lễ Hai Bà Trưng vào ngày 4 tháng 9 âm lịch để kỷ niệm việc hai bà tế cáo trời đất trước khi mở cuộc khởi nghĩa chống chính quyền đô hộ Hán, cho nên rất có thể ngày hội quân ở Hát Môn là ngày 4 tháng 9 âm lịch năm Kỷ Hợi (năm 39).

Sở dĩ Hát Môn được chọn làm nơi hội quân là vì hai lý do chính:

Thứ nhất, Hát Môn ở cách xa quận trị quận Giao Chỉ (huyện Luy Lâu, hay Liên Lâu, từ cuối thời nhà Tây Hán) cũng như đô úy trị (huyện Mê Linh), nên trong nhất thời không bị chính quyền đô hộ Hán ra tay đàn áp.

Thứ hai, Hát Môn là cửa sông rất rộng lớn, sông lại sâu, và có bãi dài gọi là Trường Sa châu, nên là địa điểm thích hợp cho hàng vạn nghĩa quân, ngựa xe, cũng như là thuyền chiến tụ họp.

Theo nhiều ngọc phả và thần tích, tại cuộc hội quân ở Hát Môn, bà Trưng Trắc đã đăng đàn đọc một bài văn tế cáo trời đất và ra một hịch thảo phạt Tô Định. Xin kể một thí dụ.

Trong bài “*Lời Thề Trong Lễ Tế Cờ Sông Hát 1971 Năm Trước*” đăng trên mạng điện tử xuandienhannom.blogspot.com ngày 9.9.2011, đăng lại ngày 6.3.2017, có bản dịch Việt ngữ trích lục lời thề của bà Trưng Trắc in trong ngọc phả về một vị đại vương, tướng của Hai Bà Trưng, như sau:

“Xưa, Hùng Vương là bậc thánh tổ non sông, mở vận dựng nghiệp hơn hai ngàn năm. Vua Hùng dựng nước, non xanh ngàn dặm dựng nền thành đô cung điện; nước biếc một dòng khai đạo thánh đế minh vương. Cứu vật độ nhân, nắm 15 bộ. Đó gọi là tổ của Bách Việt.[...]”

“Lại nói chuyện lúc đó cơ đồ họ Hùng đã sắp hết, truyền được 18 đời. Ý trời đã cho cáo chung. Trái đến đời Tây Hán, Đông Hán có vùng Long Biên là còn thuộc nước ta [...]

“Đến khi, có cháu gái của Hùng Vương khi trước là TRẮC, là bậc hào kiệt trong giới nữ lưu, là bậc thánh thần trên đời, mới phát động binh hùng cất quân ra cự lại. Khi đó, bọn nam nhi có tài thao lược chưa thấy có ai. Các nữ Tướng lĩnh binh lính đã gióng chuông phát động. Trưng Nữ mật đến cáo yết Tản Viên Sơn Thánh, hội đồng Bách thần tại cửa sông Hát Môn (ở xứ Sơn Tây) [trang 2a], thiết lập đàn tế cáo chư vị linh thần, và đọc chúc rằng:

“Trời sinh một người làm tôn chúa của vạn vật trong trời đất. Sinh linh đều có quan hệ đến, đến cả cỏ cây cũng có liên quan. Trái biết bao triều đại trước, các vị đế vương thiên tử thánh minh, triều đình đều có đạo, yêu dân yêu nước, đức hóa rộng ban,

thiên hạ thanh bình, quốc gia vô sự. Ngày nay, có kẻ dị tính là tên chó đẻ Tô Định hung hăng quấy nhiễu, cuồng bạo tàn ác, khiến cho trời đất và người đều căm phẫn. Thiếp vốn là đứa cháu gái của dòng dõi Hùng Vương, là đàn bà mà nói đến chuyện sinh linh mà hoàng thiên rơi lệ. Ngày nay, rất đau lòng thương đến con đỏ, dẹp lũ giặc tàn bạo. Nguyên với chức vị tôn thần giáng đàn chứng giám cho lời thề ra sức giúp cho thiếp là Trưng Nữ cát quân đánh dẹp Tô Định để bảo vệ đất nước, cứu độ cho dân. Tỳ thiếp sẽ lấy lại muôn vật cũ của tổ tông, đặt sinh linh vào nơi yên ổn, đưa sinh linh ra khỏi chỗ hoạn tai, sau nữa là để không phụ ý hoàng thiên, thỏa [trang 2b] lòng anh linh của các bậc tiên hoàng, an ủi cha ông nơi chín suối!

“Đọc chúc xong, gọi các âm binh nghìn hàng vạn đội; lại truyền hịch khắp Nam bang các đạo, châu, huyện, hễ ai có văn, võ, tài năng, đức độ hơn người, là bậc anh hùng có thể địch lại được [Tô Định] thì ngay ngày hôm đó sẽ chiêu nạp quân sĩ, phiên thần để đi đánh dẹp. [...]”

Bản Việt dịch này do Nguyễn Xuân Diện thực hiện. Đáng tiếc là dịch giả không cho biết ngọc phả đó để tại đâu, do ai viết và viết năm nào, tuy dịch giả có ghi “*Bản chính của Bộ Lễ quốc triều*” và cho biết là dịch theo Văn bản VHv. 1222 tại Viện Nghiên Cứu Hán Nôm (Hà Nội).

Một thí dụ khác được in trong sách **Cuộc Khởi Nghĩa**⁽⁶⁾.

Tuy nhiên, căn cứ vào những ngôn từ và ý niệm trình bày cũng như thể văn dùng trong hai bản văn này, rất nhiều người đã cho rằng đây chỉ là những tác phẩm của người hậu thế, chứ không phải là của chính bà Trưng Trắc.

Hơn nữa, theo thiên ý của chúng tôi, ngay cả bốn mục đích nêu trong sách **Ngũ Lục** là: (a) rửa sạch quốc thù, (b) khôi phục cơ nghiệp họ Hồng Bàng (mà gia đình bà là một thành phần), (c) trả thù cho chồng (theo **Ngũ Lục**, ông Thi Sách đã bị Tô Định giết chết), (d) quyết giành thắng lợi, không phải do chính bà Trưng Trắc đề ra để biện minh cho cuộc khởi nghĩa mà cũng chỉ là sự suy luận của tác giả bộ **Ngũ Lục** mà thôi.

Sau lễ tế cáo trời đất, các đoàn nghĩa quân của Hai Bà cũng như của các anh hùng hào kiệt bốn phương tụ họp nơi đây đã tham dự cuộc thao luyện trong 5 tháng, từ tháng 9 năm Kỷ Hợi (39) đến tháng 2 năm Canh Tý (40).

Theo thần tích Cống Sơn đại vương của làng Thịnh Kỳ, tại động Hoa Lư châu Ái (nay là huyện Hoa Lư tỉnh Ninh Bình) có hai ông bà Hoàng Công Tạo và Đinh Thị Điền mấy đời làm nghề thuốc. Họ sinh được một người con trai tên là Cống. Năm ông Cống 22 tuổi, hai ông bà qua đời. Sau khi an táng hai người xong, ông Cống bỏ động Hoa Lư ra sống với người cậu ruột là Đinh Đạm lúc đó đang làm trưởng bộ bộ Vũ Ninh⁽⁷⁾. Tuy nhiên, ít lâu sau ông Đạm bị Tô Định giết hại, nên ông Cống quay trở về Hoa Lư dạy học. Vẫn theo thần tích này, sau lễ tế cáo trời đất ở Hát Môn, bà Trưng Nhị đã lên đường về ngay động Hoa Lư mời ông Cống ra để thao luyện binh mã ở Hát Môn.

Khi cuộc tổng khởi nghĩa được phát động, nghĩa quân xuất phát từ Hát Môn. Rồi đến khi Mã Viện đem 20.000 quân sang xâm lăng năm 42, Hát Môn, vì nằm trong khu vực sông Đáy, đã được dùng làm một trong những địa điểm kháng chiến cho đến khi Mã Viện hoàn toàn dựng lại được guồng máy đô hộ Hán năm 43.

Nói tóm lại, Hát Môn tuy là một địa phương nhỏ bé nhưng đã đóng góp một phần không nhỏ trong công cuộc khởi nghĩa cứu quốc và kháng chiến bảo quốc của nhân dân Việt năm 40-43 SCN. Ngày nay, Hát Môn còn được vinh dự là nơi có đền thờ hai nhân vật có công lớn nhất là bà Trưng Trắc và bà Trưng Nhị (thường gọi là miếu Hát), và dựng ở ngay tại chỗ, theo truyền thuyết, Hai Bà dựng đàn tế cáo trời đất.

III.- Phát Động Cuộc Khởi Nghĩa

Mùa xuân, tháng 2 năm Canh Tý (năm 40 SCN), các lực lượng khởi nghĩa bắt đầu đánh các đồn trại của quân Hán và các huyện thành thuộc quận Giao Chỉ, chiếm quận trị là thành Luy Lâu (ở trên bờ sông Đuống, ngày nay còn di tích ở làng Lũng Khê thuộc huyện Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh) và đô úy trị là huyện Mê Linh cũng như các huyện thành khác.

Theo ngọc phả hai làng Hát Môn và Hạ Lôi, các đạo nghĩa quân dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Hai Bà Trưng đã xuất phát

từ Hát Môn, tiến về trang Cổ Lôi (nay là xã Hạ Bằng thuộc huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội) ở khu vực giáp ranh giới 3 huyện Thạch Thất, Quốc Oai (cũng là huyện thuộc thành phố Hà Nội) và Lương Sơn (thuộc tỉnh Hòa Bình), lập đồn binh để tấn công thành Tô Định, đánh tan quân Hán, chém trên 1.000 đầu giặc. Sau đó, quân của Hai Bà đánh tóa ra các huyện thành trong quận Giao Chỉ. Họ được nhân dân các địa phương cũng như nhân dân hai quận Việt khác là Cửu Chân và Nhật Nam và một quận Hoa là Hợp Phố (hay ít nhất cũng là những người Man, người Lý trong quận này) hưởng ứng, đưa đến việc lật đổ được chính quyền đô hộ Hán, khôi phục nền độc lập tự do cho quốc gia dân tộc và thiết lập một vương triều mới là Trưng (40-43).

Về việc này có hai điểm đáng chú ý.

Thứ nhất, theo truyền thuyết, đại quân của Hai Bà Trưng có tới 3, 4 vạn người, trong đó có chẳng những là người Việt mà còn cả người Hán nữa. Theo thần tích đền Càn ở xã Ké Sơn (huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang) thì hai viên quan người Hán là Đô Thiên và Minh Giang vì căm hận triều đình nên chạy sang Giao Chỉ chống lại nhà Hán và khi Hai Bà Trưng dấy binh hai ông đã mang quân của mình đi theo.

Thứ hai, tuy đa số các sách nói là quân khởi nghĩa của Hai Bà Trưng đánh hãm các huyện thành ở quận Giao Chỉ, nhưng cũng có thuyết cho rằng có lẽ quân chủ lực của Hai Bà không đánh hết 10 huyện của quận mà ở một số huyện dân địa phương, dưới sự thống lãnh của các huyện lệnh hay huyện trưởng, đã nổi dậy ở ngay địa phương. Thuyết này có lẽ dựa vào thần tích, ngọc phả của nhiều làng ghi sự tích các nhân vật địa phương đã tổ chức và lãnh đạo những cuộc nổi dậy cùng lúc với cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, như: ở nội thành Hà Nội có cuộc nổi dậy của ba chị em họ Đào, ở làng Xuân Đổ hạ (xã Cự Khối thuộc quận Long Biên, thành phố Hà Nội) có Khôa Ba Sơn, ở Miếu Môn có bà Chu Tước, ở Đạo Trù (nay là xã Đạo Trù thuộc huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc) có Bà Chúa Bầu, ở Đông Cứu (nay là xã Đông Cứu thuộc huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh) có vợ chồng Đào Nương và Doãn Công, v.v.

Theo ngọc phả hai làng Hát-môn và Hạ-lôi, nghĩa quân của Hai Bà Trưng từ Hát Môn tiến về Cổ Lôi trang (tên nôm là Kê

Lôi, nay là làng Hạ Lôi), trị sở của đô úy Hán, đánh tan quân Hán ở đây, chém trên 1.000 đầu giặc, rồi sau đó tiến đánh Tô Thành (còn gọi là Tô Định thành, ở làng Lũng Khê, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), tức là trị sở của quận Giao Chỉ.

Khi đại quân của Hai Bà Trưng đến bao vây Tô Thành, Tô Định hoảng sợ phải chạy trốn về nước. Truyền thuyết kể rằng Tô Định phải cắt râu, vứt bỏ ấn tín mà chạy.

Sách **Việt Sử Lược** không nói gì đến việc này, còn các tài liệu khác, như **Toàn Thư** (TB, q. 3, tờ 2a), **Cương Mục** (TB, q. 2, tờ 10a), **Việt Điện**, (tr. 11), và **Chích Quái** (tr. 49) đều chép rằng Tô Định chạy về Nam Hải⁽⁸⁾, còn **Tiêu Ẩn** chép là chạy về Hán (tr. 39).

Xin mở một đầu ngoặc ở đây để nói lên một điểm liên quan đến Tô Định.

Trong khi **Việt Sử Lược** cũng không chép gì, các tài liệu khác đều chép là Tô Định chạy trốn về quận Nam Hải (**Tiêu Ẩn** chép là chạy về Hán) thì sách **Chí Lược**, trong phần viết về Tô Định (q. 7, chứ không phải là trong phần viết về bà Trưng Trắc, q. 15), đã chép rằng bà "*Trung Trắc giết Tô Định làm phản*" (q. 7, tờ 2a).

Theo thiển ý của chúng tôi, điều ghi chép của **Chí Lược** không đáng tin. **Hậu Hán Thư** (biên soạn từ năm 432 đến năm 445, nghĩa là khoảng 400 năm sau cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng và khoảng 900 năm trước sách **Chí Lược**) bộ sử chép về những biến cố xảy ra ở Trung Quốc hay có liên quan tới Trung Quốc trong thời nhà Hậu Hán (hay Đông Hán), cũng không hề đề cập tới việc này trong bất cứ quyển nào, đoạn nào.

Truyện Lưu Long và *Truyện Mã Viện* không hề chép gì về việc này, còn *Truyện Nam Man* chỉ chép rằng "*thứ sử Giao Chỉ và các thái thú chỉ còn giữ mình được thôi.*" (Giao Chỉ thứ sử cập chư thái thú cận đắc tự thủ. 交趾刺史及諸太守僅得自守 q. 86, tr. 2836). Nếu việc này thực có thì tại sao **Hậu Hán Thư**, cũng như các tài liệu khác của người Trung Quốc không hề nói tới? Và lại, nếu Tô Định quả thực bị giết thì đâu có việc vua Hán Quang Vũ biếm chức họ Tô như lời sách **Chích Quái**? hay biếm y qua

quận Đạm Nhĩ 儋耳 (nay là thành phố Đạm Châu 儋州 thuộc tỉnh Hải Nam 海南) như lời sách **Việt Điện**?

IV.- Cuộc Khởi Nghĩa Thành Công

Với ba quận trên đất Việt nhất tề hưởng ứng, chẳng bao lâu cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng đã thành công, chính quyền đô hộ Hán bị tan rã và nền độc lập của quốc gia được phục hồi. Nhân dân Việt đã suy tôn bà Trưng Trắc làm vua.

Một vấn đề cần được đề cập tới ở đây. Tất cả các tài liệu của người Việt (như: **Chí Lược, Việt Sử Lược, Toàn Thư, Cương Mục, Tiêu Án, Việt Điện, Chích Quái**) và của người Hoa (như: **Hậu Hán Thư, An Nam Chí**) đều chép rằng sau khi chiến thắng, bà Trưng Trắc đã tự lập làm vua.

Tuy nhiên, chúng tôi không nghĩ như vậy. Đành rằng với công nghiệp vĩ đại như vậy bà Trưng Trắc xứng đáng làm vua nước Việt. Tuy nhiên, ngoài bà ra, còn có nhiều người khác cũng có công không thua kém gì mấy. Hơn nữa, ngoài nhân dân Việt ra còn có nhân dân quận Hợp Phố Trung Quốc, hay ít ra cũng là người phi Hán tộc người Man Lý (sẽ xét trong phần III), cũng đã tham gia cuộc khởi nghĩa. Việc bà Trưng Trắc tự lập làm vua, nếu có, sẽ bị coi là một hành động độc đoán và cướp công của người khác, một việc chúng tôi nghĩ Bà đã không làm, và không muốn làm, nhất là khi đất nước vừa thoát khỏi ách đô hộ của người Hán, nền độc lập hãy còn non yếu, bên cạnh một nước khổng lồ, nước giàu dân mạnh, bất cứ một hành động nào có thể gây nên sự chia rẽ hay bất mãn trong nước cũng sẽ có ảnh hưởng tai hại mà một nhà lãnh đạo sáng suốt cần phải hết sức tránh. Vì vậy chúng tôi nghĩ rằng Bà được nhân dân các quận suy tôn lên làm vua thì đúng hơn và có như vậy thì quyền của Bà mới chính đáng hơn.

Theo **Việt Sử Lược, Toàn Thư, Cương Mục**, bà Trưng Trắc sau khi được tôn lên làm vua đã chọn huyện Mê Linh, đất bản bộ của dòng họ Bà, cả bên nội lẫn bên ngoại, làm kinh đô.

Tuy nhiên, sách **Việt Điện**, (cả phần Việt dịch lẫn phần nguyên tác Hán văn in trong bản Việt dịch của Lê Hữu Mục) đã

viết tên quốc đô của bà Trưng là Chu Diên (tr. 217, phần chữ Hán, và tr. 59, phần chữ Việt), đất bản bộ của gia đình chồng bà. Trái lại, nguyên tác Hán văn **Chích Quái** in trong bản Việt dịch cũng của Lê Hữu Mục viết chồng bà Trưng Trắc là người Chu Diên (tr. 49, phần chữ Hán, và tr. 114, phần chữ Việt), còn viết bà Trưng đóng đô ở thành Ô Diên 烏 鳶 城 (tr. 49, phần chữ Hán, và tr. 114, phần chữ Việt). Theo thiện ý của chúng tôi, có lẽ đây là một lỗi viết lầm của bản chép tay của Phạm Quỳnh mà Lê Hữu Mục đã dùng (xem *Lời Mở Đầu* bản Việt dịch).

Mặt khác, theo thần tích của làng Hát Môn, Trưng Vương đã đặt quốc hiệu là Triệu, còn theo sách **Dur Địa Chí** của Nguyễn Trãi thì bà gọi nước là Hùng Lạc (điều thứ 9). Tuy nhiên, vì không còn tài liệu nào khác, cả của người Việt lẫn của người Hoa, ghi tên nước dưới thời Trưng Vương nên không chắc hai tên Triệu và Hùng Lạc đã là đúng.

Chú Thích

(1) Đoạn này chúng tôi dựa phần lớn vào tác phẩm **Đất Nước Việt Nam Qua Các Đời: Nghiên Cứu Địa Lý Học Lịch Sử Việt Nam** của Đào Duy Anh, nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1965; *Đông Nam Á*, Paris, in lại, 1984.

(2) Hai tỉnh Sơn Tây và Hà Đông, sau nhiều lần thay đổi qui chế, từ năm 2008 đã hoàn toàn sáp nhập vào thành phố Hà Nội.

(3) Tên các bộ lạc này căn cứ theo tên các huyện đặt trong thời Hán thuộc, chứ không phải là tên thực của các bộ lạc có thời Hồng Bàng và Thục. Riêng đất Tây Vu vì quá rộng lớn nên sau khi đánh tan cuộc kháng chiến do hai Bà Trưng lãnh đạo năm 43, Mã Viện đã chia Tây Vu ra làm hai huyện Phong Khê và Vọng Hải.

(4) (a) **Phủ Lâm Thao**: trước thuộc tỉnh Sơn Tây; nay là đất các huyện Hạ Hòa, Cẩm Khê, Lâm Thao, Thanh Ba tỉnh Sơn Tây; nay là đất các huyện Sơn Dương thuộc tỉnh Tuyên Quang, Tam Dương thuộc tỉnh Vĩnh Phúc, xã Hùng Quan thuộc huyện Đoan Hùng tỉnh Phú Thọ. (c) **Phủ Yên Bình**: nay là đất các huyện Yên Sơn, Chiêm Hóa, Na Hang, và một phần thành phố Tuyên Quang thuộc tỉnh Tuyên Quang; 2 huyện Lục Yên và Yên Bình thuộc tỉnh Yên Bái; các huyện Vị Xuyên, Mèo Vạc, Bắc Mê, Yên Minh thuộc tỉnh Hà Giang; 2 huyện Bảo Lâm, Bảo Mộc thuộc tỉnh Cao Bằng. (d) **Phủ Tương Yên**: nay là địa khu gồm 2 huyện Vị Xuyên và Hoàng Su Phì thuộc tỉnh Hà Giang, và huyện Bảo Lạc thuộc tỉnh Cao Bằng.

(5) **Sông Diệp Du**: còn gọi là Côn Minh Trì 昆明池, nay gọi là sông Nhĩ Hải 洱海 hay Nhĩ Hà 洱河, Tây Nhĩ Hà 西洱河, ở phía đông thành phố Đại Lý 大理 thuộc tỉnh Vân Nam 雲南, nguồn xuất từ núi Bải-cốc 罷谷 ở phía bắc huyện Nhĩ-nguyên 洱源 cùng tỉnh. Tất cả các địa danh nói trong đoạn này đều thuộc tỉnh Vân Nam. (a) **Các huyện Tà Long, Đồng Tĩnh, Lộ Giang, Phúc Khẩu, Bí Cổ, Tây Tuy**: bị phế từ lâu, vị trí không khảo được. (b) **Các huyện Nhĩ Nguyên, Song Bách, Điền Trì**: hiện nay vẫn tồn tại. (c) **Huyện Tân Tang**: nay là huyện Phú Dân 富民. (d) **Huyện Liên Nhiên**: nay là thành phố An Ninh 安寧. (e) **Ải Tiên Tang**: ở phía đông Nguyên Giang Cáp Nê tộc Di tộc Thái tộc tự trị huyện 元江哈尼族彝族自治县. (f) **Ích Châu**: Ích Châu nói ở đây là tên một quận lập thời nhà Hán, sau nhà Thục Hán 蜀漢 (221-265) đổi gọi là quận Kiến Ninh 建寧, quận trị nay là vùng đất phía đông huyện Tân Ninh 晉寧 thuộc tỉnh Vân Nam; chớ lầm với châu Ích Lập thời nhà Hán, nay là đất tỉnh Tứ Xuyên (châu trị mới đầu là huyện Lạc 雒, tức thành phố Quảng Hán 廣漢 ngày nay; sau dời đến huyện Miên Trúc 綿竹, nay là vùng đất phía bắc thành phố Đức Dương 德陽; cuối cùng dời đến huyện Thành Đô, tức thành phố Thành Đô ngày nay), sau châu Ích bị nhà Tùy phế. (g) **Sông Ôn** (Ôn Giang 溫江, còn gọi là Ôn Thủy 溫水): ở phía tây nam huyện Ôn Giang tỉnh Tứ Xuyên; sông là một chi lưu của sông Dân 岷江 Dân Giang, còn đọc là Mân Giang).

(6) Nguyên văn bài văn tế và bài hịch được in trong sách **Cuộc Khởi Nghĩa Hai Bà Trưng Ở Hà Nội** của Nguyễn Vinh Phúc, tr. 97-101.

(7) Theo thiên ý của chúng tôi, có lẽ vào thời đó Vũ Ninh là một huyện, chứ không còn là bộ nữa. Tuy lúc vua Hùng dựng nước Văn Lang có chia nước ra làm 15 bộ, trong đó có bộ Vũ Ninh, nhưng tên Vũ Ninh chỉ thực sự xuất hiện vào thời Ngô thuộc (221-265), nghĩa là từ 181 đến 225 năm sau khi có cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, và đó là tên một huyện thuộc quận Giao Chỉ. Huyện này là miền trung khu của huyện Long Biên thời Hán thuộc (111 TCN - 220 SCN) và tương đương với huyện Quế Võ thuộc tỉnh Bắc Ninh ngày nay. Hơn nữa, danh xưng "bộ" trong thuật ngữ hành chính của nhà Hán chỉ một đơn vị giám sát dưới quyền một thứ sử trông coi việc thanh tra, giám sát các quan chức trong các quận quân hạt,

chứ không phải là một đơn vị hành chính địa phương dưới quyền cai quản của một quan chức hành chính.

(8) Nam Hải là tên một quận lập thời nhà Tần 秦 (221-206 TCN), gồm hầu hết tỉnh Quảng Đông 廣東 ngày nay, ngoại trừ ven ranh tây nam bộ. Trong đời Hán Vũ Đế Lưu Triệt 漢武帝劉徹 (tại vị năm 140-87 TCN), quận Nam-hải gồm 7 huyện là Phiên-ngu 番禺 (nay là thành phố Quảng Châu 廣州), Bác La 博羅, Trung Túc 中宿 (nay là vùng đất tây bắc bộ thành phố Thanh Viễn 清遠), Long Xuyên 龍川, Tứ Hội 四會 (nay là thành phố), Yết Dương 揭陽 (nay là thành phố) và Tăng Thành 增城 (nay là thành phố), tất cả ở trung bộ tỉnh Quảng Đông.

VISION OUTLET

8200 Wilcrest # 26 B - Houston, TX 77072
(Góc Wilcrest & Beechnut - Cảnh Quê Hương Restaurant)
Tel: 281-495-1403

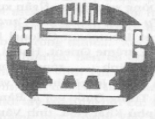
- * Nơi phục vụ xứng đáng, chân thật và uy tín từ 20 năm qua.
- * Tiệm kính thuốc của mọi gia đình và mọi lứa tuổi.
- * Contact lenses đủ loại, đủ màu.
- * Tiệm có đủ mọi hiệu.
- * Áo đảm giá hạ nhất Houston.
- * Lấy đồ kính cũ làm kính mới.
- * Có giá đặc biệt cho gia đình khó khăn
- * Nhận làm kính gởi đi xa không tính tiền cước phí.

Một trong những tiệm:
Đã được người Mỹ xếp hạng 5 SAO.
Best của Texas trong sách Underground Shopper.
CHÚNG TA YÊU CUỘC SỐNG BẰNG TRÁI TIM,
VÀ NHÌN RÕ NHỮNG XUÂN SẮC THÂN THƯƠNG
QUA ĐÔI KÍNH.
Hãy đến Vision Outlet để được săn sóc xứng đáng

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10:00am - 7:00pm
Đóng cửa Thứ Ba.



NAM QUỐC SƠN HÀ NAM ĐẾ CƯ



*Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư,
Tiết Nhiên Định Phận Tại Thiên Thu.
Như Hà Nghịch Lỗ Lai Xâm Phạm,
Nhữ Đãng Hành khan Thủ Bại Hư!*

Lý Thường Kiệt



LƯU NGUYỄN TỪ THỨC

(Houston - Texas)

LỜI HỊCH TRÔNG ĐỒNG

Trong gió hú tiếng trông đồng vang vọng
Thức giục toàn dân mau cứu non sông
Đất cha ông từ Trường Sơn biển rộng
Đang mất dần vào giặc Hán cuồng ngông.

Tiếng trông vang vang như lời nhắn nhủ
Gương người xưa chông lữ giặc bá quyền
Trống Trưng Triệu đập sóng kinh rửa hận
Trống Chí Linh Lê Lợi quyết rền quân
Giết giặc Minh thoát gông cùm phương Bắc.

Trống Hùng Đạo với lời thề sát thát
Cọc Bạch Đằng phơi xác giặc Nguyên Mông
Anh hùng Nguyễn Huệ quân dân một lòng
Trống trận Đống Đa đoàn quân dũng liệt
Phá giặc Thanh giữa mừng vui pháo Tết.

Tiếng trống đồng vang vọng hồn dân Việt
Thôi thúc thanh niên đứng dậy kiên cường
Viết trang sử mới Phù Đổng Thiên Vương
Lòng yêu nước là lửa thân ngựa sắt
Thieu đốt giặc thù gìn giữ biên cương.

Trống bát khuất vang núi rừng Việt Bắc
Theo sóng ra Hoàng Trường Sa bát ngát
Vọng về miền đất chín cửa Cửu Long
Giòng giống Việt khắp nơi nguyện một lòng
Khắc trong tim lời cha ông sắt đá
Đất phương Nam là cửa giống Tiên Rồng
Mọi xâm phạm phải đồng lòng đánh trả
Dù ngàn đời quyết giữ đất tiền nhân.

Tiếng trống đồng loan truyền hịch toàn dân
Tổ quốc lâm nguy hi sinh mọi giá
Chín mươi triệu trái tim thành trái phá
Tan xác xâm lăng, bảo toàn non sông.

Khắp nơi dậy tiếng trống đồng
Hịch truyền con cháu Tiên Rồng vùng lên.

Lưu Nguyễn Từ Thức

TIẾNG SÓNG BIÊN ĐÔNG

Trời Houston sáng nay lộng gió
Cờ vàng bay rực sáng một khúc đường
Bao trái tim Việt
Hòa chung một nhịp
Thét vang rền

Đả đảo bá quyền Bắc phương
Mắt rung rung
Miệng vang lời ca
Yêu thương
Gởi cho Hoàng Sa đã mất vào tay giặc
Gởi cho Trường Sa dù phong ba bão táp
Vẫn quyết lòng
Gìn giữ máu thịt của cha ông.
Sáng nay
đi giữa những nẻo đường Houston
Mà nghe lòng dậy sóng
Sóng Bạch Đằng vang dội bùng tim
Ồi! Mẹ Tiên
Ồi Cha Rồng
Quý ngài có nghe không
Tiếng sóng Biển Đông
Đang đêm ngày thét gào réo gọi...

05/2014

Lưu Nguyễn Từ Thức

LỜI DI CHỨC của Vua TRẦN NHÂN TÔN:

"Các người chớ quên, chính nước lớn mới làm những điều bậy bạ, trái đạo. Vì họ cho mình cái quyền nói một đường làm một nẻo. Cho nên cái học lâu đời của ta là hoạ Trung Hoa.

"Chớ coi thường chuyện vụn vặt này ra trên biên ải. Các việc trên, khiến ta nghĩ tới chuyện khác, lớn hơn. Tức là họ không tôn trọng biên giới qui ước. Cứ luôn luôn đặt ra những cái cớ để tranh chấp. Không thôn tính được ta, thì gặm nhấm ta. Họ gặm nhấm đất đai của ta, lâu dần họ sẽ biến giang san của ta từ cái tổ đại bàng thành cái tổ chim chích.

"Vậy nên các người phải nhớ lời ta dặn: **"Một tấc đất của Tiên Nhân để lại, cũng không được để lọt vào tay kẻ khác"**.

"Ta cũng để lời nhắn nhủ đó như một lời di chúc cho muôn đời con cháu".



ĐÀO ANH DŨNG

THÌ RA...

Trong các buổi sinh hoạt cộng đồng và tiệc cưới tại địa phương, chị đã có nhiều dịp thưởng thức giọng ca truyền cảm, dịu dàng với chút thánh thót của bà. Nghe nói trước 1975 bà là một ca sĩ phục vụ trong Cục Tâm Lý Chiến. Định cư ở Mỹ, phải bươn chải làm lụng để kiếm sống như mọi người, nhưng bà vẫn tiếp tục nuôi hoài bão đem niềm vui đến tha nhân qua lời ca tiếng hát của mình. Cảm phục thay!

Vậy mà mãi đến hôm họp mặt tân niên 2017 tại tư gia của một người bạn chị mới có cơ hội trò chuyện cùng bà. Buổi tiệc hôm ấy bà đến hơi trễ nên gia chủ mời bà ngồi vào một chiếc ghế còn trống bên chị. Ngoài chị và một chị bạn, khách trong bàn tiệc ai cũng quen biết bà. Chị hơi bối ngỡ, lúng túng, chưa kịp đứng lên chào bà thì bà đã tươi cười, tay bắt mặt mừng, tự giới thiệu mình là ca sĩ Mộng Tuyết. Bà rất bắt thiệp, vui vẻ trò chuyện cùng mọi người, kể rằng bà mới đi California dự tang lễ của một nhân vật khá nổi tiếng trong giới ca nhạc, từng là phu nhân của một chính khách; xong xuôi, bà phải trở về ngay vì chỉ còn ba tuần lễ nữa đến Tết Nguyên Đán. Cuối tuần nào bà cũng được mời trình diễn ở những buổi họp mặt tất niên của các hội đoàn tại địa phương.

Ăn uống xong, mọi người dùng trà, cà-phê, cùng nhau trò chuyện thật rôm rả. Bà Mộng Tuyết bàn về giọng ca của một ca sĩ đang nổi tiếng, rồi hỏi có vị nào thấy hình đám tang ở Cali bà đăng trên Facebook chưa. Ai cũng lắc đầu. Có người trả lời, chắc bà mới đăng nên chưa kịp xem. Chị thành thật thừa với bà rằng chị có trên Facebook nhưng không phải là 'friend' của bà nên chị đâu có biết mà vào xem hình. Bà mỉm cười và nói: "Để tôi mời quý vị

xem hình, khi lên Facebook xin quý vị nhớ 'like' chúng nhé! Đám tang thật là sang trọng, hôm ấy tôi có dẫn theo đĩa châu và nhờ nó chụp ảnh giùm". Rồi bà lấy trong túi xách ra một chiếc iPad, dựng nó trên bàn, mở máy, chiếu hình cho mọi người xem.

Đám tang ấy quả sang trọng thật. Khách đến đưa tang ai cũng mặc y phục đen, thật nghiêm trang, chỉnh tề, ngoại trừ một số người trang điểm kiêu cạo, tóc tai chải chuốt, mang vòng vàng châu ngọc như đi dự dạ hội. Đúng là giới nghệ sĩ sân khấu! Nhìn những tấm ảnh tiếp theo kỹ lưỡng hơn, chị cảm thấy chúng hơi lạ kỳ nên tự hỏi, bà Mộng Tuyết nói đó là hình đám tang, nhưng sao trong tấm nào bà cũng có mặt, đa số là ảnh chụp chung với các ca sĩ thường xuất hiện trên những DVD chương trình ca nhạc?

Ngước mắt, thoáng nhìn bà Mộng Tuyết đang tươi cười hân hoan, tay quẹt sang một tấm ảnh kế tiếp, chị bỗng nghĩ ra câu trả lời và thảm bảo: "À, thì ra là vậy!". Chị mỉm cười thông cảm, lịch sự khen rằng hình nào trông cũng đẹp nhưng trong lòng chị lại cảm thấy tội nghiệp cho người quá cố. Than ôi!

đàoanhdũng

9 tháng Giêng, 2017

	<p>THƯ ẤN QUÁN vừa in xong Ấn bản đặc biệt của Tạp chí Thư Quán Bản Thảo Mùa hè 2017 dành biếu tặng thân hữu:</p> <p>VỊN VÀO LỤC BÁT Thơ TRẦN HOÀI THƯ</p> <p>* gồm 3 phân đoạn: Hiện tại, Một thời trong quân ngũ, Nhớ về bạn bè trong khu sáu (Quy Nhơn). * PHỤ TRANG: Phạm Văn Nhân - Tô Thẩm Huy - Thời vừa sống vừa viết.</p> <p>* PHỤ BẢN tranh: Đinh Cường - Đinh Trường Chinh - Phạm Quý Thoại</p>
--	---

VĂN HOÁ VIỆT NAM 78 * 80 * MÙA THU 2017

TRẦN VĂN LỆ

NHẬT NHÒA CHIỀU TRONG MÂY SƯƠNG THU

Chao ôi trời sương vương mây sương Quê Hương nhìn đâu đâu
Quê Hương trông ra bốn phía mây mờ núi không chim nào bay
trong hoàng hôn...

Tôi chờ ai ai trong chiều tà ơi dòng sông ơi bãi phù sa những đám
lục bình bông tím ngắt cứ trôi hoài như ai đi xa...

Ai đi xa đi đâu lâu rồi có con thuyền nào chìm trên khơi có con
thuyền nào vô tới bến có bến nào quanh hiu không người...

Tôi đứng đây nhớ Thới Sơn còn nhớ Tiền Giang đi qua bao thôn
áo bà ba ai phơi bờ giậu tím tím hồng tôi mấy trái còn...

Tôi đứng đây vin cành dạ lý tôi chờ đêm nghe hương phiêu du nhớ
hoa quỳ nở trong hốc núi nhớ Dran nhớ những nụ cười...

Em em à anh điên anh đau lựa Mã Châu em thay mấy màu có thấy
anh trong từng xác nhộng có thấy anh đường gân lá dâu...

Em đang về Quảng Nam dung dăng Má làm tô mì Quảng em ăn
em cười đi hàm răng như ngọc có bao giờ em khóc nhớ anh...

Bài thơ này không dấu chấm câu em đọc sao có nghe nhưc đầu em
nghĩ sao người thơ góc biển nhật nhòa chiều trong mây sương
Thu...

DÒNG SÔNG TRÔI

Dòng sông trôi, trôi cả bóng con đò. Mới đó mà bến bỏ lại bờ
xưa! Tôi hốt nắng, hốt lên từng giọt lệ... rồi con sáo tha đi. Để lại
bóng con đò!

Em mười bảy tuổi, tuổi thương thành tuổi nhớ. Nhớ đến bao lâu? Có lẽ mỗi ngày qua. Ngày qua đi, tôi lần ngón tay nhớ mãi, nhớ đến bao nhiêu? Có lẽ đến lúc trắng tà?

Con đò trôi và người trôi theo nước, nước gợn lòng thành sóng cuộn trời mây. Em mà biết lòng ta tha với thiết, xin em giã vờ vén tóc ngó về đây...

Con sáo sang sông không hề trở lại. Em sang sông, hè, áo lụa bay kia! Là nắng đỏ trên đầu non chót vót...nắng không ngọt nên lòng ta mặn chát. Nước mắt không nhiều, chỉ vài giọt rớt vào ly.

Ly đá lạnh và mặt trời sáng sánh tương trái tim mình từng mảnh vỡ long lanh. Em hồi mười bảy, coi như em đã lớn, ta thương hoài ta thuở tóc Xuân xanh...

Dòng sông trôi...

Trời cả bóng con đò! Chưa hoàng hôn mà nắng lạnh như mưa. Nếu bây giờ...trăng lên đầu núi, em tưởng tượng giùm ai đó, ngân nga!

ANH KHÔNG HIỂU VÌ SAO ANH NHỚ EM TỪNG BƯỚC

Theo dõi tin thời tiết thấy Huế mưa về chiều. Em về Huế, anh theo để che dù em nhé! Nói đi em, nhỏ nhẹ cho mưa bay nhẹ giùm, cho cái miệng em hồng, cho bão bùng đừng tới... Mùa này, nhớ năm ngoái, bão, lụt, nước mênh mang, Chùa làm lễ cầu an, nhà Thờ cũng có lễ, người khôn cầm giọt lệ, em ướt sũng, nhớ không?

Người ta nói miền Trung đất cày lên sỏi đá. Em về Huế vì Mẹ, em về Huế vì Ba, dẫu chỉ về nhang khói... Anh chắc em nhớ Ngoại nhiều hơn là nhớ anh? Thì em cứ đi nhanh cho mau về Nam Phổ và cho anh đứng ngó con gái mà trèo cau...

Anh không hiểu vì sao anh nhớ em từng bước... Nhớ em và Non Nước nhiều, nhiều hơn từng ngày. Xưa, Tân Đà đến đây có làm thơ cho Huế, khen Huế đẹp vô kể, Huế đẹp như bức tranh... Anh thấy em của anh, không bức tranh nào sánh, nhất là em mặt lạnh khi mưa Huế bay ngang...

*

Em sẽ mặc áo vàng? Em sẽ mặc áo tím? Áo nào màu kỷ niệm may từ lụa Mã Châu? Áo nào hỏi làm dâu em mặc và soi kiếng? Mười bảy tuổi lưu luyến chút tình học trò, mô? Em về Huế là o, trong anh em Hoàng Hậu... Phải chi em xấu xí một chút cho anh nhờ!

Tưởng tượng Huế chiều mưa em nép bên hành liểu, em đưa tay lên níu những dòng mưa long lanh... Anh sẽ tìm khung tranh lồng em trong thủy mặc... Em ơi mưa lất phất, anh nhìn em khỏi sương...

Trần Văn Lệ

	<p>ĐÃ PHÁT HÀNH MỜI BẠN TÌM ĐỌC</p>
	<p>CÒN KHÔNG CHÓN QUAY VỀ</p>
	<p>tự truyện</p>
	<p>HOÀI ZIANG DUY</p>
	<p>* Bìa: Nghiêu Minh</p>
	<p>* Trình bày, layout: Nguyễn Nam An</p>
	<p>* Thân Hữu xuất bản * Giá 18 mỹ kim</p>
	<p>* Chi phiếu xin đề: BINH DO</p>
	<p>21269 Mirror Ridgew PI</p>
	<p>Sterling, VA 20164</p>
	<p>* Liên lạc:</p>
	<p>hoaziangduy@yahoo.com</p>
	<p>cell: 571-232-2989</p>



HOÀI ZIANG DUY

Sterling - Virginia



RẤT GẦN MÀ CŨNG RẤT XA

Ba mươi sáu năm qua, đây cũng là lần đầu tôi gặp lại gia đình đại tá Hồ Ngọc Cẩn. Tôi không nghĩ có ngày này, cuộc đời quả thật những gì đến sẽ đến. Một ngày trước khi chúng tôi xuống Nam Cali theo hẹn, qua điện thoại nói chuyện đón tôi, anh Hiệp cho hay mấy ngày trước bỗng dưng chị Cẩn gọi nói khi nào có anh em ở trung đoàn 15 xuống đây, thì rủ xuống nhà chị chơi. Tôi nói lạ vậy, sao có sự trùng hợp, chị nhắc vừa đúng lúc thời gian tôi sẽ đến.

Trước đây tôi chỉ tiếp xúc với chị một lần, khi đại tá Cẩn rủ tôi về dinh, lúc tôi ghé qua thăm ông ở toà hành chánh Chương Thiện. Định cư ở Mỹ, tôi có hỏi thăm người bạn thường liên lạc với chị, nên có biết qua về tình hình trước sau. Rồi do việc làm, lo đời sống gia đình tôi vẫn chưa có cơ hội gặp lại. Về Đại tá Cẩn, cái chết của ông đối với tôi là một nỗi đau khi nghĩ đến, bởi ngoài chuyện thượng cấp chỉ huy trong quân đội, với ông tôi có một tình thương mến, điều này chính từ tình cảm ngược lại trong đối xử.

Ông thường gọi tôi đi bay lúc đơn vị dưới đất chạm địch, và nhiều lần xuống luôn, ngủ qua đêm (thời gian này tôi làm sĩ quan hành quân). Trong số sĩ quan ở trung tâm hành quân (TOC), không biết sao ông thích chọn tôi đi chung ở những lần hung hiểm. Ông nhắc tôi *"mày coi tao làm sao thì làm vậy, cho quen đi để sau này đi bay một mình"*.

Lần này tôi xuống Cali, theo lời rủ rê để gặp lại anh em đơn vị. Đi xa cũng vì câu nói của người anh ở đơn vị lâu năm. *"Ông xuống đây gặp một lần đi, tôi có chết cũng vui lòng, anh em có mấy người gặp rồi, chỉ còn có ông là chưa thôi"*. Lúc này đây, sức khoẻ tôi không ổn, việc làm, đời sống kinh tế gia đình khó khăn, và một năm này không biết bao nhiêu là chuyện vương vẩn mỗi khi nghĩ đến. Cái tình đồng đội năm cũ tưởng đã đi xa, nhưng nay lại thấy gần.

Mười giờ đêm, anh Hiệp đón tôi ở phi trường Los Angeles. Người tiểu đoàn trưởng của ôi năm xưa tóc giờ bạc trắng. Tôi nhận ra anh ở khuôn mặt, dù vóc dáng khác hơn trước. Bên anh một người đàn bà đi cùng. Tôi có hơi ngạc nhiên khi biết mười năm nay anh sống độc thân tại chỗ. Tôi hỏi nhỏ. *Ai vậy? Mười năm tình cũ mới quay về hôm qua, có xe tốt thì nhờ đi rước giùm*. Tôi cũng quá quen với cuộc sống anh trước đây, không có cuộc sống vợ chồng chính thức, giờ chắc vẫn vậy. Lần sau cùng gặp Đại tá Cần và anh, ở khoảng thời gian giữa năm 74. Lúc bấy giờ anh làm Quận trưởng Kiên Long, đang chờ chuyển bay trở lại quận. Sở dĩ tôi còn nhớ rõ, bởi là lần gặp trong tình huống dễ phiền lòng, khó xử cho tôi. Hôm đó sau chuyến bay sớm, giao bản đồ, phóng đồ cho các tiểu đoàn, chuyển vùng lãnh thổ hành quân, quay về phi trường Chương Thiện. Vừa xuống trực thăng, bên trái sân bay, Đại tá Khiêu Hữu Diêu trung đoàn trưởng 15 đang chờ sẵn, phía bên phải, Trung tá Hiệp, Đại tá Cần tỉnh trưởng gọi, ngoắc tôi. (Tôi biết tính Đại tá Diêu rất cao ngạo về thâm niên cấp bậc, nên không đứng chung với ai). Một bên là thầy cũ thân tình, một bên là trung đoàn trưởng đương nhiệm (ông là trung đoàn trưởng thứ 3, khi tôi làm trưởng ban 2 trung đoàn). Tôi hơi phân vân, nhưng nhanh chóng bước lại hướng này báo cáo vắn tắt cho Đại tá Diêu, bước qua bên kia chào Đại tá Cần. Ông quay sang Thiểu tá Hiệp: *"Mày cho tiền nó chưa?"*. Một câu nói giản dị

phóng khoáng nhà binh, cho tới bây giờ nghĩ lại tôi vẫn nhớ, nó hàm chứa cái tình thầy trò gần gũi trước đây. Đó cũng là lần cuối cùng tôi gặp Đại tá Cẩn. Cho đến bây giờ, ba mươi bảy năm qua, vẫn là hình ảnh đó. Một người đứng đón tôi hôm nay. Một người xác thân vĩnh biệt. Tự dưng lúc gặp, tôi lại có cảm giác này, để thấy lòng đau với nỗi xót xa, vận mệnh đời đời.

Ngày hôm sau, phải mất hơn một giờ đồng hồ lái xe, từ Fullerton, chỗ chúng tôi ở, để đến Stevenson Ranch. Chúng tôi đi chung gồm Thiếu tá Mạnh (tiểu đoàn trưởng 1/15), Thiếu tá Hiệp (tiểu đoàn trưởng 3/15) cùng cô bạn gái, và vợ chồng tôi. Anh Hiệp giới thiệu tôi từ Virginia xuống. Chị Cẩn vui vẻ gặp lại anh em ở trung đoàn 15, như ý chị muốn. Tôi gặp lại Nguyên, đưa con trai 12 tuổi ngày nào, bây giờ đã có gia đình và sự nghiệp ổn định. Gặp lại chị, tôi nhân không ra. Thời đó chúng tôi ở hành quân (chị ở hậu cứ trung đoàn), thêm nữa thời gian mấy mươi năm qua rồi nên phải nhắc lại để chị dễ nhận, tôi là người bị thương chung với Đại tá Cẩn lần trực thăng bị bắn rớt.

Bây giờ đây, bao cảnh tang thương đời đời, đến với chị là đến với một tình thân gia đình, nghĩa cử thầy trò chung một đơn vị. Chị vẫn ở vậy thờ chồng nuôi con. Trên bàn thờ bữa ảnh Hồ Ngọc Cẩn mang cấp bậc Thiếu tá, (có lẽ tấm ảnh sót lại mang theo trên đường vượt biên, hương khói thờ đã lâu, nên để vậy?). Hỏi chị, chị mới mang ra hình chụp lớn trong khung mang cấp bậc Đại tá, chị mới có sau này. Anh em chúng tôi bày mâm quả đặt trên bàn thờ. Gia đình chị là người công giáo. Nhưng không sao. Kể từ ngày vượt biên sang xứ người, ngày trước rước tro cốt chồng sang. Chị đi chùa làm công quả, cầu nguyện. Nhờ vậy, có lẽ do duyên lành, trước tiên để ở chùa, sau chính vị sư trụ trì ở chùa là người giúp mang hũ tro cốt Đại tá sang Mỹ cho gia đình, trước tiên để ở chùa. Là người công giáo, nhưng tro cốt, hương hồn ông mấy năm qua, nghe qua câu kinh tiếng kệ, trước khi lần nữa được đặt yên xuống lòng đất. Kể từ ngày oan nghiệt theo vận nước. Tôi mới có dịp chào vĩnh biệt Đại tá. Tôi bùi ngùi thấp nhang trước di ảnh Người, đã bao lâu rồi cảm giác như đè nặng. Hôm nay đây, trong không khí gia đình ông, lòng tôi thấy êm ấm khác thường.

Ngồi lại nghe chị nói mấy chuyện năm xưa, chúng tôi không khỏi đau lòng, nhất là những giờ phút cuối của gia đình chị. Chị kể

từ lúc ông từ thủ cho đến giờ bị bắt, nghe chú lính cho hay, chị dẫn con lộ bộ từ Chương Thiện xuống mới Long Mỹ đón xe về Thủ Đức. Rồi mấy chục năm nay sang xứ người, chị lặng lẽ bên gia đình không tham dự với đoàn thể, phong trào đấu tranh xướng danh, truy điệu lần nào về cái chết của chồng. Người đầu đàn tỉnh Chương Thiện, đã chiến đấu đến giờ phút cuối cùng không hàng. Chị lặng lẽ sống bình thường, như trước đây, khi còn ở địa vị, chị cũng bình thường với thân phận người đàn bà, người vợ.

Tôi có coi hai bức ảnh trên youtube, lúc Đại tá Cẩn bị xử bắn. Từ một nhà thơ nữ đưa lên net để thiên hạ xác quyết hình nào là Đại tá Cẩn. Một ảnh, thân hình người ốm yếu mặc áo trắng, quần dài đen. Tôi chắc chắn là không phải. Một ảnh thứ hai, Đại tá Cẩn mặc áo bà ba đen, (gương mặt phẳng phất giống), nhưng khuôn mặt to hơn, kể bên là một người bộ đội dùng súng colt trong tư thế bắn vào màng tang. Nhìn hình này, tôi tự hỏi, làm sao tin vào thời điểm 75 đó, chưa có máy điện thoại cầm tay, và ai là người có đủ can đảm đứng ra chụp làm tài liệu lưu trữ, dù là chụp lén. Điều không đáng tin nữa là anh chàng bộ đội này dáng dấp quần áo sạch sẽ, đầu cổ rất ư là trau chuốt đẹp trai (cái vụng về dễ nhận biết, là tên lính VC này, giống tài tử phim ảnh quá). Chụp hình là chuyện lạ ở thời điểm 75, tình trạng hỗn loạn lúc đó.

Khi Đại tá Cẩn bị xử bắn ở sân vận động Cần Thơ. Chúng tôi đang bị giữ tập trung ở trường Phan Thanh Giản Cần Thơ. Sau cuộc hành quyết, viên chính ủy có về tập họp (gọi là lên lớp) anh em chúng tôi lại. Tôi còn nhớ câu hấn nói *"tên ác ôn này sau khi bị bắn ngã xuống, miệng vẫn còn chửi cách mạng, nên phải dùng lưỡi lê đâm vào cổ mới chịu yên"*. Như vậy là bắn với súng AK có khoảng cách. Nghe tin, tôi không khỏi bàng hoàng đau xót. Nhớ lại biết bao kỷ niệm thầy trò ngày nào còn gần gũi, trên chuyến bay đổ quân, hay những chiều mắc võng, ngủ lại qua đêm với tiểu đoàn trong vùng hành quân, nghe ông kể chuyện tình cảm đầu đó qua đường.

Ông bị xử bắn, ngày 14 tháng 8 năm 1975. Tôi chày nước mắt một mình lúc biết tin. Một ngày nắng ráo. Không phải như một nhà văn hải ngoại sống bên Pháp viết rằng, *"lúc đó, trời vẫn vũ bất chợt sấm chớp, rồi cơn mưa đổ xuống. Một đứa con gái nhào ra ôm xác kêu ba ơi, ba ơi"*. Tôi đọc mà thấy ngỡ ngàng, tiêu

thuyết hoá từ sự vẽ vời tưởng tượng (tôi biết gia đình Đại tá ở hậu cứ trung đoàn, chỉ có một đứa con trai lúc bấy giờ còn tuổi nhỏ).

Qua điện thoại sau này. Hỏi chị về bức ảnh, mấy sự việc này, chị có biết không? Chị nói hình đó, trong phim họ dàn dựng làm DVD bán, có mời chị hôm ra mắt. Chị không có tham dự. Phần tôi, cho đến bây giờ tôi mới biết sự thể, chưa có dịp coi, nên không biết nội dung thế nào. Hỏi chị, chị nói họ dựng chuyện bày bạ không đúng đâu vào đâu hết. Trong phim kể chị suốt ngày chỉ lo đi cờ bạc, thầy Nguyễn thì muốn người vú trông coi. Tôi hỏi. Chị không đồng ý sao không phản ứng, lên tiếng? Chị kể hồi trước một thân một mình, đâu có biết ai mà nhờ lên tiếng. Vậy rồi thôi, cho đến sau này, khi có một số người biết nơi mộ phần Đại tá Căn ở vùng Cali này, đến liên lạc với chị để đứng ra tổ chức truy điệu, làm giỗ. Chị thẳng thừng từ chối. Chị sợ. Sợ gì? Chị sợ những người lợi dụng. Chị không có khả năng để đánh giá thật giả. Tất cả những gì đã qua, cho qua đi. Chị không muốn làm rình rang mọi sự mọi chuyện, dù ở đó người ta tuyên dương chồng chị là một người hùng. Chị nói hãy để linh hồn anh ấy được yên, mấy chục năm qua rồi. Cho nên khi đến gia đình, hay đến thăm mộ phần là đến với tính cách cá nhân, đến với tình cảm năm xưa là tốt nhất.

Nghe chị nói, nhìn gia đình chị. Bao cảnh truân chuyên. Mọi sự đã qua, thì thôi cứ để qua đi. Chúng ta ai cũng cần nhìn vào thực tại để sống, nhất là trên xứ người. Bây giờ chị cũng có tình thân chôn này để giúp chị, đó là nhóm anh em thiếu sinh quân thân tình với chồng chị.

Hôm nay anh em chúng tôi gặp lại nhau, qua đêm ở nhà anh Hiệp. Anh kể lại chuyện nhờ Đại tá Căn dùng trực thăng tản thương anh từ quận, chuyến bay cuối cùng hai ngày trước khi mất nước. Tôi cũng mừng gặp lại Thức, bay từ Nebeska sang khi hay tin tôi xuống. Ba mươi sáu, ba mươi bảy năm qua rồi. Thức và tôi là hai thằng một thời làm trung đội trưởng ở đại đội 1, lúc ra trường (bây giờ Thiếu tá Hiệp còn làm Đại đội trưởng Đại đội 3). Bao gian khổ hiểm nguy chửi đồng lên trời, khi mà trên truyền đầu chỉ có hai thằng chịu trận. Bản thân tôi là người bị đi nhiều nhất rong hiểm nguy sống chết, quan cũng biết, mà quân cũng thấy, để rồi tiểu đoàn trưởng phải quan tâm. Tôi nhắc đến Thiếu tá Trần Văn Mỹ, Tiểu đoàn trưởng 315, đã chỉ định tôi thay Đại đội

trường, trong lúc trận đánh đang diễn ra tại chiến trường Kampuchia (năm đầu hành quân vượt biên giới). Nghỉ lại, mà mền Thức ở chỗ Thức ra trường trước tôi mấy khoá, nhưng khi tôi chỉ huy Đại đội, Thừa vẫn vui vẻ không tị hiềm, sống chung trong tình bạn cho đến lúc thuyền chuyển đi giữa năm 72. Bây giờ đây gặp lại, cảm động sau bao năm tưởng không tìm nhau được. Nhìn bên ngoài so với tôi, Thức trông trẻ, thoải mái hơn. Ai cũng trách tôi coi sao già quá so với ngày xưa. Qua một đêm anh em ở chung nhà chuyện vãn. Buổi sáng chúng tôi ngồi bên nhau, cho đến lúc tôi ừ già đi nơi khác. Thức cũng chia tay ra đi.

Trong số anh em chung cùng đơn vị, có lẽ tôi và anh Hiệp là hai người ở chung một Tiểu đoàn, Trung đoàn lâu nhất, tham dự đầy đủ các trận đánh, chiến thắng có, hoạn nạn có. Để rồi sau này tôi về Trung đoàn làm sĩ quan hành quân, rồi chuyển sang coi Quân Báo. Anh về Quận trưởng Kiên Long theo Đại tá Cần. Cuộc đời anh là một chuyện dài của người độc thân, còn đó mất đó. Tôi biết anh không có thời gian để nuôi dưỡng những mối tình ở thời điểm còn lặn lội hành quân. Hôn nhân, đời sống gia đình, nếu phải chọn lựa thì thực tế trong chiến tranh, tình yêu có quá nhiều phiêu lưu, quá gần với vai trò làm góa phụ son trẻ.

Người đàn bà bên anh tôi gặp tối nay. Chị là người hiền lành, anh chấp nối đưa sang, và như anh nói mười năm tình cũ, cho có chút lãng mạn. Thật ra mười năm chị bỏ anh đi, sau năm năm sống chung. Ra đi rồi lại trở về. Nói không sợ mịch lòng. Chị không thể yên phận với anh, khi bên chị còn có trách nhiệm với con riêng, với cháu ngoại. Chị bỏ đi hay trở về, để anh thử thời vận có phải chị về thật? Ở anh, hay ở những người tuổi đã về chiều, chúng ta không còn là chỗ dựa ở thực tế đời sống hiện tại. Ngày hôm nay không phải là ngày tháng cũ đứng lại, thì thôi mười năm tình cũ hay năm năm gần có sống thêm, thì coi như tình bạn, khi vui nó đậu khi buồn nó bay. Phải nói lời cảm ơn chị, buổi hôm đầu tôi xuống về khuya, buổi cơm anh chị dọn ra, cá kho mua ngoài tiệm, với rau đắng. Loại rau đắng, mà năm đầu bị tù cải tạo ở Chi Lăng, loại rau đắng đất, rau đắng biển mọc hoang, quanh miệng giếng, thứ nào cũng đắng dữ dội. Không biết sao đêm nay đĩa rau đắng màu xanh tươi lại dễ ăn, món ăn nhà quê, cái tình chân thật đậm tình quê hương theo câu hát, như sống thật lòng. Lần này đây, lạ

một điều, giống nhau ở chỗ. Là anh em tác chiến chung cùng đơn vị tự lại, chúng tôi không nói chuyện trận đánh, chuyện chiến tranh trong quá khứ. Hôm nay ngồi lại, nói chuyện hôm nay, nỗi băn khoăn ở tuổi sẽ tới. Sống lại với một tình thân ngày nào, hôm nay biết đâu ngày mai có còn được gặp.

Nói chung, nếu đường đời không đứt đoạn đổi thay, chắc gì cái tình năm xưa còn vương vấn. Nếu không thua cuộc đổi đời, tướng tá, quan quân, đời sống bên ngoài việc ngồi lại gần nhau chắc khó chung một bàn. Khi tất cả mất hết, danh vọng chỉ còn là phù phiếm, lạc lõng trên xứ người, cái tình đồng hương, dân tộc, cái chuyện năm xưa liếc mắt ngó qua, giờ đây lại thấy gần gũi. Mỗi khuôn mặt, mỗi thân phận nhận nghĩ khác nhau. Tâm trạng của người ngã ngựa tù đầy còn ở lại, chắc một điều là khác đi quan điểm sống với những người vượt thoát khi mất miền Nam. Sự lẫn lộn chung cùng trên một đất nước tự do, đường ai nấy đi, nhân cách ai nấy giữ, không có gì quan trọng ở danh xưng địa vị với người đối diện. Ở đã lâu, nhân vật nào rồi cũng như nhau. Cứ coi như là điều thanh thản, bình an trên một đất nước, như quê hương thứ hai, bởi không có một chọn lựa nào khác.

Trong những lần hội ngộ anh em, người cũ trước sau. Tôi nhớ căn nhà anh Hiệp, căn nhà liền dãy dành cho người về hưu hưởng trợ cấp xã hội. Độc thân như anh, so với tôi anh có vẻ lạc quan hơn trong cuộc sống. Mọi sự anh đều tập trung tại chỗ. Chỗ nằm, chỗ bàn ăn, chỗ đọc sách, xem Tivi, chỗ tập thể dục, tất cả đều ở phòng ngoài với cửa kính có màn che. Đặc biệt được vén khéo, trông một góc như anh chàng Manager người Mỹ trắng trông coi căn dặn *"Tôi biết ông ở một mình, khi nào không thấy ông vài hôm, tôi sẽ đến nhìn vào. Chỗ này là chỗ ông nằm tôi biết, và nhớ vén một góc màn cho tôi thấy, để biết ông còn hay mất"*.

Nghe qua lời nói thật tình, tự dung tôi thấy chua xót cho thân phận kiếp này. Những con người lẻ loi không có quê hương, trong đó có tôi, có anh, có anh em của một thời xa khuất. Giờ đây không biết đâu thực là nhà, ở tuổi xế chiều.

Tôi đi xa tưởng thanh thoi. Đâu ngờ khi về lại mang theo câu nói nặng lòng!

HOÀI ZIANG DUY

[Trong tự truyện "CÒN KHÔNG CHÓN QUAY VỀ" tr 196-206 - Thân Hữu xb 2017]

TÂM BÚT



TRẦN BÁ XỬ
(Springfield - MA)

BẾN CŨ

Không phải đây là lần đầu tiên người học trò già này trở về thăm ngôi trường cũ và thành phố Cần Thơ thân thương năm nào nhưng bỗng nhiên tôi lại nghĩ đến hai chữ **Bến Cũ** cùng tên với bản nhạc nổi tiếng của người đại niên trường tài ba của tôi là nhạc sĩ Anh Việt, tức cố Đại Tá Trần Văn Trọng, đã từng một thời là Giám Đốc Nha Quân Cụ, sau là Cục Trưởng Cục Quân Cụ của QLVNCH. Bất giác tôi liên tưởng đến đoạn đầu của bản nhạc để thấy lòng mình rung rung, thật rung rung như bất chợt quay về những kỷ niệm xa xưa của đời tôi, của một thời anh học trò bé nhỏ nhưng liến thoắng ngày ngày đã từng cắp sách đến trường mẹ, Trường Trung Học Phan Thanh Giản Cần Thơ những niên học đầu thập niên 50:

*“Bến ấy ngày xưa người đi vãn vương biệt ly,
Gió cuốn muôn phương về đây,
Thấy bóng người về hay chẳng.....”*

Thấy bóng người về hay chẳng?

Đã hơn 60 năm trôi qua, người xưa nay đã trở về thăm mái trường cũ mà những vết tích thân thương ngày nào vừa tròn 100 năm đã dần dần bị bồi xóa, tuy nhiên chỉ bị xóa mờ trên thực tế nhưng luôn luôn vẫn còn ngự mãi trong tim tôi! Và đây là lần thứ ba tôi quay về chốn cũ để giải đáp câu “*Thấy bóng người về hay*

chăng” mà tôi thâm nghi chưa chắc gì cá nhân tôi sẽ còn có dịp “Trở Về Mái Nhà Xưa” như tên bản nhạc “*Come Back to Sorento*” vì giờ này tuổi đời đã chông chắt lên đỉnh cao mất rồi!!!

Theo dòng thời gian, tôi đã trở về thăm mái trường xưa, đi qua những con đường quen thuộc ngày nào đã dần thay đổi mà tôi không nhận ra? Trong sâu thẳm của ký ức, có lẽ giờ đây tôi chỉ còn nhớ một vài con đường cùng địa danh rất quen thuộc như đường Nguyễn Trãi (đường Nhà Đền) mà thôi. Cầu Đồi ọp ẹp ngày ấy (dẫn đến Ô Môn, phi trường Trà Nóc, Bình Thủy) đã lật xác hoàn toàn, rồi cầu Tham Tướng, rồi Vườn Thầy Cầu, xóm Hai Địa? Nay còn đâu đường Hàng Dương, đường Hàng Bã Đậu, đường Hàng Xoài dài hun hút, đường Pétrus Ký, đường Capitaine d’Hers, đường Phan Thanh Gián, bệnh viện Phan Thanh Gián, sân banh (bóng đá), bãi đáp trực thăng cạnh sân banh của Cần Thơ năm nào? Nay còn đâu đoạn đường dài ngút ngàn từ đường Hàng Xoài trải dài đến Đầu Sáu, Cái Răng? Ngày ấy con sông Cái Răng quá chật hẹp bên cạnh Chợ Nổi với cây cầu dài khoảng vài chục thước nay được thay thế bằng chiếc cầu dài ngoằng biệt mù sơn đã nối liền Cái Răng Bé, Cái Răng Lớn?

Thời gian lưu lại Cần Thơ:

Gần cuối năm Bính Thân 2016, tôi quay về chốn cũ để họp mặt các bạn bè đồng môn Phan Thanh Gián - Đoàn Thị Điểm lần thứ nhất, mà thật ra là lần thứ ba nếu kể từ ngày tôi quay về quê mẹ lần đầu tiên. Hồi tưởng lại gần hai năm về trước, tôi đã hội ngộ với gần 20 đồng môn thân hữu, đặc biệt có 3 anh học cùng lớp là Nguyễn Thới Lai, Nguyễn Trung Nghĩa, và người thấp nhất là cá nhân tui chỉ cao có 1m,67 khi ghi danh nhập học Trường Võ Bị Quốc Gia VN Đà Lạt, mà hồng biết tại sao giờ này các bạn bè và con cháu bảo tui chỉ còn tối đa là 1m, 65, ôi thật đau buồn cho cái tuổi già nó xòng xộc ập tới khiến cả cái chiều cao khiêm nhường của tui cũng bị cắt xén mất tiêu luôn! Tuy vậy, để bù lại, lần họp mặt kỷ này, qua trung gian của bà cô GS Kim Quang, cựu Hiệu Trưởng Trường Trung học Tân Hưng, Cái Răng, tôi rất hân hạnh được gặp mặt người cháu cô ta là anh bạn cùng lớp Nguyễn Lương Sinh, người bạn trẻ tuổi đẹp trai nhất lớp mà có thời gian chúng tôi ở trọ chung nhà tại đường Pétrus Ký có hai cô chủ nhà đẹp gái hết

biết (theo tiết lộ của anh bạn Lương Sinh còn nhớ cả tên chị Điều và Alice Cang nữa, chứ tôi hoàn toàn ngây thơ vô... số tội, họa chăng có Trời biết mà thôi?). Lần họp mặt kỳ này cũng khá vui nhộn tuy thiếu vắng người niên đệ vui tính và ồn ào nhất là Luật sư Hồ Trung Thành vì bận du lịch Winnipeg-Canada, nên không “đáo nhậm đơn vị mới” kịp thời. Cũng trong lần tái ngộ này có sự vắng mặt của anh bạn cùng lớp đã tham dự lần trước là Nguyễn Trung Nghĩa. Ngày ấy, anh cao lớn vạm vỡ từng là hảo thủ bóng chuyền của trường, nhưng lần này anh bị bệnh đi khắp khiêng phải chống gậy, cô Kim Quang và tôi đề nghị cho người chở anh ấy đến chỗ họp mà anh nhất quyết khước từ vì sợ gây phiền phức cho bạn bè. Anh còn cho biết hiện đang lưu giữ quyển *lưu bút ngày xanh* có bút tích của các bạn cùng lớp như Nguyễn Thới Lai, Huỳnh Minh Bảo, Trương Quang Minh, và tui nữa, v.v... nên tui mừng húm nài nỉ anh đưa tập này cho bạn bè xem nhân ngày họp mặt nhưng sau đó anh bảo quyển lưu bút quý giá ấy biến đâu mất (có lẽ vì tuổi già và bệnh tật đã khiến anh quên để đâu mất rồi), khiến tui tiếc hùi hụi nhưng biết làm sao hơn khi sức khỏe của anh không cho phép!

Sau đó, tôi trở lên Sài Gòn chứng kiến một sự kiện trọng đại: năm trước tôi về Sài Gòn tham dự đám cưới đứa cháu ngoại trai cung thì năm nay cháu ấy mới có đứa con trai đầu lòng, như vậy tôi bỗng chốc lên tới chức ông cố một cách ngon lành? Nếu Nhà Tôi còn tại thế, chắc hẳn Nhà Tôi sẽ hạnh phúc biết bao vì ngày xưa vợ tôi từng bỗng bẻ nâng niu cháu ngoại trai của chúng tôi một thời gian dài thì bà sẽ cung đưa cháu cố này vô cùng tận rồi.

Hơn nửa tháng sau, tôi lại trở về Cần Thơ để tham dự ngày rằm tháng giêng thượng nguồn do cô hiệu trưởng Kim Quang tổ chức hằng năm với hơn 20 bạn bè thân hữu đồng môn tham dự. Tất cả chúng tôi đều dùng cơm chay, nhưng không vì thế mà thiếu sự ồn ào vui nhộn với sự trở về của niên đệ LS Hồ Trung Thành. Do sự sắp xếp của GS Kim Quang cùng với người ca nhạc sĩ tài danh Ngô Văn Thanh (đến từ North Carolina, Hoa Kỳ) qua tiếng đàn guitare điệu luyện ngọt xót, tui đã bạo gan lọt vào mê hồn trận ngêu bài *Chiếc Lá Cuối Cùng* của Tuấn Khanh để riêng tặng Nhà Tôi khiến tui bỗng chốc đã trở thành “thằng chột làm vua” bất đắc dĩ?

Trở Về Quê Hương Thứ Hai:

Cuối cùng rồi tui cũng “lên xe bông”, ủa quên lên máy bay trở về quê hương thứ hai sau một thời gian lưu lại Sài Gòn. Trên chuyến bay từ Sài Gòn qua Tokyo, Nhật Bản rồi từ Nhật về thủ đô Hoa Thịnh Đốn, Hoa Kỳ, mọi việc đều rất xuôi chèo mát mái nên tôi rất vui mừng tuy không bao giờ tôi đồ được giấc ngủ trên máy bay. Từ Washington DC, sau khi xong thủ tục nhập cảnh, tôi lên máy bay nhỏ để về Hartford, Connecticut gần thành phố Springfield, Massachusetts nơi tôi cư ngụ với chỉ gần một giờ bay mà thôi nên tôi mong cho sớm về đến nhà để nghỉ ngơi. Bây giờ mới 5 giờ chiều nhưng bầu trời vằn vỹ như sắp có dông bão. Vì là máy bay loại nhỏ đi quãng đường ngắn nên tôi có cảm giác máy bay đang khiêu vũ trên bầu trời xám ngắt qua những hố không khí (*trou d'air*) làm tôi hơi lo ngại, chẳng lẽ còn một đoạn đường rất ngắn mà tôi không được yên thân hay sao? Tuy nhiên, cuối cùng chúng tôi cũng về đến phi trường bình an vô sự. Ra khỏi phi trường, tôi cảm thấy cái lạnh bất chợt xâm nhập tuy tôi đã chuẩn bị trước áo ấm rồi. Tôi về tới nhà thì trời đã chạng vạng tối khi độ lạnh tăng dần, lúc bấy giờ đã khoảng 2 độ F, gần âm 15 độ C. Thành phố Springfield thân yêu đã đón tiếp tôi như vậy trong ngày trở về? Nồng hậu hơn nữa là qua hai ngày hôm sau thì trận tuyết dày hơn 3 tấc (khoảng hơn 1 foot) đã ụp xuống thành phố (cả trường học và hãng xưởng đều nghỉ việc) nên con tôi phải vất vả ủi tuyết để có chỗ đi chuyên đồ đây.

Để thay lời kết, tôi có cảm giác là dường như Thượng đế muốn thử thách sức chịu đựng của tôi qua cái rét run người mỗi lần từ Việt Nam trở về Mỹ. Thật vậy, trong năm trước tôi đã được ném cái lạnh thấu xương khi đáp xuống phi trường O'Hare ở Chicago, và năm nay, trận tuyết muộn màng đã triu mến đón tiếp tôi và để lại trong tôi một dấu ấn khó phai sau mỗi chuyến viễn du.

TRẦN BÁ XỬ,

chs PTG/CT
Springfield, MA, mùa giá rét đê đờ,
Ngày 18 tháng 01-2017



Thầy đồ ĐỖ CHIÊU ĐỨC

QUY Y PHẬT,
QUY Y PHÁP, QUỶ Y TẶNG

[BBT: đây là bài viết của Thầy đồ Đỗ Chiêu Đức gửi phúc đáp Thầy NTV liên quan đến ngôn ngữ thường nghe trong sinh hoạt của người theo Đạo Phật. Chuyên mục CHUYỆN NGÔN NGỮ xin giới thiệu đến quý bạn đọc bài viết ngắn gọn này để cùng chia sẻ... nhân mùa Lễ Vu Lan báo hiếu... các chùa thường có lễ QUY Y cho Phật tử. VHVN].

Kính Thầy,

Trở về từ VN, lại nhuộm phải phong hàn theo "dọc đường gió bụi", mặc dù "ngôi" máy bay, nhưng cũng không tránh khỏi cái áp thấp nhiệt đới làm cho cảm mạo phong hàn. Đến hôm nay mới gượng dậy để hồi âm thơ cho Thầy, mong Thầy thông cảm cho sự trễ nãi bất đắc dĩ này!

Thưa Thầy,

Chữ QUY mà thầy nêu ra từ các Tự điển cũng đã đầy đủ lắm rồi. Ở đây, em chỉ lạm bàn thêm về chữ QUY mà thầy thích nghĩa là CÁI KHUÔN. QUY này là 規 Cái khuôn để kẻ đường TRÒN, là cái Compa. Còn một chữ nữa là CỬ 矩 là cái khuôn dùng để kẻ hình VUÔNG, là cái Ê-ke. Không có QUY thì kẻ không TRÒN,

không có CỬ thì kẻ không VUÔNG, nên QUY CỬ là cái khuôn phép giúp ta làm nên sự việc một cách hoàn hảo, hoàn chỉnh. Không theo QUY CỬ thì mọi việc sẽ bị méo mó, chệch hướng, không ra gì cả! (QUY và CỬ này đã được vua Hạ Vũ (2081- 1978 trước Công Nguyên) chế ra lúc đang đi khai kinh trị thủy cho cả nước.

Bây giờ, thì xin trở lại với chữ QUY là VÈ, là THEO VÈ.

Chữ QUY 歸 gồm: Bên trái phía trên là bộ Phụ 阜: là làng xóm chợ búa dựa theo ven sông. Phía dưới là chữ Chỉ 止: là dừng lại. Bên phải là chữ Trừu 帚: là cây chổi. Hàm ý là... Người du tử ngày xưa khi dừng chân trên một làng mạc ven sông nào đó, chợt thấy người đàn bà cầm cây chổi quét nhà, mà chạnh lòng muốn quay trở lại quê nhà, như nhà thơ Thế Lữ đã viết...

*Rồi có khi nào ngắm bóng mây,
Chiều thu se lạnh gió heo may.
Dừng chân trên bến sông xa vắng,
Chạnh nhớ tình tôi trong phút giây!*

nên...

Chữ QUY có nghĩa VÈ là vậy.

VU QUY: là về nhà chồng.

QUY NINH: là Gái có chồng về nhà thăm cha mẹ ruột. Khi Thúc Sinh vừa lên đường về Lâm Truy với Thúy Kiều thì Hoạn Thư cũng đi về nhà "mét má":

*Gió câu vừa gióng dậm trường,
Xe hương nàng cũng thuận đường QUY NINH.*

QUY PHỤC, QUY THUẬN: đều có nghĩa là Ngoan ngoan mà về theo ai đó.... Còn....

Chữ QUY mà Thầy nói là có Bộ Bạch 白, còn bên kia là Chữ Phản 反: là Ngược lại, QUY 𠄎 này là một dị bản, một cách viết khác của chữ QUY nêu trên, nếu chiết tự thì có nghĩa: Đang trong chỗ tối, đi ngược lại để trở về với chỗ sáng, đặc biệt là chữ QUY 𠄎 này CHỈ DỪNG TRONG KINH PHẬT chứ không được dùng rộng rãi như chữ QUY 歸 trên.

Còn chữ Y, thì Thầy cũng đã rõ nghĩa rồi.

Y: là Dừa, là Tựa, là Nương Theo, là Quyển Luyến. Nên...

QUY Y: là Về để nương tựa theo, là Dốc lòng về với

Hiểu rộng ra là Bỏ chỗ tối về với chỗ sáng, Bỏ nơi mê muội mà về nơi bén giác, Vượt qua bề khổ để đến với nát bàn.....

Nhưng, kính thưa Thầy,

Vì Thầy yêu cầu Chiết tự, nên em mới chiều theo ý Thầy mà chiết tự cho vui vậy thôi, chứ.... "Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng", gọi chung là "Quy y Tam bảo 皈依三寶". Đây là những từ chuyên dùng của đạo Phật, mà đã là từ chuyên dùng của Phật giáo thì phải tìm hiểu nguồn gốc của các từ này trong kinh Phật bằng tiếng PHẠN Thầy ạ, chữ Hán cổ chẳng qua cũng là văn tự dùng để dịch kinh Phật mà thôi. Ví dụ: Nước ITALI, người Hoa nhại bằng âm Quan Thoại là 意大利, ta dịch lại âm nhại của người Hoa là Ý Đại Lợi, rồi gọi tắt là nước Ý, nên ITALI và Ý Đại Lợi về mặt ý nghĩa không có ăn nhằm gì với nhau cả, chỉ là nhại âm cho có tên để gọi mà thôi.

Tương tự, ta có CANADA là Gia Nã Đại, AMERICA là Mỹ Lợi Kiên, là nước Mỹ...v.v....

Sự thật, TAM QUY Y là "Tisarana", "Ti" là Tam, và "sarana" là Nơi Phù hộ che chở, ý muốn nói là do Phật Pháp Tăng ba ngôi hình thành nơi che chở phù hộ cho những ai theo về. Trong chương thứ 14 của kinh "A tỳ Đạt ma câu xá luận" thì giải thích...

QUY Y là "Saranam gacchami". Gacchami là động từ chỉ sự thẳng tiến, đến nơi, và Saranam là Danh từ chỉ sự che chở phù hộ. Như vậy, thì QUY Y là "Thẳng tiến đến nơi mà ta sẽ được sự che chở phù hộ", nói cách khác là "Về với Phật Pháp Tăng để hưởng được sự phù hộ và che chở". Cũng theo Kinh trên, Saranam gacchami còn có nghĩa Cứu tế và Nương tựa, nên mới được các nhà dịch thuật, Trung Hoa dịch là QUY Y.

Kính Thầy,

Dựa theo sự hiểu biết có hạn và tài liệu tìm được trên mạng, em chỉ có thể góp bao nhiêu ý đó với Thầy mà thôi!

Nay kính,

Đỗ Chiêu Đức.

QUÊ HƯƠNG TRONG TRÍ NHỚ



Long Tuyền
NGUYỄN PHƯỚC TRANG
(Houston - Texas)



TÔ CANH CẢI TRỜI

Năm 1945...

Mũi xuồng vừa ghé sát cầu dừa, tôi vội vã xóc cây dầm trong khoen dây luộc, cắm sâu xuống sinh để neo xuồng vào cầu, rồi phóng lên bờ, chạy băng qua khoảng đất, băng luôn qua con lộ làng trắng đá, giông tuốt vào nhà bà ngoại tôi. Vừa gặp má tôi, tôi la lớn: *"Má! Con đậu rồi!"*. Má tôi mừng quá đứng rung rung nước mắt. Bà ngoại tôi từ trong bếp đi ra, cười cười: *"Cậu Tám con về trước cho cả nhà hay rồi là con làm được hai bài toán. Ai cũng hy vọng là con đậu vào cò-le. Thôi, con xuống bến nói với ba con dọn xuồng, rồi lên rửa tay ăn cơm. Thỉnh thỉnh rồi kể lại cho mẹ con nghe"*.

Ba tôi và tôi bơi xuồng từ Bà Đồ (trên Bình Thủy chừng hai cây số ngàn) về Rạch Gốc (cách chợ Ô Môn chừng 11/2 cây số).

Trời quá trưa, nên cả nhà đã ăn trước rồi. Má tôi lo dọn cơm. Thay vì chỉ có cơm với cá linh kho như ngày thường, bữa nay có ba món đặc biệt: cá sặt bươm kho tiêu, gỏi bắp chuối trộn "com mẽ", và một tô canh cải trời. Tôi vừa ăn vừa ba hoa kể chuyện làm các bài trong phòng thi.

Xong ba tôi kể chuyện: sáng tung hứng, ba tôi chở tôi bằng xe đạp từ Bà Đồ xuống Cần Thơ. Khi thi xong hai bài mãn giờ thì đã trưa, ba tôi dẫn tôi ra bên xe đồ ăn cơm. Bên xe đồ lúc bấy giờ còn nằm trên khúc đường Saintenoy từ "nhà dây thép" (Ty Bru Điện sau này) xuống cầu tàu. Ba tôi gọi hai đĩa cơm sườn chan nước mắm ớt. Ăn xong thấy ngon quá, tôi hỏi nhỏ ba tôi mua thêm một đĩa. Ba tôi lắc đầu: "*Đủ no rồi con!*". Nghe vậy, má tôi cười buồn: "*Phải biết, tôi đã đưa thêm tiền cho ba nó*".

Gỏi bắp chuối trộn com mẽ, chấm nước cá kho tuy ngon, nhưng không thể sánh được với tô canh cải trời mà bà ngoại tôi đã để dành. Cải trời nấu canh cá thác lác vò viên có hương vị "rất miệt vườn", khó tìm được ở những nơi chợ búa. Quả vậy, vì từ đó cho đến bây giờ, không bao giờ tôi còn được dịp ăn một tô canh cải trời khác.

Trước 1945, thỉnh thoảng má tôi vẫn nấu canh cải trời. Cho nên bây giờ, tôi còn mừng tượng nhớ cách nấu. Hôm nào má tôi đi chợ mua được cá thác lác thì má tôi sai tôi về vườn bà ngoại tôi để hái cải trời. Nói đến cải trời, chắc có nhiều người trong lứa tuổi của tôi hẳn biết. Muốn hái cải trời, thì tìm dưới mấy gốc dừa trong vườn, chắc chắn nó mọc chen trong cỏ dại chung quanh đấy, không nhiều thì ít. Lúc mới mọc, cải trời thấp vừa khỏi mặt đất, hơi khó thấy mà cũng rất ít. Muốn hái nhiều hơn, thì đi dọc theo các bờ ruộng, hay hai bên đường đất trong làng, gom hai ba rổ cũng có. Hái đợt nọp, màu xanh lợt gần ửng vàng, lá có lông măng ngắn như nhung. Thường thì tôi hái cải trời khi cây lên cao ngang đầu gối. Cây tuy khá già nhưng lại được nhiều đợt non. Đem về rửa thật kỹ vì lá thường đóng nhiều bụi bặm. Trong khi tôi đi hái rau, thì má tôi lo làm cá. Thác lác là loại cá rẻ tiền, ít người mua vì thịt không ngon, bởi từ vườn ra chợ cá không còn tươi. Hơn nữa là quá nhiều xương hom (xương nặng như chữ y) kho hay nấu canh đều sợ người ăn bị mắc cổ. Cá không cần đánh vẩy mà chỉ cần cắt đầu rút ruột, rửa sạch. Dùng dao mỏng lưỡi lóc hai

miếng thị hai bên xương sống xong để trên "sàng gạo" hoặc vĩ tre phơi cho héo. Kế đó, lật ngửa miếng cá phần còn da xuống dưới, dùng muổng nạo nhẹ lấy thịt. Nêm nêm tiêu bột, hành lá, nước mắm rồi vò viên lớn nhỏ tùy thích. Chừng hai chục con cá thì đã đủ cho một nồi canh khá lớn. Nấu nước sôi, thả những viên cá vào, chờ cho cá chín, trút rỏ cái trời vào nồi. Chờ canh sôi vài dạo, nêm lại rồi nhắc nồi xuống. Canh ăn nóng càng ngon. Có điều lạ là thịt cá thác lác vốn "bở rệp", nhưng cá thác lác vò viên thì lại dai và giòn.

Trong những bữa ăn miền quê, canh cải trời gần như là thường trực, nhưng không phải nồi canh nào cũng có cá thác lác vò viên. Mà thường thì nấu với bất cứ loại cá mớ tép nào vừa vớt được trong lung hay dọc theo các cống. Lung là một vũng tròn nằm gần đầu ngọn rạch, bao nhiêu cá nhỏ như sặt bướm, cá rằm, cá lòng tong và tép các cỡ bị nước rút nên tụ về đây. Cống là mương hay kinh đào thẳng có bờ chắn ngang miệng, chỉ chừa một lỗ cống bằng thân cây dừa đục bộng ruột. Cống cốt để cầm nước lại trong ruộng cho lúa đủ sức lớn, mà cũng là nguồn lợi chung cho cả xóm sông gần đó. Nhà nào sắp tới bữa cơm mà chưa có món ăn, thì một người lấy một cái nồi đất, một cái rỏ xúc (rỏ lớn đường kính chừng một sải tay) đi ra cống gần nhà nhưt. Lội xuống cống, kéo một cây lục bình bỏ vào nồi để giữ cá tép xúc được khỏi nhảy ra, xong hạ miệng rỏ xúc xuống nước đảo tròn vài vòng rồi kéo lên thế nào cũng có vài con tép chấu, tép mòng, tép đất, vài con cá trắng như cá rằm, cá he con. May mắn thì thêm được con tôm lóng, hoặc cá rô hay cá trên. Dạo rỏ xúc chừng vài chục lần thì có đủ để kho và nấu canh "cho qua một ngày". Tất nhiên, không phải hôm nào cũng được nhiều, vì ông bà vẫn nói: "chim trời cá nước".

Cuộc sống đồng quê vào thời của tôi, đại để là như vậy. Mùa thu 1945, Nam Bộ kháng chiến, khói lửa bùng bùng ở Hậu Giang. Bảy giờ tôi còn nhỏ, không kịp dự vào đâu, dù là nhóm thiếu nhi do anh Khuu Ngọc Tước điều khiển cho đến ngày tản cư. Khi hồi cư về được, tôi đi học lại, rồi xuống Cần Thơ vào trường Phan Thanh Giản. Từ bấy, cuộc đời trôi xuôi, không bao giờ tôi còn có dịp trở về quê ngoại nằm trong khu vực bất an. Từ bấy, không bao giờ tôi được ăn lại một tô canh cải trời! Cải trời! Sao ông bà khéo

đặt cái tên khó quên cho một loại rau hoang! Không còn được ăn, nhưng vẫn nhớ canh cải trời, như nhớ cỗi địa đàng ấu thơ đã bị chiếm đoạt.

Long Tuyên
NGUYỄN PHƯỚC TRANG

Ngày 10 tháng 01 năm 2000

[trong tập Tuy Bút và Tiểu Luận **ĐẸM BUỐC LƯU VONG**, tr 244-247.
tác giả xuất bản và giữ bản quyền - 2001].

Lục Bát

DIỄM PHƯỢNG

NGẬM NGÙI

*Ra vườn nhật lá vàng rơi
Nhìn thân lá úa ngậm ngùi nổi riêng
Đời sao luống những muộn phiền
Niềm vui thoáng chốc như phiên chợ tàn
Nỗi buồn ngậm đắng đeo mang
Sầu nhân thiên cổ trần gian nẻo đời
Có ai nhật lá vàng rơi
Lòng không nuối tiếc ngậm ngùi nổi riêng?*

Houston tháng 6-2004

HƯƠNG XƯA LÃNG MẠN

*Bây giờ xa lắc xa lơ
Còn chẳng nổi nhớ thần thờ quạnh hiu
Đường qua phố nhỏ tiêu điều
Mù tăm bóng cá... gọi nhiều dẫu xưa
Bâng khuâng sáng nắng chiều mưa
Thuở còn thiếu nữ lúc chưa lấy chồng
Trẻ trung tóc kẹp, môi hồng
Ước mơ lấm nổi, nhớ mong xa gần
Bây giờ đôi ngã rẽ phân
Cuộc đời hai lối cách ngăn... nghe buồn!*

Houston 19-4-1997

QUANH CUỘC SỐNG CHÚNG TA



LÊ CẦN THƠ

(Văn Nghệ VỀ NGUỒN Tây Đô)

Houston - Texas

NHỮNG MƠ ƯỚC CỦA VỢ TÔI

Không phải tôi muốn đề cao hay ca ngợi vợ tôi, nhất là cô ấy chả thích ai nói về mình dù bất cứ trường hợp nào. Rõ ràng là vợ tôi muốn sống cuộc đời thâm lặng, ấm êm bên mái gia đình với chồng, với con, mà không bao giờ muốn sự khuấy động có thể mang đến bên hạnh phúc bé nhỏ của chúng tôi. Dù vậy, mọi sinh hoạt bình thường của người phụ nữ quanh cuộc sống, vợ tôi cũng có tham gia. Cô ấy có bằng Y tá Hồng Thập Tự trước khi cưới nhau, đã có thời gian trông coi một chi hội Hồng Thập Tự tại quận Phụng Hiệp của tỉnh Phong Dinh trước năm 1975. Giờ đây hai đứa con tôi theo học phổ thông tại hai trường khác nhau, cô ấy vẫn có mặt trong những lần hội họp phụ huynh học sinh do nhà trường tổ chức. Những ngày địa phương kêu họp tổ dân phố, cô ấy cũng đi. Cô ấy nói: ***"Anh bận rộn công việc kiếm tiền nuôi gia đình, cứ để em tham dự cho. Hàng ngày em có mặt thường xuyên trong tổ, cần ý kiến gì em để đóng góp cùng bà con hơn anh"***. Thấy cô ấy nói có lý, tôi đồng ý và để nhiều thời gian hơn cho việc gò lưng trên chiếc xe đạp ôm!

Như trên đã nói, vợ tôi thích sống cuộc đời thâm lặng, trong khi cô ấy hoạt động giao tế xã hội như vậy có mâu thuẫn không? Thật tình, cuộc đời thâm lặng mà tôi muốn nói ở đây, là cuộc sống tình cảm và vật chất của chính gia đình chúng tôi mà thôi. Chúng tôi cưới nhau vừa tròn mười bảy năm. Khoảng thời gian đó quá đủ để chúng tôi hiểu và thông cảm nhau qua tình nghĩa vợ chồng và cảm tính riêng tư. Tôi vì muốn kiếm thêm tiền để trang trải gia

đình khi giá sinh hoạt ngày càng leo thang mà sức của mình bị giới hạn sau những tháng năm chịu "khổ hạnh" trong lao tù, đôi lúc cũng có giây buồn lòng cho vợ tôi, không vì thế mà cô ấy gay gắt hay cau có. Trái lại vợ tôi rất "thâm lặng" chấp nhận sống trong những ước mơ bình dị của một người vợ trong gia đình mà xã hội đang quan niệm thật khát khe **"gia đình có cái đuôi lông thòng..."**.

Hồi cưới nhau, chúng tôi có may mắn là được người chị thứ Năm giúp vốn mua được một căn nhà ở riêng. Nhà chúng tôi trong một hẻm cụt của xóm lao động nghèo. Hệ thống điện và nước có đi qua nhưng với nhà chúng tôi không thể xin gắn đồng hồ được vì mình không đủ tiền. Ban đêm đốt đèn dầu, ánh sáng lù mù rất khó chịu. Nước phải xách từ thùng dưới sông Cái Khê lên lóng phèn để xài. Vợ tôi ao ước làm sao nhà có được điện, có được nước máy. Tôi cũng quyết tâm thực hiện, nhưng hết ngày này sang tháng khác, đồng lương cố định của một sĩ quan biệt phái như tôi thì làm sao đủ để xin gắn đồng hồ điện và nước. Thế rồi ngày qua ngày, tôi cũng xin gắn được đồng hồ điện trong nhà. Biến cố tháng 4/75 xảy đến, tôi vào trại tập trung hơn sáu năm. Khởi kể ra đây, vợ tôi ở nhà đùm bọc hai đứa con nhỏ với một mái nhà thiếu tiện nghi như vậy, khổ cực biết chừng nào. Vậy mà vợ tôi gồng gánh suốt thời gian đó, nhiều khi tôi tự nghĩ, phải chăng đó là một phép màu soi rọi lên giúp vợ tôi vượt qua được nỗi bất hạnh của mình? Ngày từ trại trở về, tôi hoàn toàn trắng tay, phải tìm cách kiếm tiền phụ lo với vợ tôi việc gia đình khi sức khoẻ mình suy sụp. Tôi lại mượn tiền mua chiếc xe đạp để chạy chở khách như nhiều người thất nghiệp tại thành phố. Nhà mãi đến bây giờ vẫn xài nước xách từ dưới sông lên, muốn xin gắn đồng hồ nước không phải là chuyện dễ dàng bởi tiền thu được do sức đạp xe của mình không thể đủ để giải quyết ước mơ của vợ tôi được. Mãi đến một hôm gặp được người bạn thân, nghe tôi than về hoàn cảnh đang gặp phải, và khi biết được tôi hơn sáu năm nằm trong trại tù, nên anh sẵn lòng cho mượn tiền mà không tính lời, từ từ trả góp cho anh để lo việc xin chuyển hệ thống nước.

Từ khi có được đồng hồ nước, nhiều rắc rối lại đến với chúng tôi. Chị hàng xóm gợi ý xin được đặt "cắt T" qua nhà chị ấy để đỡ tốn đường ống từ ngoài đường cái vào tận trong hẻm. Nếu

được, chị ấy sẽ mượn thợ đến làm. Vợ tôi không đồng ý, bảo: "***lúc này nước yếu, nếu nối ống như vậy sức nước giảm đi, khó lòng lắm!***". Chị hàng xóm giận. Rồi bao nhiêu lời lẽ nói xấu cứ từ miệng chị ấy tung ra. Đã có trường hợp nhà cạnh phía ngoài của tôi cũng đã từng cho đặt nối ống nước như vậy mà hai nhà đã "mất thân thiện" do hiểu lầm nhau. Người xin đặt "cắt T" đã bàn sao đó với anh thợ gắn ở vị trí trước sau trong đường ống mà khi nhà này mở nước thì nhà kia không có được một giọt nào. Khổ nỗi, nhà xin đặt "cắt T" lại xả nước liên tục, trong khi chị chủ nhà bên này ít khi mở nước, cứ mỗi lần mở ra thì không có hay chỉ nhỏ giọt yếu ớt. Cự nự, cãi vã nhau cứ diễn ra... Vợ tôi lấy kinh nghiệm đó mà quyết lòng từ chối, chớ thực ra cô ấy đâu hẹp hòi ích kỷ gì cho cam. Lại thêm tình trạng ghi chỉ số đồng hồ nước mới là điều gây phiền cho vợ tôi. Theo hợp đồng lúc gắn hệ thống nước, nếu nhà nào sử dụng dưới tám mét khối phải trả đủ tám mét khối. Trường hợp xả nhiều hơn sẽ tính thêm, nhưng giá thêm phải cao hơn gấp rưỡi. Bình quân, gia đình tôi hàng tháng cả hai vợ chồng và hai đứa con chỉ sử dụng tối đa là năm mét khối, vì suốt ngày chúng tôi không có mặt ở nhà. Tắm giặt, rửa chén bát buổi tối cũng không hao bao nhiêu, vậy mà hàng tháng phải trả đủ tám mét khối. Chấp nhận vì hợp đồng đã ghi.. nhưng điều mà vợ tôi thấy phiền rồi "cần nản" là chẳng những xả không tới khối lượng nước ấn định, hàng tháng còn trả dư ra mấy mét khối nữa. Ban đầu tôi không để ý, nhưng về sau, tôi lấy hoá đơn ra đối chiếu, rõ ràng vợ tôi nói đúng. Đây chẳng qua do nhân viên của ty Cấp Nước hàng tháng đi ghi đồng hồ, đã không chịu khó nhìn vào bảng đen mà vợ tôi cẩn thận ghi rất rõ chỉ số đồng hồ điện, nước theo qui định treo trước cửa nhà. Vậy mà anh nhân viên vô tình không thấy hay không có dịp đến nhà tôi, để phải ghi "phòng" tai hại như vậy. Gặp bác công nhân đi thu tiền nước, tôi có nêu thắc mắc, bác ấy bảo khi gặp người đi ghi sẽ nói lại. Nhưng lời hứa này cũng chỉ suông thôi, thành thử vợ tôi phải trả tiền nước "gấp rưỡi, gấp đôi" số lượng mình xả. (Nếu tính theo tiêu chuẩn hợp đồng, từ ngày gắn đồng hồ nước đến giờ, Ty Cấp Nước đã "nợ" lại gia đình tôi đến... nhiều mét khối nước lắm!). Bởi gia đình tôi thuộc có "cái đuôi lòng thòng", không dám đến mấy cơ quan nhà nước khiếu nại sợ cảnh "há miệng mắc quai" thành thử cầm nín cho qua ngày tháng. Tôi

an ủi vợ: **"Thôi em à, vài ba thước khỏi nước không đáng là bao. Em cứ xem như mình mượn gánh nước từ dưới sông lên. Không chừng còn mắc hơn khoảng "ghi phóng" này nữa. Anh không có thời giờ đi khiếu nại, ngồi châu chực tới phiên mình mất cả ngày, lấy tiền đâu mà đi chợ mua cơm gạo? Mà chắc gì khiếu nại lại được giải quyết liền đâu?!"** Vợ tôi một phen cự nự tôi: **"Anh yếu lắm. Thời buổi này, mỗi người dân phải lấy quyền làm chủ, phải phát huy thế mạnh của số đông. Mỗi lần họp tổ dân phố, chị Tổ trưởng vẫn kêu gọi đấu tranh chống tiêu cực, chống tệ nạn, đó là trách nhiệm chung chứ không phải của riêng ai. Cái gì đúng thì ta chấp nhận, cái gì sai phải buộc họ sửa đổi. Ông nhân viên nào đi ghi đồng hồ nước kiểu đó... phải bị phê phán thôi".** Tôi chen vào: **"Anh nói để em thông cảm. Thú thật anh rất ngại đến chỗ "công quyền". Họ bắt phải khai Lý lịch trích ngang, phải thế này thế kia... trong khi anh mới được thả ra từ trại cải tạo, còn bị "quản chế" thế này... Nhưng nếu em muốn thì anh sẽ đến đó xem sao!"**. Vợ tôi nói: **"Vậy cũng được, anh đừng đi, để hôm nào tiện, em đi cho".**

Chuyện đâu rồi cũng vào đó, đồng hồ nước nhà tôi cứ tự "phình" ra cái chỉ số oái ăm đáng ghét! Lần cô ấy đến công ty Cấp Nước khiếu nại, họ hứa sẽ đến xem lại, nhưng ngồi tại bàn làm việc lật qua lật lại hồ sơ, họ hứa rất chắc chắn **"tại đồng hồ nước bị hư sẽ thay cái khác!"**. Vợ tôi chỉ còn cách trở về chờ đợi rồi tiếp tục nhân tôi cho đỡ phiền lòng. Và tôi thì mỗi ngày ráng gò lưng kiếm thêm một cuộc xe nữa để bù vào khoản "phụ trội" của tiền nước mà chắc chắn khi hoá đơn gọi về phải có "phình" ra, không phải riêng nhà tôi mà hầu như nhà dân nào cũng vậy!

Hai thằng con tôi đang tuổi lớn. Mọi ý thích cứ mỗi ngày một tăng lên. Hằng đêm sau giờ học bài, nó xin phép sang hàng xóm xem truyền hình. Nhiều khi chúng đi một chút rồi trở về, mặt tiu ngưu. Tôi hỏi: **"Sao con không xem?"** Nó bảo: **"Bác Chín tắt máy rồi!"**. Tôi cứ nghĩ, có lẽ chương trình không hay, nhà người ta không mở máy. Nhưng dần dà, một đêm vợ tôi tâm sự với tôi:

- Anh à, chị Tuấn có một cái ti-vi cũ không xài, chị ấy muốn bán, mình mua cho hai đứa nhỏ xem.
- Tiền đâu mà mua em?

Tôi trở mắt nhìn. Vợ tôi cười:

- Chị ấy cho mình trả nhiều đọt. Bởi khi nghe em than tụi nhỏ ham xem ti-vi mà mỗi lần sang nhà người ta, người ta tắt máy, để đám nhỏ trong xóm về hết, người ta đóng cửa đê cho trong nhà xem thôi, nghĩ tụi thân quá! Nhìn dáng thèm thường, tui nghi của con, em thấy xốn xang lắm.

- Nhưng ít nhất mình cũng trả trước cho chị ấy một phần. Tiền đâu anh có sẵn?

- Anh đừng lo, em có để dành chút đỉnh. Nếu bằng lòng, mình đến gặp vợ chồng chị ấy xem sao!

Kết quả thì vợ chồng chúng tôi có được một cái ti-vi đặt trong phòng khách cho hai đứa con xem. Vợ tôi nói **"mỗi khi có chương trình hay, anh cho phép mở cửa cho các cháu trong xóm cùng xem. Tội nghiệp chúng nó!"**. Dĩ nhiên là tôi bằng lòng ngay. Bằng lòng hơn cả là thấy vợ tôi vui vì đã đáp ứng được ước muốn tuổi thơ của con mình. Nhưng... sự đời thật oái oăm. Khi nhà chúng tôi có được cái ti-vi thì gặp lúc nhà đèn "cúp điện". Cứ một đêm có điện thì hai đêm đót đèn dầu. Thành thử nhà có ti-vi lại cũng như không. Gặp tối thứ bảy có tuồng cải lương, tụi nhỏ thèm thường muốn đến nhà Bác Chín "xem cọp" nhưng chiếc máy phát bằng điện bình của gia đình này cứ thu hẹp trong phòng cửa ngoài khoá kín. Biết làm sao đây! Cúp điện kéo dài đến một thời gian tự nhiên ban đêm lại có điện: từ chín giờ trở đi! Đã mất toi chương trình truyền hình rồi còn gì. Vợ tôi nói: **"Khuya rồi, điện cháy làm chi. Tiết kiệm không đúng chút nào!"**. **"Em đừng nói vậy. Có lẽ máy móc hư sao đó, chớ ai mà lên kế hoạch điều hoà điện vào giờ này đâu. Thôi ráng chịu đựng một thời gian nữa, khi điện Trị An về tới, ta mặc sức mà sử dụng, biết đâu lúc đó xài ít còn bị phạt nữa là đằng khác!"**. Vợ tôi im lặng không nói gì thêm. Cô ấy dường như còn định nói cái gì đó mà chưa tìm được lời mở đầu?

Tôi lấy cặp da của con, mở tập vở ra kiểm lại tình hình học tập của nó. Vợ tôi chăm chú nhìn theo:

- Thăng Duy học yếu lắm. Em có kèm dạy nó, nhưng chưa đạt kết quả gì. Phải chi anh dành thời gian chỉ dạy thêm cho con mỗi đêm, chắc nó khá hơn. Em thấy dường như sau này tụi nhỏ đi

học, ở nhà trường dạy dỗ chưa đạt được *chất lượng* lắm đâu, đa số đưa theo số lượng hơn là *chất lượng* hằng năm...

- Sao những lần đi họp phụ huynh học sinh em không mạnh dạn đóng góp ý kiến với nhà trường?

- Có chớ sao không. Nhưng trong những buổi họp, lúc nào nhà trường cũng nêu trước những nhận xét, những đánh giá như vậy, rồi kêu gọi cha mẹ học sinh tiếp tay với nhà trường chăm lo việc học của con em. Thường thì những buổi họp... nhà trường kêu gọi phụ huynh tiếp tay "đóng góp" này nọ để xây dựng trường sở nhiều hơn.

- Vậy là em có khuyết điểm lớn lắm. Em đã từng nói với anh "***phải mạnh dạn đấu tranh chống tiêu cực***", sao những dịp cần thiết, em lại không "đấu tranh"?

- Theo em... anh hãy tiếp em mà kèm dạy hai đứa nhỏ là chắc ăn. Có lẽ do cuộc sống có khó khăn nên việc giảng dạy ở nhà trường cũng gặp phải khó khăn như vậy. Điều em ước muốn là hàng đêm anh chịu khó kèm thằng Duy tại nhà...

Thấy vợ tôi có vẻ cương quyết, tôi đành chấp nhận giải pháp "kèm dạy con" mỗi đêm. Tôi lại nghĩ, nếu quanh ta, các bậc làm cha mẹ đều quan tâm đến việc học của con cái, cùng tiếp tay với nhà trường làm tròn *chức năng dạy và học*, chắc chắn trình độ các em mau tiến bộ lắm.

Mỗi khi bàn về vợ tôi, không làm sao tôi quên được từng ước mơ nhỏ bé của cô ấy. Nhớ một đêm hai vợ chồng tôi ngồi trước hàng ba nhìn ra con hẻm tối, cô ấy trách tôi:

- Anh cứ vui đầu vào việc kiếm tiền, không bao giờ thấy anh ngó ngang đến vợ con. Thậm chí không tạo được một lần để đi xem phim trong tháng. Xem để giải trí, để thoải mái tâm hồn, vậy mà anh cũng lờ đi!

Biết mình thời gian qua có lơ là vấn đề này, nên im lặng. Cô ấy không mạnh dạn trách cứ, nhưng tôi nghe có chút gì xót xa qua lời nói đó. Tôi cũng biết, khi gọi lên chuyện xem phim là vợ tôi muốn cho cả hai sống lại những kỷ niệm đẹp của thời mới cưới nhau. Thuở đó, sau những ngày lao động mệt nhọc, chúng tôi thường dành thời gian để chọn xem nhiều phim giải trí. Bây giờ việc xem phim cũng rất cần thiết, nhưng với riêng tôi, tôi thấy có chút gì chưa thoải mái lắm. Hầu hết các rạp chiếu phim, ở mỗi

xuất chiều mua vé thật khó khăn. Có phim mới về, nhiều khi phải chầu chực hàng mấy xuất mới vào xem được. Mua vé phải xếp hàng, nối đuôi nhau hàng trăm thước, có khi làm cản trở giao thông trên một đoạn đường. Bước chân được vào rạp, tôi mất hết hứng thú để thưởng thức phim thì tinh thần đâu mà để tâm đến mục đích giải trí loại hình tượng này. Với vợ chồng tôi, vấn đề vào rạp còn rắc rối hơn nhiều. Thằng con nhỏ của tôi cứ bám theo mẹ, đi đâu nó cũng đi theo (bởi để ở nhà một mình làm sao được. Anh của nó hàng đêm đi học đến khuya mới về). Có lần nể vợ, chúng tôi xếp hàng mua được vé, vào đến cửa, nhân viên soát vé chặn lại, quyết định không cho con tôi vào. Anh ta nói: **"Trẻ em không được vào rạp. Sao không cho cháu đi xem ở rạp thiếu nhi?"** Tôi bảo: **"Cháu còn nhỏ quá, đâu dám cho đi một mình. Vả lại hai vợ chồng tôi cùng đi, bỏ nó ở nhà ai giữ? Các anh thông cảm..."**. Nhưng do quy định chung, anh soát vé áp dụng "cứng rắn", nên lần đó hai vợ chồng tôi đành phải rút lui, bỏ hai vé xem phim, bởi làm sao yên tâm khi bỏ thằng Duy ngoài cửa?

Tôi ra chiều hối hận, nói với vợ tôi: **"Lỡ rồi. Cũng tại anh chủ quan, không coi trước coi sau. Nếu thấy băng ghi "trẻ em không được vào rạp", thì anh đâu chen lấn mua vé cho em mất buổi giải trí này!"** Cũng do lần bị xem phim "hụt" tôi đâm ra "sợ" cảnh xếp hàng mua vé, nên đã làm lơ đi. Sau này, tôi đề nghị, **"hay là hôm nào có phim hay, anh ở nhà trông con, em đi xem một mình rồi về kể lại cho anh nghe"**. Cô ấy cười: **"Có anh cùng đi cho vui, không có anh em đi làm chi cho mệt, để mình mua tạp chí Điện Ảnh hay Điểm Phim đọc cũng hấp dẫn như đi xem phim vậy!"**.

Dù phát biểu ý kiến như thế, nhưng với riêng mình, tôi vẫn thấy chưa có chút gì ổn lắm về một ước mơ bé nhỏ của vợ mình. **"Xem phim để giải trí, để thoải mái tâm hồn, vậy mà anh cũng lờ đi!"**. Cô ấy còn trách tôi, từ đây xuống Sóc Trăng đâu có bao xa mà cả năm trời anh không tạo hoàn cảnh nào để đi thăm anh chị Năm. Anh em riết rồi trở thành "người dung" hết, tình nghĩa nhạt như nước ốc! Tôi nói với vợ tôi: **"Đâu phải anh quên, nhưng lúc này đi xe cộ sao anh sợ quá!"**. **"Anh sợ gì?"**. **"Sợ cảnh chen lấn mua vé, sợ cảnh mua vé rồi lên xe không có chỗ ngồi!"**. **"Sao vậy?"**. Tôi mới thuật lại chuyện một ông khách quen thường đi xe

ôm của tôi kể (xin ghi lại đầy đủ chi tiết lời kể của ông cho vợ tôi nghe): *"Lần đó chúng tôi tất cả là năm người cùng đi công tác, có giấy công lệnh đang hoàng, đến phòng mua vé. Bảo vệ ở đây chỉ cho chúng tôi đứng xếp hàng như bao nhiêu người khác. Ai cũng lý do ưu tiên cả, phải giải quyết theo thứ tự". Qua mấy chuyến xe, chúng tôi đến phiên được giải quyết năm vé, có ghi số ghế rõ ràng, vậy mà lúc lên xe chúng tôi không có chỗ ngồi. Các anh lơ xe bảo xuống ngồi phía tận cùng. "Dưới này còn chỗ sao không chịu ngồi?". "Chúng tôi có số ghế mà!". "Ai lên trước chọn chỗ trước. Tuyến đường này từ trước đến nay vẫn vậy!" (đó là tuyến đường từ Cần Thơ đi Sóc Trăng ngày 10/11/86). Chúng tôi không bằng lòng, vì thấy trong xe, ở các ghế phía trước còn trống nhưng nệm ngồi ai đã gỡ đầu mất. Các hành khách cùng đi bảo: "Ghế dành riêng của mấy ông đó!". "Ông nào?". Tôi không hiểu nên hỏi như vậy. "Thì của lơ, của lái dành riêng cho bạn hàng mình chứ ai!". Thì ra là vậy. Chúng tôi muốn có sự công bằng và sắp xếp chỗ ngồi trật tự, nghiêm túc thì được các anh phụ trách xe nói: "Mấy ông không chịu thì xe đậu tới chiều". Buộc lòng chúng tôi phản ánh ý kiến. Có một anh vóc người mập mạp, từ hướng Ban Quản Trị đi ra, trao đổi sao đó, đã bảo anh lơ: "Coi ghế của mấy ông số nào, mời bà con trả lại cho người ta ngồi". Để khỏi bị cô bác hiểu lầm, chúng tôi giải thích và yêu cầu người có trách nhiệm ở bên xe phải tạo nề nếp và ổn định trật tự trên xe, chớ đâu phải chỉ để giải quyết cho cá nhân chúng tôi trên một chuyến xe như vậy. Sau cùng, chúng tôi cũng có được bốn chỗ ngồi, còn một ghế phải ngồi "súp" trong chuyến đi công tác"...*

Thuật xong lời kể, tôi nói với vợ tôi: *"Em thấy đi công tác là cán bộ nhà nước, là đàn ông mà còn gặp rắc rối như vậy, nếu là dân quyền như anh, đưa vợ và hai con đi thăm anh chị Năm... chắc còn khó khăn đến bực nào nữa?".* Bởi vậy tôi làm ngơ đi. Vợ tôi trách là phải lắm. Tôi thù thì: *"Hay là chờ coi khách của anh làm ở cơ quan nào đó có xe đi công tác, anh hỏi đi nhờ rồi trả tiền xăng cho họ, mình cùng đi thăm anh chị Năm một chuyến cho trọn tình vẹn nghĩa. Đi xe đồ lẻ tẻ sao cũng được, kéo cả gánh như vậy bất tiện lắm".* Nghe nói vậy, vợ tôi không còn phiên trách gì tôi nữa.

Nói gì thì nói, vợ tôi vẫn là người lao động thật sự. Nếu tính thời gian làm việc trong ngày có lẽ vượt hơn gấp hai lần của tôi. Cũng tám giờ làm việc căn bản trong ngày, cô ấy còn lo chợ búa, com nước, giặt giũ quần áo, chăm sóc con cái..., nói chung là việc nội trợ trong gia đình. Thấy vậy tôi cũng cố tiếp tay với cô ấy khi nào thuận lợi. Có một việc tôi không đủ kiên nhẫn làm tiếp vợ tôi, là đêm đêm bên ánh đèn gò lưng ngồi lựa gạo. Gạo mua ở cửa hàng hợp tác xã tháng nào cũng đầy thóc và bông cỏ, không lượm không ăn được. Vợ tôi nghe ai nói là trong nhà thương, một ca mổ bệnh ruột dư, đã phát hiện trong đó đầy bông cỏ, bởi vậy cô ấy rất sợ bông cỏ, và chấp nhận mò mẫm lượm từng hạt bông cỏ. Cô ấy lấy một cái mâm trái đều gạo, một ly nước với cọng tăm xia răng. Cứ chấm ướt đầu tăm rồi chấm vào hạt bông cỏ bỏ ra ngoài... hàng giờ mới đủ một nồi gạo nấu cơm. Hôm đến nhà Diệp, tôi thấy chị ấy cũng lượm bông cỏ, nhưng kiểu cách khác hơn: chị lấy miếng vải bao cát trải ra, đổ gạo vô túm lại chà xát mạnh bông gạo có đuôi đã dính vào vải, chị trút gạo ra. Chị chịu khó lượm lại một chút là xong. Tôi về "khoe sáng kiến" đó, vợ tôi bảo ***"em lỡ lượm cách này quen rồi"***. Tôi cứ nghĩ mãi, tại sao gạo bán cho nhân viên, cho mọi người dân qua hệ thống kinh doanh lương thực - hợp tác xã thì gạo nhiều bông cỏ như vậy? Tại sao có những thúng gạo trắng ngon bán giá chợ đen ngoài chợ thì không hề có bông cỏ. Cũng vẫn là gạo lúa thân nông, cũng do máy xay xát mà cách biệt nhau như vậy. Lỗi do ai? Tôi bàn với vợ tôi ***"Hay là ta mua gạo về, mang ra đổi lấy gạo trắng ăn cho đỡ tốn công em ngồi lượm bông cỏ!"***. Cô ấy một phen trách tôi: ***"Anh mà còn có ý nghĩ như vậy sao? Phải cương quyết không mua gạo chợ đen, gạo của tụi cán bộ tuồn ra ngoài chợ đâu? Mua để nuôi cho chúng béo mập à? Thôi, để em chịu khó lựa... cho đỡ tốn kém. Anh đâu biết, mua một ký gạo ngoài giá gần ba ký gạo mua theo tổ chợ rẻ lắm sao!..."***

Qua hình ảnh vợ tôi hàng đêm ngồi lượm bông cỏ, cứ mỗi lần lên bàn ăn cơm, tôi chợt nhớ tới câu hát thường phát đi phát lại nhiều lần, có câu mở đầu: ***"Cần Thơ gạo trắng nước trong..."*** khiến tôi nghe có chút gì xót xa vương vướng bởi chưa hài lòng. Rõ ràng Cần Thơ ta sông nước mênh mông, sông ta đậm màu phù sa bồi đắp ruộng vườn chó không trong như nguồn nước máy, gạo

chúng ta sản xuất nhiều, nhiều lắm... nhưng thực tế rất hiếm gạo trắng, chỉ toàn là gạo trộn bột bông cỏ. Một ngày nào đó, những nhà máy xay xát của ta xem lại lề lối làm ăn, ngành lương thực "độc quyền" cung cấp gạo cần nhìn lại cách kinh doanh lương thiện và hợp đạo lý hơn... thì lúc đó câu hát thân yêu mới thực sự đi vào tình cảm con người. Tôi nêu ý như vậy, vợ tôi lại "rầy": **"Anh ầu quá, câu ca dao này nhằm ca ngợi sự giàu đẹp, sự tươi mát hấp dẫn của quê hương mình, anh lại nghĩ theo nghĩa đen thì làm sao được!"**. Tôi cười **"Thì anh cũng có ước mơ như em chớ có khác gì đâu?!"**.

Những ước mơ nhỏ bé của vợ tôi, hay đúng ra là ước mơ bình dị trong cuộc sống của mỗi con người, thấy rằng đâu phải là điều lớn lao, có thể thấy và có thể chung nhau giải quyết. Mỗi người cứ đóng góp công sức của mình tốt hơn một chút... thì ước mơ đó đã không phải là ước mơ nữa. Dù sao, tôi vẫn nghe dễ chịu trong lòng mỗi khi bước chân về nhà gặp lại vợ mình. Cô ấy đã thông cảm và hiểu được, tại sao những ước mơ nhỏ bé của cô ấy mà chính tôi là chồng, trụ cột của gia đình vẫn chưa thật sự đáp lại vẹn toàn.

Cần Thơ, 11 tháng 11 năm 1986

LÊ CẦN THƠ

(Về Nguồn – Tây Đô)

THƯ CẢM ƠN

Chân thành cảm ơn nhà văn TRẦN HOÀI THU, dù đang chăm sóc sức khoẻ ngày càng yếu dần của hiền thê NGUYỄN NGỌC YẾN, bên cạnh dốc hết tâm sức để thực hiện công trình tim óc của mình về Văn Học miền Nam qua Thư Quán Bản Thảo và cơ sở Thư Ấn Quán..., nhưng Anh vẫn chia sẻ thời gian để thực hiện tái bản tập truyện **TRÔI NGANG PHẬN MÌNH** (in lần đầu năm 2010 và lần 2 cuối tháng 7-2017) của tôi để lưu giữ và tặng bạn bè.

Lúc nào tôi cũng căn dặn anh giữ gìn sức khoẻ và dâng lời nguyện cầu đến chị YẾN... với lời cảm ơn.

LÊ CẦN THƠ

(03 tháng 8-2017 * nhân ngày Birth Day con trai út của tôi)



TRẦN HỒNG VĂN

(Phóng tác truyện ngắn Nigeria của Wale Okediran)

NGƯỜI ĐÀN BÀ KHỐN KHỔ

[Tác Giả Wale Okediran, sinh năm 1955 tại Nigeria, là một nhà văn và cũng là một bác sĩ y khoa. Ông theo học tại Đại Học Ife, nơi đó ông là chủ nhiệm tờ báo của trường và cũng là một thành viên trong đội bóng ở đây. Những truyện ngắn của ông được đăng tải tại Nigeria và nhiều quốc gia khác. Vợ ông là một luật sư và hai người có ba người con].

Trận mưa lớn đã dứt nhưng cơn mưa vẫn chưa chấm dứt hẳn. Tại một ngã tư đường, vòng người mỗi ngày một lớn. Họ vừa bàn tán vừa nhìn một người đàn ông nằm co quắp dưới đường. Đám người hiếu kỳ kéo tới ngày một đông nhưng chẳng một ai đứng ngón tay cứu giúp nạn nhân cả. Bất chợt, một người mặc bộ đồ “vét” đi tới rồi rẽ đám đông ra:

- Việc gì vậy? – Ông ta hỏi một bà đứng gần đó.
- Ông ta qua đường thì bị chiếc xe buýt đâm phải.

Một thanh niên đứng gần lên tiếng:

- Lỗi do tên tài xế xe buýt. Nó không chịu ngừng xe lại. Nó là tên sát nhân.

Nhanh nhẹn, ông ta quỳ xuống rồi lật nạn nhân lên. Người xấu số là một trung niên, áo quần dính bê bết máu, hai mắt nhắm nghiền, hơi thở nặng nề, hai dòng máu đang tuôn ra từ hai lỗ mũi. May mắn là ông ta tìm được lai lịch trong chiếc ví của nạn nhân: “Lê Văn Sáu, 36 đường Dangodo”. Người đàn ông gọi chiếc xe taxi và nửa giờ sau nạn nhân tới được bệnh viện đa khoa của thành phố.

Tại một vùng khác của thành phố, cô Trần Thị Mây vừa bím xong mớ tóc cho bà mẹ chồng trong khi cô em chồng tên

Lành cũng đang tắm cho hai đứa con. Thịnh linh có tiếng gõ cửa và người đàn ông mặc bộ đồ “vét” bước vào.

- Vâng, tôi là vợ của anh Sáu. – Mây trả lời người đàn ông.
– Thưa có việc gì vậy?

- Chẳng có gì quan trọng lắm, chồng bà bị tai nạn ...

Mây la lớn ngắt lời ông ta:

- Anh Sáu? Làm sao?

Bà mẹ chồng nhẩy chồm ra khỏi ghế, miệng la lối um sùm.

Người đàn ông nọ xua tay:

- Không... không... mọi người làm ơn bình tĩnh... Ông ta không sao, chỉ bị thương nhẹ ...

Mây dồn dập hỏi:

- Hiện giờ nhà tôi ở đâu?

- Bệnh viện đa khoa.

Lành bây giờ tham gia vào:

- Chắc có ai đụng vào xe của anh ấy.

- Ông ấy có xe hơi à?

- Phải, anh ấy ra khỏi nhà được một giờ rồi... Anh ấy đi mua cam.

- Tôi không biết ông ấy có xe hơi. Người ta nói ông ấy băng qua đường thì bị chiếc xe buýt đụng phải.

- Ông nói anh ấy hiện giờ nằm ở đâu?

- Tại bệnh viện đa khoa thành phố. Tôi là Phong, luật sư, vừa ra khỏi toà án thì thấy tai nạn nên giúp chở ông ấy vào bệnh viện. Từ đây tới...

Mây ngắt lời:

- Tôi biết bệnh viện này, tôi là y tá tại đó. Cám ơn ông đã giúp đỡ chồng tôi, xin thượng đế ban phước lành cho ông.

- Không có chi, đó là việc mọi người phải làm. – Và ông ta ra về sau khi để lại tấm danh thiếp.

Sau khi Mây và Lành tới bệnh viện được mười lăm phút thì Lê Văn Sáu trút hơi thở cuối cùng.

Năm ngày sau đám tang, đứa em trai độc nhất của Sáu tên là Báu từ Lagos về gặp Mây. Hấn nói với cô:

- Ngày mai tất cả mọi người phải có mặt để họp.

- Họp mặt gia đình? Sao vậy? – Mây lo sợ hỏi.

- Ông chú muốn mọi người bàn về một vài vấn đề, họp tại nhà chị vào lúc nào tiện cho chị nhất.

Suốt ngày hôm đó, cô cố gắng không nghĩ gì về cuộc họp mặt vào ngày hôm sau. Tuy vậy, vào buổi tối mỗi lo ngại thành sự thực khi Sáu tới gặp cô.

- Ông chú nhắn với tôi là vào buổi họp mặt ngày mai, chị phải có cuốn sổ ngân hàng và bảng kết toán ngân hàng của anh tôi.

- Bảng kết toán ngân hàng? Ngân hàng nào?

- Thì của anh tôi đó.

- Tại sao chú ấy lại cần nó chứ?

Thằng Sáu cười nửa miệng:

- Thì muốn biết anh tôi còn bao nhiêu tiền ấy mà.

Mây muốn tát vào mặt nó nhưng cố dẫn nỗi tức giận xuống. Trong căn phòng trống trải, cô nhớ lại những mẫu chuyện thật thương đau đã nghe được mà người goá phụ phải chịu đựng do phía bên nhà chồng gây ra.

- Mây à, đừng lo nghĩ nhiều quá. – Hồng, người chị của cô tới ở với cô từ khi tại nạn xảy ra khuyên cô.

- Em chẳng lo nghĩ gì chị ạ. Chỉ có việc làm em bận tâm là buổi họp mặt gia đình ngày mai thôi

- Họp mặt gia đình? Về vấn đề gì vậy?

- Em không biết nữa. Thằng Sáu và ông chú đòi có buổi họp mặt.

- Ông chú? Có phải là ông mục sư ấy không?

- Phải.

- À, như vậy thì chẳng có gì phải lo nghĩ cả. Chị cho đó chỉ là buổi họp mặt bình thường thôi.

- Em cũng nghĩ như vậy cho đến khi thằng Sáu đòi em phải đưa cuốn sổ ngân hàng và bảng kết toán của Sáu ra.

- Cái gì? Sổ ngân hàng của Sáu?

- Thằng Sáu nói là ông chú muốn biết anh Sáu còn bao nhiêu tiền trong ngân hàng.

Hồng lặng người một lúc thật lâu vì bị cú “Sock”, phải một lúc sau mới lên tiếng:

- Em có chắc là ông mục sư ấy nói với nó vậy không? Em có nghe nó đàn đúm với nhóm bạn ở Lagos như thế nào không?

- Em không biết nữa nhưng em có nghe nhiều về sự đối xử của nhà chồng với đứa con dâu bị góa như thế nào rồi.

- Không, chị nghĩ là em không có vấn đề gì phải lo nghĩ cả. Từ trước tới giờ em đối xử rất tốt với nhà chồng mà.

- Em cũng nghĩ như vậy. Nhưng để cho chắc, em phải gặp một luật sư, chị nghĩ sao?

- Luật sư? Em có đủ tiền trả cho họ không?

- Thì ông luật sư hôm nọ giúp chở Sáu vào bệnh viện đó. Ông ta đưa cho em tấm danh thiếp và nói là gọi ông ta nếu cần.

- Mây, đừng vội. Hãy đợi xem buổi họp ngày mai ra sao đã, sau đó em sẽ biết phải làm gì. Nói với họ là họ muốn gì, nhưng em đừng vội đồng ý cái gì cả.

Ngày hôm sau, những người có mặt trong buổi họp gồm: Mục sư Toản, thằng Báu, hai người em gái của Sáu là Gấm và Lành, hai thằng con trai của Sáu và Mây. Mục sư Toản mở đầu buổi họp:

- Buổi họp ngày hôm nay sẽ ngắn và gọn vì dưới một tình trạng đau buồn như thế này. Như mọi người đều biết, mặc dù chúng ta đang sống dưới thời đại tân tiến nhưng cũng không thể quên đi những phong tục, tập quán của mình từ ngàn năm nay. Theo như phong tục của nước mình thì không phải chỉ Sáu cưới Mây làm vợ mà đó là việc của toàn gia đình này. Bây giờ Sáu không còn nữa và Mây ở dưới cả gia đình này... tôi muốn nói là Mây là một phần của đại gia đình họ Lê này..., vậy thì...

Nghe ông mục sư nói, con sợ hãi làm toàn thân Mây lạnh cứng.

- Theo như phong tục của xứ mình thì tất cả tài sản của Sáu sẽ thuộc về đại gia đình này, do đó tôi muốn biết trong ngân hàng của Sáu có bao nhiêu tiền cũng như tiền mặt hiện có trong nhà.

- Sáu và cháu cùng có tên trong trương mục như vậy cháu không thể nói cho mọi người biết được.

- Chung trương mục hay không, không thành vấn đề. Chúng tôi chỉ muốn biết hiện trong đó có bao nhiêu tiền thôi.

Không thể từ chối được, Mây nói nhỏ:

- Hai ngàn đồng *naira*. (chú thích: 8 *naira*=1 đô la)

- Còn tiền mặt để trong nhà?

- Không có.

Thằng Báu giận dữ đứng dậy la lớn:

- Tôi không tin. Lúc nào anh tôi cũng để tiền mặt trong nhà, tôi biết mà.

Mây cũng cứng cỏi đứng dậy:

- Tiền gì? Ở đâu? Nếu cậu biết anh ấy để ở đâu thì lấy đem ra đây đi.

Ông mục sư nhỏ nhẹ nói:

- Mây, không được nói những lời như vậy. Tất cả chúng tôi chỉ muốn biết sự thực thôi.

- Tôi cũng nói sự thực cho mọi người biết là anh Sáu không để tiền mặt trong nhà. Ngoài số tiền hai ngàn *naira* trong ngân hàng ra, anh ấy còn nợ năm ngàn cho chiếc xe...

Mục sư Toàn ngắt lời cô:

- Chúng tôi chưa nói tới chuyện đó.

Thằng Báu vẫn lớn tiếng:

- Còn đất đai của anh ấy thì sao?

- Đất đai nào?

- Thì... miếng đất ở vùng Itasin và một miếng tại đường University đó.

- Chúng tôi bán miếng đất ở Itasin từ lâu rồi, chỉ còn lại miếng đất tại đường University thôi.

Mây vừa nói vừa run sợ trước thái độ hung hăng của thằng Báu. Cô cũng không ngờ nó lại biết rõ về tài sản của anh nó như vậy. Ông mục sư lên tiếng:

- Như vậy chúng ta có hai ngàn đồng *naira*, một miếng đất tại đường University, một chiếc xe hơi, còn gì nữa?

Thằng Báu nói liền:

- Quần áo, những bộ đồ vét, những đôi giày ...

Cô Gấm lên tiếng:

- Bàn ghế, tủ giường, tủ lạnh, máy giặt, hệ thống âm thanh...

Mây la lớn:

- Còn nữa, món nợ năm ngàn đồng *naira* nữa. Nhớ đừng quên nhé.

Ông mục sư xoa tay:

- Không, Báu và Gấm, mình không đụng tới những vật thuộc về cá nhân. Để đó cho các con của Sáu.

Mây đứng bật dậy, miệng la lớn:

- Còn món nợ thì sao đây? Ai sẽ trả món nợ năm ngàn đồng này đây?

Gấm xia sói người chị dâu:

- Chị ngồi xuống! Tại sao chị lại la lối như đứa thất học vậy?

- Gấm! Tại sao lại gọi tôi là đứa thất học?

- Thì sao nào? Chị la lối như một đứa thất học vậy. Nếu chị không coi chúng tôi ra gì thì ít nhất cũng phải tôn trọng chú chứ.

Lành nói thêm vào:

- Tôi không tin anh tôi thiếu nợ ai cả.

Mây trừng mắt nhìn cô ta:

- Lành, cả cô nữa. Cô biết gì mà nói xen vào? Cô im đi.

- Im lặng à? Bộ chị tưởng là tôi không biết là anh tôi tồn không biết bao nhiêu tiền mua sắm quần áo, nữ trang cho chị à?

Bây giờ mục sư đứng dậy, hai tay xua xua:

- Thôi, bây giờ mình kết thúc buổi họp tại đây để mọi người lấy lại bình tĩnh đã.

- Không, thưa chú. Anh Sáu còn nợ năm ngàn đồng và nhà băng bắt đầu trừ vào tiền lương của cháu. Chúng ta phải bàn cho rõ xem ai sẽ phải trả món nợ này, một mình cháu không trả nổi.

Ông ta la lớn:

- Cô có im miệng đi không? Bộ nhà này không có người lớn nên cô la lối với tôi phải không? Nếu cô mượn tiền để mua sắm quần áo, nữ trang thì cô phải tự mình trả nợ lấy. Ngày mai cô phải đưa cho tôi cuốn sổ ngân hàng, chìa khoá xe hơi, bằng khoán của miếng đất. Nếu cô không chịu đưa thì biết tôi.

Trong phòng, Mây thỏn thức khóc. Cô không biết phải giải quyết ra sao với sức ép của đám người này. Sau khi được thuật lại nội dung buổi họp, bà mẹ chồng bước vào phòng cô:

- Mây, có phải chồng con còn thiếu nợ năm ngàn đồng là thực không?

- Vâng, thưa mẹ. Anh ấy chưa trả xong nợ chiếc xe và ...

Bà mẹ chồng ngắt lời cô:

- Mẹ tin là con không hiểu con nói gì cả. Con trai của mẹ không mắc nợ ai cả. Tiền mặt của nó để trong nhà này mà con giấu giếm còn nhiều lắm...

- Nhưng... mẹ...

- Từ nay đừng gọi gọi tôi là mẹ nữa. Người nào có gan nói con trai tôi là tên thiếu nợ thì không phải là con dâu của tôi nữa. – Bà bắt đầu la lớn. – Tôi nói cho cô biết, khi ra khỏi nhà này thì ngay cả hai đứa cháu của tôi cô cũng không được mang theo đâu nhé.

Mây tìm đến văn phòng luật sư Phong theo như lời khuyên của người chị ruột. Ông ta là người giúp chở Sáu vào bệnh viện sau khi tai nạn xảy ra. Mây nói cho ông biết về cái chết của Sáu cũng như tình trạng hiện nay xảy ra cho cô.

- Tôi muốn tới thăm ông nhà trong bệnh viện, nhưng lại có việc ra khỏi thành phố. Xin thành thực chia buồn cùng bà. Thế ông bà lấy nhau dựa theo “luật phong tục” hay sao?

- Thừa vâng.

- Như vậy là rất phiền. Theo luật phong tục, người phụ nữ sẽ không được quyền hưởng bất cứ gì mà người chồng quá cố để lại cả.

Mây nói cho rõ:

- Trường hợp của tôi không phải là thừa hưởng mà chúng tôi cùng nhau đi làm để trả tiền xe, chúng tôi cùng có tên chung trong tương mục ngân hàng.

- Việc bà đóng góp bao nhiêu vào gia tài của ông cũng không kể. Luật này không cho phép bà thừa hưởng bất cứ gì mà ông để lại. Luật nói rõ là bà chỉ là một phần trong đại gia đình của ông nhà thôi.

- Trời đất, luật gì mà quái gở vậy?

- Riêng tôi cũng thấy luật này thật bất công. Tôi thấy là Hội Bảo Vệ Phụ Nữ rất chú ý tới trường hợp này và họ có thể giúp bà được.

Mây ôm mặt:

- Trời ơi, tôi phải làm sao bây giờ đây?

Ông luật sư im lặng suy tư. Một lát sau ông nói với một giọng thật thấp:

- Rất buồn phải nói là bà ở trong một tình trạng khó khăn. Có thể nói là nếu bà lấy được bất cứ cái gì của ông nhà để lại thì đó là do sự nhân nhượng, lòng tử tế của gia đình ông ta thôi. Tôi khuyên bà nên hợp tác với họ là tốt nhất.

Mây trở về nhà với tâm tư nặng trĩu. Cô có cảm tưởng là gia đình họ Lê này đang ban ơn cho cô vậy. Cô làm theo lời khuyên của ông luật sư là thỏa mãn tất cả những gì Mục sư Lê Ngọc Toàn và gia đình đòi hỏi: trao chiếc chìa khóa chiếc xe Peugeot mới mua được 2 năm, tiền trong ngân hàng cũng như tất cả giấy tờ miếng đất trên đường University. Cô nghĩ là với công việc tốt hiện nay, nếu gia đình bên chồng đề cho cô yên thì cô có thể chú tâm vào việc nuôi nấng hai đứa con nên người.

Nhưng việc chẳng ngừng ở đây, gia đình bên chồng lại đòi hỏi nhiều hơn nữa. Thăng Bá đã lái chiếc xe đi Lagos, hai hôm sau nó lại quay về lấy hết quần áo của Sáu, dụng cụ điện tử, trong khi hai cô em chồng khuôn hết bàn ghế, tủ, đồ nhà bếp mà chẳng thèm nói với Mây một tiếng.

Không thể chịu đựng thêm được, Mây nói với bà mẹ chồng là không còn đủ tiền để mướn căn hộ ba phòng mà sẽ dọn về căn hai phòng thôi, bà nói là sẽ dọn đi Lagos ở với thăng Bá vì không muốn “mặt đối mặt” với cô mỗi ngày nữa. Rồi một buổi chiều kia, mục sư Toàn và bà mẹ chồng tìm đến nhà. Đôi mắt lạnh lẽo của mục sư nhìn cô:

- Vì cháu quá bận rộn với công việc, hôm nay chú và mẹ cháu tới để đưa hai đứa bé về Lagos để mẹ cháu săn sóc.

- Nhưng mà thưa chú, cháu coi sóc hai đứa cẩn thận và chúng nó cũng ở đây vui vẻ mà.

Bà mẹ to tiếng:

- Không được cãi. Hai đứa chúng nó yêu mến bà nội, bây giờ tôi không còn ở đây nữa thì chúng phải theo bà đi.

- Không, thưa mẹ. Chúng nó rất thích ở đây. Nếu mẹ nhớ chúng thì mẹ về ở đây vài ngày. Con chẳng bao giờ muốn mẹ phải xa chúng cả.

Ông mục sư trợn mắt:

- Im miệng. Ai dám cãi lại chúng tôi đây. Cô nhớ là vào sáng ngày mai, chúng tôi sẽ tới đây để đưa hai đứa đi.

Biết là không thể cãi được vì không được luật pháp bảo vệ, Mây nghĩ cách trì hoãn:

- Như vậy thì được, thưa chú, nhưng thăng cu Tấn đang bị ốm. Chú và mẹ vài ngày sau trở lại được không?

Ông mục sư nghi ngờ hỏi:

- Nó làm sao vậy?
- Thưa, nó bị nóng sốt từ hôm qua, chắc bị bệnh sốt rét.
- Vậy thì bao lâu nó sẽ khỏi bệnh?
- Cháu không biết nữa.

Sau một lúc bàn cãi, mọi người đồng ý là hai đứa bé sẽ ra đi trong bốn ngày nữa.

- Vậy là thứ Sáu này chúng tôi sẽ đưa hai đứa đi. – Ông mục sư dần giọng. - Nhớ là đừng giữ trò gì nữa nhé, nếu có gì tôi sẽ gọi cảnh sát tới để còng tay cô đi đó.

Mây nằm vật xuống giường khóc nức nở. Cô không nghĩ là sự việc trở nên tồi tệ đến thế. Họ đã lấy đi chiếc xe, mảnh đất, tiền dành dụm và cả đồ đạc trong nhà, bây giờ còn hăm he lấy nốt cả hai đứa con đi nữa. Ông luật sư đã nói là luật pháp sẽ không bảo vệ cho cô. Vậy phải làm gì đây? Cô chợt nhớ đến lời của ông ta. “Hội Bảo Vệ Phụ Nữ” có thể giúp những người góa bụa như cô. Mây ngồi dậy, hồi hả tìm địa chỉ rồi tìm đến hội này.

Sau khi nghe trình bày, bà Oanh dịu dàng nói với cô:

- Trường hợp của cô là một trong hàng chục trường hợp chúng tôi nhận được mỗi tuần. Để tôi giới thiệu cô tới một hội khác cũng chuyên bảo vệ những người đàn bà góa như cô. Đó là “Hội Những Bà Góa”, hai hội chúng tôi cùng làm việc với nhau để bảo vệ những người như cô.

Nửa giờ sau bà Oanh và Mây gặp bà Bích Hằng.

- Thật là vô nhân đạo. – Bà Bích Hằng nói sau khi nghe Mây trình bày. - Họ lấy đi hết của cải của cô, bây giờ còn muốn bắt cả hai đứa con của cô nữa à?

- Thưa vâng.
- Ông chú của chồng cô là ai vậy?
- Thưa, đó là mục sư Lê Ngọc Toàn tại nhà thờ thánh

Abednego.

- Cái gì? Cô nói là ngài mục sư Toàn à?

- Thưa vâng.
- Được rồi, tôi biết sẽ phải làm gì rồi. Cô có biết ông ta làm lễ lúc mấy giờ không?
- Thường thì sáu tới tám giờ chiều mỗi ngày.
- Vậy hôm nay cô có rảnh đi với tôi không?
- Vâng.

- Vậy thì tôi gặp cô lúc năm giờ rưỡi ở đây nhé.
- Làm ơn ... cẩn thận. Mục sư Toản rất có ảnh hưởng tại đây, hơn nữa ông luật sư Phong có nói với tôi là ...
- Cô không phải lo gì cả, tôi có cách giải quyết mà không cần đến toà án. Tôi và bà Oanh đây sẽ giúp cô.

Khi Mây và bà Bích Hằng tới nhà thờ thánh Abednego vào buổi chiều hôm đó thì mục sư đang làm lễ và nhà thờ đông nghẹt người, hai người phải đợi cả giờ buổi lễ mới chấm dứt. Rồi mục sư Toản bắt đầu gọi những người có vấn đề trong đời sống lên để cùng cầu nguyện. Ông nói:

- Sau khi Chúa ban phước lành cho quý ông bà, chúng tôi cũng mong ông bà ban phước cho nhà thờ này.

Nhanh như cắt, bà Bích Hằng rảo bước tiến lên bục. Cầm chiếc micro trên tay, bà bắt đầu nói:

- Lạy chúa, con đã lên đây để cầu khẩn Chúa. Chồng con mất mới mấy ngày qua mà bên nhà chồng đã hành hạ con đủ điều. Họ đã lấy đi tiền bạc, của cải, đất đai mà hai chúng con để tên chung, bây giờ họ lại muốn bắt cả mấy đứa con của con nữa. Xin Chúa giúp con trong cơn khốn khổ này.

Mặt mục sư Toản đỏ gay, ông ta la lớn:

- Bà nói những việc tôi bại như vậy mà xảy ra trong thời đại văn minh này hay sao?

Bà Bích Hằng trả lời:

- Vâng ạ, thưa ngài.

- Thật là tội lỗi. Những kẻ có hành động như vậy là loài quỷ dữ bởi vì thánh kinh có dạy rằng chúng ta không được gặt hái những gì mà không gieo trồng. Bởi thế, chúng ta ở đây phải cầu nguyện cho bà góa khốn khổ này lấy lại những gì mà bà ta đã bị cướp đi. Tôi nói vậy có đúng không?

Cả vài trăm người trong nhà thờ đồng loạt la to:

- Đúng vậy, phải cầu nguyện cho bà ấy.

Mục sư bắt đầu năm phút cầu nguyện, sau đó một chiếc khay được đưa tới ngay trước mặt bà Bích Hằng. Ông ta nói:

- Chúa đã nghe lời cầu của bà rồi. Bây giờ bà hãy trao lại cho Chúa những gì mà bà thấy là tương xứng.

Bà Bích Hằng cất cao giọng:

- Trước khi tôi dâng tiền, xin cho tôi nói vài lời đã.

- Được rồi, bà muốn nói gì nào.

- Khi tôi nói tôi bị nhà chồng ngược đãi, tôi không muốn ám chỉ cho chính bản thân tôi mà là một người bạn. - Hướng về phía dưới, bà nói tiếp. – Mây, lên đây.

Khi Mây đã đứng bên cạnh, bà Bích Hằng nói tiếp:

- Đây là cô Mây, chính nhà bên chồng đã lấy tất cả của cải, tiền bạc của cô ấy. Họ đã lấy đi chiếc xe hơi, mảnh đất, tiền trong ngân hàng và đang đe dọa lấy đi cả hai đứa con nhỏ của cô ấy nữa. Điều đáng buồn là người đứng đầu gia đình này lại là mục sư Lê Ngọc Toàn đây.

Đám đông xầm xì, có người nói to:

- Chắc là người nào khác chứ đâu phải mục sư Toàn này đâu..

Bà Bích Hằng to tiếng:

- Chính là mục sư Toàn đây, không phải là người nào khác cả.

Lúc này mục sư cố giành lấy chiếc micro nhưng bà Bích Hằng chống cự lại. Như đã qua khỏi cơn “shock”, mục sư quay sang nói với những người phụ tá:

- Hãy tổng cổ hai người đàn bà này ra khỏi đây mau. Họ là những kẻ điều ngoa lừa dối, họ tới đây để phá hoại nhà thờ này, phải tổng cổ những con quỷ này ra khỏi đây mau.

Mây vội cầm lấy chiếc máy phóng thanh trong tay bà Bích Hằng:

- Những điều bà Bích Hằng vừa nói đều là sự thực. Tôi là vợ của ông Lê Văn Sáu mà mọi người đã biết đám tang của ông ta vào hai tháng trước. Chính ông mục sư này là chú ruột của chồng tôi và đã tước đoạt hết tài sản của tôi. Bây giờ ông ấy lại còn muốn bắt cả hai đứa con nhỏ của tôi nữa.

Cả nhà thờ nhón nháo, sau cùng những người phụ tá của mục sư cũng đẩy được hai người đàn bà ra ngoài.

Ở bên ngoài, Mây run sợ hỏi bà Bích Hằng:

- Mình phải làm gì đây. Không biết ông ta có xúi đám tén đồ trả thù không?

- Không, ông ấy không dám đâu. Tôi có quen mục sư niên trưởng trong nhà thờ này. Nếu ông ta không giải quyết thì tôi sẽ đi nói với mục sư kia. Hãy đợi ở đây một lát.

Nửa giờ sau mục sư Toản ra xe, thấy hai người đi theo ông ta la lớn:

- Hai người kia, sao vẫn còn ở đây?

Bà Bích Hằng nói:

- Đúng vậy, chúng tôi vẫn còn ở đây. Tốt hơn hết là ông hãy trả lại cho người đàn bà khốn khổ này tất cả những gì ông đã lấy. Nếu không tôi sẽ ...

- Nói giỡn hay sao vậy, cô ta sẽ không lấy lại một xu nào.

- Ông cho mình là người của Chúa mà đi lừa gạt người khác sao? Ông có thấy mắc cỡ không? – Khi thấy ông mục sư không trả lời, bà ta nói tiếp.

- Chúng tôi cho ông tới ngày mai. Nếu ông không trả lại tất cả cho người đàn bà này, hội của chúng tôi sẽ làm hết sức để vạch trần mọi hành xử của ông. Chúng tôi sẽ không đưa ra toà án mà sẽ dùng các đài truyền thanh, truyền hình để cho mọi người trên thế giới này biết là ông là một con quỷ đội lốt thầy tu và nhà thờ này sẽ ra sao thì ông tự biết.

Nói xong bà Bích Hằng và Mây bỏ đi.

Dù với lời đe dọa này, mục sư Toản vẫn không trả lại gì cho Mây. Cho đến ngày thứ ba thì Mây trở lại văn phòng bà Bích Hằng.

- Đừng lo gì cả. Hôm qua tôi đã gặp mục sư niên trưởng rồi. Ông ta nói là nhà thờ rất xấu hổ với lời tố cáo của mình và đang dùng áp lực với mục sư Toản.

Hai ngày sau, vị mục sư niên trưởng mời bà Bích Hằng và Mây tới để họp với mục sư Toản. Ông ta tỏ vẻ hối hận, ngập ngừng nói:

- Bà và cô hiểu cho tôi, tôi phải hành động như vậy là do áp lực của gia đình. Nếu không làm theo đúng những điều họ yêu cầu thì họ nói tôi đi ngược lại phong tục tập quán của gia đình từ bao năm nay và họ nguyện rửa tôi tới chết ...

Bà Bích Hằng ngắt lời:

- Tập quán phong tục gì mà bất nhân như vậy. Hơn nữa mục sư là người của Chúa, ông phải biết làm những điều đúng chứ.

- Tôi biết, tôi biết. – Ông mục sư không dám nhìn vào hai người đàn bà. – Tôi đã bảo họ trả lại chiếc xe, mảnh đất lại cho

Mây, năm ngàn đồng *naira* nữa, sẽ chuyển trở lại trong trương mục của Mây.

- Cám ơn chú.

- Bao lâu thì sẽ chuyển vậy? – Bà Bích Hằng hỏi.

- Chậm nhất là cuối tuần này, tôi sẽ làm càng sớm càng hay vì tôi không muốn chuyện này lan tràn ra bên ngoài.

- Cám ơn chú, nhưng còn việc hai đứa bé thì sao?

- Dĩ nhiên là chúng nó sẽ ở với cô, tôi đã nói với bà nội là nếu nhớ thì về đây ở với chúng vài ngày.

Sau khi từ giã ông mục sư, hai người ra về. Ra tới cổng Mây vui mừng nước mắt rùng rùng. Cô ôm bà Bích Hằng:

- Không thể tưởng tượng được là bà giúp đỡ tôi thành công như vậy.

- Tôi sẽ tiếp tục làm những việc như thế này cho những người đàn bà góa khổ khổ bị áp bức. Tôi sẽ phải cố gắng hơn nữa.

*** Trần Hồng Văn.**

PHÂN ƯU

Vô cùng xúc động nhận được TIN BUỒN, Thầy tôi

Giáo Sư

DƯƠNG HỒNG ĐỨC

Pháp danh CHÂN LINH NHĨ

sinh 28/8/1937 tại Hà Nội

mất hồi 1 giờ 20 sáng 21/7/2017

tại Bệnh viện Avicenne, Pháp Quốc

Trước lúc ra đi, Thầy tôi - **GS Dương Hồng Đức đã ước nguyện hiến thân xác cho khoa học** nên tang gia không có lễ an táng mà chỉ làm Thất cho người quá cố.

Sự ra đi của Thầy là nỗi đau buồn và mất mát quá lớn lao đối với gia đình, đồng nghiệp và môn sinh. Gia đình chúng em thành kính chia buồn cùng Cô (tác giả **BÁO NGUYỆN**) và Tang Quyển. Nguyện cầu Hương Linh Thầy - Phật Tử Chân Linh Nhĩ sớm về Miền lạc cảnh, đời đời an nghỉ trong ánh đạo quang của Chư Phật và Chư Bồ Tát

CHS. PTG LÊ HOÀNG VIỆN (LÊ CẦN THƠ) & NGỌC NỮ LÊ
và Gia Đình

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

THƯ GS DƯƠNG HỒNG ĐỨC GỢI TÁC GIẢ TẬP BÚT KÝ QUÊ HƯƠNG XA MÃI NGÚT NGÀN

Xin phép Cô BẢO NGUYỄN cho em (LÊ CẦN THƠ) phổ biến bức thư của Thầy viết ngày 28 tháng 5-2000 từ Pháp gửi cho em, khi đọc hết tập bút ký QUÊ HƯƠNG XA MÃI NGÚT NGÀN em gửi tặng Thầy. Thầy đã tâm tình với đứa học trò trường Phan Thanh Giản ngày xưa là tác giả tập bút ký, nghĩ rằng... *những câu chữ của Thầy, bây giờ và mãi sau này trở thành vô giá, em nguyện lưu giữ trong cuộc sống.* Đây là bức thư góp ý số thứ tự 31 mà em nhận được qua đường bưu điện. Thầy đã viết:



31. *“Thầy xin mở đầu thư này bằng mấy lời: Xin lỗi, cảm ơn và thán phục.*

- *Xin lỗi vì chậm trễ trong việc hồi âm*
- *Cảm ơn về tấm thịnh tình của em*

Quê Hương vẫn đậm đà, thân thiết, không hề lợt phai nơi em.

Và sau đây là lời lẽ của một độc giả:

“Tôi đã dạy học ở Cần Thơ từ 1963 đến 1972 và định cư tại Pháp từ 1979 đến nay. Tôi có về VN thăm Mẹ ở Sài Gòn năm 1993, nhưng vì Mẹ già quá lưu luyến đứa con từ xa về, nên tôi không dám đi đâu, chỉ quanh quẩn bên mẹ, sau đó tôi đi mua ít sách và ít quà rồi trở về Pháp. Tôi ao ước đi Cần Thơ một chuyến để tìm gặp cảnh cũ, người xưa, nhưng nay đã toại nguyện nhờ đọc cuốn “Quê Hương Xa Mãi Ngút Ngàn”. Tôi có cảm tưởng chưa đi mà đã tới và hơn thế nữa,

vì nhờ sách, tôi biết thêm những điều mà khi ở Cần Thơ gần 10 năm, tôi không hề biết như tại sao có tên “Cần Thơ”, bến “Ninh Kiều”... Tôi không “bật mí” hết nơi đây để quý vị độc giả tự “khám phá” sẽ thích thú, sung sướng hơn nhiều.

Nhà thơ Pháp ALFRED DE MUSSET có viết “Frappe-toi le coeur, c'est là qu'est le génie” mà tôi xin tạm dịch là “Hãy moi trái tim bạn ra, thiên tài nằm ở đó”. Musset muốn nói là thiên tài do sự diễn đạt những tình cảm chân thật chứa đựng trong lòng và mình có đích thực sống với những tình cảm đó... thì khi viết ra, độc giả tự nhiên sẽ cảm nhận, thấy mình ở trên một tần sóng với tác giả (*Les lecteurs et l'auteur sont sur les mêmes longueurs d'ondes*). Phải yêu quê hương đất nước tha thiết, thật sự như tác giả mới có thể truyền thông được tình cảm đó cho độc giả như nguyên tắc “bình thông nhau”.

Do đó, tôi không hoàn toàn đồng ý với tác giả về cái tựa sách “*Quê Hương Xa Mãi Ngút Ngàn*”. Tôi cho là tác giả quá khiêm tốn đó thôi! Quê hương đâu có xa mãi ngút ngàn; quê hương ở ngay trong lòng tác giả; quê hương hiện dần đậm nét trên những trang sách này. Càng đọc, ta càng say mê thích thú và có cảm tưởng được tác giả, như một chuyên viên trong ngành du lịch, hướng dẫn chúng ta từ nơi này qua nơi khác... Tôi thiết tưởng những ai có sống ở miền Hậu Giang, đã hoặc chưa có cơ hội hay phương tiện về, không đọc cuốn sách này thì rất là uổng! Tôi viết mấy hàng này để chia sẻ hạnh phúc của tôi khi đọc cuốn QHXMNN và cũng để nói lên sự biết ơn đối với tác giả.

Một độc giả tại Pháp

(Ký tên)

Đó là ít cảm nghĩ của Thầy khi đọc sách em tặng. Con người như em mới có thể nói “Văn Hoá còn thì Dân Tộc còn”; còn nói mà không hành chẳng qua chỉ là lời nói suông mà thôi! (...)

GS DƯƠNG HỒNG ĐỨC

Aulnay, Pháp - ngày 28 tháng 5 năm 2000



KIỀU MỘNG HÀ
(Austin - Texas)

MƯA VẪN CÒN RƠI

Trời bắt đầu sang đông. Những sợi nắng mỏng cố tình phá những tia nắng yếu ớt để làm ấm áp những bước chân của người đi bộ. Tôi có thói quen sáng nào cũng hay thả bộ từ nhà đến trường tiểu học, quãng đường không xa chỉ khoảng nửa mile, tôi thấy vui vì được ngắm trẻ con tua tủa đến trường như một đàn bướm.

Mấy năm trước, bé Danh, con trai út của tôi, còn học trường tiểu học, sáng nào hai mẹ con cũng tung tăng trên lối đi, nay cháu được chuyển sang một trường khác - junior high - nhưng tôi vẫn không bỏ thói quen thường nhật.

Sau khi đưa con trai ra đầu ngõ chờ xe "bus" của trường đến đón, thay vì đi thẳng về nhà, tôi vẫn thả bộ một vòng để ngắm ngôi trường và nhìn những trẻ con hối hả với những bước chân sáo tung tăng. Tôi rất thích trẻ con và yêu luôn nét hồn nhiên của chúng.

Hôm nay nhìn những cây trước nhà lá bắt đầu ngả sang màu vàng, dưới gốc một số xác lá rơi rụng nằm im, tôi thì thầm: *"Trời cuối tháng mười nên lạnh là phải, ngày mai phải mặc áo ấm trước khi rời nhà"*.

Sau 8 giờ, ngôi nhà trở nên yên tĩnh đến vắng lặng vì chỉ còn mỗi tôi là người đi làm muộn. Người rời khỏi nhà sớm nhất là Hải - chồng tôi, giờ giấc của anh là chiếc đồng hồ Thụy Sĩ, đúng 5 giờ 45 phút anh rời khỏi giường, làm một vài động tác thể dục, sau đó vào phòng tắm cạo râu, rửa mặt, tắm rửa, thay y phục rồi đi nhanh xuống lầu vặn ti vi xem tin tức, uống vội vài ngụm cà phê nóng, ăn nhanh vài chiếc bánh ngọt, anh trở vội lên phòng ngủ

"mi" nhẹ lên trán tôi không quên máng yêu: *"Mèo con của anh khi nào cũng thích ngủ vùi"*.

Tôi không cần mở mắt ra nhìn đồng hồ cũng biết là 6 giờ 25 phút. Từ nhà đến sở chỉ cần lái xe khoảng 20 phút, nhưng anh luôn luôn cẩn thận trừ hao hoặc phòng hờ có lúc kẹt xe ngoài xa lộ, sửa đường hoặc có tai nạn. Các con tôi dậy cùng lúc với mẹ, khoảng 7 giờ hoặc sớm hơn một chút, tôi phải lo bữa ăn sáng cho 3 chó con. Toàn 19 tuổi đang học năm thứ hai. Diễm đang học năm cuối Trung Học. Danh lớp 8. Cu cậu còn tháng nữa vừa đúng 14.

Toàn rất có khiếu về hội họa nên nhất định vào trường Art. Trong thâm tâm, tôi lại rất muốn cậu con trai đầu theo đuổi ngành Nha hay Dược. Thay vì thuyết phục con làm theo ý mình, tôi bị con thuyết phục: *"Con có khiếu về hội họa, con sẽ trở thành một họa sĩ có tài. Khi ra trường, con sẽ không phải vất vả đi tìm việc làm. Với năng khiếu, con sẽ tiến nhanh trong ngành nghề, mẹ thường bảo nhất nghệ tinh, nhất thân vinh cơ mà"*.

Tôi ngạc nhiên không ngờ Toàn biết lý luận và nói tiếng Việt khá trôi chảy. Lúc vào Mỹ, cu cậu chỉ mới 4 tuổi. Nghe thế, tôi thật hãnh diện về mấy đứa con chưa quên tiếng Mẹ, chẳng uổng công lao uốn nắn dạy dỗ của tôi. Mãi suy nghĩ, nhìn đồng hồ đã hơn 7 giờ 30 phút, tôi vội nhắc:

"Toàn và Diễm đi học chưa? Nhanh lên kẻo trễ".

"Hôm nay con được nghỉ giờ đầu vì giáo sư bận họp. Nhưng con cũng đi học đúng giờ để ghé thư viện".

Toàn vừa sấy tóc cho khô vừa trả lời:

"Còn Diễm hôm nay có cần mẹ đưa hay chờ bạn học đến đón?"

"Dạ, Nancy sẽ ghé đón con".

Diễm vừa trả lời thì có tiếng kèn xe. Cô bé vội chạy nhanh ra cửa và không quên "bye" mẹ.

Nãy giờ cậu ngồi ăn "cereal", mắt dán vào Ti vi. Khi chỉ còn lại hai mẹ con, cu chàng nửa muốn nói với mẹ chuyện gì, nửa phân vân. Tôi biết ý đến ngồi gần giờ tay vuốt mấy lọn tóc quăn:

"Ồ trường có chuyện gì vui kể cho Mẹ nghe đi Danh".

"Dạ không. À có chuyện này con muốn nói cho Mẹ nghe. Mẹ không giận con chứ!"

"Sao. Bộ điểm học của con thấp phải không?"

"Không phải chuyện đó. Mẹ biết con sắp 14 tuổi rồi mà ngày nào mẹ cũng đưa con đến trạm xe bus, tội bạn nó cười con còn gọi gọi con là baby boy".

Tôi cười ngất:

"Ừ, thì con là "byby" của mẹ. Bạn con nói đúng".

Danh lắc đầu phụng phịu:

"Bắt đầu hôm nay, mẹ cho con đến trạm xe bus một mình nghe mẹ".

Thì ra con tôi đã lớn. Nó cao hơn tôi một cái đầu. Thảo nào cu cậu biết ngưng khi có mẹ kè kè dẫn đến cứ như trẻ nít lên 5 lên 7.

"Được rồi, từ nay mẹ cho con đi một mình ra trạm xe. Nhưng phải nhớ kỹ lời mẹ dặn, đi trên lề đường và cho xe ngừng hẳn mới được leo lên".

"Con cảm ơn mẹ. À, trời bắt đầu lạnh, mẹ đừng ra ngoài làm vườn để bị cảm lắm".

Tôi âu yếm xoa đầu Danh:

"Cảm ơn con nhắc mẹ về thời tiết. Thôi chuẩn bị đi học đi con. Bài vở đầy đủ cho hôm nay chưa. Nhớ đừng bỏ quên home work ở nhà như lần trước bị trừ điểm oan lắm".

Danh chạy vội lên phòng ngủ, khoác thêm chiếc áo "jacket" rồi chào tôi mở cửa đi ra. Nhìn Danh đi một mình với những bước chân nhanh hơn thường lệ, dáng cu cậu cao lênh khênh, tóc vài sợi loăn xoăn xoà phủ trán. Tôi lầm bầm nói:

"Tụi nhỏ lớn nhanh thật. Mỗi ngày nào mà nay đã mười lăm năm sống ở xứ người".

Còn lại một mình trong ngôi nhà vắng, tôi với tay lấy cái "remote" bắt nhạc nghe cho bớt trống vắng. Tiếng hát của Vũ Khanh với nhạc bản "Tạ Ông Em" hình như đó là bài thơ của Du Tử Lê được phổ nhạc:

*"Ông Em ngực ngái môi trâm
Cho ta có mặt trăm lần lá rơi
Ông Em hơi ấm chỗ ngồi
Giấu quanh giấu quẩn nỗi buồn một nơi
Ông Em hôn sớm ngậm ngùi
Kiếp sau xin giữ lại đời cho nhau".*

Mỗi lần nghe bản nhạc này tự nhiên tôi cảm thấy buồn buồn. Hải thường chế tôi: "Em lãng mạn như một nhà thơ".

Tôi cười trả lời:

"Bộ chỉ có thi sĩ mới được quyền lãng mạn, còn người thường thì hông có trái tim sao?".

Hải lắc đầu nói một câu trót lớt:

"Mèo con của anh ngó hiền mà dữ thật. Lúc nào cũng rình anh để cào một cái mới chịu".

Tôi chợt nhớ ngày còn con gái cũng có một gã con trai "phê bình" tôi tương tự như Hải đã làm tôi giận anh chàng suốt cả mùa hè.

Nghĩ đến Huy, lòng tôi ray rứt dù đã hơn 20 năm. Chuyện tình thuở học trò thực sự đã quên lãng từ lâu. Sao hôm nay, tôi lại lần thân nhớ đến tên chàng. Nhìn đồng hồ thấy sắp đến giờ đi làm tôi vội tắt nhạc, lên lầu mở vòi nước để tắm. Nghề địa ốc không đòi hỏi tôi phải đúng giờ giấc. Nhưng có lúc cũng rất bận, nhất là khoảng thời gian đầu mùa hè. Nhiều lúc cuối tuần, tôi phải cầu viện Hải tiếp tôi cắm mấy bạng Open house. Đôi khi tôi chờ khách đi coi nhà suốt cả ngày, bao tử lép xẹp, khiến Hải cự tôi làm việc không biết giờ giấc, không giữ gìn sức khoẻ, không có hoạch định chương trình. Hứa với con nhiều lần đi ăn cuối tuần cả nhà, phút chót khách "bíp" yêu cầu hướng dẫn đến những căn nhà Quick sale cho coi, thế là phải dẹp bỏ hết dự định. Rồi thì vì mệt, tôi chỉ còn biết tự an ủi mình: "*Theo nghề thì ráng mà chịu*".

Vừa tắt mấy ngọn đèn trong nhà bếp, kiểm soát cửa nẻo đầu vào đó cả, tôi đến cái Key board alarm để Turn-on, thì bỗng có chuông điện thoại reo:

"Hello. Bà Dung đó hả. Chưa đi làm sao. Thu đây".

"Sắp ra cửa, nghe điện thoại reo đành nán lại. Thu đây à. Đang ở nhà hay còn ở tiệm?",

"Làm gì được sung sướng như bà. Ngày nào như ngày nay, cứ 9 giờ là phải có mặt ở tiệm. À Dung, bà Thủy đã gửi giấy mời đi họp tối thứ bảy này chưa?".

"Thủy có điện thoại nhắc mình đi họp, nhưng mình lùng khùng nên chưa hứa chắc. Có thể cho chìm xuống đây".

"Đâu được. Họp kỳ này không có bà là tôi làm reo đó".

"Gì mà ghê vậy. Làm như ta đây là nhân vật quan trọng không bằng. Bà Thủy "tha" cho ta rồi, mi đừng có mà lộn xôn".

"Chưa chắc. Tao nghĩ thư mời chưa tới kịp đó thôi. Hôm nay thứ năm, bà chuẩn bị đi là vừa. Nhớ kéo theo ông xã của bà nữa nhé. Lần này Hội Ái Hữu Gia Long liên lạc được rất nhiều bạn mới, đa số có chồng diện HO, vài bạn ở các tiểu bang xa cũng lặn lội về. Toàn là những nhân vật nổi tiếng thuở xưa cả đấy. Như bà "Nguyệt Áo Đò" chắc bà còn nhớ chứ. Bểng của Hội CTY bà chắc chưa quên. Cô nàng còn có mặt ở vũ trường Diamond tối đó".

"Ừ. Xôm tụ nhì. Thôi để tao tính lại và thu xếp công việc đến dự thôi. Tuy nhiên, có gì tối thứ sáu mới thực sự trả lời mi được. Lỡ mà kẹt, khát lần sau cũng đâu có sao. "Bye" nhé. Bây giờ thì tao có cái hẹn lúc 10 giờ 30 ở văn phòng. Thằng cha khách hàng này khó tính lắm. Mua cái nhà còn hơn kén vợ thế có kỳ cục không hả mi?".

Cúp điện thoại, lái xe thẳng đến văn phòng, mới mở cửa bước vào mắt tôi đã đập phải cái "note" của John để lại. John ghi vắn tắt mấy chữ trên mảnh giấy gài ở bàn: "*Diane, Mr Minh có gọi cho "you", nói có hẹn lúc 10 giờ 30. Ông sẽ đến đúng giờ".* Tôi nhìn đồng hồ, còn 3 phút nữa vừa đủ để soạn sẵn hồ sơ. Trong trí nhớ, tôi còn ghi nhận được vài đặc điểm nhân dạng của ông khách tôi tiếp cách đây đúng 2 tuần. Tuổi khoảng trên 45, người tầm thước, ăn vận chải chuốt, dáng dấp của một thương gia, cho nên ông tính toán rất chi li, định công việc mua bán rất kỹ lưỡng. Ông đi chiếc Lexus LS 400 màu sơn đen và bóng loáng như phủ một lớp "lacquer" bên ngoài. Chiếc đồng hồ hiệu Rolex thật đắt tiền đeo ở cổ tay. Đến cái "cà-vạt" đeo ở cổ có đính viên kim cương to mà tính ra cũng gần 2 carats. Vừa định bật cái computer cho vận hành để xem có thêm danh sách nhà mới nào nữa không, thì đúng lúc cửa phòng bật mở. Ông khách tên Minh bước vào nhìn tôi gật đầu chào:

"Xin lỗi chị nhé. Tôi đến trễ mất 2 phút".

"Dạ không sao. Xin mời anh ngồi. Tôi thực ra tới trước anh mới 5 phút thôi. Chạy đua giờ giấc mà bắt mệt. Sáng nay Cali có sương mù, mình lái xe đâu dám lái nhanh. Gặp những bữa thời tiết xấu như thế, tôi buộc phải cẩn thận nên đến văn phòng thường trễ ít ra vài phút. Anh dùng cà-phê nhé!".

"Vâng. Xin chị cho một ly đen không bỏ đường".

Tôi mang ly cà-phê và hồ sơ của Minh đặt lên bàn. Tôi vào đề:

"Chắc hôm nay anh Minh đã chọn được căn nhà vừa ý trong những ngôi nhà đi xem lần trước?"

"Có hai căn nhà, tôi tạm vừa ý nên hôm nay muốn nhờ chị liên lạc với họ cho tôi vào xem kỹ một lần nữa có được không chị?"

Minh mở cặp "samsonite" đưa cho tôi hai mẫu nhà, một căn ở đường Newland gần bờ biển Huntington Beach, căn kia ở ngọn đồi cách chợ búa hơi xa nhưng rất thơ mộng. Minh nói thêm:

"Ý riêng của tôi, tôi thích căn nhà ở gần bãi biển có gió mát, không khí trong lành, lại gần shopping, trường học rất tiện. Nhưng nhà tôi, bà ấy có vẻ thích nhà gần đồi, quanh năm cây cối xanh tươi, yên tĩnh, thành thử làm phiền chị cho đi coi cả hai"...

"Sao anh không mời chị cùng đi, dù sao hai ý kiến vẫn hơn".

Tôi góp ý. Minh cười, hớp ngụm cà phê:

"Nhà tôi mọi việc lớn nhỏ đều bắt tôi đại diện mới khổ chứ. Nhưng bà ấy cũng có cái lý riêng với quan niệm "chồng ngoại, vợ nội". Chuyện bên ngoài bà khoán trắng cho tôi, còn chuyện trong nhà coi như bà toàn quyền quyết định".

"Vậy anh là người đàn ông hạnh phúc nhất đã có được một người vợ Đông Phương".

Minh khiêm tốn trả lời:

"Đúng ra ông Trời ông ấy xếp đặt chứ mình làm sao mà chọn lựa được. Dò sông dò biển dễ dò. Mấy ai lấy thước mà đo lòng người".

"Anh nói rất đúng. À, để khỏi làm mất thì giờ của anh, tôi đề nghị mình đi xem căn nhà ở bờ biển trước, vì nhà này chủ ở nước ngoài nên chìa khoá giao cho văn phòng, mình có thể tha hồ nhìn ngắm. Sau đó tôi liên lạc với chủ căn nhà ở ngọn đồi rồi mình sẽ ghé coi".

"Vâng, chị sắp xếp như vậy tiện lắm. Tôi chỉ rảnh có buổi sáng, sau 2 giờ tôi phải trở lại văn phòng".

Tôi xếp lại hồ sơ, lấy chìa khoá của ngôi nhà mang số 1715. Từ văn phòng đến đó khoảng 15 phút lái xe. Tôi nhớ ngôi nhà này nằm trong khu khá sang. Nhà có 4 phòng ngủ, 3 phòng tắm,

phòng khách, phòng ăn và nhà bếp rất rộng rãi. Nhà được giữ gìn coi sóc. Dù người chủ đã rời căn nhà gần 2 tháng, nhưng cứ mỗi cuối tuần đều có người đến lo việc cắt cỏ, tưới cây.

Tôi mở cửa mời Minh vào coi nhà. Đèn được bật sáng và các cửa sổ đều mở cho thoáng mát. Đồ đạc bày biện vẫn y nguyên như ngôi nhà vẫn có người ở. Chủ nhà là người ưa thẩm mỹ trang trí, cho nên màn cửa, bàn ghế hài hoà màu sắc với thảm và tường vách. Tuy nhà không có người ở, nhưng không khí nom âm áp chớ không ẩm thấp lạnh lẽo như nhiều ngôi nhà bỏ không khác. Minh xem ra có vẻ rất hài lòng khi quan sát nhà không một dấu vết do bẩn, cũ kỹ dù tuổi đời của nó đã có trên 20 năm. Rất kỹ lưỡng, Minh vặn mở từng vòi nước, xả thử vào toilet, rồi bật hết đèn và heater, máy lạnh, máy rửa chén, lò gas... Cả những góc thẳm cũng được Minh xem kỹ lưỡng. Gần một tiếng đồng hồ để mặc Minh tự do xem xét, tôi ngồi ở phòng khách mở hand phone gọi liên lạc mượn chìa khoá căn nhà trên đồi và lật coi những tạp chí cũ để giết thì giờ.

Minh từ phòng ngủ master bước ra nhìn đồng hồ:

"Chi còn hơn một giờ tôi phải về văn phòng làm việc, chắc không đủ thì giờ xem ngôi nhà trên đồi. Và lại, tôi thấy thích căn này vì phong thủy địa lý xem ra tốt, cái hướng nhà lại hợp với tuổi tôi, tôi quyết định chọn mua đây chị ạ. Chị Dung có rảnh không? Hay là để tôi mời chị ghé nhà bọn này một chút, gặp bà xã tôi rồi không chừng chúng tôi ký ngay hợp đồng với chị".

"Vâng. Anh tính thế thì tốt quá rồi. Thì giờ đối với anh là tiền bạc có phải đúng thế không thưa anh?".

"Chị nói vậy còn thì giờ của chị không quý sao? Chị cho tôi về văn phòng của chị để tôi lấy xe và sẵn điện thoại tôi gọi xem nhà tôi đã dậy chưa. Bả đi làm ca chiều nên gần 12 giờ mới dậy dùng bữa".

Họ tới nhà. Minh vừa tra khoá vào cửa, tôi thoáng thấy bóng một người đàn bà bước vội ra mở. Nàng đứng nép mình để nhường lối đi cho Minh. Minh vui vẻ giới thiệu:

"Mỹ, vợ tôi. Còn đây là chị Dung. Chị đã vất vả kiếm cho tui mình một căn nhà rất vừa ý".

Mỹ lí nhí chào tôi:

"Hân hạnh được biết chị".

Tôi giật mình sững sốt, quên cả phép lịch sự cứ nhìn Mỹ trân trân, miệng thì lắp ba lắp bắp:

"Có phải... có phải Mỹ ngày trước nhà ở góc đường Trần Hưng Đạo gần chợ Nany đây không?"

Mỹ cũng ngạc nhiên ngó tôi rồi buột reo lên:

"Ồ. Đúng rồi. Có phải đúng là chị Dung nhà ở đường Nguyễn Trãi gần trường tiểu học Mù đấy hả?"

"Thì đúng quá rồi. Trời ơi! Trái đất tròn nên không ngờ mà gặp Mỹ thật bất ngờ. Xin cảm ơn Trời Phật run rui".

Minh nãy giờ đứng im lặng nhìn cả hai. Nghe tôi nói cảm ơn Trời Phật, anh ta bật cười chen vào kể công liên:

"Thôi. Đừng cảm ơn Trời Phật. Các vị đó ở xa quá không nghe thấy đâu. Cứ cảm ơn cái người mang tên Lê Thái Minh này là được rồi. Nhờ tôi bày chuyện mua nhà lại mời ghé chơi mới có cơ hội cho hai cô bạn cũ tái ngộ. Đúng thế không?"

Tôi nguyệt Minh vừa gượng gật đầu trả lời:

"Đúng quá đi chứ. Chuyện cảm ơn để dành bà Mỹ thay Dung cảm ơn ông anh có được không?"

Mỹ đắm nhẹ vào vai tôi:

"Cái bà quý này. Già rồi vẫn chưa bỏ cái tật nói bậy".

Tôi không vừa:

"Tao đâu có nói bậy. Mi nghĩ bậy nên mới cho là bậy".

Minh đứng lên:

"Thôi tôi đi làm. Ngồi mà nghe hai bà đổ tội cho nhau, kẻ bảo là nói bậy, người cãi nghĩ bậy nên nó thành ra bậy, riết rồi bắt mệt!".

Xoay ở khoá cánh cửa, Minh còn quay lại dặn dò:

"Bà Dung nhớ lo giùm tôi hết những thủ tục giấy tờ, xong đâu đó tôi hứa giao Mỹ cho bà take care. Một tháng hay bao lâu cũng được".

"Còn lâu tôi mới nhận. Ngu mà nhận của nợ à".

Căn phòng còn lại hai chúng tôi. Mỹ hỏi:

"Đói bụng chưa. Xuống bếp lục nồi với tao".

"Ngon lành nhỉ. Ai đời khách tới nhà đã không mời một ly nước lạnh, lại còn ra lệnh xuống bếp lục nồi vét cơm cháy".

"Đã vậy xin "cô nương" cứ tự nhiên ngồi đó làm khách, còn ta, ta đi ăn một mình đây".

Tôi đòi nào chịu bèn đứng ngay dậy, đi theo Mỹ, nói thêm một câu vớt vát:

"Ngồi phòng khách một mình cho ma nó ghẹo à".

Mỹ mở tủ lạnh:

"Nhà này chỉ còn nửa cây chả lụa ăn với bánh mì. Uống sữa hay uống nước cam đây?".

"Tao đi làm trễ, có ăn chút ít ở nhà, "diet" nữa, xin cho một ly nước cam là tốt quá rồi. Còn mày, mày cứ việc tự nhiên".

Chợt nhớ cú điện thoại buổi sáng, tôi hỏi Mỹ:

"Mày còn nhớ con Thu và con Thủy ở lớp Đệ Nhị A2 chứ. Sáng nay, Thu nó gọi cho tao nhắc thứ bảy này có buổi họp mặt Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh trường Gia Long. Để tối nay tao sẽ "phone" bảo Thu nó gửi giấy mời cặp vợ chồng mày đi dự. Mấy lần rồi tao bận tao không tới, nhưng lần này nhất định phải tới cho có mặt mới được".

"Chuyện đó quá dễ. À Dung, mày đã về Việt Nam lần nào chưa?".

"Năm rồi rù ông Hải về, phút chót ông đi công tác ở Canada đành phải hủy cái vé đã mua. Mới đây thôi mà nay đã mười năm lưu lạc xứ người".

Quay sang Mỹ, tôi hỏi:

"Hai bác đã già yếu, mày lại là con một, chắc là phải về thăm thường xuyên chứ?"

"Tao về hai chuyến. Lần đầu năm 88 mùa hè. Lần sau năm 93".

"Gặp lại bạn bè cũ chắc là xúc động lắm".

"Khỏi nói rồi. Mày còn nhớ con Tuyết "nheo" không?".

Suýt nữa tôi nhanh miệng trả lời tao còn lạ gì nó, nó là em họ của Huy, nhưng tôi khựng kịp chỉ nói băng quơ:

"Nhớ chứ. Hồi đó nó ngồi bàn nhất, hề có ai lên lau bảng là "bà chị" vội nheo nheo đuôi mắt để tránh bụi. Nheo riết thành thói quen mới được thiên hạ đặt cho cái biệt danh là Tuyết Nheo" kể từ đó".

"Sai. Nó chỉ "nheo" mắt năm học Đệ Tam. Đạo đó cô ả bắt đầu làm dáng rồi bước sang làm duyên mới nheo mắt. Bọn con Hồng con Hoa lại tưởng nó nheo vì sợ bụi mới đặt là "Tuyết Nheo".

"Nó còn ở chung với bà cô ở đường Võ Tánh không?"

Mỹ thở dài:

"Nó chết rồi".

"Trời đất!". Tôi lay mạnh vai Mỹ: "Mày không nói đùa đây chứ?"

"Chuyện chết sống ai mà nói đùa. Tao về Việt Nam lần sau, tao ghé nhà bà cô của Tuyết nghe bà kể mới biết".

Tôi hỏi dồn dập:

"Bà cô của nó có nói nó bệnh gì không? Ngày xưa nó dáng gầy như liễu chắc nó bị tim. Chỉ có bệnh tim mới chết bất đắc kỳ tử".

Mỹ đang buồn bỗng bật cười:

"Mày hành nghề độc "mò" hồi nào vậy. Chưa biết ắt giáp gì đã định bệnh".

Tôi cũng buồn cười cho cái bệnh tưởng đoán phịa của mình:

"Chả nhẽ nó chết vì bị xe bắt chó cắn".

"Cô Năm bảo Tuyết chết trong một chuyến vượt biển vào cuối năm 1982".

"Sao mà khổ quá vậy!".

"Cô còn cho biết chuyến đi đó có cả ông Huy".

"Chúa ơi".

"Cô Năm còn trao cho tao một kỷ vật nếu có dịp gặp mày thì trao giùm".

"Nhưng tao với Tuyết đâu có thân. Mày nhớ ngày xưa nó thích con Hồng cơ mà".

"Tao có nói là kỷ vật của con Tuyết đâu".

"Chả lẽ...".

"Đúng. Của ông Huy. Hiện tao vẫn còn giữ. Đó là quyển nhật ký đựng trong chiếc hộp gỗ. Cho tao một chút vào phòng lấy trao cho mày".

Tôi ngồi bất động như tượng gỗ. Thấp thoáng bóng Huy hiện về trong tiềm thức. Dáng cao, mái tóc bông bênh. Huy có nụ cười rất tươi với những chiếc răng thật trắng đều đặn như những viên ngọc được gọt giữa công phu của một nhà điêu khắc. Anh đàn guitar rất điêu luyện. Lại còn biết cả phổ nhạc nữa. Tính Huy trầm lặng đến trở thành kín đáo. Huy biết tôi thích nhạc của Trúc Phương, nhất là hai bản "Nửa Đêm Ngoài Phố" và "Tàu Đêm Năm

Cũ" nên anh thường dạo hai bản đó mỗi lần tôi có dịp ghé đến thăm Tuyết. Cô Năm của Tuyết là mẹ Huy. Bà chỉ có Huy là con trai duy nhất. Đạo đó, Huy đang theo học trường Cao Đẳng Mỹ-Thuật nhưng có lẽ anh không thích hội họa lắm, vì tôi thường thấy anh ôm đàn nhiều hơn cầm cọ. Có lần tôi nói ý nghĩ đó cho Tuyết nghe:

"Anh Huy của mày chọn lầm trường rồi. Nhẽ ra anh ấy nên xin vào họ trường Quốc Gia Âm Nhạc anh mới đúng chỗ thi thố tài năng".

Tuyết nhún vai:

"Ông ấy có khi nào nghe ý kiến ai đâu. Cái kiêu của ông là trời nắng mặc áo mưa. Trời mưa che dù giấy". Tiếng chân của Mỹ đưa tôi về thực tế

"Đây. Kỷ vật của chàng xin trao tận tay người tình trăm năm".

Mỹ đặt nhẹ vào tay tôi. Tôi đưa tay vượt cái hộp gỗ như thầm nói với người đã khuất: *"Hãy tha thứ cho Dung đã làm cho Huy đau buồn trong lần hai đưa giận nhau vào mùa hè 1973. Dung quá trẻ con và hơi hợt làm sao hiểu được Huy. Hãy xem Dung như Mỹ Nương ngàn đời cảm thông tiếng đàn Trương Chi, nhưng không bao giờ hiểu được tình chàng"*.

Tôi thân thờ đứng lên cầm cái hộp:

"Thôi tao về".

Mỹ nhìn ra khung cửa sổ buột miệng:

"Mưa vẫn còn rơi".

Tôi lắc đầu: *"Trễ rồi"*.

Như thông cảm, Mỹ yên lặng tiễn tôi ra tận cửa. Tôi ôm cái hộp vào lòng như sợ những hạt mưa sẽ làm cái hộp đó tan rã. Tôi mở máy xe. Tiếng hát của Khánh Ly như cuốn hút hồn tôi:

"Tình ngỡ đã đi xa

Nhưng lòng có lạnh lùng

Người ngỡ đã quên đi

Nhưng bóng hình người vẫn quanh đây"...

KIỀU MỘNG HÀ

Viết xong năm 1997

[trích tuyển tập văn **CÒN MỘT NƠI ĐỂ ĐẾN** - tr 101 - 115

PHƯƠNG CÁCH xuất bản - 2000]

Ghi thêm của BBT. VHVN:

Truyện ngắn trên đây đã in trong tác phẩm **NHÀ THƠ VÀ NHÀ VĂN HẢI NGOẠI 1975-2000** do GS Nguyễn Đình Tuyển tuyển chọn giới thiệu và Đại Học Đông Nam xuất bản năm 1999, trang 533 có viết lời nhận định: "Trong lịch sử văn học Việt Nam, có một Nhà Văn chỉ viết có một truyện ngắn hay mà thành danh, đó là Thanh Châu, tác giả truyện tình lãng mạn: "Hoa Ti Gôn..." . Truyện "Mưa Vẫn Còn Rơi" của Kiều Mộng Hà - [VHVN chú thích] có thể so sánh với truyện tình buồn của Thanh Châu.

TRẦN HOÀI THU'

ĐÊM VƯỜN SAU

*Đêm vườn sau, còn tôi với trăng
Trăng vì lạnh, nên mờ không đủ sáng
Tôi cũng lạnh, nhưng lòng tôi rất ấm
Lâu lắm rồi, tôi có bạn, trăng ơi.*

*Đêm vườn sau, con để gáy mỗi mê
Tiếng rụng nhẹ, một lá khô từ giã
Tôi đứng yên, và ngẩn ngơ, nín thở
Nghe vô cùng, gần gũi của vô biên.*

*Và hình như tinh huyết của càn khôn
Đã lai láng cả một vườn không ngủ
Dịu dàng nhẹ, âm dương đang kết tụ
Và muôn loài đang âu yếm, sinh sôi...*

*Đêm vườn sau, còn tôi, với trăng
Trăng đang thức, loả loè không manh vải
Trên tàn lá, trăng lai láng chảy
Trên người tôi, cũng vậy, chảy giòng trăng...*

(Ô CỬA - Thư Ấn Quán - 2004)

QUÊ HƯƠNG TRONG TRÍ NHỚ



GS NGUYỄN NHƯ HÙNG

(*Santa Clara - CA*)

TỪ SƠN - 1945 - KHỞI ĐẦU CUỘC ĐỜI TÀN CƯ

Lọc cọc! lọc cọc!

Chiếc xe ngựa chuyên chở gia đình chúng tôi rời khỏi thị xã Đáp Cầu hướng về phủ Từ Sơn. Nơi đây có làng Tiêu Sơn, nhiều bà con họ hàng của bà Ngoại sinh sống tại đây. Bà Ngoại thường nói: *đi về Tiêu*. Vị trí phủ Từ Sơn, nay là thị xã Từ Sơn, nằm ở khoảng giữa, cách Đáp Cầu chừng 20 km về phía bắc, cách thành phố Hà Nội chừng 20 km về phía nam. (Tên gọi và danh giới địa lý dùng trong bài này được áp dụng ở thời điểm năm 1945, trước khi VM cướp chính quyền).

Theo trí nhớ của đứa trẻ 8 tuổi, trên xe ngựa có Mẹ và 7 anh chị em. Chị lớn 12 tuổi, em bé nhất, khoảng hai tháng tuổi. Bà Nội và Bố ở lại trông nhà vì có công việc hàng ngày. Nội trông coi cửa tiệm bán giày dép. Bố đi làm công sở, xế bên kia đường. Theo lời kể của chị Nga, chị cả, trên xe còn có U Bê (vú nuôi cô em bé, nhà thường gọi là Bê) và thằng Bút (Bút phải lớn tuổi hơn tôi, nhà quen gọi là thằng Bút) phụ Mẹ để trông coi đàn trẻ nhỏ. Tổng cộng 10 người với những túi quần áo cùng đồ dùng linh tinh hàng ngày chất đầy trên xe, 2 ngựa kéo. Chị Nga nhớ, phải 2 ngựa mới kéo nổi. Xe chở nặng, đường lại xa. Chiếc xe ngựa với 2 bánh xe bằng gỗ, viền sắt, không bọc cao su, lọc cọc lăn trên đường đất gồ ghề. Mỗi lần sụt ổ gà, bọn trẻ chúng tôi lại có dịp vui cười, đùa rờn. Lúc đầu mới trèo lên xe, đứa nào cũng rụt rè, sợ sệt. Bây giờ xe đi được một quãng xa, bọn nhỏ thích lách ra ngoài để dễ

nhìn ngắm phố xá, nhà cửa hai bên đường. Ra khỏi thị xã, ruộng đồng bát ngát, không khí khoáng đãng, chúng tôi lại càng phấn khởi hơn, vì từ bé chỉ quanh quẩn trong thị xã nhỏ xíu này, chưa đi đâu xa. Nhưng đâu có biết rằng người lớn rầu rĩ, lo lắng biết chừng nào!. Mẹ tôi, lúc đó mới 33 tuổi, đem 7 đứa con, 2 trai, 5 gái đi chạy loạn. Mới tuần trước đây, máy bay Đồng Minh (Mỹ) thả bom sập cầu sắt Đáp Cầu, bắc qua sông Cầu, nối liền 2 tỉnh, Bắc Ninh với Bắc Giang. Nhà tôi ở phố Chính, gần cầu, cửa kính lớn trưng bày ngoài tiệm của Nội vỡ tan tành. Máy bay Mỹ vẫn vũ thường ngày. Trại lính Nhật là mục tiêu oanh tạc của không quân Mỹ, lại nằm kế cận nhà tôi. Tôi học trường nam tiểu học Đáp Cầu. Từ nhà đến trường đi bộ chưa tới 10 phút. Sáng nào đi học, tôi cũng phải qua trước cổng trại lính Nhật. Trong sân trại, nhiều toán lính xếp thành hàng tập thể dục, tập võ, chạy nhảy, đấm đá, hô vang những tiếng lạ hoắc. Tất cả đều cắt tóc ngắn, người lùn, phục phịch, trông có vẻ dữ tợn. đặng đặng sát khí. Trước ngày quân Nhật đảo chánh Pháp, 9-3-1945, trại này là trại lính Pháp. Sau 2 trái nguyên tử Mỹ thả trên đất Nhật, Nhật thua trận và tuyên bố đầu hàng Đồng Minh, ngày 14-8-1945. Nghĩa là, Nhật làm chủ trên toàn lãnh thổ VN được 5 tháng, 5 ngày.

Như vậy, lúc Bố Mẹ quyết định đưa bọn trẻ chúng tôi ra khỏi thị xã Đáp Cầu, tản cư về vùng quê, để tránh máy bay oanh tạc, là lúc chiến tranh thế giới thứ 2 (ở VN là giữa Mỹ và Nhật), đang thời kỳ quyết liệt. Thời gian đó là vào dịp hè năm 1945. Ngồi trong xe ngựa, thỉnh thoảng làn gió mát đồng nội thổi tới, người và ngựa cũng cảm thấy bớt mệt mỏi. Bọn nhỏ lim dim ngủ. Trên xe chỉ có Mẹ tôi biết đường và chỉ lối cho anh xà ích lái xe ngựa vào Tiêu Sơn.

Đến Tiêu, chúng tôi gặp Ngoại và gia đình cậu Cả Đắc đã đến rồi. Năm con của cậu Cả, khoảng cùng lứa tuổi với chúng tôi, gặp nhau tíu tít, quên cả đói, mệt. Gia đình tôi ở nhà Ông Ninh, Ngoại và gia đình Cậu ở nhà ông Ban. Hai nhà trông sang nhau, giữa là con đường nhỏ. Nhà quê nên vườn sau rất rộng. Trẻ nhỏ tha hồ chạy nhảy. Vì còn bé, chúng tôi chỉ chơi quanh quẩn gần nhà. Tiêu Sơn có hồ nước lớn, ao Tiêu, đứng ở cửa, nhìn thấy, không xa mấy, nhưng chúng tôi, con nít, nên cũng chưa được đến nơi đó để thăm thú, để bơi lội. Bà con Đáp Cầu tản cư đến Từ Sơn

nhiều lắm. Đi chợ huyện, gặp đủ mặt. Gia đình chúng tôi, cũng giống như bà con Đáp Cầu khác, ở Từ Sơn khoảng 1 tuần, thấy tình hình êm êm lại rủ nhau về.

Về nhà được ít lâu, tình hình chiến sự thay đổi dồn dập:

14-8-1945 Nhật đầu hàng, chấm dứt thế chiến thứ 2.

19-8-1945 Việt Minh nổi lên cướp chính quyền.

2-9-1945 Hồ Chí Minh đọc bản tuyên ngôn độc lập

(Sau ngày này ít lâu, HCM có đến thăm Đáp Cầu. Lúc đó, trong đội "Nhi đồng cứu quốc", đứng dàn chào chủ tịch trước sở cảnh (trụ sở Cảnh sát, tên thường gọi thời Pháp thuộc), tôi nhìn thấy rõ HCM ngồi trong chiếc xe hơi nhỏ màu cam đậm. Điều mà tôi nhớ nhất đến bây giờ là phía trên góc trần trong xe có gắn một cái quạt máy nhỏ chạy vù vù, tôi phục quá, vẫn minh quá, từ bé chưa bao giờ thấy ly kỳ như vậy!)

5-10-1945 quân Pháp do tướng Leclerc vào Sài Gòn.

6-3-1946 hiệp định sơ bộ Việt Pháp

18-3-1946 quân Pháp vào Hà Nội

15-6-1946 người lính Tưởng Giới Thạch cuối cùng rời VN

19-12-1946 cuộc chiến Việt Pháp bùng nổ khắp nước.

16-1-1947 HCM phát lệnh Tiêu thổ kháng chiến toàn quốc.

VC học đòi theo chính sách "Tiêu thổ kháng chiến" man rợ của đàn anh, đuổi người dân vô tội ra khỏi thành phố. Gia đình chúng tôi lại phải khăn gói lếch thếch lên đường, bỏ lại tất cả nhà cửa, đồ đạc, tìm nơi lánh nạn. Lần này, có thêm bà Nội, gia đình xuống thuyền đậu ở bờ sông Cầu, cùng một số đồ dùng cần thiết. Thuyền chèo và thêm 2 người kéo chèo trên bờ dọc theo dòng sông, đến làng Xuân Thủy thì dừng lại. Tất cả lên bờ, lội bộ về ấp Xuân Thủy, ấp của Ngoại. Chúng tôi ở trong căn nhà ngói đỏ rộng lớn cùng với gia đình các cậu, các dì. Thời gian sống ở đây là vui nhất vì có nhiều anh chị em cùng lứa tuổi, tạm thời bình yên, Tây chưa càn quét tới.

Vài tuần sau ngày ra đi, tôi theo Mẹ và U Bê đem theo túi vải đựng hoa, quả, nhang, nến về thăm nhà cũ. Than ôi! Cả thị xã Đáp Cầu trở thành đống gạch vụn. Những con đường quen thuộc tôi đi học hàng ngày, giờ đây không nhận ra nổi! Bùn rùn chân tay, đầu óc hoang mang, như đang lạc lối trong một nghĩa trang xa lạ! Dừng chân, định thần lại, đảo mắt tìm Mẹ. Mẹ và U vẫn lầm lũi

phía trước, bước thấp bước cao trên đồng gạch đỏ vỡ hoang tàn. Mẹ ơi! Mẹ có buồn không? Mẹ có khóc không? Bao nhiêu của cải tan tành theo mây khói! Cậu bé 10 tuổi, chỉ biết bước theo Mẹ, đạp lên những tảng gạch đỏ vỡ, tìm về căn nhà cũ. -"Ô..! Mẹ ơi! Cây dâu nhà ta kia!" Mừng rỡ, tôi chạy vội về hướng đó. Mẹ và bà U theo sau. Cây dâu còn nguyên vẹn giữa những hoang tàn đổ nát. Cây dâu với bao kỷ niệm thời ấu thơ như vừa sống lại trong tôi, sau bao tai họa khủng khiếp do chính những con người mù quáng không xa lạ với dân trong làng. Cành lá rung rinh như đang chờ đón chúng tôi. Sân sau nhà tôi có độc nhất 1 cây là cây dâu, loại dâu ta, như loại dâu lấy lá nuôi tằm, không biết trồng từ bao giờ, cao hơn mái nhà, cho nhiều trái (nhỏ hơn dâu tây), khi chín đen thì rất ngon và ngọt. Có lần té, suốt tay chân khi trèo lên hái trái. Về sau, tôi thường dùng cây sào hái xuống ăn. Bây giờ đang đứng trên nền nhà mình, Mẹ và bà U lo tìm chỗ để đặt bàn thờ, thắp nhang... Tôi thần thơ, lững thững trên đồng gạch vụn rải rác trong sân nhà, cố tìm xem còn vật gì quen thuộc. Không còn gì ngoài cây dâu! Hôm ra đi vội vàng, dâu có đem theo được hết. Giày dép trung bày trên kệ trong tủ kính ngày ra đi, nay không còn một chiếc. Tôi đi tìm cây sào hái dâu, cũng mất tiêu. Căn nhà này, ông bà Nội tôi đã sống bao năm với các con. Khi Bố tôi lập gia đình, cơ quan đổi đi xa ít lâu. Sau lại về sống ở căn nhà này. Rồi 7 anh chị em chúng tôi lớn lên ở căn nhà này từ nhỏ. Nhà 1 tầng, mái ngói thấp, mặt tiền là cửa hàng bán giày dép của bà Nội, hiệu Thái Long, số 15 phố Chính, Đáp Cầu.

Một bên là tiệm bán đồ sứ của OB Đội Chiểu. Một bên là hiệu thuốc bắc Bảo Tâm Chai của người Hoa. Ngoài tiệm bán thuốc bắc, bên trong là một xưởng rất lớn với nhiều nhân viên, chuyên sản xuất rượu thuốc ngâm rắn, cung cấp khắp vùng Bắc Kỳ. Tôi nhớ nhất ông chủ Bảo Tâm Chai, vui vẻ, nói tiếng Việt lơ lớ, khi gặp Hùng Tí chơi ở cửa là gọi vào cho gói ô mai. Khi quân Nhật chiếm Đáp Cầu, ông bị Nhật bắt, nghe nói bị thủ tiêu vì làm tình báo cho Tàu Tưởng! Trước đó, bên kia đường là nhà bà Năm Trần có bác Trí, cô Tuyết (cô Tuyết là bà ngoại của NCKỳ Duyên).

Như vậy kỳ đầu tản cư tránh máy bay Mỹ là hè 1945. Kỳ này với chiến dịch tiêu thổ kháng chiến của VM, chúng tôi tản cư

về vùng quê tránh máy bay Pháp và các cuộc càn quét của quân Pháp là đầu năm 1947.

Từ đó trở đi, chúng tôi trở thành kẻ vô gia cư, chạy hết làng này sang làng khác, phần lớn vẫn trong địa phận tỉnh Bắc Ninh. Tôi còn nhớ những nơi gia đình đã tản cư, sau Từ Sơn là: Xuân Thủy, Xuân Hoà, Lạc Xá, Khả Lý, Tam Sơn, làng Um, một làng tề bên huyện Gia Bình Lang Tài, ấp Ông Nghị Phồn... Nhiều lắm, không biết còn thiếu nơi nào không? Nhưng có một lần, lại tản cư về Từ Sơn, nhưng lần này không phải làng Tiêu Sơn mà là ấp Tam Sơn. Gia chủ là Ông Bà Cự Bơ, sống trên tinh, nhưng thời gian chạy loạn này cũng tản cư về đây. Về Tam Sơn, Mẹ tôi có dịp buôn bán vải cùng bà Cự Bơ ở chợ Từ Sơn. Ông có mấy anh lớn là anh Phương, anh Nghĩa, anh Chung. Hai anh lớn theo kháng chiến, nên ít được gặp. Anh Chung hơn tôi vài tuổi còn ở nhà. Chiều đến, tôi thường theo anh Chung ra khoảng đất trống để cùng với các thiếu nhi trong ấp học hát, học vác súng gỗ, đi đứng đều bước. Tất cả do anh Chung chỉ dẫn. Thật là vui, được sinh hoạt với mấy đứa trẻ đồng trang lứa. Nhưng vui và nhớ nhất là rờn đùa với cô Tuyết, gái cung của Ông chủ, bằng tuổi tôi, khoảng 10 tuổi. Sau Tuyết, còn 2 cô em nữa thì phải? Nhà rộng, sân rộng, ông bà chủ lại vui tính, tốt bụng, tha hồ mà chạy nhảy, vui đùa. Gia đình chúng tôi tản cư ở Tam Sơn khoảng 2 tháng, rồi vì tình hình chiến sự, nơi này không yên ổn, Mẹ tôi lại đưa các con chạy tản cư sang nơi khác. Những lần sau này, tất cả đều cuộc bộ, không có xe ngựa hay thuyền bè như những lần trước. Bọn trẻ chúng tôi mỗi đứa một bị cói đeo trên vai đi thoăn thoắt. Riêng 2 bé gái - hình ảnh tôi còn nhớ rõ - ngồi trong 2 thúng do bà U gánh, đong đưa, chúng phải bám chặt vào dây quang gánh. Tản cư đến đâu đều được tiếp đón niềm nở. Dân quê mình thật tốt! tính tình đôn hậu, thật thà, không giàu có những vẫn sẵn sàng chia cơm xẻ áo cho người ty nạn.

Thế mà tới nay (2016), 70 năm có lẽ, không biết tin tức gì của các ân nhân. Người còn, người mất! người trong nước, người ngoài nước! người bên thắng, người bên thua! Không biết bây giờ, sau hơn 40 năm VN thống nhất, có cùng một ý nghĩ như nhau không? Hy vọng với phương tiện truyền thông nhanh chóng và tân tiến hiện nay, lừa bịp không còn đất sống, sự thật được phơi bày,

chúng ta sẽ không còn phải e dè, khách sáo như nhiều người gặp lại nhau sau 30-4-1975 mà tất cả chúng ta cùng nắm tay nhau một lòng tranh đấu cho mục tiêu chính: độc lập, tự do, dân chủ thực sự cho quê hương.

Tới năm 1949, Mẹ tôi tìm được người đưa bà Nội và tôi hồi cư về Đập Cầu, rồi ra Hà Nội. Ở Hà Nội mới cấp sách đi học lại, sau 2 năm rong chơi từ làng này sang làng khác. Chạy loạn, người lớn lo, chứ con nít 9, 10 tuổi biết gì mà lo. Chỉ vài lần lính Tây càn quét đến vùng, hay máy bay Pháp bắn phá gần nhà, chúng tôi mới nhón nháo lo chạy giặc, lo ẩn núp. Còn thì suốt ngày anh em rủ nhau đi chơi, bắn chim, câu cá, tắm ao, đua trâu, treo cây hái ổi, ra đồng mót lúa..., nhất là thời gian tản cư ở Xuân Thủy, ấp của nhà. Ngày nay tự hỏi, có bao giờ ở tuổi thiếu nhi mà được về quê nghỉ hè lâu như vậy không? Thật tuyệt vời phải không quý vị? Thôi cứ tạm coi như thế cho đời lên hương!

Về sau, học hành qua sách vở, báo chí, tôi mới biết Từ Sơn, nơi hai lần tản cư chạy loạn trong thập niên 40 của thế kỷ trước, là một vùng đất rất đặc biệt, được nhắc nhở nhiều trong văn học, lịch sử VN.

Lúc tản cư ở Từ Sơn ,

- Đâu có biết rằng: Từ Sơn có tiếng tăm là nơi nhiều danh lam thắng cảnh, đền đài cổ kính, như chùa Tiêu (Tiêu Sơn Tự hay Thiên Tâm Tự) nằm trên sườn núi Tiêu, đền Đô Cổ Pháp Điện hay đền Lý Bát Đế) thờ các vị vua nhà Lý, rất gần nơi chúng tôi tản cư. Và còn rất nhiều đình chùa cổ kính khác, vì đây là nơi xuất phát Phật giáo VN từ thế kỷ thứ 10 với nhà sư Lý Công Uẩn, sau trở thành vua Thái Tổ nhà Lý. Có thể nói, Từ Sơn, Kinh Bắc này là vùng có nhiều lễ hội nhất VN.



Chùa Tiêu (Từ Sơn)



Đền Đô (Từ Sơn)

- Đâu có biết rằng: Từ Sơn là sinh quán của thân mẫu đại thi hào Nguyễn Du (1765-1820), bà Trần Thị Tần (1740-1778). Sau khi thân phụ Nguyễn Du, Hoàng giáp Nguyễn Nghiễm (1708-1775) mất, Nguyễn Du mới được 10 tuổi, thường theo Mẹ về sống ở quê ngoại Từ Sơn.

Người địa phương thường nhắc câu: "*Trai Tiên Điền Hồng Lĩnh, Gái Kinh Bắc Từ Sơn*". Hai vùng đất quê hương thơm ngào cho ra đời kiệt tác "*Kim Vân Kiều*" của Nguyễn Du sau này.

- Đâu có biết rằng: Từ Sơn cũng là quê hương của thân mẫu Công chúa Lê Ngọc Hân (1770-1799), bà Chiêu Nghi Nguyễn Thị Huyền. Xin nhớ rằng, Ngọc Hân công chúa, con vua Lê Hiển Tông, sau trở thành Bắc Cung Hoàng Hậu, vợ vua Quang Trung Nguyễn Huệ, là tác giả bài văn tế *Tế vua Quang Trung và Ai Từ Văn*. Bài văn tế, có một không hai trong lịch sử văn học VN, thật ai oán, thật bi thương, của một Hoàng Hậu tài sắc vẹn toàn, gửi gắm tâm sự, kể lể nỗi niềm buồn đau, thương tiếc người chồng vừa ra đi là Hoàng Đế Quang Trung, vị anh hùng áo vải có công đánh đuổi quân nhà Thanh, giữ gìn sự vẹn toàn tổ quốc.

- Đâu có biết rằng: Từ Sơn là bối cảnh trong tiểu thuyết của Khải Hưng: *Hồn bướm mơ Tiên, Tiêu Sơn tráng sĩ*. Đền chùa, sông nước vùng Từ Sơn là khung cảnh thơ mộng, lãng mạn được Khải Hưng khéo léo đưa vào một cuộc tình, nửa đạo nửa đời, nửa tiên nửa thực. Tiếc là lúc đó còn nhỏ, chứ không, tôi đã đi tìm tráng sĩ Tiêu Sơn nhờ đưa đến mộ Trương Quỳnh Như để đốt nén nhang tưởng nhớ người thiếu nữ tài hoa bạc mệnh! Và lúc tản cư lần đầu ở Tiêu Sơn (1945), biết đâu Khải Hưng cũng đang ở vùng này, lang thang tìm nguồn cảm hứng cho cốt truyện tiếp theo? Và lần sau tản cư tới vùng này, ấp Tam Sơn (1947), không biết Khải Hưng Trần Khánh Giur (1896-1947), còn sống hay đã chết? Vì sau này sử sách ghi chép, Khải Hưng bị Việt Minh thủ tiêu tại bến đò Cựa Gà (phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định), rồi vứt xác xuống sông năm 1947.

"Đâu có biết rằng", "Đâu có biết rằng" như thế này thì tới sang năm cũng không hết. Xin chấm dứt tại đây để còn kịp gọi bài cho báo xuân Bắc Ninh, nam Cali.

Kính chào và Chúc Mừng Năm Mới Bính Thân (2016).

Nguyễn Như Hùng

Cali, 1/2016



NGỌC ÁNH
(California)

NÚM RUỘT NGHĨA TÌNH

Mỗi nhà mỗi cảnh, thời trẻ tôi có tới 2 Ba, 2 Má, 2 bà Ngoại... Chuyện là cô Sáu em của ba tôi sanh được anh con trai thì bệnh sao đó không sanh được nữa, trong khi Má tôi mãn một hơi 2 đứa con gái và đang mang bầu tôi. Thời chiến tranh giặc già ở quê ai cũng nghèo, nhưng cô Sáu ham con quá bèn dặn Ba tôi “*Nếu kỳ này chị Năm đẻ con gái nữa, anh cho tui nuôi nhe*”. Tưởng ai xa lạ chớ em ruột của mình, cho cô có mất đi đâu, chắc Ba nghĩ vậy nên gặt đầu liền, Má tôi vì nể chồng nên hồng dám cãi, chớ bà cũng xót ruột xót gan, khi tôi vừa sanh ra còn đỏ hỏn là Cô Sáu lật đật ôm về làm khai sanh, lấy họ Dương tính đặt tên là Trần Ngọc Nuôi, nghe đâu thời đó có cô đào cải lương cũng tên là Ngọc Nuôi tài sắc vẹn toàn, chắc ông bà cũng muốn tôi giống như vậy nhưng nghĩ bụng phân vân “*Rủi sau này nó biết nó là con nuôi thì sao? không được đâu, phải giấu biệt vụ này để lớn lên nó không mặc cảm mà mình dạy dỗ nó cũng dễ*” và họ đặt tôi cái tên khác nghe cũng sáng láng và quyết chí dọn nhà lên chợ Sóc Trăng ở để bà con dưới quê khỏi xâm xì này nọ, họ hàng ai mà nói động tới con nuôi con ruột là Má tôi chửi tạt bếp!

Vậy đó, tôi đương nhiên là con gái cưng của Cô dưỡng Sáu, hàng xóm biết Ba Má có hai đứa con thôi, anh Tùng đi lính quanh năm, lâu lâu mới về phép, Ba tôi có cái quán hớt tóc ở đầu hẻm, gọi là quán vì nó được che tạm bợ vừa đủ kê hai cái ghế đầu và tấm kiếng đặt dựa vách, cạnh bên treo tòn teng sợi dây nịt bằng da cũ dùng để liếc dao cạo, một cái khăn choàng ngã màu cháo lòng nhưng luôn được giặt sạch sẽ, cái kệ đóng sơ sài để dao kéo tông đơ... Đồ nghề của ba chỉ có vậy! Nghe nói cả đời Ba ôm mỗi cái

nghe hót tóc này thôi... “*Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh*”. Nếu câu này ứng vô ba tôi là sai bét, hót tóc mấy chục năm vẫn nghèo!

Má tôi thì giỏi giang hơn, bà bán buôn đủ thứ, nhớ hồi tôi 9-10 tuổi gì đó, Má tôi dạy thêu, dạy móc... bà vô sạp vải mua vải khúc đầu thừa đuôi theo về, miếng lớn thì cắt áo đầm trẻ con, miếng nhỏ thì cắt áo túi, khúc xanh nối với khúc đỏ may đồ con nít, tôi thêu vài cái bông cái hoa vô cho nổi hơn, ngày Tết đồ ra chợ bán đâu phải quần áo không mà còn kèm cả chục hủ củ kiệu, cả thúng bánh ít bánh tét... Nói chung Má làm quần quật nhưng trông thanh thoi vì “quen tay quen việc”. Má không cho tôi đụng vô bếp núc vì chê tôi vụng về, đụng đâu hư đó... Chỉ lo học hành tử tế là được rồi. Mọi việc có Má lo, thậm chí đi học về Má dọn cơm sẵn đầy lồng bàn, tôi chỉ ăn và rửa mấy cái chén! Con cung là con hư, sau này ra đời đi làm ăn cơm tập thể, lấy chồng cũng chưa nấu được bữa cơm tươm tất, may mà không làm dâu làm con ai, chứ Má chồng còn sống chắc tôi ra sau hè..

Tôi sống những năm tháng bình yên trong gia đình của Cô dưỡng Sáu mà không mấy may suy nghĩ về thân phận mình. Ba Má đã hết lòng chăm lo cho tôi, mái tóc của tôi cũng một tay ông cắt nếu nó dài quá eo, cắt ngang thôi chứ không được “so le chiếc lá” như kiểu thời trang của mấy đứa bạn mà tôi rất thích. Ba tôi không biết cắt hay sao nhưng ông chống chế “*cắt vậy hư tóc hết con à*”, tôi vùng vằng rồi cũng thôi, hồi xưa đâu có mái che trán dô như bây giờ, chỉ rẽ đường ngôi ở giữa là xong, mà lạ hồi nhỏ tôi không để ý mình có cái trán nhô ra bướng bình, cái trán mà bà Nội tôi nói *đậu được mấy chiếc máy bay và hai cái răng cửa làm đủ bộ ván ngựa* (nguyên văn)

Quần áo tôi cũng một tay Má may, đồ bà ba, đồ bộ, áo đầm kiểu này kiểu kia Má tôi chế ra đủ thứ, Má nói đồ chợ may không chắc đường kim mũi chỉ. Tôi nghĩ Má sợ tốn tiền thì đúng hơn, còn nhờ mặc sao cũng được, so với con hàng xóm thì trông tôi tươm tất lắm.

Khi tôi đậu đệ thất trường Hoàng Diệu, Má tôi lại tự mua vải ka tê về nhà may áo dài, lớp 6 -7 thì sông đuột thùng thình cũng không sao nhưng khi có eo có co mà Má vẫn giành may thì tôi phản đối tới cùng, năn nỉ riết Má mới chịu cho ra tiệm may, Má sợ tôi đua đòi! Nhưng Ba tôi thì khác, tôi ỉ ôi thế nào Ba cũng cho

tiền may cái quần ống loe mode hippy thời đó, mỗi lần mặc phải lén đùng cho Má thấy.

Nhà nghèo nhưng yên ấm, hạnh phúc, tôi lớn lên từng ngày nhờ gánh cơm tấm bánh mì bì của Má dạo quanh xóm mỗi sáng khi tôi đến trường, và cái tông đơ của Ba suốt những năm tháng “húi cua” các ông các cậu qua mấy thế hệ trong vùng, có những buổi dắt khách Ba đứng rả chân và những khi ế hàng, Má cũng lội rả giò để bán cho hết phần quang gánh.

Má tôi tuổi Mùi, Ba tôi tuổi Sửu kỵ khắc “tứ hành xung” nhưng hai người chưa bao giờ cãi nhau trầm trọng, nếu có chắc là vì tôi nhiều hơn, trời mưa đi học về ướt đầm tôi bị sốt, ba tôi ra vào hết sờ trán con rồi lại ra bàn thờ đốt nhang lâm râm khấn vái “*con cháu nhỏ đại xin ơn trên tha mạng nếu nó có lỗi làm gì*”. Má tôi thì nhất định ép uống mấy viên “ốp ta li đông” trị cảm, thế là cãi nhau vì cách điều trị. Lên bàn ăn tôi thò đũa đầu Ba cũng cản “*từ từ con, bệnh mới bớt ăn coi chừng trúng*”. Má thì biểu “*ăn cho nhiều vô mới có sức*”, “*đói ăn rau, đau uống thuốc có gì mà cử*”

Vậy là “tứ hành xung” xảy ra.!

Chuyện Ba Má tôi viết cả đời không hết, sống từ nhỏ đến lớn kể ra biết bao nhiêu là vui buồn thăng trầm ít mà trầm nhiều trong cái gia đình nhỏ đó, tôi cũng không nhớ chính xác là lúc nào thì tôi biết được “lý lịch” con nuôi của mình, bà con thì cũng hay nhỏ to “*mày là con Năm Lạc mà*” nhưng đâu có nghe cậu mợ Năm xác nhận gì đâu. Mỗi mùa hè tôi vẫn lên Sài Gòn ở nhà cậu và chơi với mấy đứa nhỏ.

Anh Tùng tôi cưới vợ và bà chị dâu gọi tôi là “cô Út” ngọt xót. Lúc đầu chị em còn vui vẻ với nhau vì suýt soát vài ba tuổi, chỉ siêng làm bánh “thục linh” cho tôi ăn, nhưng vài tháng sau bỗng chị trở bệnh bất thường, do bị chứng hoảng loạn tâm lý nào đó mà bác sĩ cũng bó tay. Ba Má tôi lại khổ sở khi thấy con dâu cung của mình thỉnh thoảng tóc tai rũ rượi, cười khóc vô hồn. Má đi coi “Thầy Năm nước lạnh” trong hẻm thì thầy phán là bị ma ám, thế là nhà tôi ngày đêm ngập mùi nhang khói. Ba Má tôi hi hục lạy xin “Cửu huyền thất tổ” phù hộ độ trì cho con dâu khỏi bệnh, lo cơm dung nước rót để dâu khỏi động móng tay. Ông bà lo cung dâu mà quên cung tôi, nghĩ lại hồi nhỏ sao lòng ganh tị “cà nanh”

lớn quá, trong lần cãi cọ nào đó với bà chị dâu, tôi buột miệng “*bây giờ ba má thương chị hơn thương tui, bởi vì tui là con nuôi mà*”. Má nghe giận lắm, bà kéo ra góc bếp chửi một trận te tua “*sao ngu vậy, nói ra chi cho chị dâu mày không nể, con nuôi hay con ruột thì cũng là con nhà này, sở dĩ tao với ba mày giấu không cho mày biết gốc tích là để nuôi dạy mày thành hoàng, mày không mặc cảm này kia...*”.

Ba thì buồn hiu phen trần “*coi như con mượn bụng Mẹ Năm mà chun ra làm con của ba, lúc nào Ba cũng thương con hết*”. Thiệt tình tôi cũng thấy mình ngu hết sức.

Sau 75, Cậu Năm từ Sài Gòn xuống Sóc Trăng trong tư thế của bên thắng cuộc, ông hỏi coi *thằng Tùng có ra trình diện đi học tập chưa? trong nhà có chứa súng ống hay văn hóa phẩm đòi truy thì phải khai nộp cho cách mạng!* Cái điều tôi sững sờ nhất là ông đòi bắt con “*Nó phải về với tôi, vì bây giờ gia đình Cô là sĩ quan nguy, nó không thể tiến thân được, nó phải đổi trở lại họ Lê trong gia đình cách mạng ...*”. Má tôi cố nói giọng cứng cỏi “*con anh thì anh bắt, ăn thua tấm lòng của nó thôi*”. Còn Ba Sáu tôi thì nước mắt rờn rờn khi nắm tay tôi “*cậu Năm nói phải đó con, còn học hành tương lai nữa, con ráng vô Đại học nhe con, Ba Má lúc nào cũng thương con hết*”. Mà thiệt vậy mười mười tôi cũng là con cầu con khẩn của nhà này, bao nhiêu năm nay tôi đã sống bình yên hạnh phúc trong tình thương yêu đùm bọc của Ba Má Sáu thì lẽ nào tôi quay lưng để trở về gia đình ruột của mình sao đành!

Trong đời có biết bao cuộc chia ly, nhưng có lẽ đó là lần chia ly sâu thẳm nhất mà mỗi lần nghĩ tới tôi cứ rung rung vì thương Ba Má, như có giọt nước mắt của Ba rơi xuống cánh tay tôi và đọng lại ở đó suốt đời!

Những năm tháng trong tù, Ba Má lặn lội lên thăm tôi tận trong rừng núi Tánh Linh ngoài Trung được 2 lần, quà chỉ là muối sả, muối tiêu, cái khô, cái muối mà sao ngọt tinh ngọt nghĩa quá chừng, lần đi thăm cuối cùng Ba than mệt tuổi già sức yếu, chắc không lên con được nữa, ráng xách hai trái dừa xiêm gọt vỏ khô khốc cho tôi, cây dừa trong sân chờ con về hoài mà không thấy.. Lần thăm nuôi sau nữa Má đi một mình, Ba tôi đã chết gần giáp năm, tôi khóc sung mắt khi nghe tin này... “*Con là con của ba, ba đã mượn bụng người khác sinh ra con*”. Trời ơi! tôi chưa có một


ngày đền đáp công ơn dưỡng dục trời biển này. Rồi Má tôi cũng mất sau đó không lâu, hai đám tang đều hùi quạnh trong cảnh nghèo khổ, không có con cái bên cạnh, phải nhờ gã khờ nào đó trong xóm bung giùm lư hương, nghe mà thấm thương trong dạ, Ba Má không thể chờ đợi ngày con mãn tù hay sao Ba Má ơi!

Rồi tôi cũng trở về quê sau mười mấy năm lưu lạc, thăm mộ Ba một nơi, mộ Má một nẻo, cỏ dại mọc đầu nhang khói đui hùi, tôi khăn vải để đưa Ba về nằm cạnh Má cho vẹn nghĩa tình, sống đồng tịch đồng sàng, chết thì đồng quan đồng quách, “tứ hành xung” còn có ý là ông bà sống với nhau không đặng hào con, hào của nhưng yêu thương chăm sóc cho nhau đến lúc bạc đầu.

Tôi nghĩ bây giờ chắc Ba Má thanh thản trên cõi Trời để phù hộ cho anh em chúng tôi hôm nay được sống bình an hạnh phúc ở xứ người.

Nếu quả thật có luân hồi thì con nợ Ba Má một kiếp tái sinh để đền ơn dưỡng dục.


Ngọc Ánh



NHA SĨ

NGUYỄN VĂN NĂM

Nha Khoa Gia Đình & Thẩm Mỹ



** Địa chỉ mới:*

2808 MILAM ST. Suite B
(trong khu Mekong Center)
HOUSTON, TEXAS 77006

** Điện thoại (không thay đổi)*

713 – 520 – 7950

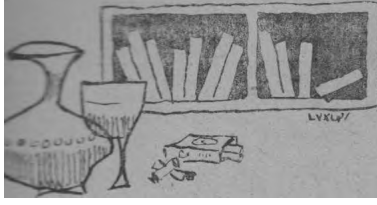
Ngày giờ làm việc:

- * Thứ Hai đến Thứ Sáu: **09:00 AM – 5:00 PM**
- * Thứ Bảy – Chúa Nhật: **09:00 AM – 02:00 PM**
- * Thứ Năm: **NGHỈ**

Vui lòng gọi trước để lấy hẹn
ĐẶC BIỆT GIẢM 25% trong 6 tháng
cho Khay làm trắng răng (Custom made Bleaching Tray)

VĂN HOÁ VIỆT NAM 78 * 150 * MÙA THU 2017

VĂN HỌC CHỮ NÔM



NGUYỄN VĂN SÂM

phiên âm và giới thiệu

NHÂN QUẢ BÁO ỨNG

(Tiểu thuyết Nôm viết bằng văn xuôi 1926)

(kỳ 4 và hết)

Tiết 17: (43b)

Mười vua Ngài đã hoàn cung, Tiên nữ còn ở lại đó, Địa phủ sai một đồng tử, cầm cờ dẫn hồn mà thôi, mẹ con Lưu Kinh tùy theo, Tiên nữ đi trước tiền tống. Đường đi qua tòa Thất điện, thấy có cửa ngục Xác ma, cối đồng chày sắt ngổ ngang, còn vũng máu người ở đó, Lưu Kinh trông thấy mà khiếp, run chun chẳng dám bước mau, Tiên nữ bảo rằng cứ đi, chẳng có việc chi mà sợ.

(44b) Lại qua đến tòa Bát điện, giữa đường có sở Xung Bạc (鉞), Tào hóa đặt ra quả cân, thiện ác trèo lên là biết, như người ác nhân nhiều tội, trèo lên nặng đến ngàn cân, như người thiện nhân bình thường, trèo lên nặng chỉ bốn lượng. Tiên nữ trèo lên xem thử, thênh thênh chẳng nặng thí nào. Lưu Kinh cũng thử trèo lên, nặng xuống đến hơn mười vạn.

45 a. b)

46a hình Thập Điện Chuyển Luân Vương.

(46b) Trải qua một khoảng đường trường, mới đến âm dương giáp giới, mới thấy có tòa lầu gác, là Đức Vu Bà tôn thần, tôn thần chuyên giữ việc âm, chẳng cho trần gian lộ liễu, giữa đường đặt ra quán xá, như hàng bán nước trần gian.

Hễ phạm các hôn đầu sanh, đến đó ai cũng phải nghỉ, khát nước ai cũng phải uống, uống rồi thời mới cho đi. Hôn nào chẳng uống mà đi, quân canh cố bắt cho uống. Mẹ con Lưu Kinh vừa đến, khát trông thấy nước đương thềm, quân canh lại rót đưa cho, Tiên nữ vội vàng ngăn lại.

Tôn thần thưa với Tiên nữ: ‘Thiên đình bớt tội nữa sao?’

Tiên nữ thưa lại Tôn thần: ‘Xin chẳng phải lo việc ấy, Phật chỉ cho tôi xuống độ, đưa hai hôn ấy đầu sanh, giữ cho nguyên tánh tinh táo, chẳng phải uống chi trà ấy.’

Bấy giờ: Tiên nữ đứng lên giục giã, mẹ con Lưu Kinh lại đi. Đi đến đầu xe chuyển luân, Tiên nữ ân cần dặn bảo: ‘Ấy nơi Địa phủ là thế, xin đừng có (47a) lúc nào quên, giữ sao cho được tính lành, chớ có thị thường tái phạm.’

Lưu Kinh nhận mới hỏi lại, *rằng*: ‘Khi khát muốn uống trà, sao mà ngăn lại chẳng cho, xin dẫn sự tình cho biết.’

Tiên nữ vừa than vừa nói: ‘Nước ấy là nước mê hôn, uống vào hôn phải mê đi, quên cả tiền sanh kiếp trước, quên cả việc dưới âm phủ. Ấy là Tào hóa huyền cơ, thiếp tôi mà phải ngăn đi, để cho chàng nhớ lấy tội, nhớ được thời không dám ác, mới hay tu tánh tu tâm, xin chàng ghi in vào lòng, phải giữ thiện căn cho vững. Cố chịu bốn mươi năm khổ, để cho nghiệp chướng tiêu đi. Thiếp xin chờ đợi đến ngày, siêu độ chàng lên Thiên phủ.’

Khi ấy: Mẹ con Lưu Kinh cáo biệt, vào xe luân chuyển đầu thai. Tiên nữ lại lên Thiên đường, chờ đợi đủ năm xuống độ.(47b)

Tiết thứ 18: (48a)

Lưu Kinh đầu thai hai lần, Kiếp sau là Trần Khố Lý.

Nói chuyện Lưu Kinh đầu thai, mà cũng nực cười cho nhé! Từ lúc được về dương thế, thiện tâm lòng những dặn lòng. Vì không uống nước mê hôn, tiền kiếp kim sanh biết cả, chỉ muốn làm thiện cho chóng, lại lo không gạo không tiền, linh hồn băng lảng đi tìm, các cửa nhà giàu đến khắp.

Khi ấy có nhà Hoàng thị, phu nhân đương lúc lâm bồn, chậm thai đã đến vài ngày, Hoàng ông lấy làm lo sợ. Lưu Kinh đến cửa vừa kịp, hôn đi vào đầy đầu thai. Hoàng bà mới sanh lọt lòng, Lưu Kinh vội vàng báo hiếu, thằng bé mới té hạ phúc, đứng

lên đã chạy lâm thâm, kêu bảo bà tẩm, chị hầu, nâng giắc mẫu thân cho khéo.

Bấy giờ ai cũng run sợ, chạy ra mách với Hoàng ông, *rằng*:
Bà sanh ra giống chi, ông vào mà xem cái quái.’

Hoàng Ông nghe nói cũng sợ liền vào xem sự làm sao. Hải nhi chạy lại thưa cha, bốn lạy bốn quỳ từ tể, Hoàng ông (48b) ngạc nhiên thất sắc, nghĩ rằng là giống yêu tinh, thẳng nẩy nó ăn thịt người, chẳng giết ắt sau làm hại. Lén lén tay cầm thanh củi, cố hơi đánh giữa đỉnh đầu. Lưu Kinh lại phải chết đi, cái hồn mang thêm những máu. Nghĩ lại thân không đáng số, cượng cầu lại khổ vào thân.

Bấy giờ: Tiên nữ đã lên trên Trời, còn đứng đầu mây trông thử, thấy sự Lưu Kinh làm vậy, biết vì không uống nước mê, cho nên tâm lầy nơi giàu, mới sanh đã nói đã chạy, trần gian nghĩ là yêu quái, nhè nào nó chẳng giết đi. Âu là ta phải phí công, lo liệu vẹn toàn mới được.

Khi ấy: Tiên nữ đòi thần Thổ địa, giao cho giữ lấy Lưu Kinh, đem chàng ấy đi đầu thai, vào chôn bần cùng hạ tiện, nhủ cho chàng ấy nhớ lấy, an phận chớ oán hờn chi, phải theo phong tục trần gian, sanh ra chớ nói chớ chạy, bao giờ nên nói nên chạy, phải theo như các hải nhi, việc ấy giao Thổ địa thần, đưa đi đầu thai cho chóng.

Thổ thần vừa thưa vừa lạy: ‘Việc ấy chúng tôi không quen, (49a) đã có thập nhị Hóa bà, xin Ngài sai kẻ quen việc.’

Tiên nữ quở rầy: ‘Chẳng được! Ta sai phải cứ lời ta, nhược bằng từ chối chậm đi, ta ắt làm tội cho đó!’

Khi ấy: Thổ thần phải vâng lãnh mệnh, trở về nơi miếu vọng, lòng lo nét mặt chẳng tươi, gọi bà Thổ địa mà hỏi:

‘Có vị Thần tiên sai chỗ, tổng sinh cho chàng Lưu Kinh, việc tổng sinh ra thế nào, bà có biết không bảo chỗ!’

Thưa rầy: ‘Khó chi việc ấy, ông để già này đỡ cho!’

Thổ thần mới vui mới cười: ‘Nhờ bà làm hộ việc ấy!’

Bấy giờ: Lưu Kinh hồn đi vợ vẫn, đến đâu đàn chó sủa vang, Thổ bà gọi lại bảo cho, để ta tổng sanh mới được, chớ có chạy càn chạy rờ, làm cho chó cắn điếc tai.’

Lưu Kinh quì xuống kêu ca: ‘Xin bà tổng sanh làm phúc!’

Thỏ bà mới cho nước rửa, bao nhiêu ngón máu sạch đi, Thỏ bà hiện phép âm linh, đứng trước hà hơi vào mặt, một khắc Lưu Kinh biến mất, hóa ra một quả mận xanh, Thỏ bà cầm bỏ vào tay, ra chón Trường an (49b) tìm khắp, thấy có một nhà bàn tiện, vợ chồng bán củi bán than, ở một bên xó rừng cây, tên gọi là Trần Tịnh Khiết, đã bốn mươi tuổi còn hiếm, Thỏ bà liền ứng mộng cho, vợ Trần Tịnh Khiết đêm nằm (N.sai: nom) mộng thấy người cho quả mận, ăn vào trong miệng đắng lắm, cau mày liền tỉnh giấc ra, từ ấy bụng mới mang thai, mãi nguyệt sanh ra nam tử, đặt tên là Trần Khổ Lý, lấy vì quả mận chiêm bao.

Tiết thứ 19: (49b)
Khổ Lý có điều đại hiếu,
Cát thần cứu cho thiện nhân.

Khổ Lý từ thuở sanh ra, chẳng có áo quần một mảnh, nằm trong đồng rơm đồng cỏ, chịu đói chịu khát một bề. Tịnh Khiết từ khi có con, vận hạn càng ngày càng kém, ngày xưa gánh củi đi bán, còn có kẻ hỏi kẻ mua, bây giờ gánh nặng bán rao, chẳng có người nào mua đến, bán rẽ kiếm được nắm gạo, chồng ăn vợ nhịn biết sao, nấu cháo vợ chồng cầm hơi, còn có sữa đầu con bú. Khổ Lý vừa đói vừa khát,

nằm im chẳng khóc chẳng đòi, cũng vì là hồn Lưu Kinh, trong bụng nhớ cả tiền kiếp, cho nên bầm bụng chịu cực, chẳng dám oán THAN điều chi, chẳng dám nói chẳng dám kêu, chẳng dám đứng lên mà chạy, chỉ mong cho được chóng lớn, nuôi cha nuôi mẹ đên ơn, vạn khổ lấy hiếu làm đầu, tu tình cho tiêu nghiệp chướng.

Đến năm tuổi đã nên chín, bây giờ học nói líu lo, dần dần mới nói rõ ràng, tập bò tập đứng tập chạy, cha mẹ cho ăn cá thịt, lác đầu cổ chẳng chịu ăn, nhặt những củi tốt củi dài, chắt đầy để cha đi bán, thờ mẹ thờ cha rất hiếu, trình thưa vâng dạ siêng năng, mùa Hè lấy lá lấy mo, hầu quạt để cho mát mẻ, mùa Đông tìm rơm tìm cỏ, làm ấm để cho ngủ yên, thức khuya dậy sớm thăm nom, nhịn niệm nhường cơm nhường cháo.

Khen cho con nhà bàn tiện, mà biết hiếu đạo làm vậy, cha mẹ lòng những vui lòng, chi (50b) cực kiếm ăn chẳng đủ.

Chẳng hay vận đen lại rấp (H.sấp), vợ chồng Tịnh Khiết đều đau, bệnh sao bệnh chóng hao mòn, Khổ Lý vừa thương vừa khóc, cùng khổ thuốc thang chẳng có, thành tâm kêu khẩn quỷ thần, cầm dao xin cắt thịt mình, bỏ dưỡng đèn on cha mẹ.

Khẩn rồi cắn hàm răng lại, cắt thịt trái vế bên Đồi, rằng xin miếng này cứu cha, máu chảy chan hòa chẳng ngừng. Lại cắt trái vế bên tả, rằng xin cứu mẹ miếng này, đau lắm mà cố nhin đi, cắt rồi hôn mê chết ngất.

Ghê thay hiếu tử như thế, nhẽ nào chẳng động quỷ thần. Hiếu là vạn thiện đầu tiên, cảm động quỷ thần thiết chóng.

Khi ấy: Có thần hư không quá vắng, là Đức Cù soát thiên quân, thấy người chí hiếu làm vậy, hòa tóc xuống ngay cứu khổ, rưới cho thuốc tiên hai giọt, hai bên trái vế đều lành, lại thêm hai hạt kim đan, rưới vào hai miếng thịt ấy, để phân cho hai người lão, ăn vào khỏe mạnh bình an.

Thoắt thôi Ngài ngự (51a) lên mây, người ấy tự nhiên tỉnh dậy. Khổ Lý từ khi tỉnh dậy, bình thường chẳng có đau chi, vội mừng đem thịt rửa đi, cắt nhỏ bằng như sợi bún, điểm vào hẹ sống tương ngọt, cùng với hồ tiêu sa nhân, lửa than nấu chín làm canh, thơm tho vừa được hai bát, một bát dâng mời thân phụ, một bát dâng mời mẫu thân, ăn vào bách bệnh tiêu trừ, lại khỏe hơn ngày chưa bệnh, phụ mẫu đều khang kiện cả, tinh thần như thườ thiếu niên, thiết là diệu dược hồi sinh, thiết là hiếu tâm cảm cách! (Hết Tiết 19)

Tiết thứ 20 (51a)
Thượng thiên chứng dạ hiếu (?) *
Khổ Lý được tiêu tội cũ.

Khổ là người đại hiếu, Thiên quân đã xét lòng thành, Ngài lên châu chực thiên đình, tâu đức Ngọc hoàng ban thưởng. Rằng: ‘Ồ Trường an hạ giới, có tên khổ Lý cùng nghèo, bé thơ đã có từ tâm, kiêng miệng (51b) chẳng ăn loài vật, chín tuổi lại có chí hiếu, báo ân chẳng tiếc thân hình, thiện tâm vả lại chí thành, chúng tôi vội mừng lên tâu.’

Khi ấy: Thượng đế nghe tâu vui vẻ, khen rằng hiếu tử nhân nhân, Hiếu là vạn thiện chí nguyên, nhân là ngũ tính chí thủ, trần

cảnh mấy người được thề, nên cho phước lộc thêm nhiều, liền ban tra sổ Nam tào, chức lượng gia ân đại thường.

Bấy giờ: Các vị Tinh quân tra sổ, thấy Trần Tịnh Khiết phu thê, cơ cùng bản tiện một đời, tuổi đến năm mươi là mãn.

Đức Thượng đế ban rằng: ‘Nhà nó sanh được con hiếu, cũng là người có thiện căn, nên cho y thực bình thường, sổ thọ tăng thêm một kỷ.’

Lại tra sổ Trần Khổ Lý, vốn là hồn người Lưu Kinh, kiếp xưa thập ác tội nhiều, phải chịu kiếp này quả báo, đói rách đến hai mươi tuổi, lại còn cầm điếu mù què, đến bốn mươi tuổi chết khô, tiền định đã chú làm vậy.

Đức Thượng đế mới ban ngọc chỉ, rằng: ‘Kiếp (52a) này nó biết tự tu, hiếu nhân biết giữ tánh lành, làm được những điều đại thiện, cho sổ Tam tào đổi cả, bao nhiêu ác bạc câu tiêu, lại truyền Trương thị nữ Tiên, cho xuống phạm trần mà thử, [nó] quả thực lòng thành chí quyết, tửu sắc tài khí sạch không, thời cho truyền đạo Tiên thiên, để nó biết đường tu luyện, chớ nó báo ân phụ mẫu, bao giờ hiếu đạo hoàn xong, thời cho rước lên Thiên cung, hưởng phước thanh nhàn cực lạc. (Hết Tiết 20)

**Tiết thứ 21 (52a):
Tiên nữ xuống thử nhân gian,
Độ cho ông tổ Khổ Lý.**

Tiên nữ vâng lời ngọc chỉ, độ cho Khổ Lý tu hành, xuống gần đến quảng rừng xanh, thấy có thần sơn Thổ địa, Thổ thần áo mào ra lạ, hỏi: ‘Bà xuống có việc chi?’

Tiên nữ tường trước sau: Rằng: (52b) ‘Xuống độ cho Khổ Lý, tửu khí tài sắc bốn chữ, thử xem tâm tánh mê không, sạch được thời truyền đạo cho, tiếp dẫn làm Tiên thượng giới.’

Thổ địa bảm rằng: ‘Xin bà trở lại Tiên phủ, đừng đi thử nữa tổn công, tửu khí tài sắc bốn điều, tiểu thần còn chưa sạch được, hưởng chi phạm gian tục tử, mà bà đi thử được đâu!’

Tiên nữ hỏi rằng: ‘Bốn điều là vật ngoại thân, có sao chẳng trừ sạch được?’

Thổ thần bảm rằng: ‘Phạm gian thời tôi chưa biết, hãy kể một tiểu thần tôi, dân gian khi có lễ cầu, thường thường cũng rước cũng thết, thường thường hóa vàng hóa bạc, chúng tôi cũng chứng

giám cho, như nó khăn [vái] được rồi, mà nó quên on chẳng báo, chúng tôi cũng không khỏi giận, làm cho nó biết uy linh. Ấy tửu tài khí ba điều, chúng tôi cũng không sạch hết, đến như việc bên chữ sắc (52a) vợ chồng chúng tôi làm Thần, tuy chẳng dâm như trần gian, song cũng ngồi chung làm bạn, suy ra chúng tôi còn vậy, trách chi được kẻ phạm gian!

Tiên nữ bảo rằng: ‘Thổ thần chưa biết đường tu, ta kể việc tu cho biết, Thần tiên vốn có bốn bậc, Thiên tiên Địa tiên thứ nhì, Nhân tiên Quỷ tiên ba tư, Thổ thần là Quỷ tiên đó.

- Nơi người tu (53a) **Thiên tiên** ấy, gặp thầy *truyền phép luyện đan*, giữ gìn ngũ giới tam quy, thêm tích thiện công hoàn mãn, bao giờ thiên đình đón rước, được lên ở chốn Thiên cung, thanh nhàn cực lạc vạn phần, kim thân chẳng bao giờ nát.

- Nơi người tu **Địa tiên** ấy, cũng *gặp được phép luyện đan*, nhưng mà ít ỏi thiện công, túc nghiệp chưa hay tiêu tận, được năm trăm năm hưởng phước, các tòa động phủ núi non, sau ra hưởng phước mãn rồi, còn phải giáng sinh nhân thế.

- Nơi người tu **Nhân tiên** ấy, nhưt sanh chi ở hiền lành, bắc cầu làm quán sửa đường, làm chùa làm miếu, cúng dường, bố thí, làm duyên làm phước, in kinh tổng sách khuyên đời, đến gần chuyên thể đầu sanh, được làm vương công khanh tướng, báo lại vinh hoa phú quý, bao giờ hưởng hết là thôi, có sanh có tử theo thường, vẫn ở luân hồi kiếp số.

- Nơi người tu **Quỷ tiên** ấy, một đời chính trực công bình, chẳng gian chẳng dối một điều, thiết kể là người trung trực, đến lúc thọ chung chuyển kiếp, Thiên đình phong cho làm thần, thần Xã tắc, thần Sơn xuyên, (53b) cùng chức Thần hoàng thổ địa, được chịu nhân gian kính bái, ba năm cho đến năm năm, như hay phù thể hộ dân, thương lấy cho loài sinh vật, đến lúc chuyển về nhân thế, được vào những cửa giàu sang, nhọc bằng tâm địa như trần, lại phải vào nơi bần tiện.’

Bấy giờ: Thổ thần nghe lời dạy bảo, dường như giấc mộng tỉnh ra, vội quỳ xuống đất lạy thưa, xin học Thiên tiên đại đạo, mới kể nguồn cơn lai lịch: ‘Chúng tôi kiếp trước ở đời, quê hương vốn cũng chốn này, tên tôi là Trần Thượng Trí, Tịnh Khiết là con tôi đó, Khô Lý nó là cháu tôi, ngày xưa tôi ở cõi trần, chẳng dám làm điều chi ác, chỉ biết thiết tha thẳng thắn, chẳng dung những kẻ

gian khi, đến sau được sắc Thiên đình, ban xuống làm thần Thổ địa, ở đây năm năm mãn chức, rồi phải chuyển kiếp nhân gian, may sao lại gặp được Ngài, xin dạy cho đường tu luyện, họa được tiến lên Thiên phủ, khỏi lui về cõi phạm gian!’

Tiên nữ cười rằng: ‘Ta vốn phụng mệnh thiên đình, xuống độ cho Trần Khổ Lý,

(54a) ai hay chưa độ người cháu, mà đã độ được người ông, cũng là nhà có thiện căn, gốc tốt thời cành lá tốt!’

Bấy giờ: Tiên nữ phán tầm trai lễ, phẩm quả với sơn đàn hương, Đàn hương gọi là tín hương, khí thơm thấu lên mây được. Thổ thần vâng lời biện cúng, hồi đầu dốc chí thành tâm. Tiên nữ hóa phép thần thông, hiện đủ điện đài lầu gác, bày án dâng hương phát nguyện. Ông bà Thổ địa qui nghe, trước truyền ngữ giới tinh nghiêm, kiêng giữ đến điều lỗi nhỏ:

giới **sát** chẳng thềm mùi thịt, từ tâm càng phải tịnh tâm,
giới **đạo** chẳng chút chi tham, của người đình đình cũng mặc,
giới **dâm** tuyệt hẳn tình dục, mình thanh bụng lại càng thanh,
giới **tửu** chẳng còn hơi thềm,
giới **vọng** chẳng chút nào dối.

Sau kê tam qui chính chỉ, chớ nhầm như các tục tăng.

Qui **Phật** là giữ nguyên thân, luyện đến hư vô linh diệu.

Qui **Pháp** là giữ nguyên khí, luyện vào tĩnh tịch khinh thanh.

Qui **Tăng** là giữ nguyên tinh, luyện được quýnh vô trần cấu.

Chín chuyên (54b) bốn chừa một khắp, Hậu thiên đem lại Tiên thiên, đêm ngày giữ Thái cực khuyên, lâu ắt minh tâm kiến tánh, luyện được thấy Tiên thấy Phật, ấy là vạn kiếp Chân thân, viên thành thăng ư Thiên cung, chẳng phải luân hồi chi nữa!’

Tiên nữ giảng truyền đạo lớn, ông bà Thổ địa mừng sao! Cúi đầu lạy tạ minh sư, lại khẩn cho con cháu được! (Hết Tiết 21)

Tiết thứ 22: (54b)

Tịnh Khiết gặp vận hanh thông,

Khổ Lý thỏa lòng phụng dưỡng.

Nói chuyện vợ chồng Tịnh Khiết, từ khi đổi số Nam Tào, khí lực mỗi ngày mỗi hơn, vận hạn mỗi ngày mỗi khá. Than củi thường thường đi bán, kẻ mua người hỏi xúm vào, kiếm ăn chẳng

thiếu chẳng thừa, vợ chồng đủ ăn đủ mặc, chiu chất từng đồng từng chữ, mua được quần áo cho con.

Khổ Lý từ ngày sanh ra, đến nay đã mười tám tuổi, mới được mảnh quần tấm áo, vào rừng ra chợ làm ăn, thấy cha tuổi tác cù lao, có ý xin thay đổi việc (55a), đi thời bán than bán củi, về thời hầu cơm hầu canh, siêng năng khuya sớm một mình, cha mẹ càng vui càng khoẻ. Gặp vận làm ăn cũng dễ, có tiền có gạo thừa dư. Đông qua Xuân lại xoay vần, tuổi đã đến hai mươi một, hiểu dưỡng chẳng từ nhọc sức, một mình hái củi rừng xa. (Hết Tiết 22).

Tiết thứ 23:
Tiên nữ thử người Khổ Lý,
Đường tu truyền đạo Phật Tiên.

Tiên Nữ từ khi giáng trần, chờ đợi độ cho Khổ Lý. Tính xem cha mẹ người ấy, số thọ cõi đến gần nơi, bấy giờ mới dặn Thổ thần, thử khảo xem lòng người ấy, hễ thấy vào rừng hái củi, dẫn sao cho được vào đây. Khảo xem *giữ khí giữ tài*, không giận không tham là được. Liền khảo *giữ tủy giữ sắc*, không say không đắm là nên. Khảo bốn điều ấy quả kiên, mới dám đem truyền đạo lớn. Tiên nữ dặn dò tường tất, Thổ thần vâng cứ chẳng sai. *Bấy giờ* (55b) Khổ Lý hái củi trong rừng, trông thấy trước ngàn nhiều củi, liền (?) bước dần dần đi hái, hái xong toan trở về nhà, bỗng đâu nghe tiếng bão hao, nhắc thấy giữa đường có hổ, Khổ Lý vừa kinh vừa chạy, trông sau chỉ thấy theo sau. Lâm râm trong miệng khẩn rằng: ‘Tiền kiếp ở nhiều điều đại, như phải cựa thù quả báo, xin vâng chẳng dám phàn nàn, chín thương cha mẹ khó nghèo, tuổi tác biết làm sao được, xin cho vẹn đường báo hiếu, bấy giờ sao đó cũng cam.’

Vừa chạy vừa khẩn lâm râm, chỉ thấy chạy sau lẻo đẻo. Giữa rừng biết đâu mà tránh. Nhắc trông thấy có tòa nhà, xâm xâm đề cửa len vào, trông thấy lão ông đứng cửa, quì xuống vội vàng thưa gởi, xin ông mách bảo đường về. Lão ông đã chẳng bảo cho, lại còn nhiều điều lục vấn, vớ vẩn những câu vô lý, như khêu lửa giận đầy gan. Khổ Lý cũng cứ nhu hòa, chẳng có chút nào giận dữ.

(56b) *Khi ấy*: Quá Ngọ sang Mùi gần tối, Khổ Lý sợ cha mẹ mong, cáo từ lại chạy ra về. Đi phỏng được vài mươi trượng, lại thấy hổ còn ngồi đó, phải lui lại với lão ông. Lão ông đóng cửa vội

vàng, gọi chàng vào nhà tĩnh tọa. Thông thả dẫn đi xem khắp. Nhà tiền nhà gạo huyền thiên, bạc vàng găm vóc từng kho, báu ngọc trân châu vô số.

Lão ông hờ lời khẩn khoản: ‘Ta đây của cải làm vậy, nhà có ả bé xuân xanh, chỉ muốn kén người phúc đức. Người tuy dạng người bản tiện, găm xem là bậc hiền nhân, âu là sự cũng duyên trời, tiền của ta giao cho cả.

Khổ Lý thoạt nghe mà sợ, kêu rằng: ‘Xin ông tha cho, vốn sanh số phận bản cùng, đâu dám tưởng càn đến thế. Ngày trước đầu thai Hoàng thị, một lần đã phải mang tai. Bây giờ an phận mà thôi, chẳng dám cương cầu thêm khổ.’

Lão ông dường như thất trực, đứng lên vào nghỉ nhà trong, bỗng đâu lại thấy tiêu kiều, yếu điệu thiệt là nhan sắc, trông chàng mỉm cười nói sè, chào rằng ‘Kính thỉnh (56b) lang quân, thân nhân báo mộng đêm qua, quả thực duyên lành gặp gỡ. Lang quân là người phúc hậu, mối tình còn có đâu hơn!’

Khổ Lý vội vàng chấp tay, thưa rằng: ‘Xin cô lời ấy, cô là thiên hương quốc sắc, nhẽ đâu lấy thẳng bán than.’

Tiểu kiều rén rén trình thưa: ‘Lang quân dạy thế sao phải, chẳng qua thiên duyên tiền định, kẻ chi giàu khó sang hèn. Trọng người trọng đức mà thôi, có trọng làm chi tiền của, Thần đã báo cho mộng hiện, dám xin đừng có nề chi.’

Khổ Lý vừa nghĩ vừa lo, ắt hẳn oán thù kiếp trước, liền nói: ‘Chẳng dám! Chẳng dám! Tiểu thư chẳng thiếu chi nơi!’

Thoắt chốc thấy đốt đèn lên, ba bốn năm người hầu gái, trước mặt bày mâm đồ rượu, tung bưng mời cậu mời cô: ‘Đêm nay xin uống cho say, sang năm sanh được quý tử.’

Khổ Lý cúi đầu ngòai lặng. Hai hàng nước mắt như tuôn. Con hầu thưa với tiểu thư rằng: ‘Xin tiểu thư cầm chén, chủ uống thì khách mới uống, kéo mà lang quân then thùa.’

Tiểu thư cầm lấy mim cười, khen rằng: ‘Hầu nói có nhẽ, xin kính (57a) lang quân trước đã.’ Hai tay rén rén nâng mời: ‘Rượu này hòa huyết khỏe người, lang quân *đưa cay* một chút, lang quân dầu chẳng thích rượu, gọi là một chút thích tình, thiếp tôi nào phải trắng hoa, ra sự cố nài cố ép, chỉ nghĩ chung thân nhờ cậy, dám xin cầm chén này cho.’

Khô Lý đứng lên thưa rằng: ‘Xin cô bỏ chén rượu xuống, chúng tôi xin kể lai lịch, tiểu thư mới biết thương cho. Kiếp xưa làm ác tội nhiều, vả lại phá trai phá giới, phải chịu mấy phen địa ngục. Nhờ ra đày kiếp súc sinh, may nhờ Trương thị hiền thê, khó nhọc kêu cầu đức Phật, mới được tha ra khỏi ngục, chuyên sanh chịu số bản cùng, hiền thê dặn lại dám quên, giữ lấy tu hành trai giới. Từ sắc chúng tôi sợ lắm, dầu chết cũng chẳng dám mang. Cô thương thời giả ơn cô, tha cho chúng tôi làm phước.’

Tiểu thư dường như thất ý, nói rằng: ‘Trò chuyện viễn vông. Kiên rượu kiên thịt cũng thôi, việc kia thời chẳng thôi được.’

Bấy giờ cơm (58a) canh đủ trọn, quân hầu gọi cậu gọi cô, chẳng nghe thời cũng chẳng nghe. Ai bảo vào đây mà chối?’ Khô Lý cúi đầu lẳng lặng, tiểu thư đứng dậy vào phòng, bỗng đâu bốn đứa gia nô, chạy ra nó dắt Khô Lý, nó mở ba từng trướng gấm, bỏ chàng vào với tiểu thư. Khô Lý ngồi dậy cúi đầu, tiểu thư đỡ dành thân thi rằng tình rằng duyên rằng nợ, xin chàng vui vẻ cùng nhau, miệng hoa vừa nói vừa cười, cầm lấy ngón tay Khô Lý. Khô Lý hất tay kéo lại, khóc lên, nước mắt chan hòa: ‘Từ thuở cha mẹ sanh ra, đến nay hai mươi mốt tuổi, thân thể vốn là thanh tịnh, bây giờ làm bản tay đi, bên mình nếu có con dao, chẳng tiếc cái tay này nữa. Tiểu thư tác sắc nói lại: ‘Sao mà ăn nói làm vậy, xem đây chẳng đáng nữa đồng, có đâu rẻ người đến thế. Này này con dao có đó, làm chi dao ấy thời làm.’ Khô Lý liền cầm lấy dao, tuyệt tình chặt mất một ngón. Ấy thiệt là vô ngã tướng. Tiểu thư bụng những khen thầm. (59a)

Bấy giờ: Tiểu thư vận phép thần thông, lại biến ra hình Trương thị, nói rằng: ‘Xin chàng tỉnh lại, nhìn xem có biết là ai.’

Khô Lý trông mặt kỹ càng, quả thực hiền thê Trương thị, Trương thị kể tường nguyên ủy: ‘Từ khi đưa chàng đầu thai, sau ra gặp đức Thiên quân, tâu việc cứu thân đại hiếu. Thượng Đế vui mừng ban thưởng, cho tôi xuống độ phu quân, từ sắc tài khí thử xem, giữ được thời truyền đại đạo. Như nay phu quân giữ được, quả nhiên chí quyết tâm kiên, thiếp xin dẫn đạo Tiên Thiên, tu luyện cùng lên Tiên Phật.’

Khi ấy: Khô Lý muôn phần tươi tỉnh, khóc than rồi lại vui mừng.

Trương thị mới dẫn phép tu, về bảo huyền quan hỏa hầu, Khổ Lý gia công ngồi luyện, chóng thay học một hay mười. Lại chi thành ý đã lâu, tâm định thời thần khí định, và được Tiên nương ám trợ, *nhất chu cứu chuyển là nên*, khinh thanh hiện được chân thân, kim sắc hào quang lộ lộ, trông lại thấy phàm xác đó, mới hay đã thoát phàm thân, vội mừng qui xuống khấu đầu: ‘Muôn tạ (59b) minh sư ân nặng.’ *Trương thị thưa rằng*: ‘Chẳng dám! Có đâu gọi vợ là thầy, phu quân dạy thế sao nên, e nữa thiếp tội lỗi đạo.’

Khổ Lý chấp tay thưa lại: ‘Không thầy ai dạy bảo cho, phỏng lên châu chực Thiên cung, chur tôn như có ban hỏi: ‘Ai bảo cho mi biết đạo, chúng tôi tâu đổi làm sao. Và lại kiếp trước Lưu Kinh, kiếp này sang thân Khổ Lý, hình thể tánh danh đã khác, gọi là thầy tở ngại chi?’

Trương thị nghĩ ngợi nói rằng: ‘Nhu thế cũng là chân thực, đại đạo chẳng tơ hào dối, quảng trường thiết tướng mới nên....’ (Hết Tiết 23)

Tiết 24: (59b)
vợ chồng Tịnh Khiết nhớ con,
Thiện thần báo cho hỷ tín.

Nói chuyện vợ chồng Tịnh Khiết, từ ngày Khổ Lý đi xa, trông mong lâu chẳng thấy về, những tưởng rằng là sự dữ, một hôm vợ chồng thương khóc, ngắt đi bặt cả tinh hồn.

Khi ấy: có Đức Cù soát Linh quan, xuống khám trần gian (60a) thiện ác, trông thấy vợ chồng Tịnh Khiết, gọi hai hồn lại bảo cho, rằng tên Khổ Lý con mày, gặp đấng thần tiên trên núi, dạy phép trường sinh bất tử, còn đương nấu thuốc kim đan, vợ chồng chẳng phải trông mong, mai một nó về với đó, siêu độ cùng lên Tiên cảnh, đừng lo đừng ngại việc chi.

Ngài lại dẫn cho hai hồn, vợ chồng Tịnh Khiết tỉnh lại, nói chuyện cũng in như một, cùng nhau lễ tạ ngoài sân.

Khẩn rằng quả được thế thời, thực đội ân Ngài vạn kiếp, bỗng lại thấy có tờ giấy, trên mây bay xuống rõ ràng, trong tờ có bốn câu thơ, cũng báo tin mừng như thế. Tịnh Khiết được an trong bụng, vợ chồng cứ việc làm ăn, lần lần Đông hết Xuân sang, kể đã đầy một năm chẵn. (Hết Tiết 24)

Tiết thứ 25: (60a)

**Khổ Lý về độ phụ mẫu,
Tịnh Khiết được lên Tiên sơn.**

Nói chuyện: Khổ Lý ở núi Tiên sơn, bỗng thấy Tiên nữ gọi bảo, rằng người vào đây tu đạo, tính ra đã chẵn một năm, phải về thăm cha mẹ người, báo đức đền ơn sanh dục.’

Khổ Lý ngạc nhiên thưa lại: ‘chúng tôi từ lúc vào đây, mới có một đêm một ngày, sao nói rằng một năm chẵn?’

Tiên nữ cười rằng: ‘Áy thế, cõi trần cõi tục khác nhau, Tiên sơn mới một ngày dài, đã được một năm cõi tục.’

Khổ Lý thoạt nghe thoạt nghĩ, mới đi mà đã năm tròn, song thân chẳng biết đường nào, cúi đầu tuôn sa giọt lệ. Tiên nữ thấy tình Khổ Lý, bảo rằng: ‘Người chớ lo chi, song thân nhà người hãy còn, duy có việc này phải báo, cung phụ mẫu người ngày trước, nguyên số đều đến năm mười, vì người hiếu cảm lòng trời, lại được đều thêm một kỷ. Nay đã sáu mươi hai cả, thọ nguyên đến cõi gần gần, người về siêu độ báo ân, là được vẹn toàn hiếu lớn.’

Khổ Lý vội quì xuống đất, rằng mừng mình sư dạy cho, chúng tôi mới học đạo huyền, chẳng biết sao là siêu độ.’

Tiên nữ bảo rằng: ‘Siêu là ra ngoài Tam giới, khỏi vào sanh tử (61a) luân hồi, độ là lên chín tầng trời, hưởng lấy trường sinh cực lạc. Người về siêu độ phụ mẫu, ta cho bát bửu hộ thân.

án là một, kiếm là hai,

thước là ba, gương là bốn,

gậy là năm, bình là sáu,

với lại bát nước canh dương,

ấy điều là phép hóa ra, Quý thần trông thấy kính sợ, trừ hết nhứt thiết yêu quái, sanh ra muôn trượng hào quang,

Bấy giờ: Khổ Lý lạy tạ ra về, lại hiện thân hình như cũ, vào nhà lạy mừng phụ mẫu, vợ chồng Tịnh Khiết vui thay, Khổ Lý kể chuyện tiên cho, Tịnh Khiết kể chuyện thần mách.

Trò chuyện đoàn viên thông thả, vợ chồng khỏe mạnh hơn xưa, vừa khi tháng tốt ngày lành, bỗng thấy trong mình ngáy ngật, chẳng là hồn đã xuất sắc, trông ra có quý đến đòi, Khổ Lý liền hiện kim thân, vạc vạc hào quang sáng khắp, quý sứ nó đều chạy tan, hai hồn càng thấy càng vui, Khổ Lý mời mẹ mời cha, rằng xin

ngồi ngai thanh thản, lại hiện thân hình như cũ, kính đem trần xác vùi đi, phong phần xây đất đã rồi (61b), lại hiện kim thân mời rước, hai hôn vợ chồng Tịnh Khiết, đều cùng lên núi Tiên sơn.

Bấy giờ: Ông bà Thổ địa đều ra, Tịnh Khiết nhận được cha mẹ, mới hay Sơn thần Thổ địa, vốn là phụ mẫu tiên linh, Khổ Lý nhận được ông bà, quỳ xuống vội vàng lạy tạ, rằng lúc vào rừng chạy hổ, thấy ông chỉ tưởng người ta!

Đoàn viên sum họp một nhà, đua kể biết bao trò chuyện, năm người cùng nhau hoan hỷ, đều lên lạy tạ minh sư.

Tiên nữ rằng: Dám đương!’

Mọi lễ đều đáp lại cả. (Hết tiết 25)

Tiết thứ 26: (61a)
Một nhà đều được lên Tiên,
Muôn kiếp trường sanh cực lạc.

Tiên nữ từ khi lãnh mệnh, độ cho Khổ Lý một mình, nào hay độ được cả nhà, thiệt cũng có lòng hoan hỷ, khi ấy công trình viên mãn, mở mây tiếp dẫn năm người, đều lên ban áo mũ Tiên, trăm vẽ kim thân lồ lộ, lạy Đức Diêu trì thánh mẫu, tạ ân Phật tổ Như lai, vào châu Thượng đế tôn nghiêm, ra yết thánh chân chư vị (61b).

(62b) Đức mẫu Diêu trì phán hạ: ‘Rằng khen tiên nữ có công, độ người được thiện công nhiều, sắc chỉ gia ban chức tước, Khổ Lý lấy thân báo hiếu, phong làm Khổ Hạnh chân nhân, Thổ địa Tịnh Khiết bốn người, đều cho ở tòa Tiên phủ, hưởng thụ thiên cung phước lộc, an nhàn vui vẻ thảnh thơi, cho theo chư Phật chư Tiên, thường xuống nhân gian phổ độ, chớ có lập công báo đức, lại ban cho vị cao dân.’ Sáu người lãnh chỉ tạ ân, từ ấy tiêu diêu Cực lạc, muôn kiếp trường sanh bất tử, xiết bao hưởng phước thiên đường.

Bấy giờ lại gọi Thổ thần, tiên nữ đình ninh phán lại: ‘Trần thế mấy người biết nhẽ, đạo Trời mờ mịt đêm đêm, tham mê lợi dục đắm thân, vẫn tưởng là sung là sướng, thâm thoát ngựa hồ cửa sổ, trăm năm được mấy gang tay, giàu sang quyền thế anh hùng, hai chữ vô thường khôn tránh, chớp mắt đều là việc trước, hồi đầu nghĩ lại biết sao, mộng mệnh bề nghiệt nổi chìm, thế biết cõi trần là khổ, (63a) tập nhiễm làm điều ác nghiệt, nào ai trở dứt sông mê,

âu là Thổ thần nghe ta, đem tích truyện cho hạ giới, chép làm **Nhân Quả Thực Lục**, để cho trần thế biết tin, có công khuyến hóa ở đời, vả lại được thăng chức đó!’

Bấy giờ: Thổ thần nghe lời tiên nữ, hiển linh xuống chép phân minh, truyện này xem cả trước sau, biết rõ đạo Trời minh bạch, người nào biết mà in khắc, kể là công đức bao nhiêu, ai mà bài bác chẳng tin, đã có Ma vương xét đó, cứ trong truyện cũ ghi lại, diễn Nôm gộp chữ quốc âm, để người ít chữ dễ nghe, sau nữa đàn bà biết khắp, nhân quả là cơ cảm ứng, luân hồi là nhẽ tuần hoàn, Lưu Kinh kiếp trước chẳng hay, làm ác thời xuống Địa ngục, kiếp sau làm thân Khổ Lý, tu thiện thời lên Thiên đường. Vậy nên làm kiếp ở đời, phải biết đạo trời mới được.

Tu hành có điều chỉ lạ, chẳng qua tích thiện mà thôi, điều thiện kể (63b) có muôn điều, nhân hiệu kính thành làm trước:

Hiếu là thương cha thương mẹ, lập thân để báo đền ân,
Nhân là cứu vật cứu người, chứa đức để gây dựng phước,
Thành thời thiện mới có tên, quý thân chỉ xét trong lòng,

Kính thời ác chẳng dám làm, Thần thánh thường soi trước mặt, giữ lấy thủy chung như thế, ắt hay khỏi nạn khỏi tai, đạo Trời vốn chẳng riêng ai, tích thiện thời là phùng thiện, tích ác thời phải gặp ác, tu đạo thành đạo Phật Tiên, cứ hai đường ấy mà tu, có tu ắt là có được. (Hết Tiết 26, hết sách)

NGUYỄN VĂN SÂM

CHÚ THÍCH (Phần Thứ 4)

- [1] Tiêu đề của tiết này bị đục mất trong nguyên bản. Tiếc thay!
- [2] *Xác ma* 確磨: mài giữa. N.s, đúng là chữ trác
- [3] Trang 44a hình điện thứ bảy.
- [4] *Thí*: tiếng xưa có nghĩa là ít, tí.
- [5] *Hễ phạm* : Cách dùng như vậy ít thấy, thường người ta viết hễ hay phạm là đủ.
- [6] Hóa bà: Bà mụ, người giúp thế nhân hóa từ kiếp trước sang kiếp hiện tại. Tương truyền để làm việc này cần đến 12 Hóa bà, nên ở Việt Nam thường có lời vái van: ‘Ứng ai mười hai Mụ bà mười ba Đức Thầy giúp cho đứa trẻ mau ăn, chóng lớn...’
- [7] *Tổng sinh* 送生: Đưa đến một kiếp sống mới. Giúp cho hồn sanh ra kiếp hiện tại.
- [8] *Trường an* 長安: nơi đô hội, chỗ kinh đô.

- [9] **Hiếm** 險: Thiếu, không có. Còn hiếm tức còn hiếm muộn, chưa có con cái gì.
- [10] **Khổ Lý** 苦李: Quả mận đắng.
- [11] ?
- [12] **Bao nhiêu bạc ác câu tiêu**: Tất cả những lỗi bạc ác trước kia đều được xóa sạch.
- [13] **Đốt giấy tiền vàng bạc**: Tôi, NVS, chỉ *phiên âm* những gì có trong nguyên bản Nôm, chuyển hóa vàng bạc này tôi hoàn toàn chống.
- [14] **Bản nôm viết khô** 慊 慊.
- [15] **Gặp thầy truyền phép luyện đan** chỉ là cách nói tượng trưng. Ta hiểu ngoài thầy dạy bảo bình thường còn có những trường hợp khác, có thể là một câu nói của ai đó, một cuốn sách, vài câu trong sách, một bài thơ... làm cho người tu được giác ngộ.
- [16] **Kiên** 堅: Kiên định, giữ lòng.
- [17] Trang 56a, tranh Khổ Lý gánh củi gặp hổ.
- [18] **Thất trực** 失直: Không vừa ý.
- [19] **Thất ý** 失意: Giận, không bằng lòng.
- [20] **Thân thi** 呻矢: Than thở.
- [21] **Tác sắc** 作色: Nổi giận.
- [22] Trang 58b hình: Sắc dục thử Khổ Lý.
- [23] **Phòng** 倣: Nếu mà. Còn nói *ví phòng*: *Ví phòng đường đời bằng phẳng cả, anh hùng hào kiệt có hơn ai!*
- [24] **Thiệt tướng** 寔相: Một trong 32 tướng tốt của Phật, có tính nói thật, nói được người tin.
- [25] Dẫn hồn về dương gian nhập xác, không thì lần quần cõi âm.
- [26] **Bát nước tiên** là bảy, **hành dương liễu** là tám.
- [27] Hồn đã xuất khỏi xác phạm,
- [28] **Biết khắp** 別泣: biết được đầy đủ.
- [29] Không thấy nói về tin như đã nêu trước đó! Dầu sao cũng chẳng quan trọng lắm!

DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

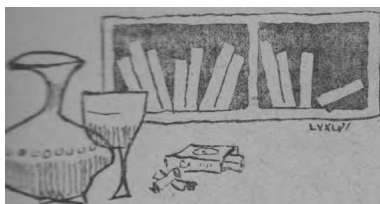
ỦNG HỘ TẬP CHÍ VĂN HOÁ VIỆT NAM SỐ 78 - mùa thu 2017

1206 - GS Phạm Thị Kim Chi	<i>Houston TX</i>	\$20.00
1207 - Ô.B. Trần Quốc Tuấn - Phạm Thu Nguyệt	<i>Houston TX</i>	\$20.00
1208 - Ô.B. Lê Trọng Đàm - Lý Thị Thịnh	<i>Houston TX</i>	\$20.00
1209 - Ông Võ Văn Hạnh	<i>Florida</i>	\$20.00
1210 - Ông Trần Việt	<i>Houston, TX</i>	\$20.00

(còn tiếp)

Danh sách quý vị Mạnh Thường Quân ủng hộ tạp chí chúng tôi lần lượt thông báo trên trang này vào số tới. Xin kính chúc quý vị cùng gia đình luôn luôn dồi dào sức khỏe, với lòng biết ơn của nhóm thực hiện và BBT. *Trân trọng*

VĂN HỌC CHỮ NÔM

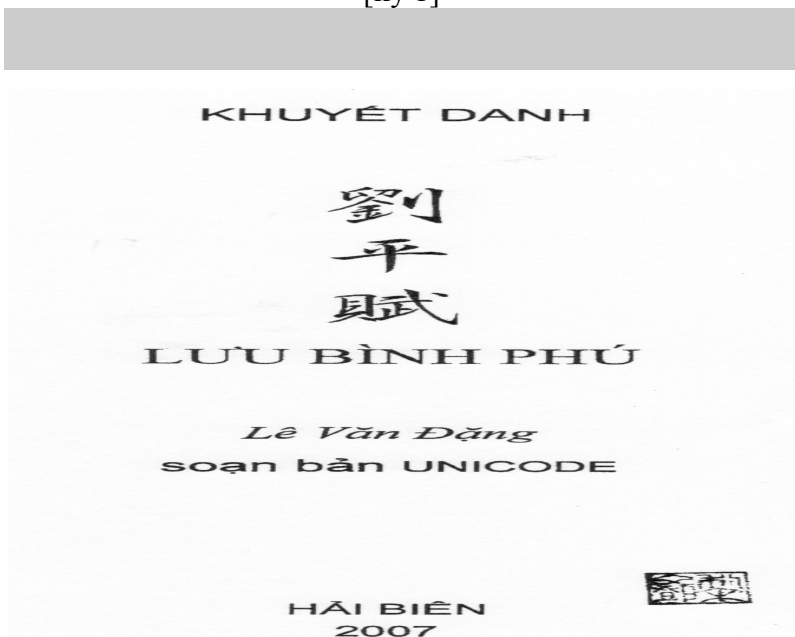


GS LÊ VĂN ĐẶNG

soạn bản UNICODE và chú thích

LƯU BÌNH PHÚ (khuyết danh)

[kỳ 1]



劉平賦

[1a]

哭琨相别堯麻晦暄馱呐堆尼名博
楊公啦晦㗎𪗇吏僂椿群啖戾官民
礼俗碎捉尺嫩迷襖

LƯU BÌNH PHÚ

[Luu Bình]⁰ Là con mắt biết đâu mà hỏi. Nghe người nói
chón¹ này dinh² bác Dương Công. Rắp hỏi thăm sao lại
thẹn thùng. Còn e lệ quan dân lễ tục. Tôi xốc xếch nón mê
áo

CHÚ THÍCH

0. Chữ trong ngoặc vuông [] không có trong bản Nôm.
1. Chữ “堆 chón” có thể in sai từ chữ 淮 (chuẩn).
2. 名 (danh) dinh, chữ GIẢ TÁ mượn âm.

劉平賦

哭棍相別甕麻晦。喧訶呐堆尼。
名博楊瓜。吐晦唼。數吏僖椿。群
哀戾官民。礼格。碎捉。尺嫩。迷禊。

逐獸少官一字隔重想旦句會
賤不忘朱戟沛完身所累些飢
矣注隨見群侯下仍矣更趨意
收官奇朱碎特愜碎刘平姜謙
飢侯官吠少牢冕响仍蚤困作
市伴晃几容賤對啞色旦低直

[1b]

沔馱夕官一字隔重想旦句貧賤不
忘朱軾沛完身所累些飽唉注隨兕
群侯下仍埃更勸意叟官奇朱碎特
悵碎刘平菱轔飽侯官咄夕牢繩啞
仍蚤固伴市伴堯几容賤啞啞包旦
低卓

rách. Người làm quan nhưt tự cách trùng. Tưởng đến
câu bàn tiện bất vong¹, cho nên phải đem thân sở luy.

Ta vào. Hỏi chú tuy nhiên còn hầu hạ những ai canh trong
ấy. Gởi quan cả cho tôi được cậy. Tôi Lưu Bình nghĩa cũ
vào hầu.

[*quân hầu*] Quan dạy làm sao thẳng nói.

[*Dương Lễ*] Nhưng tao có bạn nào bạn đâu kẻ dong dài
đói rách. Đã đến đây rước

CHÚ THÍCH

1. Trọn câu: “貧賤之交不可忘 bàn tiện chi giao bất
khả vong (*không thể quên người bạn từ thuở nghèo khó*)”

[2a]

黜茹客槎駮糝買艾果茄噉諾鱧脰
萎地塢眉黜眉呐瓮碎群者伴故人
注刘平牢注吝巾脬農淫朱碎沛噪
官市固伴皮買注注哭馱唵呐容馱
馱匹等貼匹頰牢注覓馱鬲扒光夕
戶碎

ra nhà khách, dọn lưng¹ cơm với một quả cà, chén nước
mắm², lưng³ rau, đĩa muối. Mi ra mi nói ông tôi còn giả
bạn cố hơn.

[*quân hầu*] Chú Lưu Bình sao chú lằn khân⁴, dạ nông nổi
cho tôi phải quờ. Quan nào có bạn bè với chú. Chú là
người ăn nói dong dài. Người ba đẳng, của ba loài, sao
chú thấy người sang bắt quàng làm họ. Tôi

CHÚ THÍCH

1. & 3. Hai chữ lưng 駮 & 脰 là GIẢ TÁ NÔM, dùng thay cho chữ 駮 lưng (không đầy).
2. 魚監: âm *giám* đọc *mắm* có phần gượng gạo; “nước *chấm*” chỉnh âm hơn.
4. Chữ “巾 cân” (Nôm đọc ‘khân’) in sót một nét .

翹茹客接談精買艾果茹單注
鱣廢妾地每肩歟眉叻矣碎群
者伴故人注刘平半注客力晚
農浚朱碎沛嚶官市固伴皮買
注又哭馱唆叻容幾馱匹等眈
匹頰半注貧馱鬻扒光少戶碎

差孰完結朱在夕安未往吏務
真故人尋故人几不意泊情如
是少鍼各士朱英媿伴友蔭身
埃与黜特富怪貧亦不過非人
倫之道土寒微讓紺仕襖伴
硯艾策艾畑想紺充女大紹

[2b]

差馱宍糒朱注注唉耒注吏移真故
人尋故人几不意泊情如是夕輒名
士朱美媵伴友蔭身埃与歟特富怪
貧亦不遇非人倫之道土寒微讓糒
仕襖伴[筆]硯艾策艾畑想糒充女
六糒[鞞]

sai người đem cơm cho chú. Chú ăn rồi chú lại đi.

[Lưu Bình] Chờ cỗ ngon tầm cỗ ngon, kẻ bất ý bạc tình như thi, làm nên danh sĩ cho anh em bạn hữu âm thân. Ai ngờ ra được phú tránh bản, diệc bất quá phi hơn luân chi đạo. Thuở¹ hàn vi mượn cơm xẻ áo, bạn bút² nghiên một sách một đèn. Tưởng cơm sung nhớ lúc cháo đèn²

CHÚ THÍCH

1. GIẢ TÁ mượn âm: 土 (thổ) thuở.
2. Hai chữ “筆 bút & 鞞 đèn” in sót trong bản Nôm được thêm vào theo văn cảnh.

[3a]

蚘拷旦仁[行]吕渚庄考黹悉鵠脰
尔窳齏糝拷極募朝鉢糝漱果茄木
亩焮肆林啞夕牢特他忍耐吟唏渚
呂脰仍仍君子悉空策固筭君子固
穷功堯恨馱仍渚沼呈官奇碎嗔術
尋准文章准

[Lưu Bình] Ngồi nghĩ đến hai [hành]¹ lã chã, chẳng nghĩ ra lòng chim dạ cá. Thấy mâm cơm, nghĩ cục trăm chiều: bát cơm ấm, quả cà mốc meo. Xót ruột lắm, ăn làm sao được. Thà nhịn đói nhâm nhi nước lã. Dạ lừng lừng, quân tử lòng không. Sách có chữ quân tử cố cùng, công đâu giận người dựng nước lã.

[Lưu Bình] Trình quan cả, tôi xin về tìm chốn văn chương. Chốn

CHÚ THÍCH

1. Chữ 行 (hành) được thêm vào câu cho đủ nghĩa.
2. GIẢ TÁ mượn âm: 仍 (nhưng) nhưng, dựng.

對枵且記日渚庄方默垂鳩脰
个覓鱸柑枵極真朝鉢柑散果
茄木苗州腴林唆年特他忍啣
吟唏諾呂脛仍以君子垂空箒
固符君子固穷功竟恨臥仍滢
沼呈官奇碎嘆術尋准文章惟

館尼罌 館迓香 館沫美 飲制暫
 駐提詩 一首提 罌句朱 罌舛悉
 隊娘珂 珠竜罌 尼美乳 美群恟
 伴賢美 類名屋 刘平共 伴其牛
 双英意 渚鐵少名 芬旦制 夕調類
 恨差軍 侯耻辱 等鸞牙 棋膝粘 目

[3b]

館尼罍館迎香館沫美臥制暫駐提
詩一首提罍句朱焯牕悉隊娘婀珠
竜黥尼美吼美群怵伴賢菱黠名屋
刘平共伴書生双美意渚夕輶名分
旦制夕調糲恨差軍侯耻辱燻牙棋
媵糲貝

quán này là quán Nghinh Hương, quán mát mẻ vào chơi tạm trú. Đề thơ nhứt thủ, đề bốn câu cho giải tám lòng.

[*Dương Lễ*] Đòi nàng ả Châu Long ra ni anh nhủ. Anh còn chút bạn hiền nghĩa cũ, danh ốc Lưu Bình cùng bạn thư sinh, song anh ấy chưa làm nên danh phận, đến chơi làm điều mặt giận, sai quân hầu sĩ nhục nuốt nha, dọn lưng cơm với

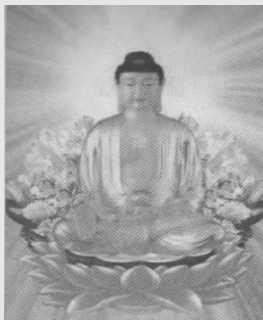
CHÚ THÍCH

1. Chữ 怵 (trúất), GIẢ TÁ mượn âm, đọc 'xót, chút, trót'.

[mời xem tiếp phần cuối trên VHVN số 79 - mùa đông 2017]

GS LÊ VĂN ĐẶNG

PHÂN ƯU



Vô cùng xúc động nhận được tin:

Cụ Ông

HUỲNH TRẠNG

Pháp danh **MINH ĐỨC**

Tạ thế ngày 05 tháng 8 năm 2017

(nhằm ngày 14 tháng 6 nhuận - năm Đinh Dậu)

tại Houston - Texas - Hoa kỳ

HƯỞNG THƯỢNG THỌ 86 TUỔI

- * Thành kính chia buồn cùng Bà HUỲNH TRẠNG
và Tang Quyển
- * Nguyện cầu hương linh Cụ Ông HUỲNH TRẠNG
sớm tiêu diêu miền Lạc Cảnh

Ô. B. **BÙI HỮU SOÁI**

Bà quả phụ **PHẠM ĐÌNH OANH,**
các con và các cháu

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

CÁO PHÓ

Thay thế thiệp tang

Gia đình chúng tôi vô cùng thương tiếc báo tin công thân bằng quyến thuộc và bạn hữu xa gần,
Con, Vợ, Mẹ và Em của chúng tôi là:

TRẦN NGỌC BẢO NGÂN

Pháp danh: Tâm Minh

Sinh ngày 18/5/1984, tại Dallas, Texas, USA, đã từ trần ngày 20/8/năm 2017 (tức ngày 29 tháng 8 năm Đinh Dậu) hưởng dương 34 tuổi.

Tang lễ sẽ cử hành tại nhà quản Restland Funeral Home:

13005 Greenville Ave, Dallas, TX 75243.

CHƯƠNG TRÌNH TANG LỄ

Thăm viếng

Thứ năm (Thursday 24/8/2017): 12PM – 8PM

Thứ sáu (Friday 25/8/2017): 10AM – 8PM

Lễ An Tàng – Thứ Bảy (Saturday 25/8/2017)

11AM Tung kính

11:30 Đồi lời tưởng nhớ của gia đình và bạn bè

12:30 Lễ Di Quan

Tang gia đồng kính báo:

Cha: Trần Quang Sơn

Mẹ: Ngô Thị Vân

Chồng: Nguyễn Tôn Bảo

Con gái: Nguyễn Bảo Chan Sloan

Anh Trai: Trần Ngô Quang Vũ vợ và các con

Chị Gái: Trần Ngọc Rào Trần và các con

XIN VUI LÒNG MIỄN PHÙNG ĐIỀU

Tang Gia Đồng Kính Báo

PHÂN ƯU

Nhận được TIN BUỒN:

Thứ Nữ của anh chị **TRẦN QUANG SƠN** là Cháu

TRẦN NGỌC BẢO NGÂN

Pháp danh **Tâm Minh**

vừa từ trần ngày 20 tháng 8 năm 2017 tại Dallas Texas USA

hưởng dương 34 tuổi

Trước sự ra đi đột ngột, mất mát đớn đau này,

chúng tôi là các chiến hữu trong gia đình **KHÔNG QUÂN QL.VNCH**

* Thành kính chia buồn cùng anh chị **TRẦN QUANG SƠN** và Tang
Quyển. * Nguyện cầu hương linh cháu **TRẦN NGỌC BẢO NGÂN** (pháp
danh **TÂM MINH**) sớm tiêu diêu miền Lạc Cảnh.

Các Gia Đình Không Quân:

* ĐÀO NGỌC TÂN * HÀ VĂN BÁ * NGUYỄN KỶ THÀNH

* NGUYỄN VĂN TÁNH * NGUYỄN MINH ĐĂNG

* TRỊNH NGỌC TIẾN * LÂM SĨ HÙNG * NGUYỄN NGỌC LỢI

* BÙI THUY DƯƠNG * PHẠM QUANG TÂN

ĐỒNG THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

VĂN HOÁ VIỆT NAM 78 * 181 * MÙA THU 2017

**XIN ĐỂ TÔI GIÚP QUÍ VỊ
VỀ CÁC NHU CẦU BẢO HIỂM CỦA QUÍ VỊ**

- * XE CỘ**
- * NHÀ CỬA**
- * NHÂN THỌ**
- * KINH DOANH**

**Các sản phẩm và dịch vụ có phẩm chất...
của một công ty quý vị quen thuộc**

Xin mời quý vị ghé lại văn phòng
hoặc gọi điện thoại cho tôi



Leon VŨ TIẾN LẬP

Agent

**Allstate Insurance
Company**

13120 Veterans Memorial Dr
Houston, TX 77014

Bus: 281-866-0343

Fax: 281-866-0373



Allstate
văn phòng đại diện

www.allstate.com

Allstate Property and Casualty Company . Allstate Life Insurance Company, Northbrook, Illinois, Allstate County Mutual Insurance Company, Allstate Texas Loyds Insurance Company, Irving, Texas. ©2000 Allstate Insurance Company.

Tuỳ thuộc vào mức cung ứng và hội đủ điều kiện mua bảo hiểm.

TRUNG TÂM NHA KHOA
VAN THO DENTAL CENTER



Bác Sĩ Nha Khoa



PETER NGUYỄN VÂN THỌ, D.D.S.

Với sự cộng tác của các Bác Sĩ Nha Khoa

Timothy Nguyễn Văn Thiện, D.D.S.

Lily Chen, D.D.S.

Phòng Nha Khoa được trang bị dụng cụ tối tân với hệ thống bảo vệ nhiễm trùng cho bệnh nhân và nhân viên đúng tiêu chuẩn OSHA và Bộ Y Tế.

NorthWest

12002-B3 Veterans Memorial Dr.

Houston, Texas 77067

(281) 580-7446

Fax **281-580-7520**

(Trong khu siêu thị Lê Lai)

SouthWest

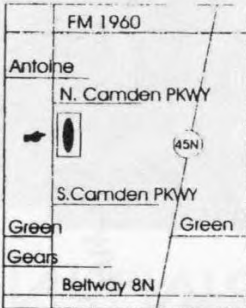
11574 Bellaire Blvd

Houston, TX 77072

(281) 561-7800

Fax **281-561-9978**

Góc Belle Park & Bellaire

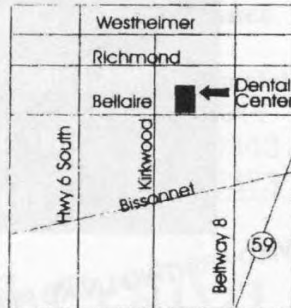


Giờ Làm Việc:

Hai-Sáu: 10AM-6PM

Thứ Bảy: 10AM-4PM

Chủ Nhật: Đóng cửa



Nhận:

Bảo Hiểm - Medicaid

Để khỏi mất thì giờ xin vui lòng lấy hẹn trước

ĐỜI SỐNG THAY ĐỔI.

Tôi có thể giúp bảo hiểm của bạn theo kịp sự thay đổi đó.

Hãy gọi tôi ngày hôm nay để được xem xét miễn phí những chương trình bảo hiểm Allstate có thể bảo vệ bạn.
Bạn mới có một cháu bé? Bạn đã mua một chiếc xe mới?
Bạn đang có một đứa con ở tuổi vị thành niên lái xe trên đường?
Có rất nhiều lý do để bạn cần phải hiện đại hóa chương trình bảo hiểm của bạn. Tôi có thể giúp bạn có được một chương trình bảo hiểm đúng cho bạn.



Cecile Nguyen
(713) 462-1447

9585 Clay Rd., Ste #8
Houston

CecileNguyen@allstate.com



Allstate

You're in good hands.

Auto
House
Life
Retirement

Chương trình bảo hiểm tùy thuộc vào sự sẵn có và tiêu chuẩn của bạn. Công ty Bảo Hiểm Allstate và Công ty Bảo Hiểm Tài Sản và Tai Nạn. Allstate: Northbrook, IL © 2007 Allstate Insurance Company